



GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA
www.luatkhoasanjose.com - hoingoluatkhoa@yahoo.com



MỤC LỤC



| | |
|--|------------------|
| 3- Lời Phi Lộ..... | Ban Báo Chí |
| 5- Quốc Ca VNCH..... | Lưu Hữu Phước |
| 6- Hội Ngộ Mùa Thu..... | Mai Tinh Tuấn |
| 7-Luật Khoa VN Hành Khúc..... | Ls Võ Văn Dinh |
| 8- Hội Ngộ đón Giáng Sinh..... | Ý Dân |
| 11- Hộp Mặt LK Vinh Danh Các Bà Mẹ..... | Ý Dân |
| 14-41: Một Thời Kỳ Niệm..... | Nguyễn Vạn Bình |
| 42- Chuyến đi Texas..... | Ý Dân |
| 51- Ba giờ với Ls N. Mạnh Tường | Lộc Phạm |
| 57- Hệ thống xử án tại HK...Ls Nguyễn Mạnh Sơn | |
| 64- Thơ: Thăm Mộ Cha..... | Nguyễn Vạn Thắng |
| 65- Giáo dục thời VNCH..... | Ls Lê Duy Sơn |
| 84-Thơ: Cảm Xúc..... | Hồ Zénh |
| 85- Mạ Ly và Phi Báng..... | Ls Ngô Tăng Giao |
| 92- Nghề Ls thời VNCH..... | Nguyễn Vạn Bình |
| 96 Liên hệ gia đình | Gs Trần Văn Liêm |
| 103 - Quyền Biện Hộ | Ls Trần Văn Tốt |

| | |
|--|---|
| 105- Công tố quyền | Ls Ngô Văn Tiệp |
| 109 - Vai trò của Luật Sư | Ls Hồ Tri Châu |
| 111- Thơ: Cải cộ tuổi già | Ls Phạm Ngọc Anh |
| 112- Cải cách ruộng đất | Gs Nguyễn Văn Canh |
| 124- Thơ; Father Day..... | Ls Phạm Ngọc Anh |
| 125- Tôi học Luật | Ls Võ Văn Dinh |
| 129- Tâm sự đời tôi | Ls Nguyễn Văn Định |
| 134- Hộp mặt Hè Luật Khoa | Ý Dân |
| 136- Thơ:Thần Thờ..... | Nguyễn Vạn Thắng |
| 137- VNCH ra đời..... | Nguyễn Huy Hùng |
| 146- Tiểu sử TT Diệm..... | Lm Nguyễn Văn Khải |
| 150- Thơ: Xuống đời | Ls Đặng Tiến Đạt |
| 151- TT Diệm dưới cái nhìn .TS Nguyễn Anh Tuấn | |
| 157- Thơ: Hẹn rồi | Nguyễn Vạn Thắng |
| 158- TT Diệm và Văn Hióa ...Lm Cao Văn Luận | |
| 166- Những công lao của TT Diệm..... | VN sử lược |
| 167- Nếu TT Diệm còn | Thiện Ý |
| 171- T have been blessed..... | Đỗ Hữu Phương |
| 176- Hành trình đi tỵ nạn..... | Ls Phan HiệpThành |
| 186- Những chuyện vui | Ls Đoàn Tường Mỹ |
| 188- Đòn lừa cuối cùng..... | Nguyễn Tường Tâm |
| 193- Truyền thống văn hóa Mỹ.... | Nguyễn Vạn Bình |
| 196-Con đường Duy Tân.... | Phạm Thanh Chương |
| 198- Nhìn lại 2 cuộc ám sát..... | Nguyễn Vạn Bình |
| 201- Kế hoạch hóa gia đình..... | Phạm Quang Trình |
| 208- Thơ: Cõi Tạm,Biển Rộng.... | Ls Phạm Ngọc Anh và Ls Đặng Tiến Đạt |

LỜI PHI LỘ



Kính thưa quý giáo sư
cùng các anh chị đồng môn Luật Khoa Sài Gòn - Huế - Cần Thơ thân mến,

Như mọi năm, chúng tôi cố gắng phát hành Đặc San Luật Khoa năm 2024, dù dưới hình thức on line thay vì in thành sách.

Chủ đề của đặc san năm 2024 là: **Đại Gia Đình Luật Khoa Và Nền Đệ Nhất VNCH**

Vì thế, ước vọng của chúng tôi là qua quyển Đặc San Luật Khoa này với nội dung gồm những tài liệu quý báu, những hình ảnh lưu niệm về ngôi trường, của các giáo sư đáng kính, các bạn đồng môn thân yêu, các vị thẩm phán, các luật sư với những hồi tưởng về sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa Việt Nam theo vận nước. Cùng những nhận định về Nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa và TT Ngô Đình Diệm.

Thêm vào đó, những bài viết dưới dạng hồi ký, tùy bút, tham luận, sưu tầm, truyện ngắn, thơ, nhạc của các vị giáo sư, các thẩm phán, các luật sư, các cựu sinh viên Luật và các thân hữu sẽ giúp cho đặc san Luật Khoa thêm phong phú.

Chúng tôi hy vọng Đặc San Luật Khoa năm 2024 sẽ được các vị giáo sư, các anh chị đồng môn và thân hữu đón tiếp nồng hậu.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý giáo sư, quý đồng môn, các thân hữu đã đóng góp bài vở, hình ảnh, tài liệu để chúng tôi có dịp ra mắt đặc san này.

Trân trọng

San Jose, ngày 1-10 -2024

Ban Báo Chí và Ban Mỹ Thuật
NGUYỄN VĂN BÌNH -
MÃ PHƯƠNG LIỄU - QUÁCH HUỆ ANH



Các giáo sư và các sinh viên Luật Khoa Sài Gòn



Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali.



Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa

Độc Lập từ năm 1956

Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa

Nhịp Quân Hành

Này công dân ơi! Quốc
gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân
sống! Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên, Làm
sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dầu cho thây phơi trên gươm
giáo, Thù nước lấy máu đào đem báo. Nòi giống lúc
biến phải cần giải nguy, Người công dân luôn vững bền tâm trí, Hùng
tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi Vang tiếng người nước
Nam cho đến muôn đời! Công dân ơi! Mau hiến thân dưới
cờ! Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ Thoát cơn tàn phá, về
vang đời sống, Xưng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.

HỘI NGỘ MÙA THU

Mai Tinh Tuấn



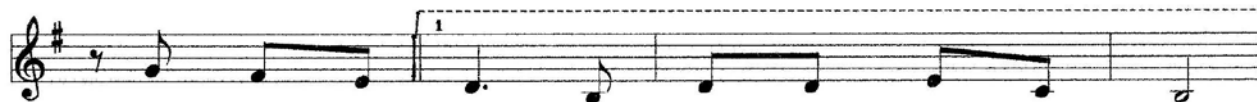
Hội Ngộ Mùa Thu về đây chúng ta kết đoàn.
(Hội Ngộ Mùa) Thu là nơi chúng ta sum vầy.



Hợp mặt tình thân Luật Khoa ba trường thân mến
Hợp mặt Luật Khoa tựa như gia đình thân ái.



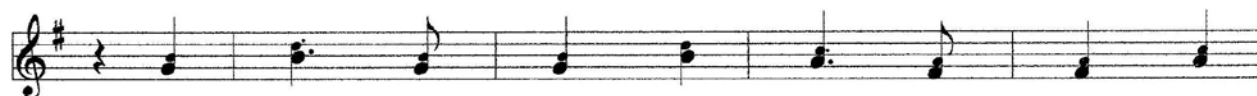
Sài Gòn cùng Huế mộng mơ, đồng hành cùng với Cần Thơ.
Tình thầy trò cũ hàn huyên, tình bạn đồng lớp, đồng môn.



Nắm tay kết đoàn mừng vui giây phút tương phùng.
Biết bao kỷ



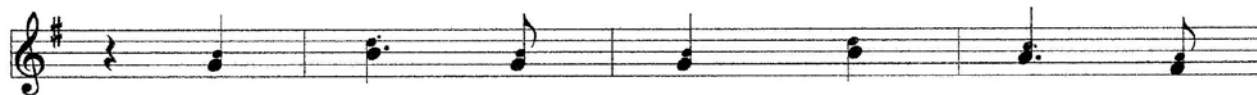
Hội ngộ mùa... niệm, đẹp thay ôi thời gấm hoa.



Luật khoa đào tạo chúng ta, nhiệt thành thiết



tha: Yêu quê hương, yêu tự do, công bằng nhân ái.



Dựng xây rạng ngời Nước Nam, ngàn



đời về vang. Danh tiếng Rừng Tiên.

Luật Khoa Việt Nam

Hành Khúc

Nhạc và lời: Võ Văn Đình

The musical score is written in 2/4 time and consists of two staves. The lyrics are as follows:

Luật Khoa Việt Nam quyết chí chúng ta đứng lên. Cùng nhau làm cho vẻ
Nào Luật Khoa tiến Tiến lên tiến lên Nào cùng làm
vang giống nòi Tiên Rồng Ngày mai mọi nơi yêu thương Công Bằng Nhân Ái.
cho vẻ vang giống nòi. Mọi nơi yêu thương nhân loại là
Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Ánh Vinh Quang. Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Tiến lên cho đời rạng ngời Công Lý. sáng danh Nhân Quyền
Tiến cho đời rạng Công Lý sáng Nhân Quyền.
Luật Khoa Thắng quyết tâm chiến thắng bạo tàn Ánh Vinh Quang
Luật Khoa thắng. quyết tâm chiến thắng Ánh Vinh Quang muôn đời
Muôn đời sáng soi Ánh Vinh Quang Muôn đời sáng soi
Muôn đời Vinh Quang sáng soi/-

GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALI HỢP MẶT: MỪNG SINH NHẬT CÁC THÀNH VIÊN VÀ ĐÓN MỪNG GIÁNG SINH

Milpitas (Ý Dân): 39 người gồm các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali và thân hữu đã đến tham dự buổi tiệc nhằm mừng sinh nhật cho các thành viên và thân hữu cùng đón mừng Giáng Sinh tại tư gia của anh chị Nguyễn Đình Dũng & Nguyễn Mậu Quế vào 12 giờ trưa ngày chủ nhật 3-12-2023 vừa qua. Nhân dịp này, anh chị Dũng & Quế đã trang trí nhà cửa thật đẹp và đầy màu sắc đón mừng Chúa Giáng Sinh .



Chúng tôi nhận thấy có sự hiện

diện của các anh chị Nguyễn Đình Dũng & Nguyễn Mậu Quế, Nguyễn Vạn Bình & Mã Phương Liễu, Hà Kim Tinh & Nguyễn Ngọc Mai, Ngô Bình Kỳ & Quách Huệ Anh, Phạm Mạnh Tuấn & Dương Thị Tiến, Vũ Hữu Kỳ & Phan Thúy Phượng, Lê Đình Cai & Võ Thị Hạ, Trì Ngọc Bình & Phan Mỹ Kim, Lê Quang Truật & Vũ Thị Xuyên, Phạm Bách Phi & Nguyễn Ngọc Dung, Huỳnh Văn Xôi & Hồ Tô Hà, Trần An Bài & Lại Hà, Nguyễn Ngọc Diệp & Nguyễn Kim, Nguyễn Đình Phương & Tạ Thanh Hương, Hàn Thụy Tiến & Nguyễn Kim Oanh, Tiến & Thảo, vợ chồng con gái của anh chị Dũng, anh Huỳnh Minh Quang, các chị Phan Hiệp Thành, Nguyễn Thanh Hương, Nguyễn Xuân Sơn và con gái của anh Xôi.



Mở đầu, anh Nguyễn Đình Dũng ngõ lời cảm ơn mọi người đến tham dự tiệc. Anh giới thiệu các người hiện diện cùng đặc biệt cảm ơn hiền thê của anh là chị Mậu Quế đã sốt sắng bỏ công một tuần qua để lo cho buổi tiệc.

Kể đến anh Nguyễn Vạn Bình đại diện cho các người hiện diện ngõ lời cảm ơn công lao tổ chức tiệc của anh chị Dũng & Quế và các con của anh chị. Anh Bình cho rằng, Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali. hoạt động được 14 năm qua, nay đã có 5 thành viên qua đời, các thành viên ai cũng đã vào tuổi cao niên,



nên việc gặp gỡ nhau là điều ai cũng mong mỏi. Chính vì thế, buổi tiệc hôm nay chúng ta sẽ hợp ca bài “Còn Gặp Nhau” của anh Trần An Bài và để mừng sinh nhật cho các thành viên có ngày sinh vào các tháng 7 đến tháng 12. Cũng nhân dịp gần ngày Giáng Sinh, anh chúc mọi người luôn được an lành, hạnh phúc và được nhiều ơn phúc của Chúa Hải Đồng.

Chị Quế cho biết thực đơn hôm nay gồm có súp măng cua, chả giò, bánh hỏi, nem nướng, cháo tôm, bò lá lốt cùng điểm tâm với trái cây và thức uống gồm có beer và nước ngọt.

Kế tiếp là phần mừng sinh nhật cho 16 người gồm các thành viên và thân hữu có ngày sinh vào các tháng 7,8,9,10,11,12 gồm có: các anh Trần An Bài, Nguyễn Đình Dũng, Phạm Mạnh Tuấn, Lê Quang Truật, Nguyễn Vạn



Bình, Trì Ngọc Bình, Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Đình Phương và các chị Nguyễn Thanh Hương, Lại Hà, Nguyễn Xuân Sơn, Nguyễn Mậu Quế, Nguyễn Ngọc Dung,



Dung, Dương Thị Tiến, Hồ Tô Hà và Phan Thúy Phượng. Mọi người đã cắt bánh sinh nhật và đồng ca bài Happy Birthday rất vui nhộn.

Sau đó là phần văn nghệ với chủ đề là Tình Yêu và Giáng Sinh đã diễn ra thật vui và ý nghĩa. Mở đầu, mọi người đã hợp ca bài: “Còn Gặp Nhau” của anh Trần An Bài. Tiếp đến là phần trình diễn của anh Huỳnh Minh Quang với bản Silver Bells, anh Nguyễn Ngọc Diệp với bài Thánh Ca Buồn, anh Nguyễn Vạn Bình cùng chị Dương Thị Tiến với bài Thôi Tơ, chị Nguyễn Kim với bài Que Sera, Sera, anh Nguyễn Đình Phương với bài Tuổi Mười Ba, anh Vũ Hữu Kỳ với bài Buồn, chị Nguyễn Ngọc Dung với bài Sầu Đông, anh Phạm Bách Phi với bài Điều Giãn Di, chị Nguyễn Kim Oanh với bài Nói Với Tôi Một Lời, Chị Nguyễn Mậu Quế với bài Qua Con Mê, anh Trì Ngọc Bình với bài Để Lại Con Tim, anh Nguyễn Vạn Bình với bài Hai Mùa Noel, anh Nguyễn Ngọc Diệp với bài Mưa Chiều Kỷ Niệm, chị Lisa Thủy



bài Mưa Chiều Kỷ Niệm, chị Lisa Thủy với bài Lời Tiễn Biệt, chị Nguyễn Kim với bài Tuyết Rơi, chị Kim Oanh với bài Mãi Mãi Bên Anh, chị Nguyễn Ngọc Dung với bài Vì Đó Là Anh. Phần văn nghệ được kết thúc với màn hợp ca bài Hang Bê Lem.

Buổi tiệc đã được chấm dứt vui vẻ vào 4 giờ 30 chiều cùng ngày./.

TIỆC TẮT NIÊN GIA ĐÌNH LK BẮC CALI.

4-2-2024



San Jose (Ý Dân 5-2-2024): Có 39 người gồm các thành viên và thân hữu đã tham dự Tiệc Tắt Niên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tại nhà hàng Gặp Gỡ, San Jose vào 12 giờ trưa ngày chủ nhật 4-2-2024 vừa qua.

Vi thời tiết mưa bão nên rất tiếc có 10 anh chị ở xa, lớn tuổi nên đã không đến tham dự được. Trong số người hiện diện, chúng tôi nhận thấy có: các anh Trần An Bài, Lê Đình Cai, Nguyễn Đình Dũng, Nguyễn Vạn Bình, Lê Duy San, Phạm Quang Trình, Hàn Thụy Tiến, Lê Đình Bì, Vũ Hữu Kỳ, Lê Bình, Huỳnh Minh Quang, Phạm Quang, Nguyễn Đình Phương, Phạm Bách Phi, Phạm Thanh Đồng, Nguyễn Cao Thăng, Hoàng Đức Trí, Phạm Mạnh Tuấn, Châu Minh Hoàng, cháu Thomas và các chị Mã Phương Liễu, Võ Thị Hạ, Lại Hà, Nguyễn Mậu Quế, Phan Thúy Phượng, Trương Kathy Mai, Phan Hiệp Thành, Nguyễn Kim Oanh, Trần Mai Hương, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thanh Hương,



Chào quốc kỷ Mỹ - Việt

Cháu Helen, Nguyễn Bạch Yến, Trịnh Như Bằng, Dương Thị Tiến, Võ Ngọc Hòa, Nguyễn Thanh Hương, chị Lê Đình Bì.

Sau nghi thức chào quốc kỳ Mỹ-Việt, anh Nguyễn Vạn Bình, trưởng BTC đã cho biết ý kiến của buổi tiệc hôm nay là do hiền thê của anh Mã Phương Liễu đưa ra. Buổi tiệc nhằm tạo dịp cho các thành viên trong gia đình Luật Khoa Bắc Cali gặp nhau, thăm hỏi và cùng nhau vui để tiễn đưa năm cũ Quý Mão và chào đón năm mới Giáp Thìn được nhiều sức khỏe và an lành. Dịp này cũng để mừng sinh nhật cho các anh chị có ngày sinh vào các tháng 1 đến tháng 6.



Anh Nguyễn Vạn Bình phát biểu

Trước khi nhập tiệc, mọi người đã họp ca bài Xuân Hạp Mặt. Thực đơn của buổi tiệc gồm có; bánh Tét, Gỏi, Chim Cút Rô Ti, Lẩu Gà Lá Vang với bún, và tráng miệng với Quít, bánh Rán.

Xen kẽ là một chương trình văn nghệ với chủ đề Tình Yêu hay Mùa Xuân lần lượt đã được các anh chị: Nguyễn Vạn Bình với bài Em còn nhớ mùa Xuân, Nguyễn Đình Phương với bài Lá Đỏ



Họp ca Xuân Hạp Mặt



Các chị cựu svlk và thân hữu

Muôn Chiều, Ngọc Dung với bài Anh chợ Em mùa Xuân, Mậu Quế với bài Đám Cưới Đầu Xuân, Kim Oanh với bài Tôi đi tìm lại một mùa Xuân, Hàn Thụy Tiến với bài Mộng Lành, anh chị Phạm Mạnh Tuấn & Dương Thị Tiến với bài Khúc Hát Thanh Xuân, Huỳnh Minh Quang với bài Falling in Love, Võ Ngọc Hòa với bài Xuân và Tuổi Trẻ, Trần Mai Hương và Nguyễn Bạch Yến với bài Đồn Vắng Chiều Xuân, Phạm Bách Phi với bài Mãi Mãi Bên Em, Kathy Mai với bài Lạnh Lùng Đêm Xuân và Phạm Quang với bài Mưa Trộn Cuộc Tình Tôi.

Dịp này anh Phạm Quang Trình đã kể chuyện vui và tặng một số sách cho cử tọa, Anh Vũ Hữu Kỳ cũng thông báo ba hội ái hữu Luật Khoa gồm Nam,

Bắc Cali và ở Texas đang tiến hành lập tủ sách Luật Khoa trên web site để mọi người đọc tham khảo



5 anh chị tuổi Thìn

Dịp này, chị Mã Phương Liễu đã gửi tặng 5 gói quà đến các anh chị sinh vào năm Thìn.



Mừng sinh nhật cho các thành viên

Sau đó là màn cắt bánh sinh nhật cho các anh chị có ngày sinh vào các tháng 1 đến tháng 6 gồm có: các anh Lê Đình Cai, Huỳnh Minh Quang, Vũ Hữu Ký, Phạm Bách Phi, Hàn Thụy Tiến, Lê Bình và các chị Nguyễn Bạch Yến, Mã Phương Liễu, Võ Thị Hạ, Kathy Mai, Phan Hiệp Thành, Tạ Thanh Hương.



Các anh chị đồng môn Luật Khoa



.Phạm M.Tuấn & Dương.T.Tiến song ca



Trước khi chia tay, mọi người đã hợp ca bài Ly Rượu Mừng chúc cho các người tham dự mọi điều tốt đẹp trong năm mới Giáp Thìn.

Buổi tiệc được chấm dứt trong tình ấm cúng và vui vẻ vào 3 giờ trưa cùng ngày./.

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Vũ Văn Mẫu



Gs Vũ Quốc Thúc



Gs Nguyễn Cao Hách



Gs Nguyễn Độ



Gs Bùi Tường Chiêu



Gs Vũ Quốc Thông



Gs Nguyễn Văn Bông



Gs Nguyễn Ngọc Huy



Gs Bùi Tường Huân



Gs Tăng Thị Thành Trai



Gs Mai Văn Lễ



Gs Trần Văn Tuyên



Gs Trần Văn Liêm



Gs Nguyễn Quang Quỳnh



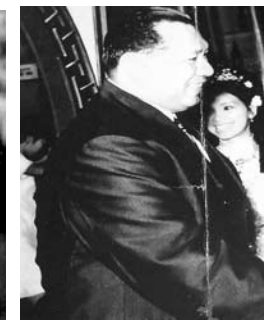
Gs Châu Tiến Khương



Gs Nguyễn Huy Chiêu



Gs Nghiêm Xuân Việt



Gs Tăng Kim Đông



Gs Vũ Văn Hiền



Gs Trần Chánh Thành

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Phan Tân Chức



Gs Phạm Văn Thuyết



Gs Nguyễn Văn Canh



Gs Trần Như Tráng



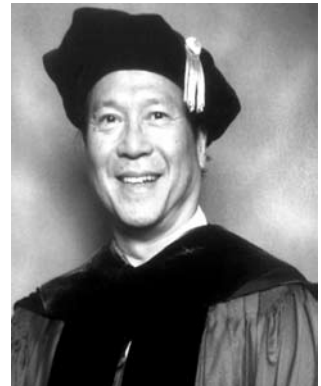
Gs Nguyễn Mạnh Hùng



Gs Tạ Văn Tài



Gs Quách Thị Nho



Gs Vũ Quốc Thụy



Gs Nguyễn Quốc Trị



Gs Vũ Thị Việt Hương



Gs Đặng Xuân Hà



Gs Đặng Thị Tâm

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Tòa Án và Các Thẩm Phán



Tối Cao Pháp Viện



Trần An Bài



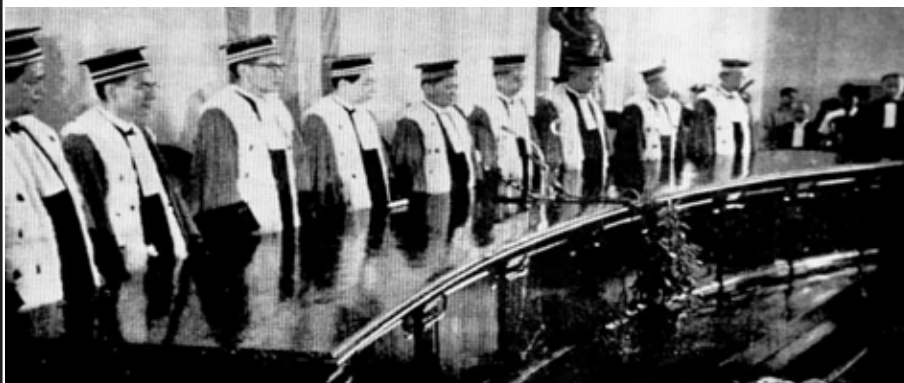
Trần Thanh Giang



Trang Sĩ Tấn



Trịnh Ngọc Dung



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

Các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện



Trương Tiến Đạt



Vũ Mạnh



Pháp đình Sài Gòn



Tối Cao Pháp Viện

Các Thẩm Phán Tòa Sài Gòn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Thành Hương



Nguyễn Mạnh Quỳnh



Nguyễn Văn Thành



Lê Duy Sơn



Đặng Xuân Thanh



Đỗ Đức Du



Nguyễn Độ



Hà Ngọc Phúc Lưu



Hoàng Mạnh Hải



Hoàng Tuấn Lộc



Nguyễn Đình Kỳ



Huỳnh Trung Chánh



Khuất Duy Trác



Lâm Lễ Trinh



Lê Thế Hiển



Lê Văn Tiến



Lê Đắc Trọng



Lê Tài Bôn



Lương Đức Hợp



Lương Tấn Bảo



Mai Văn An



Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hữu Cẩn



Nguyễn Thị Vệ



Nguyễn Cẩn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Cao Quyền



Nguyễn Hồng Nhuận Tâm



Nguyễn Hữu Thành



Nguyễn Hữu Thụy



Nguyễn Quốc Sứ



Nguyễn Thành Lôi



Nguyễn Văn Biên



Nguyễn Văn Quý



Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Y Nhac



Nguyễn Duy Linh



Phạm Văn Huệ



Hà Dương Vỹ



Đặng Vũ Mai



Trần Chấp Trinh



Bùi Trọng Tường



Bùi Văn Thanh



Cao Văn Thân



Đặng Đình Long



Đình Văn Huân



Đỗ Đức Du



Đỗ Hữu Phúc



Dương Khang



Dương Kiên



Dương Lân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Hà Xuân Tế



Hà Xuân Thao



Hồ Đắc Cần



KHỔNG Trọng Hình



Lê Quang Phục



Lê Thanh Sơn



Lê Thị Ngọc Trân



Lê Văn Thu



Ngô Bút



Nguyễn Huân Trinh



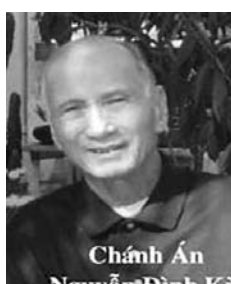
Nguyễn Anh Hoàng



Nguyễn Công Đán



Nguyễn Đình Hùng



Chánh Án
Nguyễn Đình Kỳ



Nguyễn Đức Quý



Nguyễn Hải



Nguyễn Mộng Bích



Nguyễn Ngọc Điện



Nguyễn Nhu Tuấn



Nguyễn Quốc Chân



Nguyễn Sĩ Huyền



Nguyễn Thanh Lộc



Nguyễn Thế Cường



Nguyễn Ứng Chung



Nguyễn Văn Hào

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Văn Sửu



Nguyễn Văn Thành



Phạm Gia Hệ



Phạm Kim Quy



Phạm Ngọc Tông



Phạm Văn Hàm



Phan Quang Khải



Phan Tam Tuấn



Phù Tuyết Hồng



Tô Sơn Lâm



Tôn Thất Hiệp



Tống Đức Hoàn



Trần Cẩm Tựu



Trần Khương Trinh



Trần Kim Thủy



Trần Nguyên Tá



Trần Văn Thuận



Trịnh Viết Tân



Trương Kim Thạch



Việp Văn Tỷ



Võ Nhật Minh



Vũ Tiến Xuân



Nguyễn Thế Sinh



Nguyễn Trọng Liệu



Trần Cẩm Tựu

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Ls Trần Văn Tốt

Ls Võ Văn Quan



Ls Trần Văn Tốt, cựu thủ lĩnh LS Đoàn và Ls Võ Văn Quan

Ls Trần Văn Tuyên, cựu thủ lĩnh LSD



Ls Thân Thị Hoài Phương

Thân thị Hoài Phương



Ls Trần Thị Ánh Tuyết

Trần thị Ánh Tuyết



Bà Ls Nguyễn Hữu Thông

Nam Thị Hồng Vân



Ls Huyền Ngọc Anh

Huyền Ngọc Anh



Quách Thị Nho



Ls Trương Hồng Thị Trinh

Trương Hồng Thị Trinh



Ls Nguyễn Thúy Loan

Nguyễn Thúy Loan



Nguyễn Thị Chính



LS
Bùi Lệ Khanh

Bùi Lệ Khanh



Ls Nguyễn Sĩ Huy

Nguyễn Sĩ Huy



Đoàn Tường Mỹ



Nguyễn Thị Phượng Huy



Trần thị Thanh Thủy



Trần Hoàng Vân



Nguyễn Tuyết Mai

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Nguyễn Văn Lộc



Trần Văn Chương



Hồ Tri Châu



Trần Văn Tốt



Nguyễn Văn Huyền



Nguyễn Mạnh Tường



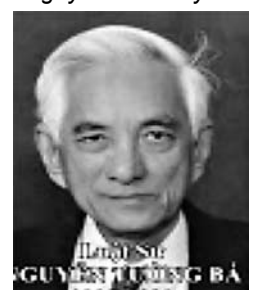
Trần Chánh Thành



Trương Đình Dzu



Phan Tấn Chức



Nguyễn Tường Bá



Đinh Thạch Bích



Ngô Khắc Tĩnh



Nguyễn Thúy Phương



Đàm Quang Lâm



Lý Quốc Sinh



Bùi Bích Hợp



Nguyễn Thành



Đỗ Đức Hậu



Khuất Duy Trác



Lê Tất Hào



Đoàn Văn Tiên



Trần Thị Lan



Trương Ánh Nguyệt



Hoàng Thị Thân



Nghiêm Thục Nhân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Đỗ Xuân Hòa



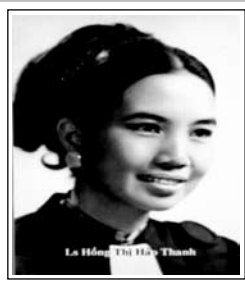
Đặng Xuân Thanh



Đào Hữu Phan



Đỗ Ngọc Phú



Hồng Thị Hảo Thanh



Đỗ Xuân Hiệp



Phan Ngọc Cẩn



Huỳnh Thị Xuân Hoàng



Lại Đình Cẩn



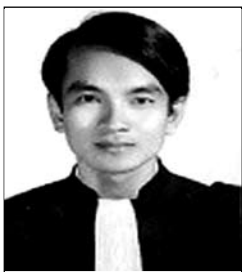
Trác Quan Trường



Bùi Trần Phú



Nguyễn Ngọc Anh Trang



Bùi Thế Bằng



Lê Như Thọ



Tôn Tịnh Phần



Lê Thanh Phương



Vũ Thị Sâm



Trần Tử Huyền



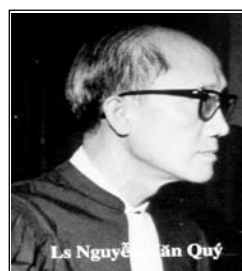
Lý Vĩnh Thông



Vũ Ngọc Oanh



Nguyễn thị Hồng



Nguyễn Văn Quý



Lưu Đức Quỳnh



Trần Sơn Hà



Nguyễn Thúy Liên

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Lê Duy San



Đoàn Thanh Liêm



Nguyễn Thúy Phương



Trương Tiến Đạt



Nguyễn Tiến Đạt



Đinh Thành Châu



Ngô Hữu Liễn



Võ Duy Thường



Lê Công Tâm



Nguyễn Thành



Nguyễn Hồng Nhuận



Nguyễn Hữu Thụy



Lê Chí Hiếu



Trần Đức Thông



Huỳnh Quang Khải



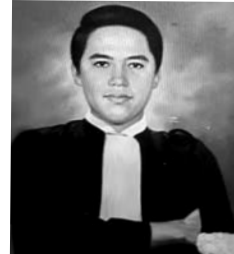
Vũ Ngọc Anh



Nguyễn Văn Định



Đỗ Đức Hậu



Hoàng Đức Trí



Phạm Minh Anh



Nguyễn Đình Sơn



Nguyễn Minh Hiển



Trần Bích Tệp



Huỳnh Văn Trai



Vũ Hữu Kỳ

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Phạm Nam Sách



Lê Tùng Lâm



Nguyễn Hữu Thống



Vũ Ngọc Tuyên



Đỗ Doãn Quế



Hoàng Cơ Long



Ngô Tăng Giao



Trần Minh Nhựt



Nguyễn Công Bình



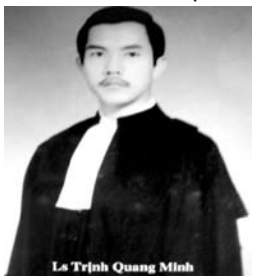
Phùng Văn Tuệ



Ngô Văn Tiệp



Nguyễn Mai



Trịnh Quang Minh



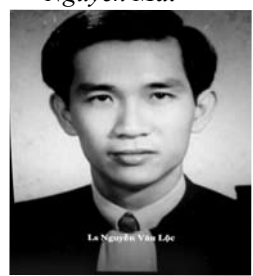
Nguyễn Viết Đình



Võ Văn Đình



Nguyễn Đăng



Nguyễn Văn Lộc



Huỳnh Quan Trung



Phan Trọng Hàm



Huỳnh Bửu Khuông



Nguyễn Đình Phương



Phạm Ngọc Anh



Trần Minh Lợi



Nguyễn Vạn Bình



Nguyễn Văn Thắng

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Càc Luật Sö



Tăng Thị Thành Trai



Trần Tân Thái



Ls Vũ Phương Liên



Trần Thanh Hiệp



Ngô Văn Quang



Đặng Tiến Đạt



Đào Trọng Vinh



Nguyễn Kim Dung



Nguyễn Thị Vui



Đoàn Văn Thịnh



Đoàn Văn Tiên



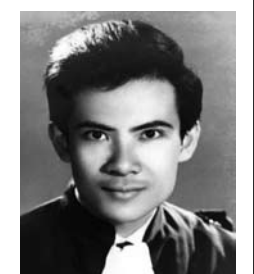
Nguyễn Ngọc Ánh



Dương Mỹ Linh



Đỗ Cẩm Phương



Trần Văn Vương



Nguyễn Phước Đại



Mai Văn Đại



Lê Kim Thoa



Lại Đình Cẩn



Lê Minh Việt



Nguyễn Hữu Thi



Trần Văn Du



Đặng Tấn Lợi



Lưu Nguyên Đạt



Lưu Vĩnh Khương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Trần Thị Cẩm



Trương Hồng Thị Trinh



Hoàng Châu Qui



Đào Thị Tuyền



Đào Ngọc Thụy



Lê Thị Hồng Diễm



Nguyễn Thị Chính



Nguyễn Thị Quý



Nguyễn Mộng Châu



Nguyễn Thị Hàn



Phạm Phú An



Trần Loan Phượng



Phạm Thu Hồng



Bùi Thắng Lợi



Phan Thu Hương



Vũ Thị Tiến



Lê Kim Ngọc



Nguyễn Thị Chúc



Nguyễn Ngọc Dung



Đỗ Cẩm Phương



Trần Thanh Hải



Phạm Ngọc Dung



Phan Ngọc Cẩn



Lê Thị Kim Thanh



Trần Thu Phương

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA



ĐT Mã Sanh Nhon



ĐT Trần Thanh Điền



HT Nguyễn Thanh Liêm



LM Vũ Minh



Ngô Văn Kim



Trần Hữu An



Ls Nguyễn Duy Tiếp



Ls Nguyễn Ngọc Diệp



Nguyễn Phú



Bs Trần Công Luyện



Nguyễn Toàn



Đỗ Trọng Dũng



Huỳnh Lương Thiện



Nguyễn Trung Tính



Phạm Huy Khuê



Bùi Tuyết Sơn



Đỗ Huy Huệ



Nguyễn Bạch Túc



Phạm Hữu Diên



Nguyễn Công Sum



Nguyễn Tường Tâm



Trần Tất Đạt



Nguyễn Hiền



Nguyễn Hoàn



Nguyễn Văn An

MỘT THỜI KỶ NIỆM CÁC SINH VIÊN LUẬT SÀI GÒN



Cao Ánh Nguyệt



Trương Gia Vy



Phan Xuân Hương



Nguyễn Bạch Yến



Nguyễn Thanh Hươu



Võ Kim Tuấn



Thái Hà



Vũ thị Gấm



Nguyễn thị Ngọc Mai



Nguyễn Ngọc Dung



Võ Thị Ngọc Hòa



Catherine Tố Ngọc



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Thị Nhung



Phạm Liên Hương



Nguyễn Mỹ Ngọc



Nguyễn Song Hà



Phan Thị Hòa



Ngô Vũ Thu



Trần Mai Hương



Phạm Minh Tâm



Kathy Trần



TP Trần Thanh Giang



Trần Nguyệt Ánh



Vũ Trần Thanh Tú

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Trần Nguyên Cường



Như Hảo



Nguyễn Trung Hòa



Lê Trung Hiếu



Nguyễn Trần Quý



Huỳnh Văn Yên



Lê Tích Sơn



Lê Trung Tâm



Trì Ngọc Bình



Vũ Văn Chiến



Phạm Hữu Điện



Nguyễn Văn Hùng



Lâm Quốc Bảo



Ls Nguyễn Đăng Khoa



Nguyễn Văn Lê



Hà Đình Huy



Lưu Hữu Phúc



Nguyễn Huy Thuyết



Lưu Anh Hùng



Lê Mộng Nam



Lê Thị Lộc



Hà Như Việt Anh



Nguyễn Xuân Sơn



Lưu Kim Yến



Lưu Kim Oanh

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Ls Nguyễn Tường Bá



Nguyễn Hữu Trương



Nguyễn Thu Lê



Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Sang



Phạm Mạnh Tuấn



Dương Thị Tiến



Nguyễn Gia Dân



Võ Đạp



Trần Tân



Đoàn Phúc Hữu



Nguyễn Thu Hà



Nguyễn Hồng Xuyên



Phạm Quang



Nguyễn Vạn Thắng



Vũ Hữu Trường



Nguyễn Thị Phương



Nguyễn Quý Long



Phạm Kim Điền



Ls Nguyễn Cao Thắng



Lê Quang Truật



Đỗ Hữu Phương



Đỗ Trung Triêm



Phạm Như Thành



Võ Duy Thành

HÌNH ẢNH GIÁO SƯ & CỤ SV LUẬT KHOA CẦN THƠ

| | | | |
|---|---|--|---|
|  |  | <p>Giáo Sư QUÁCH THỊ NHO giảng dạy môn Quốc Tế Tư Pháp</p> |  |
|  |  |  |  |
| HÀ KIM TINH 1968-1972 | CHÂU MINH HOÀNG 1968-1973 | MÃ PHƯƠNG LIỄU 1970-1974 | QUÁCH HUỆ ANH 1970-1974 |
|  |  |  |  |
| TRẦN CHIÊU HIỀN 1970-1974 | ĐẶNG T. MỸ HOA 1970-1974 | TRẦN LINH PHƯỢNG 1970-1974 | LÂM HỮU LỘC 1970-1974 |



Gs. NGUYỄN
DUY XUÂN

Gs. NGUYỄN
NGỌC HUY

Gs. NGUYỄN
QUANG QUÝNH

Gs. TẠ VĂN TÀI



Gs. BŨU LỊCH

LÊ MINH BÊN

HUỖNH VĂN XÔI

HUỖNH TẤN VEN



NGÔ TRUNG DŨNG

NGUYỄN HỮU LỤC

TRẦN TRUNG DŨNG

ĐỖ VĂN ĐIỂN



QUÁCH HUỆ LAN

NGUYỄN T. TRƯƠNG
1970-1974

HUYỀN T. XUÂN
1973-1975

CHÂU T. MINH HOÀNG
1973-1975



VĂN THỊ CÔNG
1970-1975

LÝ KỲ MỸ
1970-1975

PHAN THANH VÂN
1970-1975

NGUYỄN T. HOÀNG
OANH 1969-1973

Đại Học Luật Khoa Cần Thơ nằm trong Viện Đại Học Cần Thơ,
Viện Đại Học Cần Thơ được thành lập vào ngày 31 tháng 03, năm 1966.
Khi khai giảng vào tháng 10, có 5 phân khoa:

1. Đại Học Khoa Học
2. Đại Học Văn Khoa
- 3. Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội**
4. Đại Học Nông Nghiệp
5. Đại Học Sư Phạm

Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ lúc bấy giờ là Gs. Nguyễn Duy Xuân,
và Khoa Trưởng Đại Học Học Luật Khoa là Gs. Nguyễn Hữu Lành.

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA HUẾ – SÀI GÒN



Lê Đình Cai



Võ Thị Hạ



Dương Diên Nghị



Nguyễn Thu Hương



Phan Hiệp Thành



Nguyễn Phú



Phan Văn Hưng



Tôn Nữ Thúy Diễm



Nguyễn Đình Dũng



Trần Thị Huệ



Phan Tịnh Dung



Ls Đặng Thanh Phương



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Thị An Nhiên



Phan Thúy Phương



Tạ Ngọc Quý



Ls Bùi Thúy Phương



Phan Ánh Nguyệt



Phan Kiều Nga



Ls Phan Ánh Nguyệt



Ls Nghiêm Thục Nhân



Nguyễn Thanh Tâm



Ls Trần Ngọc Tuyết



Trần Thị Thanh Tâm



Huỳnh Ngọc Hương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư và Các Sinh Viên Luật



Gs Vũ Quốc Thông, Gs Nguyễn Văn Canh và các sinh viên



Các chị Vũ Tuyết Trinh và Vũ Thị Gấm



Mã Gia Trí



Trần Kim Thuần



TP Hoàng Tuấn Lộc



Ls Trương Minh Nguyệt



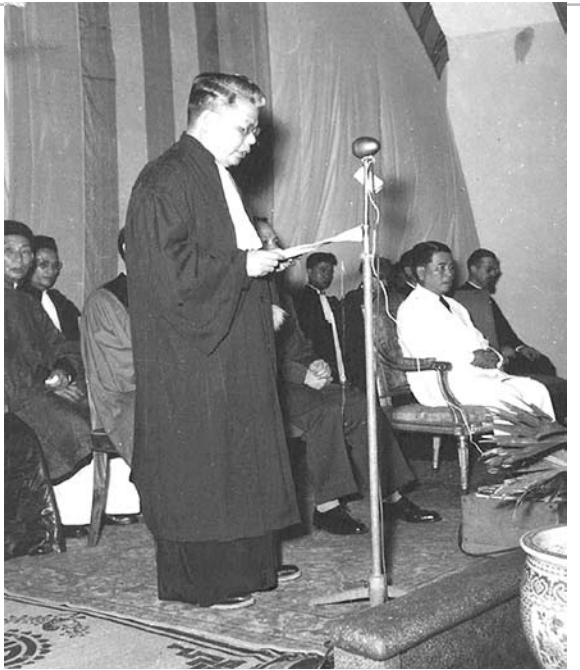
Morgan Phạm



Phạm Văn Ái

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Viện Đại Học và Trường Luật Huế

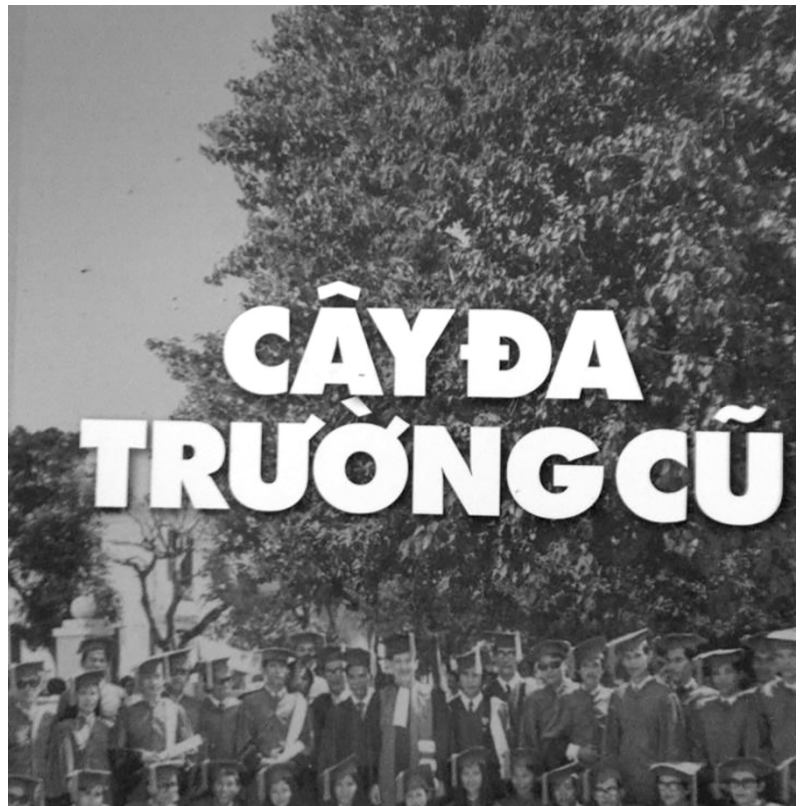


LM Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế

Gs Bùi Tường Huân, Khoa trưởng Đại Học Luật Huế



Đến phía sau bức tường này tạm gọi là "phòng trung tâm" vì không biết là giảng đường gì

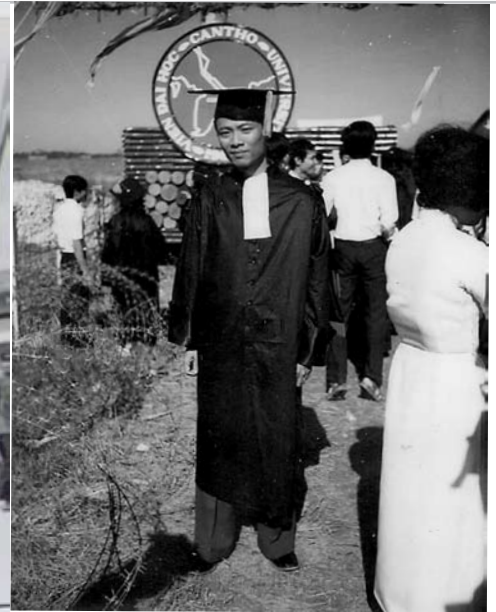


MỘT THỜI KỶ NIỆM

Trường Luật Cần Thơ



Anh Hà Kim Tinh



Anh Châu Minh Hoàng




Gs Công và các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp niên khóa 1970-1974

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ

Số: 180/TS




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Văn Tấn
sinh ngày 2-3-1919
tại Hà Đông
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 1 tháng 12 năm 1965
Số: 180/TS
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 9 tháng 12 năm 1965
Nguyễn Văn Tấn

Số: 324




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Việt Linh
sinh ngày 20-2-1919
tại Nam Định
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 15 tháng 11 năm 1972
Số: 324
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Nguyễn Việt Linh

Số: 460/TS



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Lê Công Cẩm
sinh ngày 26-11-1946
tại Cholon
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 30 tháng 12 năm 1970
Số: 460/TS
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 12 tháng 1 năm 1971
Nguyễn Văn Tấn

Số: 415



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Võ Văn Sinh
sinh ngày 26-11-1946
tại Kiên Hòa
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 1973
Số: 415
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 22 tháng 12 năm 1973
Nguyễn Văn Tấn

Số: 190




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Phạm Ngọc Anh
sinh ngày 31-8-1949
tại Hồ Nam
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975
Số: 190
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975
Nguyễn Văn Tấn

Số: 576/TS



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Văn Bình
sinh ngày 9-12-1947
tại Giáp Bình
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 3 tháng 01 năm 1972
Số: 576/TS
Trần Văn Tấn
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 6 tháng 1 năm 1972
Nguyễn Văn Tấn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ



MỘT THỜI KỶ NIỆM

CHỨNG CHỈ, BẰNG CẤP, THẺ LUẬT SƯ

VĂN ĐẠI HỌC SAIGON
 Faculté de Droit
LẬP KHOA ĐẠI HỌC ĐƯƠNG
 Faculté de Droit

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI
 (Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI HỌC ĐƯƠNG SAIGON

CHỨNG NHẬN:
 Ông NGUYỄN-NGỌC-CHÍNH

Sinh ngày 1 tháng 6-1941 tại An-xuyên, Gò-Công, Gò-Công
 đã bằng trước kỳ thi **HIẾN THƯ VÀ CƠ-CHẾ LUẬT-KHOA**
 và nhận sự chứng nhận của Ủy Ban Giám Đốc de la Licence en Droit.

Ngày thi 22.3.1963 tại SAIGON

Chứng chỉ này cấp tạm thời và điều kiện kết quả kỳ thi được Ủy Ban Giám Đốc de la Licence en Droit chấp thuận.

Saigon, ngày 25 tháng 4 năm 1963

KHOA-TRƯỞNG
 Ông NGUYỄN-QUANG-TRUNG

CHỖ THỰC: Chứng chỉ tạm thời cấp kết quả.
 Observation: Cette attestation est délivrée pour un accès final.

Số: 119/75

LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chứng nhận rằng:
 Ông Nguyễn-ngọc-Chính
 sinh ngày 1-6-1941
 tại Anxuyen
 đã được ghi tên trên Bản danh biểu
 của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-
 sư tập-sự

Saigon, ngày 18 tháng 10 năm 1963

CHỖ THỰC: Chứng chỉ tạm thời cấp kết quả.
 Observation: Cette attestation est délivrée pour un accès final.

THẺ SINH-VIÊN Số 1000/II

BAN CAO-HỌC
NIÊN-KHÓA 1974 - 1975
 Ban Cao Học cấp I tại Pháp.

Ông (Bà, Cô) ĐỖ - HỮU - PHƯƠNG
 Sinh ngày 02-07-1946 tại Biển Hòa
 Cha Đỗ-Văn-Ngọc Mẹ Nguyễn-Trị-Truyền

T.U.N KHOA TRƯỞNG
THƯ-KÝ ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG

CHỖ THỰC: Chứng chỉ tạm thời cấp kết quả.
 Observation: Cette attestation est délivrée pour un accès final.

HỌC PHÍ
 Hai lục-cá-nguyệt
 trả ngày:
 Đăng-tích ngày: 12/12/74
 Miễn Học-Phí:

CHUYẾN ĐI TEXAS: XEM THẮNG CẢNH VÀ THĂM CÁC ĐỒNG MÔN LUẬT KHOA

NGUYỄN VĂN BÌNH



Phái đoàn Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali có 9 người gồm các thành viên là các anh Nguyễn Văn Bình, Ngô Bình Kỳ và các chị Mã Phương Liễu, Quách Huệ Anh, Phan Hiệp Thành, Nguyễn Xuân Sơn cùng các thân hữu là anh Hàn Thụy Tiến, các chị Nguyễn Thị Oanh, Phạm Tố Loan đã đi Texas từ ngày 1-5-2004 đến ngày 8-5-2024 do chị Mã Phương Liễu sắp xếp mọi việc từ mua vé máy bay, thuê xe, mượn phòng ngủ, chọn địa điểm nhằm xem các thắng cảnh và thăm viếng các đồng môn Luật Khoa. Được biết Texas là tiểu bang với diện tích lớn thứ 2 của Hoa Kỳ với dân số là 30.03 triệu dân có khuynh hướng bảo thủ nghiêng về đảng Cộng Hòa.

1-Ngày thứ tư 1-5-2024, sau khi đến Dallas, phái đoàn đi thuê xe rồi trực chỉ đến thăm anh chị Lê Tích Sơn & Yến ở thánh phố Hurst, sát bên Fort Worth. Tại căn nhà xinh đẹp khá rộng, anh chị Sơn đã tiếp 6 thân hữu cùng phái đoàn GĐLKBC thật nồng hậu qua các món ăn Tôm Hùm, Steak do anh Phụng cùng chị Yến nấu cùng uống rượu ngon và tham dự một chương trình văn nghệ nhạc sống với anh

Trần Thanh Hải đệm đàn. Mọi người đã trao đổi những mẫu chuyện vui và những kỷ niệm thời sinh viên Luật trước đây. Dịp này, chúng tôi cũng đã điện đàm thăm hỏi các chị Ls Nguyễn Thị Phượng Huy và Ls Đoàn Tường Mỹ học cùng lớp Luật Sài Gòn (67-71) với tôi và anh Sơn.



Tại nhà anh Lê Tích Sơn

2- Ngày thứ năm 2-5-2024, qua lời giới thiệu của anh Lê Tích Sơn phái đoàn đã đến thăm Cowtown thuộc thành phố Fort Worth, nơi có nhiều nhà hàng, museum, với nhiều hình ảnh về thời Cao Bồi của Hoa Kỳ như xem cảnh Cởi Bò, Cởi Ngựa và hình ảnh của tài tử John Wayne.



Tại CowTown, FortWorth



TT Kennedy Museum



Đài Tưởng Niệm TT Kennedy



Sau đó, phái đoàn trực chỉ đi Dallas đến thăm Đài Tưởng Niệm TT John F. Kennedy, một tượng đài khổng lồ được xây dựng vào năm 1970. Sau đó, phái đoàn ghé thăm Bảo Tàng Viện John F. Kennedy, tọa lạc 411 Elm Street, Dallas, TX 75202 với giá vé vào cửa là

23 mỹ kim dành cho senior. Museum nằm trên tầng lầu 6 tại Dealey Plaza. Nơi đây, chúng ta thấy nhiều hình ảnh, vật chứng là cây súng về cuộc ám sát TT John F. Kennedy vào ngày 22-11-1963. Chỉ cần mua cây súng với giá \$ 12.78 là có thể lấy mạng sống của một tổng thống.

Theo tài liệu của Hoa Kỳ đã ghi lại cuộc ám sát TT Kennedy đã diễn ra như sau: Ngày 22 tháng 11 năm 1963, John F. Kennedy, tổng thống thứ 35 của Hoa Kỳ bị ám sát khi đang trên đoàn xe hộ tống đi qua Dealey Plaza tại Dallas, Texas. TT Kennedy lúc ấy ngồi trên xe cùng đệ nhất phu nhân Jacqueline cùng với Thống đốc bang Texas John Connally và phu nhân Nellie, đã bị trúng phát đạn vào đầu ời do cựu lính thủy quân lục chiến Lee Harvey Oswald nổ súng từ kho sách giáo khoa Texas trên tầng lầu 6 gần đó. Đoàn xe tức tốc đến bệnh viện Parkland, tại đây Kennedy được tuyên bố tử vong khoảng 30 phút sau khi sự việc xảy ra. Connally cũng bị thương trong vụ tấn công, nhưng sau đó đã bình phục. Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống trên chuyên cơ Không Lực Một tại sân bay Dallas vào chiều cùng ngày.

Oswald quay lại nhà riêng để lấy một khẩu súng và bắn chết cảnh sát viên J. D. Tippit không lâu sau vụ việc. Khoảng 70 phút sau khi Kennedy và Connally bị bắn, Sở Cảnh sát Dallas bắt và buộc tội Oswald theo luật pháp bang Texas về hành vi sát hại Kennedy và Tippit. Lúc 11 giờ 21 phút ngày 24 tháng

11, khi các ống kính truyền hình trực tiếp đang theo dõi quá trình áp giải Oswald từ tầng hầm của trụ sở Cảnh sát Dallas, anh bị Jack Ruby, chủ một hộp đêm ở Dallas, bắn trọng thương. Giống Kennedy, Oswald được đưa đến bệnh viện Parkland và chết tại đây. Ruby bị kết án về tội giết Oswald, mặc dù bản án sau này bị lật ngược qua kháng cáo, và ông chết trong tù vào năm 1967 trong thời gian chờ đợi phiên xét xử mới.

Trải qua một cuộc điều tra kéo dài 10 tháng, Ủy ban Warren kết luận Oswald đã hành động một mình hoàn toàn trong việc ám sát Kennedy và Ruby cũng đã hành động một mình khi sát hại Oswald. Bốn năm sau vụ ám sát, Ủy viên công tố quận New Orleans, Jim Garrison, buộc tội doanh nhân Clay Shaw với cáo buộc âm mưu ám sát Kennedy; ông được tha bổng trong phiên tòa xét xử duy nhất về vụ việc này diễn ra năm 1969. Những cuộc điều tra cấp liên bang về sau từ các cơ quan như Ủy ban Rockefeller và Ủy ban Church đều đồng thuận với kết quả điều tra của Ủy ban Warren. Trong báo cáo năm 1979, Ủy ban Đặc biệt của Hạ viện Hoa Kỳ về các vụ ám sát (HSCA) kết luận Kennedy có thể đã bị “ám sát do kết quả của một âm mưu gây ra”. HSCA không nêu cụ thể những nghi phạm âm mưu, nhưng cho rằng “khả năng cao có hai người nổ súng vào Tổng thống”. Kết luận của HSCA phần lớn dựa vào một bản ghi âm Dictabelt của cảnh sát; tuy vậy, tính chân thực của bản ghi âm này về sau bị Bộ Tư pháp Hoa Kỳ bác bỏ.

Vụ ám sát Kennedy đã để lại tác động sâu sắc đối với dư luận và vẫn đang là chủ đề tranh luận rộng rãi, cùng với hàng loạt thuyết âm mưu và kịch bản khác được đưa ra. Các cuộc thăm dò cho thấy đa số người dân Hoa Kỳ tin rằng có một âm mưu đằng sau sự việc này. Đây là vụ đầu tiên trong bốn vụ ám sát trọng đại vào thập niên 1960 tại Hoa Kỳ, hai năm trước vụ ám sát Malcolm X và năm năm trước hai vụ ám sát Martin Luther King Jr. và Robert F. Kennedy. Kennedy là tổng thống Hoa Kỳ thứ tư bị ám sát và là tổng thống gần đây nhất qua đời khi còn tại nhiệm.

Sau khi thăm quang cảnh trung tâm

thành phố Dallas, phái đoàn đến nhà của anh chị Trần Thanh Hải & Thủy, em họ của Liễu ở Grand Prairie dùng cơm chiều với món phở bò thật ngon do đầu bếp Hải khoản đãi.



Tại nhà Trần Thanh Hải

3- Ngày thứ sáu 3-5-2024, phái đoàn trên đường đến Austin, thủ đô của Texas, phái đoàn đã ghé qua Waco, thành phố phong phú về văn hóa và lịch sử. Phái đoàn đã ghé qua Magnolia Market, nơi có nhiều du khách đến



Tại Waco

thăm. Tại đây có nhiều nhà hàng, cửa tiệm và công viên.

Đến Austin, phái đoàn ghé thăm tòa nhà Texas State Capitol, nơi làm việc của thống đốc và Quốc Hội của Texas. Texas State Capitol được thiết kế bắt đầu từ năm 1881, khởi công xây dựng vào năm 1882 và chính thức được hoàn thành 6 năm sau đó với tổng kinh phí ban đầu lên đến 3,7 triệu đô la được sử dụng



Tại Texas Capitol Building

Cho việc xây dựng. Texas State Capitol cao khoảng 92 m và cao hơn Tòa nhà quốc hội Mỹ ở Washington, DC tới 4,5m.

Kết cấu của Tòa nhà mô phỏng theo kiến trúc của Tòa nhà quốc hội Hoa Kỳ tuy nhiên được ốp Đá Granit đỏ ở bên ngoài, kiến trúc mái vòm, gồm 400 gian phòng cùng 900 cửa sổ cùng với nhiều những hoạ tiết trang trí mang đậm nét đặc trưng của phong cách nghệ thuật thời kỳ Phục Hưng. Ngay dưới mái vòm là trung tâm của toà nhà, ảnh của các cựu tổng đốc được treo ở đây.

Toà nhà được chia thành nhiều khu vực, mỗi hành lang sẽ dẫn đến những khu hành chính khác nhau như: Tòa án pháp viện của tiểu bang, tòa kháng án, Phòng làm việc thống đốc; Bộ trưởng bộ tài chính, khu vực dành cho các dân biểu, nghị sĩ đại diện cho những tầng lớp dân cư ở đây.



Tại Thư Viện TT Lyndon B. Johnson

Rời tòa nhà Texas Capitol, phái đoàn đến Thư Viện của TT Lyndon B. Johnson, tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ từ ngày 22-11-1963 đến 20-1-1969 sau khi TT John Kennedy bị ám sát. Ông là Tổng thống đã đem quân đội Hoa Kỳ đông đảo tham dự vào cuộc chiến VN. Trong thư viện, chúng ta sẽ thấy những hình ảnh hoạt động của TT Johnson và đệ nhất phu nhân Lady Bird Johnson.

4- Ngày thứ bảy 4-5-2024: Phái đoàn đi đến thăm phố San Antonio. Khởi đầu phái đoàn đến Natural Bridge Caverns tọa lạc 26495 Natural Bridge Caverns Rd, San Antonio nơi có những hang thạch nhũ thật đẹp được chính quyền khám phá vào năm 1960. Nơi đây có 2 tours, chúng tôi chọn Discovery Tour vì có ít nấc thang với giá vé vào cửa là 35.50 mỹ kim. Thời gian đi thăm hang thạch nhũ khoảng một giờ đồng hồ.



Tại Natural Bridge Caverns



Bên trong Hang Thạch Nhũ

Tiếp đến phái đoàn đến Stonehenge II có cảnh những viên đá treo theo vòng tròn tạo thành một tượng đài.



Tại Stonehenge II

Đến 5:30 giờ chiều, một số anh chị em Công Giáo đã đến dự thánh lễ tại nhà thờ St Mary. Bên trong nhà thờ được trang trí khá đẹp với nhiều tượng ảnh rất đẹp và sống động.



Tại nhà thờ St Mary



Tại RiverWalk, San Antonio

Tiếp đến, phái đoàn đi dạo phố San Antonio với nhiều người đi tấp nập xen lẫn với những cỗ xe trang trí đẹp mắt được kéo bởi những con ngựa to lớn chở du khách đi dạo phố. Chúng tôi đến River Walk đi dạo bên con sông nhân tạo và dùng cơm chiều tại Joe's Crab Shack và chị Hiệp Thành đã được nhân viên nhà hàng hát chúc mừng sinh nhật của chị trong ngày đó. Sau đó, phái đoàn mua vé mỗi người 12,50 mỹ kim đi xuống thuyền đi dạo trên con sông với nhiều cảnh hàng quán tấp nập du khách, các tòa nhà cao ốc và cảnh trí thơ mộng hai bên bờ sông.

5- Ngày Chủ Nhật 5-5-2024: Phái đoàn đi thăm The Alamo, nơi đã xảy ra trận chiến giữa quân đội Mỹ Tây Cơ và người dân Texas từ ngày 23-2-1836 đến ngày 6-3-1836. Trận chiến chỉ diễn ra trong 2 tuần tại San Antonio, Texas. Tuy nhiên nó được coi là một huyền thoại của nước Mỹ và trở thành đối tượng cho rất nhiều sách, phim Hollywood (Timeless) và phim tài liệu. Trận đánh diễn ra khi 260 người Texas cầm cự chống lại đội quân 2,400 người của Antonio Lopez de Santa Anna (vị tướng người Mexico này được coi là "Napoleon của phía Tây"). Tất nhiên, Santa Anna đã chiến thắng. Tuy nhiên chỉ vài tuần sau đó, ông phải đầu hàng một đội quân Texas khác tại San Jacinto (những người này nổi dậy vì quá tức giận trước kết quả của trận Alamo). Vùng Texas giành độc lập kể từ đó.



Tại The Alamo

Tiếp đến, phái đoàn lái xe khoảng 3 tiếng đồng hồ trực chỉ Houston. Trên đường đi, hai xe của phái đoàn đã phải đi dưới cơn mưa tầm tã thật lớn. Sau khi lấy phòng tại khách sạn, chúng tôi đến nhà hàng Kim Sơn ăn buffet. dịp này, chúng tôi đã gặp lại anh chị Nguyễn Chính Kết đang sinh sống tại Houston.

6- Ngày Thứ Hai 6-5-2024 Phái đoàn đi thăm LBJ Space Center (Trung tâm Nasa). Nhờ Ls Nguyễn Mai, người bạn tập sự chung với tôi tại văn phòng của Gs Nghiêm Xuân Việt đã nhờ con trai của anh là kỹ sư Nguyễn Sơn hiện đang làm việc tại Trung Tâm Nasa mua vé nên chúng tôi được giảm giá từ 35 mỹ kim xuống còn 20 mỹ kim. Trung Tâm Nasa ngoài những trang trí, phim ảnh về công trình nghiên cứu không gian của Hoa Kỳ còn có dành cho du khách đi quan sát 3 tours là : Rocket Park, Astronaut Training Facility và Historic Mission Control. Chúng ta cũng có dịp lên thăm chiếc phi cơ Boeing 747 cùng phi thuyền. Thời gian thăm viếng Trung Tâm, Nasa có thể kéo dài đến 3 tiếng đồng hồ.

Tiếp đến phái đoàn đến bãi biển Babe's Beach thuộc thành phố Galveston để hóng gió mát của biển cả. Phái đoàn trở về Houston và ăn cơm chiều tại quán Thuận Kiều.

7- Ngày Thứ Ba 7-5-2024 Phái đoàn ghé thăm Water Wall Park tọa lạc 2800 Post Oak Blvd, Houston, TX 77056. Nơi đây, một thác nước nhân tạo với dòng nước chảy liên



Tại TT Nasa



Tại TT Nasa



Tại Babe's Beach, Galveston
ục trên một bờ tường hình vành cung trông thật đẹp mắt.



Tại Water Wall, Houston

sông nhân tạo, xinh xắn, Nơi đây, phái đoàn dùng trái cây, ăn paté chaut và cùng trò chuyện với anh chị Phương & Loan thật vui vẻ.



Đến nhà anh chị Đỗ Hữu Phương



Tại Làng A Di Đà

Rời nhà anh Phương, phái đoàn đến viếng nhà thờ La Vang tọa lạc 12320 Old Foltin Rd, Houston, TX 77086 được xây dựng từ năm 1985. Nhà thờ to lớn với sân đậu xe thật rộng rãi.

Tiếp đến phái đoàn hẹn cùng anh chị Đỗ Hữu Phương & Kim Loan gặp nhau tại Làng Di Đà tọa lạc 12081 Doly Dr, Conroe, TX 77303 do thượng tọa Thích Thông Lai thiết lập. Làng A Di Đà nằm trong một khuôn viên trên một ngọn đồi rộng 40 hecta là một khu rừng, hẻo lánh, hoang vu. Khung cảnh tại đây vắng lặng, tĩnh mịch thích hợp cho những người lớn tuổi hoặc muốn xa lánh bụi trần. Hiện có khoảng 100 ngôi nhà Mobile Home 2 phòng ngủ tại đây. Tại Làng Di Đà ngoài chánh điện chùa Tâm Nguyên II còn có Tượng Đài Tưởng Niệm Tổ Quốc Ghi Ơn ,Tượng Đài Thuyền Nhân và Niệm Phật Đường.



Nhà thờ La Vang, Houston

Sau đó, phái đoàn đến thăm nhà anh chị Đỗ Hữu Phương & Kim Loan nằm cạnh bờ

Vào 4:30 chiều phái đoàn đến tư gia của anh Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng để gặp gỡ các thành viên của Câu Lạc Bộ Luật Khoa tại Houston dùng cơm chiều. Dịp này, anh Nguyễn



Tại nhà anh Nguyễn Văn Thắng

Văn Thắng cho biết Câu Lạc Bộ Luật Khoa rất vui được chào đón phái đoàn Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali và cho biết Câu Lạc Bộ Luật Khoa đến nay đã hoạt động được 25 năm. Mục đích của hội nhằm mục đích tri thức và ái hữu. Đáp lời, anh Nguyễn Văn Bình đã giới thiệu các anh chị trong phái đoàn và ngõ lời cảm ơn sự tiếp đón nồng hậu của Câu Lạc Bộ LK và rất vui được gặp lại các anh chị Ls Ngô Hữu Liễn, TP Trần Hào, Ls Nguyễn Mai, anh Đỗ Hữu Phương, Đỗ Kim Băng, Nguyễn Văn Tâm, Đỗ Thuận, các chị Nguyễn Tiến Đạt Dương Quế Lan v.v. . Anh Bình cũng cho biết Gia Đình LK Bắc Cali hoạt động đến nay được 15 năm và ý niệm thành lập Hội LK ở Bắc Cali được phát sinh từ sau khi dự đại hội Luật Khoa toàn cầu ở Houston vào năm 2010. Anh Bình cũng thêm rằng trong đời sống, ngoài tình gia đình, tình bạn cũng rất quý và cần thiết cho mọi người nhất là về tuổi già. Trong buổi tiệc cũng có màn cắt bánh sinh nhật cho các các người tham dự có ngày sinh vào các tháng 4 và 5. Dịp này, anh Thắng cũng tặng cho mọi người trong phái đoàn GĐLKBC quyển sách của anh với tựa đề Tuyển tập những bài tham luận được đăng trên đài VOA từ năm 2013 đến 2023. Buổi tiệc đã được chấm dứt tốt đẹp vào 7:30 tối cùng ngày.

Trên đường về khách sạn, chỉ sau khi rời nhà anh Thắng được vài miles, không may bánh xe sau bên trái của xe do chị Tổ Loan lái bị đâm đinh xẹp lép nên phải dừng lại tại khu shopping. Chúng tôi phải gọi công ty AAA đến thay bánh spare tire. Phải mất 1:30 giờ chờ đợi, nhân viên AAA mới đến. Sau đó, may mắn

họ đã chỉ chỗ vá bánh xe mở cửa 24 giờ và họ chỉ lấy chi phí là 10 mỹ kim. Phái đoàn về lại khách sạn vào 10 giờ đêm.

8- Ngày thứ Tư 8-5-2024 Buổi sáng, phái đoàn đến tiệm Phở Điện dùng phở. Phái đoàn nói thức ăn, xăng và giá nhà tại Houston rẻ hơn San Jose rất nhiều. Sau đó, phái đoàn đến đài tưởng niệm các Chiến Sĩ và tượng đài Thuyền Nhân .



Tượng đài Chiến Sĩ

Phái đoàn ra phi trường vào 11:30 am để trả xe và phi cơ sau khi bay ghé Las Vegas vào 3 giờ chiều và sau cùng về lại San Jose vào 5:15 giờ chiều cùng ngày.

Tóm lại, chuyến đi Texas đã đem lại cho phái đoàn Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali. nhiều niềm vui qua việc thu thập thêm kiến thức, xem các thắng cảnh của Texas và nhất là gặp lại các đồng môn Luật Khoa vẫn còn giữ được tình bạn đậm đà thắm thiết tại hải ngoại./.

Ngày 11-5-2024
NGUYỄN VĂN BÌNH



BẠ GIỜ VỚI LUẬT SƯ NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

HÒA KHÁNH



xuất bản năm 1992 tại Pháp). Ông mất năm 1996 tại Hà Nội, hưởng thọ 87 tuổi.)

Lâu nay, tôi cứ đinh ninh là luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã mất. Sau vụ Nhân văn Giai phẩm, tên tuổi của ông bật đi. Có tin đồn là ông đã chết đâu đó ở một góc khuất tối tăm nào ở Hà nội.

Thế rồi, bỗng dưng tôi lại nghe là ông vẫn còn sống, hơn nữa, đang có mặt tại Paris: ông được phép sang Pháp ba tháng để thăm viếng một số bạn bè cũ của ông.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường (1909-1996), người Việt Nam duy nhất đầu hai bằng Tiến sĩ Luật khoa và Tiến sĩ Văn chương năm 23 tuổi ở Đại học Montpellier (Pháp). Ông tham gia kháng chiến chống Pháp đến khi hòa bình lập lại (1954) thì trở về Hà Nội và làm giáo sư trường Đại học Văn khoa (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội). Ngày 30 tháng 10 năm 1956 tại một phiên họp của Mặt trận Tổ quốc ở Hà Nội, LS Nguyễn Mạnh Tường, với tư cách thành viên của Mặt trận Tổ quốc, đã đọc một bài diễn văn phân tích sâu sắc những sai lầm trong cải cách ruộng đất và đề ra phương hướng để tránh mắc lại sai lầm. Vì phát biểu này, LS Nguyễn Mạnh Tường đã bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp và phải sống khó khăn thiếu thốn như một “kẻ bị khai trừ” (tên cuốn sách tự thuật của ông

Được sự giới thiệu của một người quen, tôi và một anh bạn đã được luật sư Nguyễn Mạnh Tường tiếp trọn cả buổi chiều ngày thứ hai 27.11.1989.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường năm nay đúng 80 tuổi. Dáng người tầm thước, lưng hơi gù, da dẻ nhăn nheo, nhưng sức khoẻ khá tốt, đi đứng vững vàng, đặc biệt trí tuệ còn rất minh mẫn. Suốt hơn ba tiếng đồng hồ chuyện trò, chúng tôi không hề bắt gặp ở ông một dấu hiệu nào của sự đãng trí vốn thường xuất hiện ở người cao niên. Ông nói năng lưu loát, đôi khi hùng hồn. Ông nhớ chính xác chi tiết những sự kiện cũ hoặc mới. Cách lý luận rành mạch.

Điều chúng tôi thích nhất ở ông là sự thành thật. Ở vào hoàn cảnh của ông, thành thật cũng có nghĩa là can đảm. Hơn ba chục năm bị đày đoạ, luôn luôn sống



trong tâm trạng phập phồng chờ đón những thảm kịch thảm khốc nhất, ông không khiếp sợ đến nỗi phải tự biến mình thành một con vẹt chỉ biết lặp lại những câu nói đã thành khẩu hiệu của chế độ hoặc co rút lại trong câm lặng, từ khước đối thoại để tránh khỏi nguy cơ bị hớ hênh, bị chụp mũ.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một người đầu tiên tôi gặp, từ chế độ công sản, vẫn giữ được cái sĩ khí của một người trí thức, “uy vũ bất năng khuất”. Ông không hề từ chối bất cứ câu hỏi nào của chúng tôi dù những câu hỏi đó bắt ông phải công khai bày tỏ thái độ với cái chế độ đã, đang, và có lẽ sẽ tiếp tục đập vùi ông.

Chúng tôi xin phép ghi âm buổi nói chuyện với một sự thiếu tự tin rõ rệt. Chúng tôi nghĩ là ông sẽ từ chối. Nhưng, không. Ông đã vui vẻ chấp nhận. Để bảo đảm sự trung thực, những chi tiết dưới đây, chúng tôi đều dựa vào bản ghi âm này.

Tường cũng nên nhắc lại, trước năm 1945, luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một trí thức xuất sắc nhất của Việt Nam với thành tích đến nay tại Việt Nam dường như chưa có ai theo kịp: 22 tuổi đậu hai bằng

tiến sĩ quốc gia tại Pháp, một bằng về luật và một bằng về văn chương. Về nước, ông hành nghề luật sư và dạy học. Ở cả hai lãnh vực, ông đều thành công và tạo được một uy tín to lớn.

Chúng tôi hỏi luật sư Nguyễn Mạnh Tường:

– Luật sư có thể cho biết luật sư đã tham gia phong trào Việt Minh và sau đó, tham gia kháng chiến như thế nào?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đáp:

– Thật ra tôi không hề tham gia Mặt trận Việt Minh. Bao giờ tôi cũng là một người yêu nước, ưu tư đến việc giành lại độc lập cho đất nước. Tuy nhiên tôi tự xác định cho mình một vị trí là làm một người trí thức. Mà người trí thức, muốn độc lập, thì không nên tham chính. Do đó tôi đã từng từ chối nhiều lời mời ra làm bộ trưởng của nhiều chính phủ. Người trí thức phải đứng về phía dân chứ không đứng về phía chính quyền. Người trí thức chỉ nên đứng ở lãnh vực thuần lý chính trị (politique spéculative). Nghiên cứu, thúc đẩy các trào lưu.

Cách mạng tháng Tám làm tôi rất vui mừng. Tôi mong muốn đóng góp vào việc xây dựng đất nước trong hai lãnh vực sở trường của mình: luật học và nghiên cứu văn học.

Năm 1946, một hôm, ông Nguyễn Hữu Đăng, người sau này tham gia Nhân văn Giai phẩm và bị cộng sản kết án 15 năm tù, đến văn phòng luật sư của tôi nói là Cụ Hồ mời tôi đến gặp Cụ có việc cần. Nguyễn Hữu Đăng chở tôi đến cái chỗ sau này gọi là Phủ Chủ tịch. Ở đó Vũ Đình Huỳnh, Vụ trưởng Vụ Lễ tân, ra tiếp và đưa vào gặp Cụ Hồ. Cụ gọi tôi là Ngài. Cụ nói: “Nhu

Ngài đã biết, chính phủ vừa ký kết với Pháp một bản tạm ước. Theo bản tạm ước ấy, sắp tới, giữa ta và Pháp sẽ có một hội nghị quan trọng. Xin Ngài giúp soạn giùm cho một bản lập trường của chính phủ (these gouvernemental) để sử dụng như một cương lĩnh chỉ đạo cuộc hội nghị”. Tôi đáp: “Công việc này quan trọng quá, xin Cụ nhờ một người nào giỏi và có kinh nghiệm hơn tôi”. Cụ Hồ nói: “Tôi đã hỏi ý kiến nhiều người và ai cũng bảo là chỉ có Ngài mới có thể làm được thôi”. Cuối cùng tôi nhận lời, về nhà, đóng cửa văn phòng luật sư, vận dụng tất cả kiến thức về luật pháp quốc tế cũng như những điều khoản căn bản của tạm ước để soạn bản lập trường. Đến khi đem trình, được Cụ Hồ chấp thuận và do đó, buộc tôi phải tham dự Hội nghị Đà Lạt.

Chúng tôi hỏi:

– Luật sư giữ vai trò gì tại Hội nghị này?

– Tôi là trưởng ban văn hóa và là uỷ viên trong ban chính trị.

– Cuộc hội nghị thành công tốt đẹp?

– Vâng, về cuộc hội nghị này, đã có nhiều người viết. Chỉ có một điều ít ai biết là, kết thúc cuộc hội nghị, hai bên đã tổ chức một bữa tiệc chung. Trong bữa tiệc ấy, tên tuỳ viên của thuỷ sư đô đốc Argenlieu đến cạnh tôi, nói là thuỷ sư đô đốc muốn gặp tôi để nói chuyện. Tôi bảo là tôi không phải trưởng đoàn do đó không có tư cách gì để gặp gỡ thuỷ sư đô đốc cả. Tên tuỳ viên lại bảo đây là sự gặp gỡ thân mật có tính cách cá nhân thôi chứ không phải để bàn bạc điều gì quan trọng cả. Nghe thế, tôi đứng dậy, rời bữa tiệc ra ngoài hành lang gặp Argenlieu. Lúc ấy trong bữa tiệc ai cũng thấy cả. Và cuộc nói chuyện cũng rất vu vơ, thậm chí xã giao về công ăn việc làm thôi. Thế nhưng, về Hà Nội bỗng dưng lại có tin đồn là Nguyễn Mạnh Tường thông đồng với giặc, là Nguyễn Mạnh Tường bán nước...

Chúng tôi hỏi:

– Luật sư có biết tin đồn đó xuất phát từ đâu không?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cười:

– Thì cũng phải có người phát thì nó mới động chứ. Tin đồn đó là cả một chiến dịch

được tổ chức hẳn hoi. Anh Hoàng Xuân Hãn lúc ấy phải đến gặp hình như là Võ Nguyên Giáp thì phải, bảo Tường làm cái gì mà người ta lại tung tin đồn là nó bán nước, theo giặc ghê quá vậy. Nguy cho nó lắm. Mà nguy thật, chỉ cần một phát súng, một mũi dao là xong đời chứ gì. Từ khi anh Hãn can thiệp, tin đồn ấy mới lắng xuống rồi biến mất.

Chúng tôi hỏi:

– Có thể coi đó là nguyên nhân khiến cho về sau cộng sản bạc đãi luật sư chăng?

– Không phải. Cộng sản, những người tham dự hội nghị cùng với tôi, họ biết thực hư, đầu đuôi thế nào hết chứ. Đâu có phải vì tin đồn ấy mà người ta bạc đãi tôi. Đối với trí thức, nói chung cộng sản dùng thì dùng, nhưng bảo là họ có mến yêu không thì tôi... không dám nói là có.

Chúng tôi hướng câu chuyện vào vấn đề chúng tôi quan tâm nhất và có lẽ nhiều người cũng quan tâm đến nhất:

– Theo các tài liệu được phổ biến tại miền Nam trước đây cũng như ở ngoại quốc, luật sư có tham gia vụ Nhân văn Giai phẩm vào những năm 56, 57?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đáp nhanh:

– Thật ra tôi không hề tham gia nhóm Nhân văn Giai phẩm. Mãi sau này khi người ta kết án nhóm Nhân văn Giai phẩm, tôi mới biết đó là một tổ chức chống đảng với những tên tuổi như Trần Dần, Trần Duy, Hoàng Cầm... gì đó.

– Thế nhưng luật sư cũng có mấy bài viết cùng chung lập trường với họ.

– Vâng, tôi có cả thầy hai bài viết mà ông Hoàng Văn Chí có đăng lại trong quyển Trăm hoa đua nở trên đất Bắc ấy mà. Nguyên là, một hôm ông Nguyễn Hữu Đang và ông Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức đến gặp tôi để xin bài. Cả hai đều quen biết với tôi từ trước. Chuyện gặp ông Nguyễn Hữu Đang tôi có kể qua lúc này. Còn ông Trần Thiếu Bảo thì tôi gặp ở Thái Bình thời kháng chiến chống Pháp. Lúc ấy, ông Bảo cũng làm nhà xuất bản. Tôi có đưa cho ông ấy xuất bản quyển “Một cuộc hành trình”, quyển sách đầu tiên của tôi

bằng tiếng Việt.

– Đó là một quyền hội ký?

– Không. À mà cũng có thể gọi là nửa hội ký, nửa nghị luận. Đại khái tôi kể chuyện cuộc đời mình, từ một người trí thức tham gia kháng chiến chống Pháp giành độc lập cho đất nước như thế nào...

– Xin trở lại vụ Nhân văn Giai phẩm...

– Vâng, thì cái bài đăng trên Giai phẩm mùa thu năm 1956 là thế. Còn bài viết về vụ cải cách ruộng đất thì là thế này: đó là bài tôi nói chuyện trong một cuộc hội nghị của Mặt trận Tổ quốc. Các anh cũng biết là vụ cải cách ruộng đất đã thất bại nặng nề đến nỗi ông Trường Chinh đã phải mất chức Tổng bí thư đảng cơ mà. Lúc đó có phong trào sửa sai ghê lắm. Trong cái cuộc vận động sửa sai như thế, ông Tố Hữu rồi ông Trường Chinh rồi ông Xuân Thủy đã lần lượt gọi tôi đến nhà riêng của các ông ấy để yêu cầu tôi, trong hội nghị của Mặt trận Tổ quốc, trình bày cho mọi người biết thế nào là dân chủ. Các ông ấy nói là sau sai lầm của cải cách ruộng đất, chúng ta phải cố làm sao cho chế độ xã hội chủ nghĩa trở thành một chế độ thực sự dân chủ. Nghe thế, tôi mừng quá nên nhận lời ngay. Thế rồi hội nghị được tổ chức. Tôi thuyết trình trọn cả ngày, ba giờ buổi sáng, ba giờ buổi chiều. Thuyết trình xong, người ta khen ghê lắm. Ông Trường Chinh, Ông Xuân Thủy, ông Dương Bạch Mai sau đó lại yêu cầu tôi viết lại bài nói chuyện đó để đưa mấy ông xem.

– Thế, trong hội nghị, luật sư chỉ nói miệng chứ không đọc bài viết đã soạn sẵn?

– Không, thì giờ đâu. Chính mấy ông ấy bảo thì tôi mới viết lại chứ. Tôi đánh máy bài viết thành hai bản, nộp hết cho mấy ông. Thế mà, không biết tại sao, bài viết đó lại lọt ra nước ngoài, bọn báo chí ngoại quốc làm ồn lên thế mới chết chứ.

– Luật sư có nhớ chắc là không hề đưa bài viết ấy cho ai khác?

– Chắc chắn. Cả hai bản đánh máy tôi đều nộp hết cho ông Trường Chinh và ông Xuân Thủy. Tôi chỉ giữ lại bản nháp viết tay thôi.

– Thế thì luật sư có thể đoán được là tại

sao, từ nguồn nào, bài viết của luật sư lại lọt ra nước ngoài được không?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cười lắc đầu:

– Chịu thôi. Ở đời vẫn có những bí mật mật như thế đó, các anh ạ.

Chúng tôi lại hỏi:

– Thế sau khi bài viết bị tiết lộ ra ngoài thì cộng sản đối xử với luật sư như thế nào?

– Thì còn đối xử như thế nào nữa. Kiểm điểm rồi đuổi việc thôi.

– Luật sư có thể cho biết nội dung của những cuộc kiểm điểm ấy được không ạ?

– Được chứ. Thì ở đâu cũng giống nhau thôi. Cứ khẳng khẳng buộc tội tôi chống đảng.

– Khi buộc tội như vậy người ta dựa vào nội dung bài thuyết trình của luật sư hay dựa vào sự kiện bài tham luận được chuyển ra nước ngoài?

– Dựa vào nội dung bài thuyết trình mới chết chứ. Còn chuyện tại sao bài ấy lọt ra nước ngoài thì tôi có biết đâu. Và cũng không ai ghép tội tôi được: bằng chứng đâu?

– Nhưng nội dung bài thuyết trình, như luật sư cho biết là được soạn theo yêu cầu của ông Trường Chinh, Xuân Thủy, Tố Hữu mà...

– Thì đấy...

– Tại sao luật sư không nói cho họ biết điều đó?

– Có. Tôi có nói chứ. Nhưng ai nghe? Người ta bảo cán bộ yêu cầu tôi phát biểu về nội dung khái niệm dân chủ chứ đâu có yêu cầu tôi chống lại đảng?

– Thế luật sư có chống lại đảng không?

– Ít ra, trong cuộc thuyết trình tại Hội nghị của Mặt trận Tổ quốc cũng như trong bài viết lại mà tôi nộp cho ông Trường Chinh, ông Xuân Thủy... thì tuyệt đối không có một câu, một chữ nào chống đảng cả. Tôi chỉ phê phán những sai lầm trong cải cách ruộng đất thôi. Mà những sai lầm ấy thì quá hiển nhiên, ngay cả đảng cũng nhìn nhận mà, chứ đâu phải mình tôi.

– Luật sư có đi tham gia cải cách ruộng đất?

– Có. Hội ấy tất cả mọi cán bộ đều phải về các địa phương để tham gia cải cách ruộng

đất cả. Tôi cũng phải đi

– Luật sư về địa phương nào?

– Phủ Nho Quan

– Công việc của các cán bộ cụ thể là làm gì?

– Để phụ với nhân dân tổ chức các cuộc cải cách ruộng đất thôi.

Trầm ngâm một lát, luật sư Nguyễn Mạnh Tường kể tiếp:

– Chính trong những đợt đi xuống địa phương ấy tôi mới thấy rõ, thấy hết sự tàn bạo của nó.

Lại im lặng. Chúng tôi cũng im lặng chờ đợi. Giọng của luật sư Nguyễn Mạnh Tường trầm trầm, buồn buồn:

– Đầu tiên, về Phủ Nho Quan, chúng tôi được học tập là theo lệnh từ trên, tại địa phương này có cả thảy 80% dân chúng thuộc thành phần địa chủ. Tôi điếng cả người. Phần nộ thấy ngay cách làm việc như vậy là rất trái khoa học. Khoa học nào cũng phải sử dụng phương pháp quy nạp, phải căn cứ trên quá trình điều tra thực tế cẩn thận, từ thực tế mà đúc kết thành nhận định. Đảng này thì máy ông từ Trung ương cứ tưởng tượng ra các chỉ tiêu rồi ra lệnh xuống bắt các địa phương phải thực hiện. Cán bộ địa phương muốn hoàn thành công tác thì phải kích thôi. Có nhiều gia đình nghèo xơ nghèo xác, ở trong một căn nhà hẹp có hai gian, tài sản đâu chỉ được một hai mẫu ruộng, thế mà cũng bị khép vào thành phần địa chủ. Để cho đủ số lượng ấy mà ! Tội lắm. Oan ức nhiều không sao kể hết được.

– Luật sư có tham gia vào cuộc xử án nào không?

– Không. Người ta đâu có cần luật sư. Mình đi cốt là để rèn luyện quan điểm, rèn luyện lập trường thôi chứ đâu phải để xử án hay để biện hộ cho ai.

– Thế thì ai làm chánh án, luật sư trong các vụ đấu tố?

– Chẳng có chánh án, luật sư gì cả. Phiên tòa được tổ chức ở một bãi sân rộng đâu đó trong làng. Máy anh thuộc thành phần bản cổ nông ngồi ngất ngưỡng trên bàn để luận tội, còn mấy người bị gọi là địa chủ thì bị xích cổ, trói chân, trói tay quỳ mọp giữa sân...

– Có cả chuyện xích cổ ư?

– Có. Suốt “phiên tòa”, hết bản cổ nông này lên tiếng chửi thì bản cổ nông khác lên chửi tiếp. Xong rồi thì đến lượt hành hình địa chủ, vậy thôi.

– Luật sư có bao giờ can thiệp vào những vụ đấu tố dã man như vậy không?

– Có mà muốn chết à? Không. Có chảy nước mắt thì cũng ráng mà giấu đi.

– Có địa chủ nào được quyền tự biện hộ, tự thanh minh cho mình không?

– Không. Lúc đó ai cũng hồn kinh phách tán cả rồi, mặt mũi xanh rờn, đứng còn không nổi nữa thì nói gì đến chuyện tự biện hộ. Mà ai cho? Cứ bị khép vào thành phần địa chủ là coi như đã chết.

– Luật sư có phỏng đoán được số lượng những người bị giết chết trong đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào hồi ấy là bao nhiêu không?

– Không. Chỉ biết được ở cái địa phương mình về thôi.

– Cụ thể, ở Phủ Nho Quan là bao nhiêu người bị giết chết?

– Tôi không nắm con số. Nhưng nhiều, nhiều lắm. Hơn nữa, sau các đợt cải cách ruộng đất còn có các đợt chỉnh phong trong hàng ngũ cán bộ cũng làm cho nhiều người bị oan ức lắm.

– Nội dung các cuộc chỉnh phong là sao?

– Là trừng phạt những đảng viên, những cán bộ có quan hệ ít nhiều với địa chủ, với phản động. Thậm chí, có nhiều người lúc trẻ là đảng viên Quốc dân đảng, từ năm 45, 46, đã theo kháng chiến rồi vào đảng cộng sản, vậy mà người ta còn truy quá khứ ra để hành tội.

– Sau mấy chục năm, nhìn lại, luật sư đánh giá thế nào về cải cách ruộng đất?

– Dĩ nhiên là nó sai rồi. Không những sai, nó còn ác, cực ác nữa. Tôi nghĩ nó không có chút gì Việt Nam cả. Người Việt Nam, trong suốt lịch sử mấy ngàn năm, chưa bao giờ tàn bạo đến như vậy. Nó là dấu ấn của Mao...

– Dấu ấn trực tiếp hay gián tiếp?

– Tôi không biết. Ngay thời kháng chiến chống Pháp, tôi có gặp Đại sứ Trung Quốc trên

các chiến khu. Bận một bộ đồ trắng toát, cưỡi ngựa, trông oai quyền ghê lắm. Ông ấy tên Lã Quý Ba. Người ta nói ông ấy chính là kẻ chỉ huy, vạch kế hoạch cho các phong trào cải cách ruộng đất tại Việt Nam.

– Nhưng Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền kia mà?

– Thì đấy. Ngay cái chuyện bắt chước Liên Xô, bắt chước Trung Quốc đã sai rồi thì những chuyện khác theo đó sai theo...

Chúng tôi trở lại chuyện Nhân văn Giai phẩm:

– Xin luật sư kể tiếp về những hình phạt đối với luật sư?

– Kiểm điểm rồi đuổi việc. Tôi có kể khi này.

– Cụ thể, trước đó, luật sư làm gì?

– Tôi làm giám đốc Đại học Luật, phó giám đốc Đại học Sư phạm, chủ nhiệm Câu lạc bộ trí thức và nằm trong ban chấp hành của 10 tổ chức quần chúng ở miền Bắc.

– Đó là những tổ chức gì?

– Ủy ban Hoà bình thế giới; Hội hữu nghị Việt Xô; Hội hữu nghị Việt Pháp; Hội Luật gia Việt Nam...

– Luật sư có bị bắt, có bị giam cầm gì không?

– Không. Chỉ bị đuổi ra khỏi tất cả những nơi đang làm việc. Và độc ác nhất là bị cô lập hoàn toàn. Các anh cứ tưởng tượng suốt mấy chục năm trời, không ai dám đến gặp tôi cả. Họ sợ bị liên lụy đến bản thân, đến gia đình của họ. Có khi, đi ngoài đường, nhìn thấy tôi từ xa, là bạn bè, học trò cũ của tôi phải tránh đi chỗ khác. Tôi cũng không trách gì họ. Vì sự an toàn của họ, họ phải làm thế thôi. Nhưng đau xót lắm.

– Trong thời gian suốt mấy chục năm trời như vậy, luật sư làm gì để sống?

– Không làm gì cả. Xin việc gì người ta cũng không nhận. Thoạt đầu, cứ bán dần đồ đạc trong nhà mà ăn tiêu. Bán bàn ghế, giường tủ, rồi bán quần áo, giày dép... cuối cùng phải bán đến cả sách vở tôi dành dụm thu thập sắm trong hai mươi năm. Bán theo giá bán giấy ký thời. Rẻ mạt. Nhưng cần sống thì phải bán. Cứ mỗi lần bán sách là mỗi lần tôi có cảm tưởng

như có ai lấy dao găm đâm vào tim của mình. Rồi tất cả đồ đạc cạn dần, cạn dần. Tôi lại sống bằng sự bố thí của anh em, bạn bè. Lâu lâu người này cho cái đồng hồ, người khác cho một ít tiền.[1]

– Những người giúp luật sư thuộc thành phần nào?

– Một số là học trò cũ của tôi; một số là những bạn bè của tôi lúc tôi còn ở Pháp và một số khác nữa là những người hoàn toàn xa lạ vì nghe tiếng tôi, thương cho hoàn cảnh của tôi, từ Pháp thỉnh thoảng cho một ít quà.

– Họ là người Việt Nam hay người Pháp?

– Người Việt có, người Pháp có.

Thấy cuộc nói chuyện đã khá thân mật, chúng tôi dè dặt nêu ra câu hỏi khác, một câu hỏi thú thật chúng tôi rất tò mò:

– Ba mươi lăm năm sống dưới chế độ cộng sản, luật sư nhận xét gì về cái chế độ này?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường dẫn đo một lát rồi đáp:

– Mình nên khách quan. Người cộng sản họ vừa có công lại vừa có tội.

– Luật sư nghĩ gì khi có người gọi chế độ cộng sản tại Việt Nam là một nhà nước công an trị (état policier)?

– Đồng ý thôi. Điều đó thì rõ quá.

– Có người còn phân tích thêm, cái nhà nước công an trị ấy tồn tại bằng ba cơ chế: thứ nhất là công an khu vực; thứ hai là hộ khẩu; thứ ba là chế độ quản lý lương thực. Luật sư nghĩ sao?

– Đúng. Từ khi bị thất sủng, tôi vô cùng thấm thía những cái chuyện đó. Không đi làm được, sống bằng cách bán đồ đạc hoặc bằng sự bố thí của người khác mà phải mua lương thực tự do giá cao gấp trăm lần giá chính thức thì khó khăn ghê lắm. Có lúc tưởng không vượt qua được. Còn chuyện hộ khẩu và công an khu vực thì khỏi phải nói. Những chuyện ấy bây giờ vẫn còn đấy nhé

– Luật sư qua Pháp đã gần hai tháng nay, luật sư có theo dõi tình hình tại các nước Đông Âu không?

– Có chứ.

– Luật sư nghĩ sao?
 – Mừng. Mừng lắm.
 – Tình hình Việt Nam hiện nay thì sao?
 – Khó khăn lắm.
 – Phong trào đổi mới rồi sẽ tới đâu?
 – Chưa biết được. Nhưng có điều chắc chắn là sẽ không có gì đổi mới cả nếu chưa có dân chủ, trước hết là chưa tôn trọng luật pháp. Vì luật pháp không anh minh cho nên có kêu gào đầu tư đến mấy cũng không có ai dám liều lĩnh đầu tư cả. Kinh tế vẫn kiệt quệ mãi.
 – Tại sao cộng sản lại cho một người như luật sư sang Pháp?
 – Tôi nộp đơn xin xuất cảnh đúng vào thời điểm họ tuyên bố đổi mới. Chứ nếu bây giờ, chưa chắc đã đi được.
 – Luật sư nộp đơn xin xuất cảnh từ lúc nào?
 – Năm ngoái. Hai tháng sau thì cầm được giấy phép của Việt Nam. Nhưng nộp vào Tòa đại sứ Pháp thì phải chờ đúng tám tháng.
 – Luật sư có ý định ở lại Pháp luôn không?
 – Không. Tháng 12 tới tôi sẽ về lại. Trong thần thoại Hy Lạp có chuyện một vị thần chỉ mạnh mẽ khi đứng trên mặt đất, hễ ai nhắc lên khỏi mặt đất thì thành ra yếu ngay. Tôi nghĩ một người trí thức hay một văn nghệ sĩ cũng vậy. Phải ở trong nước, giữa những thử thách mới tìm ra được sức mạnh.
 – Có một số anh em trí thức yêu nước, muốn về Việt Nam để canh tân đất nước, luật sư nghĩ là có nên hay không?
 – Không. Cứ ở đây làm việc. Đừng về. Về sẽ bị kẹt.
 – Tại sao?
 – Tôi có nhiều kinh nghiệm về chuyện này. Thế hệ của tôi, bao nhiêu người tài giỏi, Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước... Về nước họ có làm được gì đâu? Thì cũng có một vài đóng góp đấy, nhưng tôi nghĩ, hoàn toàn không tương xứng với khả năng của họ. Đó là chưa kể đến những người kém may mắn hơn. Như tôi chẳng hạn. Có làm gì được đâu?
 – Lâu nay, luật sư có viết lách gì không?
 – Có. Mấy chục năm qua, tôi hoàn thành

được bốn công trình nghiên cứu. Một là “Lý luận giáo dục” (ở châu Âu từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18); hai là “Eschylle và bi kịch cổ đại Hy Lạp”; ba là “Virgile và anh hùng ca latin”; bốn là dịch vở kịch của Eschylle.

– Luật sư viết bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp?

– Tất cả đều bằng tiếng Việt. Dụng ý của tôi là để cho người Việt đọc. Tôi mượn những vấn đề trên để cho người Việt đặc biệt là những người lãnh đạo hiểu thế nào là con người, thế nào là dân chủ, tự do, thế nào là quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, v.v...

– Những quyển sách ấy có được in ra chưa?

– Chưa. Tôi có gửi lên Ban khoa giáo Trung ương. Người ta khen là nghiên cứu công phu. Nhưng đến nay không ai chịu in cả. Người ta bảo là không có giấy.

Nhìn đồng hồ thấy đã hơn 6 giờ chiều. Mùa đông trời tối sớm. Chúng tôi cảm ơn luật sư Nguyễn Mạnh Tường để chấm dứt câu chuyện đã kéo dài hơn ba giờ liền. Và hỏi:

– Thưa luật sư, chúng tôi ghi âm buổi nói chuyện hôm nay với mục đích giữ làm kỷ niệm. Tuy nhiên không biết luật sư có đồng ý cho phép chúng tôi công bố những điều luật sư phát biểu chẳng?

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cười dễ dãi:

– Các anh cứ tự nhiên. Những điều tôi nói toàn là sự thật cả.

– Sắp về lại Việt Nam, luật sư không sợ sao?

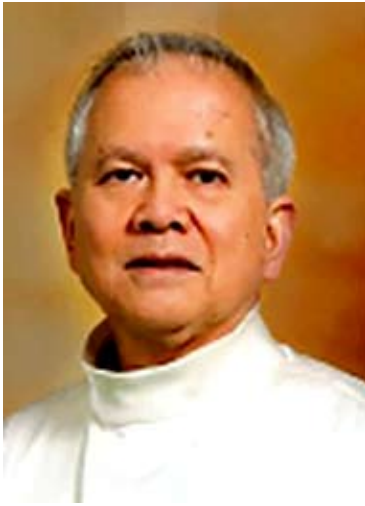
Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cười to:

– Các anh nhớ là tôi đã 80 tuổi rồi. Tính theo tuổi ta là 81 đấy.

Chúng tôi ra về, lòng phơi phơi vui. Vui vì được gặp một người lâu nay mình ngỡ đã chết. Vui hơn nữa, vì thấy Nguyễn Mạnh Tường, cái tên tuổi mình từng kính phục từ thuở bồng nổ vụ Nhân văn Giai phẩm ở miền Bắc, sau bao nhiêu đoạ đầy, vùi dập, vẫn giữ nguyên cái sĩ khí của một người trí thức uy vũ bất năng khuất. Ở Việt Nam giờ đây, còn được bao nhiêu người như thế nhỉ?./.

Nguồn: (FB Loc Pham)

HỆ THỐNG XỬ ÁN VÀ TỔ CHỨC CÁC TÒA LIÊN BANG HOA KỲ



LS NGUYỄN MẠNH SAN



Những vụ tranh chấp được giải quyết ở Tòa là do sự bất đồng ý kiến giữa người này với người kia về một sự kiện đã xảy ra. Chẳng hạn như ông A lái xe vượt đèn đỏ đâm đầu vào xe ông B, nhưng ông A vẫn cho là mình phải vì đang chạy xe qua đèn xanh. Hoặc trường hợp khác như vụ đánh cướp trong khi ông C lại có người em song sinh giống nhau như hai giọt nước khiến có sự lầm lẫn thủ phạm. Vậy Tòa sẽ phải điều tra xem sự thực của hai trường hợp vừa kể để phán quyết bản án cho những người thực sự phạm tội. Nếu ông A có lỗi gây ra tai nạn cho ông B thì ông A phải bồi thường một số tiền thiệt hại cho ông B do Tòa quy định. Còn nếu ông C chính là thủ phạm cướp tiền ngân hàng thì ông C phải lãnh án tù ở do Tòa phán quyết.

Như vậy Tòa Án là một trong những cơ quan công quyền đóng một vai trò hết sức quan trọng trong xã hội. Tòa sẽ phán quyết người nào có tội, người nào vô tội, căn cứ trên những bằng chứng xác thực cấu thành tội phạm theo luật. Tòa sẽ phán dạy những hình phạt nặng nhẹ để được thi hành triệt để đối với phạm nhân. Đồng thời **Tòa án cũng là nơi giúp dân chúng giải quyết những vụ tranh chấp riêng tư giữa người này với người khác trong tinh thần hòa giải công bằng và hợp lý.**

Đôi khi chúng ta cũng thấy có những phán quyết của Tòa gây nhiều tiếng vang và làm ảnh hưởng đến tâm lý quần chúng một

Tại Hoa Kỳ có hai hệ thống chính yếu: Xử Án và Tổ Chức các Tòa án Liên Bang và Tiểu Bang Hoa Kỳ. Hệ thống xử án và tổ chức các Tòa án Tiểu Bang vô cùng phức tạp và đa diện. Vì nó bao gồm nhiều Tòa án địa phương cấp Tỉnh, Quận và Thành phố. Ngoài ra hệ thống xử án và tổ chức Tòa án của Tiểu Bang này đôi khi hoàn toàn khác biệt với Tiểu Bang kia. Trong khi đó **HỆ THỐNG XỬ ÁN và TỔ CHỨC CÁC TÒA ÁN LIÊN BANG** theo phương thức **đồng nhất trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ.**

Sau đây chúng tôi lần lượt trình bày Hệ Thống Xử Án và Tổ Chức Các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ mà nhiều người trong chúng ta một khi đã nhập quốc tịch thì ít nhất một lần đều phải đến Tòa Án Liên Bang để tuyên thệ trở thành công dân Hoa Kỳ.

1. CÁC CẤP TÀI PHÁN

Như nhiều người đã biết, **Tòa án là một trong những cơ cấu công quyền do chính phủ Liên Bang và chính phủ Tiểu Bang lập ra để giúp dân chúng giải quyết các vụ tranh chấp qua các thủ tục pháp lý.**

cách mạnh mẽ và sâu rộng hơn là đến những cá nhân nguyên cáo hay bị cáo trong vụ án.

Thật vậy, vào năm 1965 tại Tiểu Bang Iowa có 3 học sinh bị tạm đuổi không cho đến trường học. Lý do là vì cả 3 học sinh này khi đi học đã đeo băng đen ở cánh tay để tỏ thái độ chống đối chiến tranh Việt Nam. Ba học sinh này đã kiện nhà trường ra Tòa vì làm như vậy với họ là trái luật. Tòa án Tối Cao của Tiểu Bang Iowa sau khi cứu xét kỹ càng đã phán quyết việc nhà trường đuổi học ba học sinh này là vi phạm quyền tự do bày tỏ quan điểm cá nhân hay của đoàn thể do Hiến Pháp Hoa Kỳ đã quy định. Và phải thu hồi lệnh đuổi và thu nhận 3 học sinh này trở lại đi học như thường. Bản phán quyết này của Tòa Án đã gây một ảnh hưởng tâm lý sâu rộng trong quần chúng trên toàn nước Mỹ lúc bấy giờ liên quan đến quyền tự do bày tỏ quan điểm cá nhân hay hội đoàn trong tinh thần ôn hòa và trật tự. Trong một vụ án khác về trường học xảy ra tại Tiểu Bang Kansas giữa phụ huynh học sinh kiện Sở Giáo Dục của thành phố Topeka. Tòa đã phán quyết việc Sở Giáo Dục của thành phố này bắt buộc trẻ em da đen phải học riêng trường là vi phạm Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Trong phần mở đầu bài này chúng tôi đã trình bày là có 2 Hệ Thống Xử Án và Tổ Chức Các Tòa Án Của Tiểu Bang và Liên Bang Hoa Kỳ. Cả hai loại này đã bắt nguồn từ đặc tính pháp trị của Hiến Pháp Hoa Kỳ mà người ta gọi là chính sách cai trị Liên Bang. Chính sách này dành một số nhiệm vụ cho chính phủ Liên Bang Hoa Kỳ. Trong khi phần lớn các nhiệm vụ khác cũng không kém phần quan trọng lại dành cho chính phủ các Tiểu Bang. Những nhiệm vụ này mang tính cách bảo vệ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ bao gồm 50 Tiểu Bang. Chẳng hạn việc giữ gìn an sinh sạch sẽ các sông ngòi, bảo vệ quốc phòng và giám sát tất cả những công việc thuộc về tài sản quốc gia. Còn chính phủ của các Tiểu Bang thì thi hành các nhiệm vụ riêng của từng Tiểu Bang, như điều hành trường học, giữ gìn an ninh trật tự của Tiểu Bang, xây cất và bảo trì cầu cống, đường xà của Tiểu Bang.



9 Thẩm Phán của Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ

Riêng Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ có trách nhiệm phải giải quyết những vụ tranh chấp có liên quan đến Hiến Pháp và Luật Lệ do Quốc Hội Hoa Kỳ đã chung quyết ban hành. Tòa án Tiểu Bang trong khi xét xử các vụ kiện phải áp dụng đúng theo Hiến Pháp và Luật Lệ của Tiểu Bang mình, nhưng không được trái với tinh thần pháp lý của Hiến Pháp và Luật Lệ mà Quốc hội Hoa Kỳ đã ban bố.

Trong việc tổ chức các Tòa Án Liên Bang thì Tòa Án Liên Bang Khu là nhiều hơn cả. Quốc Hội Hoa Kỳ đã phân chia lãnh thổ Hoa Kỳ ra làm 94 Khu, mỗi Khu có một Tòa Án Liên Bang Khu (United States District Court). Các Tòa Án Khu đặt trực thuộc dưới quyền 12 Tòa Án Miền (Regional Circuit). Nếu một vụ kiện bị xử thua ở Tòa Án Liên Bang Khu, thì bên thua có thể kháng cáo bản án lên Tòa Án Liên Bang Miền xin tái xét xử để xem bản án cấp Khu có xử đúng luật hay không.

Tòa án cao nhất Hoa Kỳ là Tòa Án Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ (The Supreme Court of the United States) tọa lạc tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Tòa án này nổi tiếng nhất nước Mỹ và là quyền lực tư pháp cao nhất nước Mỹ. Một vụ kiện bị xử thua ở Tòa Án Liên Bang Khu, thì được quyền chống án lên Tòa Án Liên Bang Miền để xin tái thẩm; nếu Tòa Án Liên Bang Miền vẫn xử y án của tòa dưới, vẫn có thể thượng tố lên Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ xin xét xử lại bản án của Tòa Án Liên Bang Miền. Tuy nhiên không giống như Tòa Án Miền, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ rất ít khi xét xử lại những bản án do Tòa Án Liên Bang Miền

đã phán quyết.

2. TÍNH CHẤT TÀI PHÁN HÌNH SỰ VÀ DÂN SỰ

Nhiều người trong chúng ta ít để ý đến sự khác biệt giữa vụ kiện về hình sự (Criminal case) với vụ kiện về dân sự (Civil case).

Vụ kiện về hình sự là một người hay nhiều người bị chính quyền truy tố ra Tòa về những hành động phạm pháp có thể gây nguy hại cho cả một tập thể quần chúng trong xã hội chứ không riêng chỉ làm nguy hại cho một cá nhân nào đó mà thôi. Một khi Tòa án hay Bồi Thẩm Đoàn đã kết tội bị cáo là thủ phạm thì đương sự sẽ lãnh án phạt tiền hay phạt tù hoặc án treo. Trước khi một tội phạm về hình sự bị đưa ra Tòa xét xử, phạm nhân phải được xác nhận trước Bồi Thẩm Đoàn là đương sự thực sự phạm tội, hoặc được xác nhận bởi những nguồn tin đáng tin cậy do các nhân chứng cung cấp, xác nhận chính đương sự là thủ phạm. Sau đó chính quyền có trách nhiệm nhân danh xã hội truy tố hành động phạm pháp của đương sự ra trước Tòa án để được xét xử công khai trước quần chúng chứ không không phải trách nhiệm của nạn nhân trong vụ án đòi truy tố phạm nhân ra Tòa. Đôi khi có những vụ án về hình sự chỉ có phạm nhân mà không có nạn nhân. Chẳng hạn chính phủ Liên Bang có thể truy tố ra Tòa những người nào mà chính phủ nghi ngờ là làm gián điệp cho địch gây nguy hại cho cả nước Hoa Kỳ; cũng như chính phủ của các Tiểu Bang có thể bắt giữ và truy tố ra Tòa những người bị nghi ngờ là say rượu hay uống rượu trong lúc lái xe để gây tai nạn chết người vô tội đang đứng trên lề đường, vốn là một tai họa lớn cho xã hội.

Những vụ kiện về dân sự có thể của cá nhân hay hội đoàn, hãng xưởng kiện nhau ra Tòa vì một bên (party) đã bội ước vi phạm lời cam kết, hoặc một bên không thi hành nghiêm chỉnh trách nhiệm pháp lý của mình. Nói một cách rõ hơn là chúng ta sống trong một xã hội, mọi người đều có bổn phận, trách nhiệm pháp lý về tinh thần cũng như vật chất như: không được làm tổn thương đến danh dự người khác và cũng không được làm thiệt hại đến thân thể

người khác, dù trực tiếp hay gián tiếp do sự bất cẩn của mình. Chẳng hạn một người hàng xóm ở cạnh nhà bạn đã bất cẩn vất vỏ chuối trên lề đường trước cửa nhà họ và bạn đi qua vô tình dẫm chân lên vỏ chuối bị trượt té xuống đường làm bạn gãy xương hông phải vào nhà thương điều trị. Bạn có thể kiện người hàng xóm đó ra Tòa dân sự để đòi bồi thường sự thiệt hại về vật chất do sự bất cẩn của đương sự gây ra. Nếu bạn thắng kiện, người hàng xóm đó sẽ không phải đi tù hay bị Tòa phạt vạ, nhưng Tòa sẽ phán quyết bị can phải trả một số tiền để bạn trang trải tiền bác sĩ và nhà thương .v.v...

Một vụ kiện dân sự khác về bội ước giao kèo như: Một tiệm bán đồ gỗ cho một hãng thầu xây cất nhà cửa với giá đặc biệt, có giao hẹn ngày giao hàng. Nhưng rồi tiệm bán gỗ đã thất hẹn, tới ngày giao hàng hãng xây cất vẫn không nhận được gỗ, buộc lòng hãng phải đi mua gỗ ở nơi khác với giá mắc hơn để kịp xây cất nhà cho khách hàng. Sau đó, hãng thầu kiện tiệm gỗ ra Tòa về tội bội ước để đòi bồi thường số tiền thiệt hại phải mua gỗ nơi khác mắc hơn.

3. THẨM QUYỀN TÀI PHÁN TIỂU BANG VÀ LIÊN BANG

Tới đây chúng ta cũng nên tìm hiểu xem những vụ tranh tụng nào được đưa ra xét xử tại các Tòa án Tiểu Bang trên khắp đất nước Hoa Kỳ, vốn là hệ thống Tòa án giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc điều hành và thực thi công lý cho mọi công dân.

Trên thực tế, hầu hết các vụ tranh tụng đều được xét xử tại các Tòa án Tiểu Bang và các Tòa án này tiếp xúc hàng ngày với dân chúng nhiều nhất. Nếu ai trong chúng ta phải đi hầu Tòa với tư cách nguyên cáo (plaintiff), bị cáo (defendant), nhân chứng (witness) hay với tư cách bồi thẩm (jury) v.v... thì 90% những người này phải đến tiếp xúc với Tòa án Tiểu Bang và chỉ có 10% là đến Tòa án Liên Bang, thường là trong các vụ cướp bóc, hành hung người gây thương tích và những vụ vi phạm luật giao thông.

Nhờ vào quyền tài phán vô giới hạn theo như Hiến Pháp Hoa Kỳ đã qui định cho các

Tiểu Bang, và Hiến Pháp của mỗi Tiểu Bang cũng dành quyền tài phán cho các Tiểu Bang mình, nên các Tòa án Tiểu Bang thường chọn quyền xét xử hầu hết các vụ kiện cáo xảy ra trong Tiểu Bang mình.

Trong nhiều năm gần đây, con số kỷ lục các vụ kiện cáo hàng năm do các Tòa án Tiểu Bang xét xử được ước lượng khoảng 29 triệu vụ. Đó là chưa kể đến những vụ án về giao thông công cộng và những vụ phạt vi cảnh vì đậu xe bừa bãi. Ngược lại cũng trong cùng thời gian đó, hàng năm chỉ có khoảng hơn một triệu vụ án được xét xử tại Tòa án Liên Bang mà thôi. Trong khi phải kể đến một nửa tổng số những vụ án đó đều thuộc về phá sản (bankruptcy) và chỉ có một phần mười của tổng số trên một triệu vụ là những vụ án tiểu hình (minor criminal cases). Do đó con số các vị quan tòa ngồi xử án của hai hệ thống xử án Tiểu Bang và Liên Bang cũng rất là cách biệt nhau khá xa. Khoảng gần 30 ngàn quan tòa (judges) thuộc Tòa án Tiểu Bang trong khi chỉ có gần một ngàn năm trăm quan tòa Liên Bang (federal judges) bao gồm luôn cả những quan tòa phụ thẩm (US magistrates).

Như đã trình bày trong phần mở đầu của bài này là các quan tòa Liên Bang không có quyền tài phán rộng rãi (broad jurisdiction) như các tòa án Tiểu Bang. Do đó Hiến Pháp Hoa Kỳ đã qui định giới hạn những loại tranh tụng nào Tòa án Liên Bang mới có thẩm quyền. Chẳng hạn Tòa án Liên Bang chỉ có thẩm quyền xét xử những vụ tranh tụng mà một bên (party) là chính phủ Hoa Kỳ, những vụ kiện liên quan đến các hành động vi phạm Hiến pháp Hoa Kỳ hoặc những vụ vi phạm đến luật lệ Liên Bang (federal laws); những vụ kiện liên quan đến các nhà ngoại giao đại diện cho các quốc gia khác; Một số vụ án đặc biệt về phá sản hay những vụ tranh tụng về tai nạn xảy ra trên biển. Ngoài ra, Tòa án Liên Bang còn xét xử những vụ tranh tụng dựa vào những nguyên tắc pháp lý căn bản của Tiểu Bang mà cả hai bên (both parties) bị cáo cũng như nguyên cáo đều không cùng cư trú trong một Tiểu Bang, nói cách rõ ràng hơn là mỗi bên cư ngụ ở một Tiểu Bang khác nhau. Có một số vụ tranh tụng đôi bên có thể

chọn lựa xin Tòa Liên Bang hoặc Tiểu Bang xét xử, nhưng những trường hợp như vậy thường rất hiếm.

Hầu hết các vụ tranh tụng do Tòa án Liên Bang xét xử đều là những vụ về dân sự (civil cases) nhiều hơn là những vụ hình sự (criminal cases). Như chúng ta biết Quốc Hội Hoa Kỳ đã biểu quyết và thông qua đạo luật ấn định quyền hạn cho các vị chủ nhân của các cơ quan công cũng như tư là không được quyền từ chối thuê mướn nhân viên hay nhân công chỉ vì lý do khác biệt chủng tộc (race), khác phái tính (sex) hoặc vì có những đặc tính khác biệt liên hệ đến việc thừa hành công việc (job performance).

Chúng ta hãy đem một trường hợp tranh tụng về dân sự như: Có một công nhân nộp đơn tại Tòa án Liên Bang đòi truy tố một hãng xưởng vì đã không thi hành nghiêm chỉnh đạo luật vừa kể trên, là đã từ chối không chịu thu dụng đương sự vào làm việc cho hãng chỉ vì đương sự là đàn bà. Hãng này cho đương sự biết là chỉ thuê mướn đàn ông thôi, viện cớ là những công việc của hãng đều là những công việc nặng không thích hợp cho đàn bà. Một vụ tranh tụng khác về dân sự tại Tòa án Liên Bang như đương đơn khiếu nại là bị cơ quan công quyền từ chối không cho hưởng quyền lợi trợ cấp an sinh xã hội đúng theo luật lệ đã ban hành mà đương đơn cho rằng mình đủ điều kiện để được hưởng tiền trợ cấp đó. Lại một vụ tranh tụng khác như đương đơn khiếu nại tại Tòa là có một hãng bán những sản phẩm tương tự như sản phẩm của họ tại một địa phương.

Một số đơn khiếu nại (complaint) tại Tòa án Liên Bang do các luật sư đệ nạp thay mặt cho dân chúng để yêu cầu Tòa xét lại những quyết định và việc làm của một số cơ quan hành chính Liên Bang (federal administrative agencies) xem đúng hay sai, cũng được kể như là những vụ tranh tụng về dân sự. Thí dụ như những cơ quan bảo vệ những khu vực lân cận khỏi bị ô nhiễm (the environmental protection agency), đã cho phép một xưởng chế tạo giấy được quyền đổ những nước dư thừa từ trong máy làm giấy ra con sông nằm trong khu vực có dân cư, đã bị dân chúng trong khu vực đó chống đối quyết liệt và làm đơn khiếu nại tại

Tòa xin xét xử quyết định cho phép của cơ quan chính quyền có hợp pháp hay không. Những vụ khiếu nại xin Tòa xét lại những quyết định cấp giấy phép của một số cơ quan chính quyền đều được xét xử tại các Tòa Án Liên Bang Vùng (US Circuit Courts Of Appeals) chứ không phải xử ở Tòa Án Liên Bang Khu (US District Courts).

Chúng ta cần biết lý do tại sao các vụ tranh tụng về dân sự được xét xử tại Tòa Án Liên Bang lại nhiều hơn các vụ tranh tụng về hình sự được xét xử tại các Tòa án Tiểu Bang. Là vì Hiến Pháp Hoa Kỳ đã qui định dành quyền cho Tòa án Tiểu Bang xét xử hầu hết những hành động phạm pháp về hình luật. Ví dụ hành động cướp bóc là tội hình. Vậy luật nào đã qui định hành động cướp bóc là tội hình? Xin thưa rằng hầu hết các luật Tiểu Bang (states laws) đều qui định rõ hành động cướp bóc là phạm trọng tội theo hình luật, trong khi chỉ có rất ít luật Liên Bang qui định hành động cướp bóc các ngân hàng có ký quỹ tiền bảo hiểm với chính quyền Liên Bang là phạm trọng tội (felony). Còn một số trọng tội khác được qui định trong luật Liên Bang như chuyển dịch cần sa từ nước ngoài vào nội địa Hoa Kỳ và việc sử dụng hệ thống bưu điện Hoa Kỳ để xâm nhập và tiêu thụ số hàng bất hợp pháp này.

Các Tòa án Liên Bang cũng xét xử những vụ án khai phá sản, khánh tận (Bankruptcy) và những vụ án này sẽ do những quan tòa chuyên biệt về phá sản xét xử (Bankruptcy Judges). Các vị quan tòa này sẽ phán quyết và đặt kế hoạch phân phối tài sản còn lại cho các chủ nợ. Nhiều vụ án phá sản con nợ đã không trả lại cho chủ nợ một đồng xu nào cả vì con nợ không còn gì để lại cho Quan Tòa phân phối cho chủ nợ, nên Tòa phán truyền cho con nợ không phải hoàn trả cho chủ nợ bất cứ món nợ nào và kể từ nay con nợ được quyền khởi sự lập lại sự nghiệp mới (fresh start) mà không còn sợ ai đến đòi nợ nữa.

Như ta thấy, mặc dầu tổng số các vụ kiện tụng được xét xử tại Tòa án Liên Bang thì quá ít ỏi so với tổng số khổng lồ các vụ kiện cáo được xét xử ở các Tòa án Tiểu Bang, nhưng các vụ án Liên Bang có tầm mức gây ảnh hưởng tâm

lý quần chúng mãnh liệt hơn trên khắp lãnh thổ Hoa Kỳ và đôi khi gây tiếng vang khắp thế giới. Bởi vì Tòa án Liên Bang đã áp dụng luật lệ Liên Bang đúng theo Hiến Pháp Hoa Kỳ đã qui định và đồng thời bảo vệ triệt để các quyền lợi của Chính phủ Liên Bang Hoa Kỳ.

4. THỦ TỤC KHIẾU KIỆN VÀ XÉT XỬ

Khởi đầu một vụ tranh tụng về dân sự tại tòa là do một người hay nhiều người, hoặc luật sư đại diện cho thân chủ đến nộp đơn khiếu nại tại văn phòng tổ tụng tại Tòa án (office of Court clerk). Đơn khiếu nại tố giác hành động sai lầm của đối phương. Người đứng đơn khiếu tố được gọi là đương đơn hay nguyên đơn (plaintiff), và người bị tố giác là bị đơn (defendant). Đó là những danh từ chuyên môn đã được các Quan Tòa và Luật Sư gọi tên trong các cuộc tranh luận trước tòa.

Sau khi đương đơn nộp đơn khiếu nại tại tòa thì bị đơn có một thời gian để nộp đơn trả lời cho nguyên đơn về đơn khiếu nại đó. Sau đó, những giấy tờ được đệ nộp cho văn phòng tổ tụng của cả đôi bên để đôi bên trả lời nhau gọi là những dân chứng biện minh (pleadings). Ngược lại, khởi đầu cho một vụ án về hình sự thì hết sức phức tạp và tốn kém tiền bạc. Vì ngay từ phút đầu, vị luật sư đại diện cho ngành hành pháp của chính phủ Liên Bang gọi là Biện Lý (US Attorney) hoặc phụ tá Biện Lý (Assistant Attorney) phải trình bày tất cả các dữ kiện cho bồi thẩm đoàn của Liên Bang (Federal Grand Jury) biết rõ các chi tiết chứng cứ chứng minh là bị cáo có phạm tội; và ngay khi vị Biện Lý hay Phụ tá Biện Lý trình bày như vậy trước Bồi Thẩm Đoàn, thì bị cáo có thể đã bị bắt tổng giam hoặc có thể chưa bị truy nã, tổng giam. Đôi khi vị Biện Lý phải cố gắng thuyết phục Bồi Thẩm Đoàn cùng đồng ý là bị cáo đã phạm tội và lời buộc tội này phải được công bố chính thức. Nếu Bồi thẩm đoàn đồng ý với Biện Lý thì sẽ ra một quyết nghị chính thức buộc tội bị cáo gọi là biên bản buộc tội hay cáo trạng (indictments).

Như trên đã trình bày, một khi Bồi Thẩm Đoàn cùng đồng ý với Biện Lý là bị can đã phạm tội, thì Bồi Thẩm Đoàn ký vào bản cáo trạng

buộc tội. Nhưng chúng ta nên phân biệt có hai loại Bồi Thẩm Đoàn: Một là Đại Bồi Thẩm Đoàn (Grand Jury) hai là Tiểu Bồi Thẩm Đoàn (Petit Jury). Đại Bồi Thẩm Đoàn thảo luận để đi đến một quyết định là bị can phạm tội hay không phạm tội. Nếu bị can có tội thì Bồi Thẩm Đoàn phải ký vào bản cáo trạng buộc tội để tiến hành thủ tục truy tố bị can ra trước Tòa xét xử. Tiểu Bồi Thẩm Đoàn thì trực tiếp tham dự trong các phiên Tòa xử án, để nghe những chứng cứ và lời buộc tội được trình bày trong phiên xử. Do đó Tiểu Bồi Thẩm Đoàn còn được gọi là Bồi Thẩm Đoàn Xử Án (Trial Jury). Bồi Thẩm Đoàn Xử Án gồm từ 6 đến 12 người, còn Đại Bồi Thẩm Đoàn có từ 16 đến 23 người.

Sau khi Đại Bồi Thẩm Đoàn đã chính thức công bố bản cáo trạng buộc tội bị can, thì án lệnh truy nã bắt giam bị can được thi hành ngay, nếu bị can còn tại đảo. Sau đó, văn phòng Biện Lý tiến hành thủ tục sắp xếp (Arrangement) cho bị can trình diện trước Quan Tòa để nghe những lời buộc tội của luật sư đại diện Công Tố Viện và bị can được quyền trả lời có nhận hay không nhận tội. Nếu bị can nhận tội thì ngày giờ sẽ được ấn định để dẫn bị can trở lại phiên tòa nghe Quan Tòa tuyên án. Trong trường hợp bị can không nhận tội như trong bản cáo trạng đã buộc tội bị can, thì bị can sẽ được xét xử trong phiên tòa kế tiếp do Quan Tòa ấn định ngày giờ xử.

Bản cáo trạng của Đại Bồi Thẩm Đoàn hầu hết đều là tội phạm đại hình (felonies), còn những tội phạm tiểu hình (misdemeanors) đều do Biện Lý đại diện Công Tố Viện truy tố bị can ra trước Tòa mà không cần bản cáo trạng của Đại Bồi Thẩm Đoàn. Những tội phạm tiểu hình như làm mất an ninh trật tự công cộng thì thuộc Tòa án Tiểu Bang xét xử. Lái xe quá tốc độ gây tai nạn trên xa lộ Liên Bang hoặc trong các công viên của Liên Bang thì thuộc Tòa án Liên Bang xét xử.

Mặc dầu ai cũng có quyền kiện nhau ra Tòa để xin công lý xét xử những vụ tranh chấp nhau về dân sự; cũng như Công Tố Viện đại diện chính quyền truy tố các can phạm về hình sự, nhưng chúng ta nên nhớ rằng mỗi lần kiện cáo nhau ra Tòa là cả một vấn đề gây tốn kém

tiền bạc cũng như thời giờ. Hơn nữa, khi phải hầu Tòa cả đương cáo cũng như bị cáo đều lo sợ hồi hộp theo dõi phiên xử không biết mình sẽ thắng hay thua kiện đây. Do đó, nếu tính theo tỷ lệ dân số thì đã có rất ít người muốn kiện cáo nhau.

Có nhiều hồ sơ kiện cáo nhau ở Tòa, nếu Quan Tòa thấy các dữ kiện ghi trong hồ sơ quá rõ ràng và đầy đủ các yếu tố chính xác để xét xử, thì Quan Tòa không cần phải ấn định một phiên xử mà chỉ căn cứ vào các dữ kiện đó mà ban hành một án lệnh (Summary Judgement) cho một bên (party) được quyền thi hành án lệnh này, hoặc ban lệnh hủy bỏ đơn cáo giác (Complaint) những hành động bất hợp pháp của bị cáo. Vì thế cứ 10 vụ kiện cáo về dân sự (civil) thì chỉ có một vụ được đưa ra trước Tòa xét xử, 9 vụ còn lại thường do đôi bên đồng ý thương lượng đi đến thỏa thuận êm đẹp với nhau để chấm dứt vụ kiện, hoặc do chính Tòa hủy bỏ (Dismiss) các đơn kiện đã được đệ nạp tại Tòa; Cùng một tỷ lệ tương tự như vậy đối với các vụ án về hình sự. Các bị can thường có khuynh hướng nhận tội hơn là chối tội. Vì nếu chối tội, các bị can rất sợ phải đứng trước vành móng ngựa để trả lời những câu hỏi hóc búa của Quan Tòa và của Luật Sư đại diện Công Tố Viện. Khi chúng ta đang chứng kiến một phiên tòa xét xử một tội nhân, những gì chúng ta nghe và thấy chỉ là một phần nhỏ của vụ án, phần khác hết sức quan trọng mà chúng ta không thấy rõ đó là sự diễn tiến vấn đề pháp lý then chốt của vụ án.

Mục đích chính yếu của các phiên tòa xét xử các vụ truy tố thủ phạm về hình sự là để tìm ra sự thật của nội vụ xem có đúng như bản cáo trạng buộc tội của Đại Bồi Thẩm Đoàn hay không. Riêng các phiên tòa xét xử các vụ kiện dân sự, là để giải quyết những tranh chấp về quyền lợi của mỗi bên, những lời giao ước của đôi bên có được thi hành nghiêm chỉnh theo đúng trách nhiệm pháp lý đã quy định hay không.

Nếu đôi bên không chịu thỏa thuận giải quyết nội vụ qua các luật sư đại diện, và nếu kẻ phạm pháp đại hình không chịu nhận tội thì bắt buộc Tòa Án phải ấn định một phiên xử kế tiếp

để xét xử tội phạm. Trong trường hợp như vậy, bị can có quyền đòi hỏi phiên tòa xử phải có Bồi Thẩm Đoàn để thảo luận và tìm hiểu xem những lời buộc tội bị can của Công Tố Viện có đúng sự thật hay không. Chúng ta nên nhớ rằng sau khi Bồi Thẩm Đoàn quyết định bị can có tội (Guilty) hay không có tội (Inguilty) còn ban bố bản án nặng hay nhẹ là do quyền quyết định của Quan Tòa. Nếu bị can quyết định chọn phiên tòa xử không cần Bồi Thẩm Đoàn thì quyền tuyên án nặng hay nhẹ hoặc tha bổng là quyền của Quan Tòa (Bench Trial). Nhưng cho dù bị can chọn lựa loại phiên tòa nào xử đi chăng nữa, xử bởi Bồi Thẩm Đoàn (Jury Trial) hay xử án bởi Quan Tòa (Bench Trial), thì tất cả hệ thống pháp lý (legal Standards) được đem áp dụng trong việc xét xử đều do Quan Tòa quyết định. Vì nếu chọn xử án bởi Bồi Thẩm Đoàn thì trước khi Bồi Thẩm Đoàn đi vào phòng họp riêng để thảo luận vấn đề (Deliberation) xem bị cáo có tội hay không, tất cả Bồi Thẩm Viên đều được Quan Tòa hướng dẫn tường tận về luật lệ sẽ được áp dụng cho nội vụ, để giúp Bồi Thẩm Đoàn có một khái niệm tổng quát về vấn đề pháp lý của nội vụ.

Chẳng hạn như Quan Tòa sẽ giải thích cho Bồi Thẩm Đoàn biết rõ ràng dùng súng mà không có đạn ở bên trong để đi đánh cướp cửa tiệm thì cũng giống như dùng súng có lên đạn sẵn để đi cướp một cửa tiệm. Nói rõ hơn là cả hai trường hợp đi đánh cướp một cửa tiệm trong hai trường hợp này đều như nhau trong vấn đề pháp lý. Nhưng Bồi Thẩm Đoàn phải thảo luận để tìm hiểu xem có đích thực bị can là kẻ đến tiệm đó ăn cướp và chính bị can có dùng khẩu súng đó hay không.

Theo truyền thống ngành tư pháp Hoa Kỳ, người ta tin rằng Tòa án Hoa Kỳ đã và đang dùng một phương pháp hiệu nghiệm nhất để tìm ra sự thực của nội vụ được gọi là phương pháp đối chất (Adversary Process). Trong phương pháp này mỗi bên tranh luận nhau bằng cách trình bày các dữ kiện và những lý lẽ xác đáng nhất của mình để làm sao cho Quan Tòa hay Bồi Thẩm Đoàn nhìn thấy và hiểu rõ đâu là sự thực của nội vụ. Mỗi bên khi trình bày đều nhấn mạnh đến những khía cạnh pháp lý để đưa ra

những ưu điểm xác thực nhất của sự việc hầu hỗ trợ cho lý lẽ xác đáng của mình và moi ra những khuyết điểm vô lý của đối phương vừa mới trình bày.

Quan Tòa hoặc Bồi Thẩm Đoàn sẽ căn cứ vào những chứng cứ hiển nhiên để giải quyết nội vụ qua hai loại dữ kiện: Một là chứng cứ vật thể như tranh ảnh, giấy tờ, bút tích và những vật dụng. Hai là lời khai của các nhân chứng đã được các luật sư hỏi cung. Tuy nhiên, Quốc Hội Hoa Kỳ đã thiết lập một hệ thống khác biệt trong các vụ án hình sự cũng như dân sự để quyết định đâu là sự thật của nội vụ. Các vụ án hình sự tại các Tòa Án Liên Bang cũng như tại các Tòa Án Tiểu Bang, bị can chỉ có thể bị kết án có tội nếu Bồi Thẩm Đoàn hay Quan Tòa tin rằng những lời buộc tội bị can đã được dẫn chứng bằng những chứng cứ hiển nhiên và những lý lẽ xác đáng không còn gì phải nghi ngờ nữa. Nên nhớ rằng Đại Bồi Thẩm Đoàn khi công bố chính thức bản cáo trạng buộc tội can phạm (Indictment) thì đó mới chỉ là giai đoạn khởi đầu để truy tố can phạm ra Tòa xét xử, chứ chưa hẳn là can phạm đã hoàn toàn 100% phạm tội. Vì có thể khi ra Tòa can phạm có thể được Tòa tha bổng vì thiếu bằng cứ xác thực. Bản chung quyết buộc tội của Bồi Thẩm Đoàn (Jury Verdict) phải hội đủ túc số 12 lá phiếu đồng nhất thuận của 12 Bồi Thẩm Viên thì mới có giá trị. Nhưng nếu chỉ có một lá phiếu chống lại ý kiến thuận của 11 Bồi Thẩm Viên thì Quan Tòa sẽ tuyên bố bản chung quyết buộc tội của Bồi Thẩm Đoàn là phán quyết vô hiệu lực (Mistrial) và Quan Tòa sẽ chỉ thị chuyển vụ án cho một Bồi Thẩm Đoàn mới khác tiếp tục thảo luận để đạt tới một quyết định đồng nhất.

Chính vì quy luật đòi hỏi phải hội đủ túc số phiếu đồng nhất và tuyệt đối mà có một số vụ án hình sự thật là quá tốn kém ngoài sự ước đoán của mọi người. Vì phải trả tiền phí tổn hàng ngày cho các Bồi Thẩm Viên về chỗ ăn chốn ở, tiền di chuyển, v.v. trong khi vụ án thường kéo dài trong nhiều ngày. Đó là chưa kể tiền di chuyển ăn uống cho các bị can và tiền trả thêm giờ phụ trội cho các nhân viên áp giải bị can tới Tòa.

Đến đây chúng ta cũng có thể mừng



tượng được rằng một vụ án hình sự khi được xét xử xong, tiền tố phí có thể lên tới hàng trăm ngàn Mỹ Kim.

Đối với những vụ kiện về dân sự (Civil Cases), nếu muốn hỗ trợ và bênh vực cho những lý lẽ của nguyên cáo (Plaintiff) đưa ra để buộc tội bị cáo (Defendent), Bồi Thẩm Đoàn cần phải áp dụng phương pháp suy luận trước những chứng cứ hiển nhiên (Preponderance of the evidence), để thấy rõ bị cáo đã không thi hành đúng bốn phạm pháp lý, trong các giao kèo khế ước, v.v... đã ghi hoặc trong các luật lệ đã quy định, làm thiệt hại đến vật chất cũng như tinh thần của nguyên cáo.

Thật sự mà nói, đôi khi sự suy luận và quyết định của Bồi Thẩm Đoàn không được chính xác cho lắm. Mặc dầu trước khi Bồi Thẩm Đoàn vào phòng họp riêng đều đã được hướng dẫn cặn kẽ về những nguyên tắc pháp lý sẽ được áp dụng cho vụ án của quan tòa. Tuy nhiên, nhờ vào sự giải thích này cũng đã giúp ích khá nhiều cho Bồi Thẩm Đoàn trong cuộc thảo luận riêng để đi đến một chung quyết cho vụ án một cách mau chóng hơn./.

LS NGUYỄN MẠNH SAN

THĂM MỘ CHA

Tôi đến mộ thăm người Cha đã khuất
Giữa trưa hè nắng gắt đọc vài kinh
Chỉ mình con yên lặng đứng một mình
Rồi khẽ nói: “ *Ba nằm yên ngủ nhé* “

Cơn gió thoảng thổi qua nghe nhè nhẹ
Như điệu buồn giữa cảnh vắng âm u
Đời người sao số kiếp quá phù du
Tôi đứng đó im lìm nghe thổn thức

Từng nấc nghẹn trong tim như đang khóc
Khẽ nguyện thầm, cầu khẩn giữa thình không
Ba có nghe thấu hiểu được nỗi lòng
Cơn nắng Hạ, sao lòng con băng giá ?

Con đến mộ lòng chợt buồn xa lạ
Nhìn mộ Ba trong hoang lạnh tiêu điều
Quang cảnh buồn... đau xót nỗi quạnh hiu
Nhìn ngôi mộ gọi lòng thêm đau xót

Lệ tiễn Ba mới hôm nào con khóc
Giọt lệ buồn khô héo trái tim đau
Thời gian đâu hàn gắn nỗi u sầu
Giờ cách biệt chia ly tình phụ tử

Gặp Ba đây lời thương yêu nhắn nhủ
Con cúi đầu trước mộ hẹn ngày sau
Đời người như một thoáng giấc chiêm bao
Thôi Ba nghĩ ... mai sau còn gặp lại

Giòng thời gian tháng ngày trôi đi mãi
Hết Đông về, đến Hạ lại Thu sang
Nỗi chia ly xa vắng vẫn ngỡ ngàng
Vẫn để lại nỗi niềm đau khôn cạn

NGUYỄN VĂN THẮNG

NỀN TƯ PHÁP

VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT CỦA VNCH



NGUYỄN VĂN BÌNH

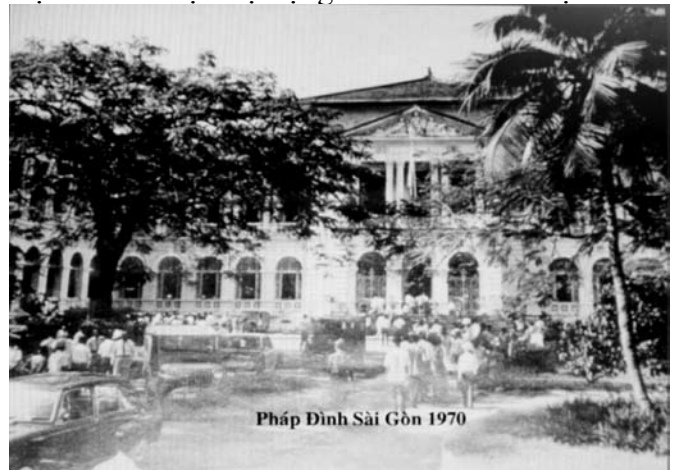
(Với sự góp ý của Thẩm Phán TRẦN AN BÀI, các Luật Sư NGÔ VĂN TIỆP và PHẠM NGỌC ANH)

Việt Nam Cộng Hòa trước biến cố 30-4-1975 là một quốc gia theo chế độ tự do, dân chủ pháp trị. Hiến Pháp ngày 26-10-1956 của nền Đệ Nhất Cộng Hòa dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Hiến Pháp ngày 18-3-1967 của nền Đệ Nhị Cộng Hòa dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đều qui định tam quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp phân lập và độc lập với nhau.

Lập Pháp do Quốc Hội điều hành có nhiệm vụ làm luật. Hành Pháp do Tổng Thống và nội các điều hành lo thi hành luật. Tư Pháp có hệ thống Tòa Án do các thẩm phán điều hành phân xử những vụ vi phạm luật để bảo vệ an ninh trật tự quốc gia và quyền lợi của mọi người dân. Tất cả ba ngành đều có chung mục đích là duy trì trật tự quốc gia và phục vụ cho đất nước cùng toàn dân.

Trong bài viết này, chúng tôi chú trọng sự tổ chức của nền Tư Pháp dưới thời VNCH. Việc tổ

chức này có đôi chút khác biệt giữa hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Dưới thời Đệ Nhất



Pháp đình Sài Gòn



Pháp đình Huế

Cộng Hoà chưa có Tối Cao Pháp Viện mà chỉ có Tòa Phá Án. Tại các tỉnh ly nhỏ, dưới nền Đệ Nhất Cộng Hoà có Tòa Hòa Giải Rộng Quyền, tuy nhiệm vụ tương tựa như của Tòa Sơ Thẩm

Trong bài này, chúng tôi nói sơ quát về nền Tư Pháp dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa bao gồm hệ thống tổ chức các Tòa Án và thành phần nhân sự. Hy vọng qua bài viết này, các cựu sinh viên Luật Khoa và các độc giả sẽ hiểu biết hơn về hệ thống Tư Pháp của Miền Nam VN trước đây. VNCH được xem có một nền Tư Pháp tiến bộ trong một thể chế dân chủ tự do, hoàn toàn khác với nền Tư Pháp của chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay, chỉ phục vụ cho quyền lợi của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nền Tư Pháp của VNCH được đặt trên hai nguyên tắc căn bản là: **mọi người được bình đẳng trước pháp luật và sự độc lập của thẩm phán xử án.**

Hiến Pháp nền đệ II Cộng Hoà năm 1967 qui định:

Quyền Tư Pháp độc lập được ủy nhiệm cho Tối Cao Pháp Viện và được hành xử bởi các Thẩm Phán xử án.

Mọi Tòa Án phải do một đạo luật thiết lập với một thành phần Thẩm Phán Xử Án, Thẩm Phán Công Tố chuyên nghiệp và theo một thủ tục tôn trọng quyền biện hộ.

Thẩm Phán Xử Án và Thẩm Phán Công Tố được phân nhiệm rõ rệt và có qui chế riêng biệt.

Thẩm Phán Xử Án quyết định theo lương tâm và pháp luật dưới sự kiểm soát của Tối Cao Pháp Viện.

Thẩm Phán Công Tố theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng dưới sự kiểm soát của Bộ Tư Pháp.

Tại quản hạt của mỗi Tòa Thượng Thẩm bên cạnh có một Luật Sư Đoàn. VNCH có hai Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn và Huế, nên có hai Luật Sư Đoàn. Các luật sư thuộc Luật Sư Đoàn Sài Gòn và Luật Sư Đoàn Huế có nhiệm vụ biện hộ cho các thân chủ giúp cho nền công lý được thực thi.

I - TỔ CHỨC CÁC TOÀ ÁN

1- CƠ QUAN TÀI PHÁN TƯ PHÁP

1.1: TÒA VI CẢNH

Tòa Vi Cảnh xét xử những vụ vi cảnh. Quyền công tố được giao cho chỉ huy trưởng cảnh sát sở tại. Nếu trong quản hạt có nhiều Bộ chỉ huy cảnh sát, Chương Lý sẽ chỉ định một Chỉ Huy

cảnh sát đảm nhiệm chức vụ công tố. Tại những địa phương không có Tòa Vi Cảnh, các vụ vi cảnh sẽ do Tòa Sơ Thẩm xét xử tại một phiên tòa riêng hay cùng chung với phiên tòa tiểu hình. Trong phiên tòa này sẽ có một Chánh Thẩm, một Phó Biện Lý và một Lục Sự.

Nếu bị can chịu đóng tiền phạt điều đình theo đúng thời hạn thì công tố quyền sẽ bị tiêu diệt. Nếu bị can không chịu đóng tiền phạt theo thời hạn, tòa vi cảnh sẽ xét xử.

1.2: TÒA HOÀ GIẢI:

Tòa Hòa Giải có tại các quận, phủ, huyện, đô thị hay tỉnh lỵ. Tại Tòa Hòa Giải có một Thẩm Phán Hòa Giải và một Lục Sự. Tòa có thẩm quyền xét xử các vụ về dân sự và thương sự. Về các vi phạm tiểu hình, thẩm phán hòa giải là cảnh sát tư pháp, phải chuyển hồ sơ và bị can lên tòa Sơ Thẩm.

Về dân sự, cần phân biệt:

- Quyền tài phán phi tụng: hòa giải các vụ tương tranh dân sự và thương sự bất cứ giá ngạch bao nhiêu.

- Quyền tài phán hữu tụng: hòa giải các vụ tương tranh dân sự và thương sự có giá ngạch tài chánh nhỏ nhoi. Xử chung thẩm, nếu giá ngạch vụ kiện không quá mười ngàn đồng (10.000\$). Xử sơ thẩm nếu giá ngạch vụ kiện không quá ba mươi ngàn đồng (30.000 \$).

1.3: TÒA HOÀ GIẢI RỘNG QUYỀN

Tòa Hòa Giải Rộng Quyền được thiết lập tại các tỉnh lỵ nhỏ. Thẩm quyền xét xử như các Tòa Sơ Thẩm. Vì thiếu thẩm phán, nên tại các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền chỉ có một Thẩm Phán trực thuộc thẩm quyền của Bộ Tư Pháp. Vị thẩm phán này đảm nhận luôn ba nhiệm vụ của Chánh Án, Biện Lý và Dự Thẩm.

1.4 :TÒA SƠ THẨM:

Dưới thời Đệ II Cộng Hoà, khi có khá đầy đủ các Thẩm Phán, các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền được thay bằng các Tòa Án Sơ Thẩm.

Đây là tòa án cấp tỉnh được đặt tại các tỉnh lỵ, thị xã hay đô thành Sài Gòn. Cũng có khi hai hay nhiều tỉnh mới có một Tòa Án Sơ Thẩm mà quản hạt gồm hai hay nhiều tỉnh ấy. Trước năm 1975 tại miền Nam VN có các tòa sơ thẩm Sài Gòn, Gia Định, Biên Hoà, Bình Dương, Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá v.v..

Tòa Sơ Thẩm có thẩm quyền giống Tòa

Giải Rộng Quyền, chỉ có khác là Tòa Sơ Thẩm quan hệ hơn và có Biện Lý Cuộc.

Tòa Sơ Thẩm được điều hành gồm có một Chánh Án, một Biện Lý, một Dự Thẩm và một Chánh Lục Sự có nhiều lục sự và thư ký giúp việc.

Nếu nhu cầu công vụ bắt buộc, Tòa Sơ Thẩm có thể có thêm một hay nhiều Chánh Án Dự Khuyết, Thẩm Phán hay Thẩm Phán phụ khuyết, một hay nhiều Dự Thẩm, một hay nhiều Phó Biện Lý.

A - Nhân Sự Điều Hành:

A.1-Chánh Án và các Thẩm Phán Tòa Xứ:

Các Thẩm Phán tòa xứ gồm có Chánh Án, các Chánh Án dự khuyết, Thẩm Phán và Dự Thẩm. Trừ Dự Thẩm có nhiệm vụ thẩm cứu, Chánh Án và các Thẩm Phán tòa xứ khác chủ tọa các phiên tòa và xử án.



TP Tôn Thất Hiệp - Nguyễn Văn Thành- Lê Thế Hiển

Hai công việc nặng nhất của Chánh Án là ký Án Lệnh phê đơn và xử cấp thẩm.

A.2:Biện Lý :

Chức vụ Công Tố được giao cho Biện Lý có Phó Biện Lý phụ giúp.Phó Biện Lý chỉ hành động với sự uỷ quyền công nhiên hay mặc nhiên của Biện Lý.

Về Hình Sự, Biện Lý có trách nhiệm tầm nã và truy tố các tội phạm về tiểu hình và đại hình đã xảy ra trong quân hạt. Biện Lý nhận các đơn thưa, tố cáo các vi phạm đến an ninh, trật tự quốc gia và đến tính mệnh, tài sản của tư nhân.

Về Dân Sự, Biện Lý đứng chánh tố khi thay mặt cho con cháu để kiện ông, bà, cha, mẹ nếu không có trưởng tộc hay trưởng tộc từ chối.hay vắng mặt.Biện Lý đứng phụ tố trong các vụ kiện dân sự khác.



Các thẩm phán của Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn 1971



Biện Lý Lương Đức Hợp, Các Phó Biện Lý Nguyễn Đức Huy và Phạm Văn Hàm

A.3-Dự Thẩm:

Dự Thẩm được lựa chọn trong các Thẩm Phán xử án Tòa Sơ Thẩm, có tối thiểu 5 năm đảm trách nhiệm vụ thẩm phán. Dự Thẩm chuyên về việc thẩm cứu.Dự Thẩm có thể tự mình thụ lý trực tiếp các vụ vi phạm quả tang. Ngoài trường hợp này, Dự Thẩm chỉ thụ lý do Biện Lý yêu cầu bằng Khởi Tố Lệnh Trạng hay do đơn Khiếu Tố của người bị thiệt hại đứng dân sự nguyên cáo. Nhưng đơn khiếu tố

của người bị thiệt hại phải chuyển cho Biện Lý để lập Khởi Lệnh Trạng.

Trong việc thẩm cứu, Dự Thẩm phải mở cuộc điều tra, hỏi nhân chứng, truy cứu bị can, hỏi cung bị can, mở cuộc giám định, khám nhà các bị can và tông phạm, tịch thu tang vật v.v... tức là làm tất cả mọi công việc để tìm ra bằng chứng của sự phạm pháp.



Dự Thẩm Trần An Bài - Dự Thẩm Vũ Mạnh

Dự Thẩm cũng có thể tuyên Án Lệnh Từ Thẩm nếu quyền công tố bị tiêu diệt, nếu đã có đại xá, uy lực quyết tụng, vô thẩm quyền hay nếu các sự kiện không có tánh cách hình sự .

B- Thẩm Quyền:

Tòa Sơ Thẩm có thẩm quyền xử sơ thẩm về Dân Sự và Hình Sự.

Các việc kiện về Dân Sự như tranh chấp về động sản, bất động sản, bồi thường thiệt hại do sự phạm pháp gây ra, khánh tận, thừa tự v.v...

Về hình sự liên quan đến các vụ vi phạm về tiểu hình và đại hình.

Tòa Sơ Thẩm Tiểu Hình xử các tội tiểu hình. Tòa gồm có một Chánh Án hay một thẩm phán chủ tọa để xét xử. Biện Lý hay một Phó Biện Lý ngồi ghé Công Tố Viện để buộc tội và một Lục Sự giữ bút lục. Bị can có thể nhờ Luật Sư biện hộ. Tuy nhiên, trong trường hợp vì nhu cầu công vụ, Chánh Nhất có thể cho phép Chánh Án đặc biệt uỷ nhiệm cho Dự Thẩm chủ tọa các phiên tòa tiểu hình.

Tòa Tiểu Hình có thẩm quyền xét xử các việc kháng cáo của Tòa Vi Cảnh.

Có những tội tiểu hình dành cho các tòa đặc biệt như Tòa Án Quân Sự hoặc Tòa Thiếu Nhi thì Tòa Tiểu Hình không có thẩm quyền.

Tòa Sơ Thẩm Đại Hình xử các tội đại hình. Tòa gồm có một Chánh Án, hai Thẩm Phán Phụ



Các Thẩm Phán trong phiên xử



Các Luật Sư tham dự phiên tòa tại Sài Gòn



Thẩm Phán, các Luật sư tại Tòa án Đà Lạt

Thẩm xử án. Công Tố Viện thì buộc tội. Lục Sự để ghi chép và giữ bút lục.

Ngoài ra, tại các tòa án lớn như ở thủ đô Sài Gòn và thành phố Huế, vì có nhiều vụ tranh tụng, nên Tòa Sơ Thẩm mở thêm các phiên tòa chuyên biệt, nhưng thành phần của tòa vẫn là thành phần của Tòa Dân Sự. Đó là Tòa Thương Mại và Tòa

Khẩn Cấp.

1.5 : TÒA ÁN THƯƠNG MẠI

Xét xử các vụ kiện về những hành vi thương mại và nghề nghiệp thương gia. Hành vi thương mại là những hành vi chế tạo, lưu chuyển, trung gian có mục đích kiếm lời trực tiếp hay gián tiếp, còn thương gia là những người làm những hành vi thương mại cho chính mình và lấy những hành vi ấy làm nghề nghiệp thường xuyên của mình .

1.6 : TÒA KHẨN CẤP

Nếu vụ tranh tụng cần được giải quyết một cách đặc biệt nhanh chóng, chánh án Tòa Khẩn Cấp có thể cho triệu hoán ngắn hạn bằng một Án Lệnh Phê Đơn đến phiên tòa hay tư dinh của chánh án bất cứ vào ngày giờ nào kể luôn những ngày lễ chính thức .

Hoặc nếu chủ nợ nào có lý do sợ rằng tài sản của con nợ sẽ bị tiêu tán trước khi mình có chứng khoán chấp hành, có thể xin chánh án Tòa Khẩn Cấp (Cấp Thẩm) truyền Án Lệnh Khẩn Cấp (Cấp Thẩm) để sai áp bảo toàn, sai áp chi phó, ộp bộ đối với các động sản và tiên chú đối với các bất động sản. Án Lệnh khẩn cấp chỉ quyết định tạm thời và không thể trong bất cứ trường hợp nào tiên phán đến chánh vụ và được đương nhiên thi hành tạm án vẫn trên nguyên bản mặc dầu có kháng tố hay kháng cáo. Án lệnh khẩn cấp cũng ấn định thời hạn bắt buộc chủ nợ phải khởi tố trước tòa án có thẩm quyền để kiện về nội dung chánh vụ và xin xác hiệu sự sai áp.

1.7 TÒA THƯỢNG THẨM

VNCH có hai Tòa Thượng Thẩm. Tòa Thượng Thẩm Huế có quản hạt kéo dài từ Quảng Trị đến Nha Trang. Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn có quản hạt từ Phan Thiết đến Cà Mau.

Mỗi Tòa Thượng Thẩm có một Chánh Nhất, một hay hai Chánh Án Phòng và nhiều Hội Thẩm.

Chức vụ công tố do Chương Lý đảm nhận và tùy theo nhu cầu có một hay hai Phó Chương Lý, một hay nhiều Tham Lý phụ giúp.

Phòng Lục Sự do một Chánh Lục Sự cùng một số Lục Sự và thư ký giúp việc.

1- Chánh Nhất:

Chánh Nhất là vị chỉ huy tất cả các thẩm phán tọa xử không những tại Tòa Thượng Thẩm



mà tại các tòa án trong quản hạt nữa.

*Chánh Nhất
Tòa TT Sài Gòn, Đình Văn Huân*

1-Chương Lý:

Trong quản hạt của Tòa Thượng Thẩm, Chương Lý giữ nhiệm vụ Giám Đốc Sở Tư Pháp. Chương Lý được Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp uỷ nhiệm việc tư pháp hành chánh trong quản hạt của mình.

Phó Chương Lý Tòa TT Sài Gòn, Nguyễn Mạnh Nhự

Công việc chính của Chương Lý là công việc chỉ huy Công Tố Viện. Chương

Lý có quyền điều khiển tất cả Thẩm Phán Công Tố thuộc quản hạt Tòa Thượng Thẩm nơi mình cư ngụ. Tất cả quyền công tố được trao cho một mình Chương Lý. Phó Chương Lý và Tham Lý chỉ dự vào việc thi hành quyền công tố khi nào được Chương Lý uỷ quyền.

2- Thành Phần Tổ Chức:

Mỗi Tòa Thượng Thẩm được tổ chức gồm có: Phòng Nhất, Phòng Nhì và Phòng Luận Tội.



Phòng Nhất (lo về Dân Sự): Do Chánh Nhất chủ tọa có hai Hội Thẩm phụ lực xét xử các vụ kháng cáo các bản án Dân Sự và Thương Sự do các Tòa Sơ Thẩm tuyên xử

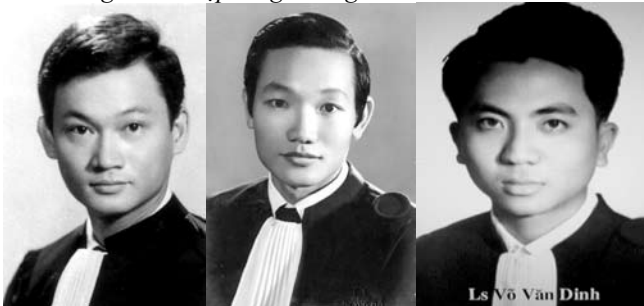


Phòng Nhì (lo về Hình sự): Do một Chánh Án Phòng chủ tọa có hai Hội Thẩm phụ lục xét xử các vụ kháng cáo các bản án hình sự do các Tòa Sơ Thẩm tuyên xử. Phòng Nhì có hai Ban:

- Ban Tiểu Hình: chuyên xử kháng cáo các bản án tiểu hình



Các Ls Ngô Văn Tiếp - Ngô Tăng Giao - Bùi Trần Phú



Các Ls Lê Công Tâm - Phạm Ngọc Anh- Võ V.Dinh



LS Bùi Lê Khanh- Nguyễn SỹThụy -Trương H. T. Trinh



Ls Đỗ Doãn Quế - Đỗ Xuân Hòa - Nam Thị Hồng Vân
- Ban Đại Hình: chuyên xử kháng cáo các bản án đại hình. Ban này gồm một chánh thẩm, hai thẩm phán phụ thẩm và có bốn phụ thẩm nhân dân (theo bộ Hình Sự Tố tụng năm 1972). Phụ Thẩm Nhân Dân được chọn từ danh sách các thân hào, nhân sĩ. Danh sách này được lập hàng năm tại quận hạt mọi tòa đại hình. Các thân hào, nhân sĩ này phải là công dân VN, đủ 30 tuổi, không có tiền án, không phải là nhân viên các cơ quan tư pháp, tu sĩ hay binh sĩ tại ngũ. Phụ Thẩm Nhân Dân được lãnh 3000 đồng cho mỗi ngày công tác.

Phòng Luận Tội (lo về Thẩm Cứu): Do Chánh Nhất, Chánh Án Phòng hay một Hội Thẩm chủ tọa với hai Hội Thẩm phụ lục. Phòng Luận Tội có thẩm quyền:

- Kiểm soát, đốc biện việc điều hành các phòng Dự Thẩm trong quận hạt Tòa Thượng Thẩm.
- Thẩm vấn các vụ đại hình
- Xét xử các kháng cáo Án Lệnh của Dự Thẩm
- Chấp đơn xin khôi phục công quyền
- Khám xét các trại giam trong quận hạt
- Kiểm soát hoạt động của các sĩ quan, nhân viên cảnh sát tư pháp cùng các công chức dân chính và quân nhân thi hành nhiệm vụ hình cảnh lại về các tác vụ do các Dự Thẩm giao phó.

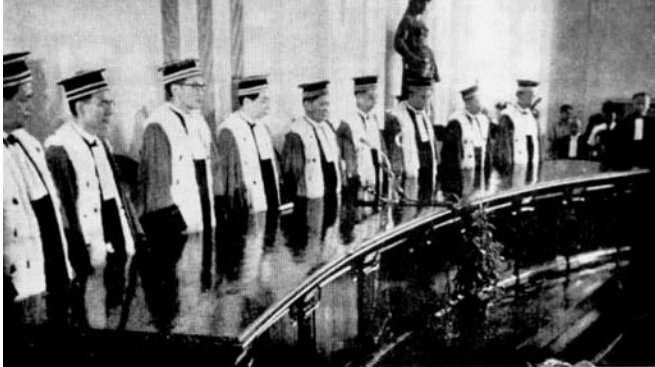
1.8 :TỐI CAO PHÁP VIỆN:

Tối Cao Pháp Viện gồm từ chín (9) đến mười lăm (15) Thẩm Phán. Tối Cao Pháp Viện do Quốc Hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm theo một danh sách ba mươi (30) người do Thẩm Phán Đoàn, Công Tố Đoàn và Luật Sư Đoàn bầu lên.

Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện phải là những Thẩm Phán hay Luật Sư đã hành nghề ít nhất mười (10) năm trong ngành Tư Pháp.

Nhiệm kỳ của Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện là sáu (6) năm

Thành phần cử tri thuộc Thẩm Phán Đoàn, Công Tố Đoàn và Luật Sư Đoàn phải đồng đều



Members of the new Supreme Court (from left: Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Liem).

9 Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện

Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền giải thích Hiến Pháp, phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật; tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chính. Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chính đảng có chủ trương và hành động chống lại chính thể Cộng Hòa.

Những quyết định của Tối Cao Pháp Viện tuyên bố một đạo luật bất hợp hiến hoặc giải tán một chính đảng phải hội đủ đa số ba phần tư (3/4) tổng số Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện.



TP Trần Minh Tiết, TP Trần Khương Trinh và TP Trần Văn Liêm

Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm.

Tối Cao Pháp Viện tổ chức các cuộc tuyển chọn và điều hành các thẩm phán xử án.

Tối Cao Pháp Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để quản trị ngành Tư Pháp.

Tối Cao Pháp Viện tọa lạc tại Dinh Gia Long thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm trước đây.

2-CƠ QUAN TÀI PHÁN HÀNH CHÁNH

2.1:TÒA CẤP DƯỠNG

Thẩm quyền xét xử các vụ khiếu nại về việc cấp dưỡng cho các thương binh hay thân nhân của các cựu chiến binh đã tử trận.

Tại quận hạt mỗi Tòa Thượng Thẩm sẽ thiết lập một Tòa Sơ Thẩm Cấp Dưỡng gồm có một Chánh Án do Chánh Nhất bổ nhiệm. Một bác sĩ và một cựu chiến binh đang hưởng cấp dưỡng. Một Ủy Viên Chính Phủ và một Lục Sự. Phán quyết của Tòa Cấp Dưỡng sơ thẩm cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm Cấp Dưỡng.

2.2: TÒA ÁN HÀNH CHÁNH

Tòa án Hành Chánh xử sơ thẩm:

- Đòi bồi thường liên quan đến các pháp nhân hành chính.

- Các vụ kiện xin thủ tiêu các quyết nghị hành chính có tính cách cá nhân

- Các vụ tranh tụng liên quan đến mọi cuộc tuyển cử hàng tỉnh, quận, xã.

Tòa xử sơ thẩm và chung thẩm các vụ kiện liên quan đến mọi vấn đề thuế trực thu và các thứ thuế đồng hoá với thuế trực thu.

2.3:THAM CHÍNH VIỆN

Quản hạt của Tham Chính Viện gồm toàn cõi miền Nam VN. Trụ sở đặt tại Sài Gòn.

Thành phần của Tham Chính Viện gồm có những cơ quan sau đây;

- Một Ban Tài Phán
- Một Ban Hành Chánh
- Một Đại Hội Đồng Tham Chính Viện
- Một phòng Tổng Thư Ký

Nhân viên của Tham Chính Viện gồm có một Chủ Tịch, một hai Phó Chủ Tịch, một số cố vấn và Tham Nghị. Một Tổng Thư Ký có một hay nhiều thư ký trợ lực.

Ban Tài Phán gồm có một Chánh Thẩm, hai Hội Thẩm và một Ủy Viên Chính Phủ. Chánh Thẩm chọn trong hàng Chủ Tịch hay Phó Chủ Tịch. Hội Thẩm và Ủy Viên Chính Phủ chọn trong hàng Cố Vấn.

Ban Hành Chánh gồm có một Chủ Tịch, hai

Cố Vấn, một số Tham Nghị nhiều hay ít tùy theo nhu cầu công vụ.

Thẩm quyền của Tham Chính Viện gồm có:

- Phúc thẩm các bản án do toà án hành chánh xử sơ thẩm .

- Xét xử các việc xin phá án các toà án hành chánh hay những pháp đình có tính cách hành chánh xử chung thẩm.

- Sơ và chung thẩm những việc xin thủ tiêu các quyết định hành chánh, cá nhân hay lập quy có những tỳ tích như lạm quyền, vô thẩm quyền, vi luật, không có lý do hay căn cứ vào lý do không

3- CÁC TÒA ÁN ĐẶC BIỆT

3.1:TÒA ÁN THIẾU NHI:

Tòa án Thiếu Nhi xét xử các thiếu nhi dưới 18 tuổi can tội tiểu hình hay đại hình.Tuy nhiên, trong trường hợp có đồng phạm hay đồng lõa 18 tuổi hay trên 18 tuổi, tòa án Sơ Thẩm có thẩm quyền xét xử, nhưng phải áp dụng luật này cho thiếu nhi dưới 18 tuổi.

Tòa án Thiếu Nhi được đặt tại Sài Gòn và Mỹ Tho trong quận hạt Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn và đặt tại Nha Trang và Huế trong quận hạt của Tòa Thượng Thẩm Huế .

Vị thành niên 13 tuổi hay dưới 13 tuổi không thể bị phạt tù.

Chánh án Tòa Án Thiếu Nhi có thể kiêm nhiệm chức vụ Dự Thẩm. Dự Thẩm phải thông báo cho cha mẹ, người giám hộ việc truy tố đứa trẻ.Dự Thẩm phải yêu cầu Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn chỉ định luật sư biện hộ, nếu gia đình đứa trẻ chưa chọn được luật sư. Nếu vi phạm điều này, thủ tục sẽ vô hiệu.

Mỗi vụ thiếu nhi được xử riêng, can phạm các vụ án khác không được có mặt trong phiên xử. Chỉ được dự phiên tòa, các nhân chứng, các thân thuộc của đứa trẻ, luật sư, đại diện các cơ quan lo về thiếu nhi và những người Tòa xét cần có mặt.

Cấm tường thuật cuộc tranh luận trước Toà án Thiếu Nhi trên các sách, báo, truyền thanh, truyền hình.

Thành phần thẩm phán của Tòa Thiếu Nhi như sau:- Cấp sơ thẩm tiểu hình: gồm 1 Thẩm phán làm chánh án.

- Cấp thượng thẩm tiểu hình: gồm 1 Hội Thẩm làm chánh án và 2 thẩm phán làm phụ thẩm.

- Cấp sơ thẩm đại hình: gồm có 1 thẩm phán làm chánh án và 2 phụ thẩm nhân dân.

- Cấp thượng thẩm đại hình: gồm có 1 Hội Thẩm làm Chánh Thẩm và 2 phụ thẩm nhân dân. Phụ thẩm nhân dân là những người am hiểu vấn đề thiếu nhi hoặc hoạt động trong các cơ quan cứu trợ thiếu nhi.

3.2:TÒA ÁN NHÀ PHỐ

Thẩm quyền xét xử các vụ tranh giành giữa người chủ cho thuê và người thuê nhà hay chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hay để dùng về thủ công nghệ hay nghề nghiệp.

Những án của Tòa Nhà Phố cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm như án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm. Về thượng tố, các án này cũng theo như thủ tục cho các án dân sự.

3.3 :TÒA ÁN LAO ĐỘNG

Trong việc tổ chức nền Tư Pháp của VNCH còn cho thiết lập thêm các Tòa Án Lao Động xét xử các vụ tranh tụng về lao động giữa chủ nhân và nhân công trong khi thi hành khế ước lao động.

3.4 :TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA

Tòa Án Điền Địa xét xử các vụ vi phạm và tranh tụng xảy ra nhân khi thi hành chính sách cải cách điền địa.

3.5 : TÒA ÁN SẮC TỘC:

Toà án Sắc Tộc xét xử các vụ kiện liên quan đến đồng bào thiểu số.

3.6: TÒA ÁN QUÂN SỰ

Tòa Án Quân Sự được thiết lập tại Sài Gòn , Nha Trang và Huế. Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Sài Gòn gồm các tỉnh Nam Phần, Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Nha Trang là các tỉnh Cao Nguyên Trung Phần, Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Huế là các tỉnh Trung Nguyên Trung Phần.

Thẩm quyền xét xử các quân nhân vi phạm những điều ghi trong Bộ Quân Luật cùng các tội vi phạm đến người và tài sản cũng như liên quan đến an ninh trật tự công cộng.

Thành phần Tòa Án Quân Sự gồm có :

- Chánh thẩm là một Sĩ quan cấp tá trở lên có bằng cử nhân Luật .

- Một Phụ Thẩm Hành Chánh là Đô Trưởng hay Tỉnh Trưởng hay Thị Trưởng nơi tòa nhóm họp.

- Một Phụ Thẩm Quân Sự là một sĩ quan cấp tá trở lên.

- Ủy viên Chánh Phủ là sĩ quan cấp tá trở lên và một hay nhiều Phó Ủy Viên Chánh Phủ là sĩ quan cấp tá .

Chánh Thẩm, Phụ Thẩm Quân Sự, Ủy Viên Chánh Phủ sẽ do Bộ Trưởng Quốc Phòng hay Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng bổ nhiệm.

- Phòng Lục Sự sẽ do một Lục Sự Trưởng điều khiển với sự giúp đỡ của một số Lục Sự và thư ký

Các phán quyết của Tòa án Quân Sự là chung thẩm.

3.7: TÒA ÁN QUÂN SỰ MẶT TRẬN

Tòa Án Quân Sự Mặt Trận được thiết lập tại mỗi vùng chiến thuật I, II, III, IV.

Tòa có thẩm quyền xét xử các tội phạm bị bắt quả tang trong suốt thời gian có tình trạng khẩn cấp tại lãnh thổ vùng chiến thuật.

Xét xử các quân nhân phạm tội tiểu hình hay đại hình được qui định trong Bộ Quân Luật, Bộ Hình Luật và các luật lệ hiện hành khác

Xét xử các thường dân xâm phạm tội an ninh quốc gia.

Phán quyết của Tòa án Quân Sự Mặt Trận là chung thẩm. Mọi phương thức kháng án khác không áp dụng. Bản án sẽ được thi hành ngay sau khi tuyên án nếu không phải là án tử hình. Nếu là án tử hình, mặc dầu có đơn hay không có đơn xin ân xá của phạm nhân, Ủy Viên Chính Phủ phải lập đơn Ân Xá trong thời hạn 10 ngày lên Tổng Thống thẩm định.

Thành phần Tòa Án Quân Sự Mặt Trận gồm có:

-1 Chánh Thẩm thực thụ và 1 Chánh Thẩm dự khuyết là những sĩ quan có cấp bậc đại tá trở lên được tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng. Chánh Thẩm phải có cấp bậc trên bị can là 2 cấp.

- 4 Phụ Thẩm: được tuyển chọn trong các sĩ quan, hạ sĩ quan tại vùng chiến thuật liên hệ.

- Cấp thượng thẩm tiểu hình: gồm 1 Hội Thẩm làm chánh án và 2 thẩm phán làm phụ thẩm.

- Cấp sơ thẩm đại hình: gồm có 1 thẩm phán làm chánh án và 2 phụ thẩm nhân dân.

- Cấp thượng thẩm đại hình: gồm có 1 Hội Thẩm làm Chánh Thẩm và 2 phụ thẩm nhân dân. Phụ thẩm nhân dân là những người am hiểu vấn đề thiếu nhi hoặc hoạt động trong các cơ quan cứu trợ thiếu nhi.

3.2:TÒA ÁN NHÀ PHỐ

Thẩm quyền xét xử các vụ tương tranh giữa người chủ cho thuê và người thuê nhà hay chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hay để dùng về thủ công nghệ hay nghề nghiệp.

Những án của Tòa Nhà Phố cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm như án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm. Về thượng tố, các án này cũng theo như thủ tục cho các án dân sự.

3.3 :TÒA ÁN LAO ĐỘNG

Trong việc tổ chức nền Tư Pháp của VNCH còn cho thiết lập thêm các Tòa Án Lao Động xét xử các vụ tranh tụng về lao động giữa chủ nhân và nhân công - trong khi thi hành khế ước lao động.

3.4 :TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA

Tòa Án Điền Địa xét xử các vụ vi phạm và tranh tụng xảy ra nhân khi thi hành chính sách cải cách điền địa.

3.5 : TÒA ÁN SẮC TỘC:

Toà án Sắc Tộc xét xử các vụ kiện liên quan đến đồng bào thiểu số.

3.6: TÒA ÁN QUÂN SỰ

Tòa Án Quân Sự được thiết lập tại Sài Gòn , Nha Trang và Huế. Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Sài Gòn gồm các tỉnh Nam Phần, Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Nha Trang là các tỉnh Cao Nguyên Trung Phần, Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Huế là các tỉnh Trung Nguyên Trung Phần.

Thẩm quyền xét xử các quân nhân vi phạm những điều ghi trong Bộ Quân Luật cùng các tội vi phạm đến người và tài sản cũng như liên quan đến an ninh trật tự công cộng.

Sau khi bị truất quyền, đương sự có thể bị truy tố trước các tòa án có thẩm quyền.

A- GIÁM SÁT VIỆN

Giám Sát Viện có thẩm quyền :

- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia.

- Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.

- Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân Biểu, Nghị Sĩ, Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện.

- Riêng đối với Chủ Tịch Giám Sát Viện và các Giám Sát Viên, việc kiểm kê tài sản do Tối Cao Pháp Viện đảm trách.

- Giám Sát Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước tòa án có thẩm quyền.

- Giám Sát Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

Thành phần Giám Sát Viện gồm từ chín (9) đến mười tám (18) Giám Sát viên, một phần ba (1/3) do Quốc Hội, một phần ba (1/3) do Tổng Thống và một phần ba (1/3) do Tối Cao Pháp Viện chỉ định.

Giám Sát viên được hưởng những quyền hạn và bảo đảm cần thiết để thi hành nhiệm vụ.

Giám Sát Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát.

KẾT LUẬN:

Nền Tư Pháp của VNCH được phân định độc lập với hai cơ quan Lập Pháp và Hành Pháp. Cơ quan Tư Pháp có thẩm quyền xét xử các vụ vi phạm luật pháp. Mục đích của nền Tư Pháp VNCH là đem lại công lý cho mọi người. Chính vì thế, mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật và các thẩm phán xét xử, các luật sư biện hộ luôn giữ được sự độc lập.

Trong một vụ kiện tranh tụng, Công Tố Viên nắm quyền truy tố, Dự Thẩm lo về điều tra, thẩm

cứu, Luật Sư biện hộ và cuối cùng Thẩm Phán Xử Án ra phán quyết. Chính vì vậy, tránh được nhiều bản án độc đoán và sai lầm.

Trái với chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay, các thẩm phán và ngay cả các luật sư không có quyền độc lập thi hành chức vụ mà lệ thuộc vào sự chỉ đạo của đảng Cộng Sản Việt Nam. Tất cả các bản án đã được Đảng ấn định sẵn, nên vai trò biện hộ của luật sư trở thành vô nghĩa, chỉ còn là trang trí cho chế độ độc tài. Do đó, các phiên xử diễn ra như một vở tuồng thật lố bịch. Chánh Án, Viện Kiểm Soát chỉ biết thi hành lệnh của Đảng, bất chấp luật lệ và mọi lời biện hộ của Luật Sư.

Dưới chế độ VNCH, nền tư pháp có mục đích đem lại Công Lý cho mọi người. Vì thế, chế độ VNCH luôn tránh cho mọi người dân cảnh bị kết án và ngồi tù oan uổng. Trái lại, dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam thì nền tư pháp chỉ phục vụ cho quyền lợi của Đảng. Do đó, khi người dân và nhiều nhà ái quốc bày tỏ thái độ và hành động yêu nước chống lại sự xâm lăng của Trung Cộng, bảo vệ lãnh thổ đã bị các thẩm phán bù nhìn tuyên án thật nặng nề. Họ bị kết án, chỉ vì họ có những tư tưởng hay hành động tuy phù hợp với bản Hiến Pháp, nhưng chống lại quyền lợi của Đảng và Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam. Thật nực cười, khi cương lĩnh của đảng Cộng Sản Việt Nam lại ngồi xồm trên bản Hiến Pháp của cả nước !/.

NGUYỄN VĂN BÌNH

GHI CHÚ:

- Tham khảo các bản văn về Tổ Chức Nền Tư Pháp của Bộ Tư Pháp VNCH.

- Hiến Pháp đệ I năm 1956 và đệ II năm 1967 của VNCH

- Bộ Luật Hình Sự Tố Tụng năm 1972 com .



GIÁO DỤC VÀ THI CỬ

THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA



Ls LÊ DUY SAN

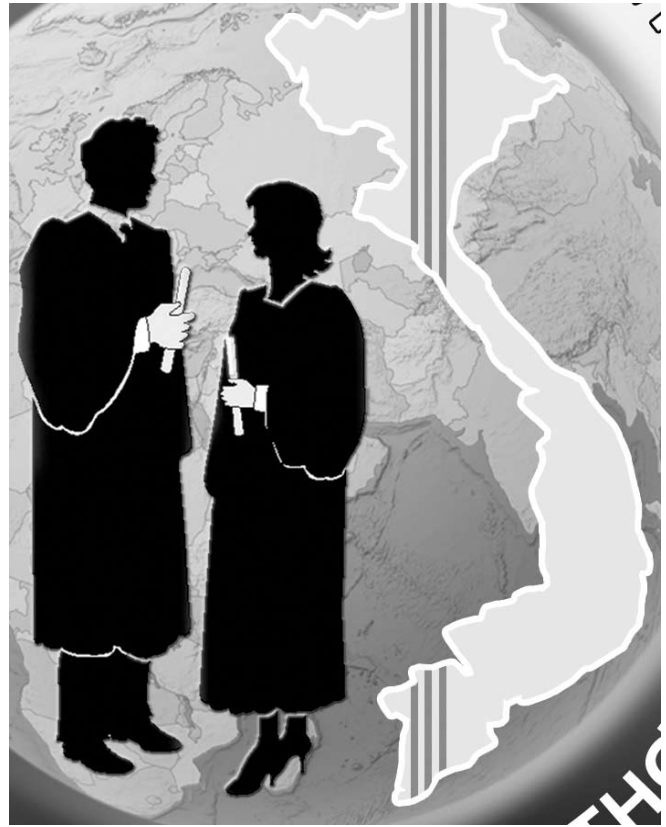
Sau khi Nhật đảo chánh Pháp ở Đông Dương và trao trả quyền độc lập cho Việt Nam vào năm 1945, Học Giả Trần Trọng Kim được Hoàng Đế Bảo Đại triệu vào Huế yết kiến và trao trọng trách thành lập chính phủ. Ngày 17 tháng 4 năm 1945, Học Giả Trần Trọng Kim đã đệ trình một danh sách trong đó có giáo sư Hoàng Xuân Hãn đảm trách chức vụ Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Nghệ. Mặc dầu thời gian làm Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Nghệ thật ngắn ngủi, từ 17/4/1945 đến 19/8/1945 là ngày Việt Minh cướp chính quyền của chính phủ Trần Trọng Kim, nhưng ông đã có công soạn thảo và ban hành một chương trình giáo dục từ bậc tiểu học đến trung học hoàn toàn Việt Nam và đã được áp dụng suốt 30 năm, từ 1945-1975 (1).

II/ BẬC TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC.

1/ Bậc Mẫu Giáo và Tiểu Học.

a/ Bậc Mẫu Giáo

Bậc Mẫu Giáo dành cho trẻ em đến tuổi đi học tức từ 5 tuổi. Chương trình chỉ có 1 năm. Mục đích của bậc mẫu giáo chỉ cốt là để cho các em làm quen với lớp học và biết đọc, biết viết để sửa soạn



vào bậc Tiểu Học.

b/ Bậc Tiểu Học

Bậc Tiểu Học dành cho các trẻ em đã qua bậc Mẫu Giáo và từ 6 tuổi trở lên. Bậc Tiểu học có tất cả 5 lớp: Lớp Năm, Lớp Tư, Lớp Ba, Lớp Nhì và Lớp Nhất, sau này được đổi lại và gọi là Lớp 1, Lớp 2, Lớp 3, Lớp 4 và Lớp 5.

Chương trình Tiểu Học gồm có các môn: Luận văn, Toán, Khoa Học, Sử Địa, Đức Dục, Vẽ và Viết tập. Sau khi học xong Lớp Nhất phải thi lấy bằng tốt nghiệp, gọi là bằng Tiểu Học.

Mặc dầu chỉ là bằng Tiểu Học, nhưng thi cũng rất khó và không những thi viết mà còn thi cả vấn đáp. Thi viết gồm một bài Chính Tả, một bài Luận và một bài Toán. Nếu đậu sẽ được vào thi vấn đáp. Thi vấn đáp rất dễ, thường thi chỉ phải đọc thuộc lòng một bài thơ hoặc hát một bài hát. Có bằng Tiểu Học mới được ghi tên dự thi tuyển vào lớp Đệ

Thất bậc Trung Học. Bằng Tiểu Học được bãi bỏ vào năm 1955 (?). Người lớn tuổi có bằng Tiểu Học có thể xin làm công chức ngạch Tùy Phái hay Thư Ký đánh máy nếu có thêm bằng đánh máy.

2/ Bậc Trung Học.



Bậc Trung Học được chia ra làm 2: Trung Học Phổ Thông và Tú Tài.

a/ Trung Học Phổ Thông hay Trung Học Đệ I Cấp.

Bậc Trung Học Phổ Thông gồm 4 lớp học trong 4 năm: Từ Đệ Thất đến Đệ Tứ. Ngoại ngữ Anh, Pháp và Hán Văn cũng bắt đầu được dạy ngay từ lớp Đệ Thất bậc Trung Học Phổ Thông. Sau này Hán Văn được bãi bỏ, chỉ còn Anh văn và Pháp văn. Lúc đầu học sinh phải học cả 2 ngoại ngữ Anh văn và Pháp văn, sau chỉ còn học một ngoại ngữ.

Chương trình học suốt từ năm Đệ Thất đến năm Đệ Tứ gồm có các môn Việt Văn, Công Dân Giáo Dục. Chương trình học suốt từ năm Đệ Thất đến năm Đệ Tứ gồm có các môn Việt Văn, Công Dân Giáo Dục, Sử Địa, Toán, Lý Hoá, Vạn Vật, Anh Văn, Pháp Văn, Vẽ và Nhạc.

Ở bậc phổ thông chưa có chia Ban A (Vạn Vật), B (Toán) hay C (Sinh Ngữ).

Sau khi học xong lớp Đệ Tứ, học sinh sẽ thi tốt nghiệp để lấy bằng Trung Học Phổ Thông được gọi là Trung Học Đệ Nhất Cấp. Môn thi gồm có Việt Văn, Toán, Lý Hoá, Pháp Văn, Anh Văn. Thí sinh thi đậu viết còn phải thi vấn đáp đủ các môn. Thí sinh có đậu vấn đáp mới được coi là tốt nghiệp. Sau này thi vấn đáp được bãi bỏ, chỉ còn thi viết.

Người có bằng Trung Học Phổ Thông còn gọi là Trung Học Đệ Nhất Cấp có thể xin làm công chức hạng C, ngạch Thư Ký Hành Chánh hoặc thi vào Quốc Gia Sư Phạm, Quốc Gia Thương Mại hoặc ghi tên học các trường Cán Sự như Cán Sự Kiến Trúc, Cán Sự Y Tế, Cán Sự Công Chánh, Địa Chánh v.v.... hoặc muốn theo đời binh nghiệp thì vào trường Bộ Binh Thủ Đức.

b/ Bậc Tú Tài hay Trung Học Đệ Nhị Cấp.



Bậc Tú Tài phải học 3 lớp trong 3 năm: Đệ Tam, Đệ Nhị và Đệ Nhất và được chia Ban A, B hay C ngay từ Đệ Tam và học cả 2 ngoại ngữ Anh và Pháp. Muốn được nhận vào lớp Đệ Tam học sinh phải đủ điểm trung bình qua hai kỳ thi đệ nhất và đệ nhị lục cá nguyệt ở lớp Đệ Tứ để lên lớp, nếu là học sinh trường công. Nếu là học sinh trường tư, phải đậu Trung Học Phổ Thông và phải qua một kỳ thi tuyển vì số chỗ có hạn.

Muốn được vào học lớp Đệ Nhất, học sinh

lớp Đệ Nhị phải đậu bằng Tú Tài I. Sau này, bằng Tú Tài I được bãi bỏ thì phải đủ điểm lên lớp qua 2 kỳ thi đệ I và đệ II lục cá nguyệt. Sau khi học xong lớp Đệ Nhất, học sinh phải trải qua một kỳ thi tốt nghiệp để lấy bằng Tú Tài 2 còn gọi là Tú Tài Toàn Phần. Tùy theo Ban mình lựa chọn khi ghi danh thi bằng tốt nghiệp sẽ được gọi là ban Khoa Học Thực Nghiệm (ban A), ban Khoa Học Toán (ban B) hay ban Văn Chương (ban C).

Có bằng Tú Tài Toàn Phần có thể ghi danh các trường Đại Học như Khoa Học, Luật Khoa hay Văn Khoa hoặc thi vào các trường Đại Học Y, Nha, Dược (trước năm 1963 (?) không phải thi) hoặc các trường chuyên nghiệp như Cao Đẳng Sư Phạm, sau này là Đại Học Sư Phạm, Cao Đẳng Công Chánh, Cao Đẳng Điện Học, Cao Đẳng Hoá Học, Cao Đẳng Nông Lâm Súc, Quốc Gia Hành Chánh hoặc xin làm công chức hạng B, ngạch Tham sự. Hoặc nếu muốn theo đường binh nghiệp thì có thể thi vào các trường Võ Bị Đà Lạt, Hải Quân, Không Quân.

Chương trình giáo dục Trung và Tiểu Học Việt Nam do Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn soạn thảo dựa theo chương trình giáo dục của Pháp, tuy nặng về từ chương, thiếu tính cách thực dụng, nhưng có trình độ khá cao. Bất cứ một học sinh nào, sau khi qua được bậc Tú Tài (Trung Học Đệ Nhị Cấp) đều có đủ trình độ và khả năng để theo bậc đại học không những ở trong nước mà cả ở các nước tiên tiến như Anh, Pháp hoặc Hoa Kỳ, Gia Nã Đại v.v...

II/ BẬC ĐẠI HỌC:

Nếu chương trình Tiểu Học và Trung Học Việt Nam còn gọi là Chương Trình Hoàng Xuân Hãn được áp dụng ngay từ năm 1945 thì mãi tới năm 1955, năm Thủ Tướng Ngô Đình Diệm được dân miền Nam bầu làm Tổng Thống và nền Đệ Nhất Cộng Hoà được ra đời thì chương trình Đại Học Việt Nam mới bắt đầu được dần dần thay đổi. Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã cử Giáo Sư Nguyễn Quang Trinh, Tiến Sĩ Hóa Học tại Paris, thay thế ông De Lassus làm Viện Trưởng đầu tiên của Viện Đại Học Saigon dưới quyền quản trị của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà. Ngoài Viện Đại Học Saigon, sau còn có Viện Đại Học Huế, Viện Đại Học Đà Lạt và Viện Đại Học Cần Thơ.

A/ Tiền thân của Viện Đại Học Saigon.

Tiền thân của Viện Đại Học Saigon là Viện Đại Học Đông Dương (Université Indochinoise) do chính quyền thuộc địa Pháp thành lập vào năm 1906 (?) và trụ sở đặt tại Hà Nội. Sau đệ nhị thế chiến, Viện Đại Học Đông Dương được đổi thành Viện Đại Học Hà Nội. Sau Hiệp Định Genève 1954 chia đôi đất nước, Viện Đại Học Hà Nội di chuyển vào Nam và trở thành Viện Đại Học Quốc Gia Việt Nam. Vào năm 1957, Viện Đại Học Huế được thành lập, Viện Đại Học Quốc Gia Việt Nam trở thành Viện Đại Học Saigon, trụ sở đặt tại số 3 Công Trường Chiến Sĩ.

Viện Đại Học Saigon có 2 ký túc xá: một là Đại Học Xá Minh Mạng ở Ngã Sáu Chợ Lớn dành cho nam sinh viên và một Đại Học Xá Trần Quý Cáp ở đường Trần Quý Cáp, thuộc quận Nhất, dành cho nữ sinh viên.

B/ Các phân khoa thuộc Viện Đại Học Saigon.

Các phân khoa thuộc Viện Đại Học Saigon gồm có:

1/ Đại Học Văn Khoa, trụ sở lúc đầu tọa lạc tại đường Nguyễn Trung Trực, quận Nhất, sau di chuyển về đường Nguyễn Bình Khiêm, quận Nhất.

2/ Đại Học Luật Khoa, trụ sở ở đường Duy Tân, quận Nhất.



3/ Đại Học Khoa Học, trụ sở ở đường Cộng Hoà, quận Năm.

4/ Đại Học Sư Phạm, trụ sở đặt tại đường Cộng Hoà, quận Năm.

5/ Đại Học Kiến Trúc, trụ sở tại đường Pasteur, quận Ba.

6/ Đại Học Y Khoa, trụ sở lúc đầu ở đường Trần Quý Cáp, quận Ba, sau di chuyển về Đại Lộ Hồng Bàng, quận Năm.

7/ Đại Học Dược Khoa, trụ sở lúc đầu ở đường Trần Quý Cáp, quận Ba, sau di chuyển về đường Công Lý (góc Hiền Vương), quận Ba.

8/ Đại Học Nha Khoa, trụ sở ở đường Nguyễn Trãi, quận Năm.

Lúc đầu trường Đại Học cũng còn tiếp tục giảng dạy bằng tiếng Pháp vì chưa đủ giáo sư người Việt. Cho đến khi số giáo sư người Việt đầy đủ, tất cả các Giáo sư người Pháp rút lui vào khoảng năm 1964 và cũng kể từ năm này, toàn thể các giáo sư người Việt lãnh trách nhiệm giảng dạy cho toàn thể các trường Đại Học ở miền Nam Việt Nam.

Ngoài Viện Đại Học Saigon, sau này còn có Viện Đại Học Huế, Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Cần Thơ v.v. chương trình giảng dạy cũng tương tự, nhưng không đầy đủ các phân khoa như Viện Đại Học Saigon và thành phần giáo sư cũng không được chọn lọc kỹ như Viện Đại Học Saigon.

Viện Đại Học Saigon tuy là là Viện Đại Học của miền Nam Việt Nam, nhưng phải nói là một Viện Đại Học uy tín nhất Việt Nam gồm toàn các giáo sư Thạc Sĩ, Tiến Sĩ phần lớn đều tốt nghiệp ở các trường Đại Học danh tiếng ở ngoại quốc về nước giảng dạy và cũng là nơi đào tạo ra không biết bao nhân tài cho đất nước.

1/ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA:



Trường Đại Học Luật Khoa được chính quyền bảo hộ Pháp thành lập vào đầu thập niên 1920.

Lúc đầu có tên là Trường Cao Đẳng Pháp Chánh Đông Dương (École Supérieure d' Administration Indochinoise), trụ sở đặt tại Hà Nội. Năm 1933 trường được đổi thành trường Cao Đẳng Luật Học (École Supérieure de Droit). Tới năm 1938, trường được nâng lên hàng phân khoa (Faculté) (2) và được gọi là Luật Khoa Đại Học Đường (Faculté de Droit) (3)

Từ năm 1955 trở đi, trường Đại Học Luật Khoa bắt đầu giảng dạy bằng tiếng Việt vì trong giai đoạn này, trường Luật Khoa có rất nhiều giáo sư Việt Nam với đầy đủ các cấp bằng Thạc Sĩ, Tiến Sĩ tốt nghiệp tại Pháp như: giáo sư Vũ Văn Mẫu, giáo sư Vũ Quốc Thúc, giáo sư Vũ Quốc Thông, giáo sư Nguyễn Cao Hách v.v ...

Ngoài trường Đại Học Luật Khoa Saigon, sau này chính quyền Việt Nam Cộng Hoà còn cho mở thêm trường Đại Học Luật Khoa Huế vào năm 1957 và trường Đại Học Luật Khoa Cần Thơ vào năm 1966.

a/ Cấp Cử Nhân.



Chị Trần Thanh Giang

Trường Đại Học Luật Khoa lúc đầu chỉ có 3 năm giống như chương trình Cử Nhân Luật của Pháp. Vì nước nhà đã độc lập nên chương trình học loại bỏ môn Dân Luật của Pháp và được thay bằng Dân Luật Việt Nam. Thời gian học vẫn là 3 năm. Mỗi năm đều có thi tốt nghiệp và có cấp phát bằng tốt nghiệp gọi là Bằng Cử Nhân I, II hoặc III và văn bằng Cử Nhân III này được thay thế cho Văn Bằng Cử Nhân Luật Khoa thực sự trong khi chờ đợi Văn Bằng Cử Nhân Luật Khoa thực sự được cấp phát.

Việc ghi danh cũng như theo học trường Luật tương đối dễ hơn những trường khác, sinh viên có thể chỉ cần mua sách hoặc những bài in Ronéo của giáo sư đem về nhà học, nên số sinh viên ghi danh rất đông. Tuy nhiên tỉ số đậu lại rất thấp. Nếu tính tỷ lệ theo số sinh viên ghi danh năm thứ nhất với số sinh viên tốt nghiệp năm cuối cùng thì chỉ khoảng 5%.

Tới đến năm 1966 trường Luật theo học trình của trường Đại Học Khoa Học và Văn Khoa, đổi thời gian học lên đến 4 năm thay vì 3 năm. Sinh viên học năm nào phải thi tốt nghiệp năm ấy. Mỗi năm có 2 kỳ thi vào tháng 6 và tháng 9. Sinh viên năm thứ nhất cuối năm có đậu mới được lên năm thứ hai. Chương trình thi bao gồm hai phần: thi Viết và thi Vấn đáp.

Trước ngày thi, giáo sư bốc thăm 2 môn trong số 7 môn đã học. Hai môn này sẽ được chọn làm đề thi Viết với thời gian 2 giờ. Năm môn còn lại, dành cho thi Vấn đáp. Muốn vào thi Vấn đáp, thí sinh phải đậu phần thi Viết. Nếu rớt Vấn đáp, thí sinh sẽ được giữ điểm thi Viết cho kỳ 2 cùng năm và chỉ thi lại Vấn đáp mà thôi.

Lên năm thứ ba, sinh viên sẽ chọn ngành: Tư Pháp, Công Pháp, Kinh Tế v.v... và thi tốt nghiệp Cử Nhân Luật của ngành đã chọn vào cuối năm thứ tư.

Chương trình học gồm có hai phần: Phần kiến thức tổng quát và phần chuyên môn.

Phần kiến thức tổng quát gồm có các môn: Kinh tế, Bang Giao quốc tế, Các Tổ Chức Quốc Tế, Các Học Thuyết Chính Trị, Tài Chánh, Pháp Chế Sử, Luật Báo Chí, Phạm Tội Học, Luật Đối Chiếu

v.v...

Phần chuyên môn gồm có các môn luật thuần túy như Luật Dân Sự, Dân Sự Tố Tụng, luật Tài Sản, Luật Hình Sự, Hình Sự Tố Tụng, Luật Hiến Pháp, Luật Thương Mại, Luật Hành Chánh, Tố Tụng Hành Chánh, Luật Bảo Hiểm, Luật Lao Động, Luật Ngân Hàng, Luật Hàng Hải, Quốc Tế Công Pháp, Quốc Tế Tư Pháp v.v...

Người có bằng Cử Nhân có thể xin vào làm công chức hạng A tại các bộ hoặc thi vào các ngạch chuyên môn như ngạch Thẩm Phán, ngạch Tham Vụ Ngoại Giao, ngạch Thanh Tra Lao Động, Thanh Tra Ngân Hàng, Thanh Tra Quan Thuế v.v... hoặc xin vào Luật Sư Đoàn tập sự để hành nghề Luật Sư.

b/ Cấp Tiến Sĩ.

Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, nếu muốn tiếp tục học để lấy bằng Tiến Sĩ Luật, sinh viên phải học thêm 2 năm nữa để lấy thêm hai bằng Cao Học của ngành mình lựa chọn hoặc Công Pháp hoặc Tư Pháp.

Chương trình ban Cao Học được chia làm 2 cấp: Cấp I và cấp II. Sau khi đậu cấp I gọi là Cao Học I, sinh viên mới được ghi danh học cấp II. Chương trình mỗi cấp gồm có 2 phần: Phần tổng quát ôn lại và phần thâm cứu những môn chính đã học ở cấp Cử Nhân.

Sau khi có được 2 bằng cao học, sinh viên phải tìm một ông thầy đỡ đầu để làm luận án Tiến Sĩ. Thời gian có thể là 1 năm hay nhiều năm, tùy theo ông thầy đỡ đầu xét xem luận án có đạt được đầy đủ những tiêu chuẩn mà ông ta mong muốn hay chưa. Vì thế nhiều sinh viên mặc dầu đã có 2 bằng cao học, nhiều khi cả chục năm sau vẫn chưa được trình luận án để lấy bằng Tiến Sĩ.

2/ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA.

Tiền thân của trường Đại học Văn Khoa Saigon là trường Đại học Văn khoa Hà Nội do Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Phan Huy Quát cho thành lập vào năm 1949 thời Quốc gia Việt Nam. Hoạt động của trường Đại Học Văn Khoa trong những năm kế tiếp bị gián đoạn vì tình hình chính trị. Mãi đến năm 1955, thời Đệ nhất Cộng hòa, trường Đại học Văn Khoa Saigon mới được ưu tiên phát triển. Lúc đầu trường Đại học Văn Khoa cấp bằng cử nhân văn chương Pháp và Anh nhưng phải

đến niên học 1957-1958 thì chương trình Cử Nhân Giáo Khoa Văn Chương Việt Nam mới được hoàn thiện. Cũng năm đó chương trình Cử Nhân Giáo Khoa Triết Học cũng được xây dựng hoàn tất.

Tương tự như trước năm 1954, cách tổ chức và chương trình của trường không có gì thay đổi. Giáo sư phụ trách giảng dạy của trường gồm các giáo sư sau: giáo sư Nghiêm Toàn dạy môn Văn Chương Việt Nam, giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Kỹ sư Hóa Học tại Pháp, chuyên về Triết Học Đông Phương, giáo sư Bùi Xuân Bào, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp, dạy Pháp Văn, giáo sư Lê Trung Nhiên, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp tại Đại Học Sorbonne, dạy môn Pháp Văn, giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp tại Đại Học Sorbonne, giảng dạy môn Pháp Văn và môn Văn Minh Việt Nam, giáo sư Nguyễn Đình Hòa, Ph D, dạy môn Anh Văn v.v...

Các giáo sư phụ trách môn Việt Hán thường là các thầy dạy Việt Văn từ Trung học hoặc là một vài giáo sư dạy chữ Hán có bằng Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ Hán Học. Các vị giáo sư Việt Văn và Triết Học, Sử Địa thường không có bằng Tiến Sĩ cho nên họ chỉ là giảng sư của trường nhưng sau năm 1972 vì công lao to lớn của các vị này đào tạo nhiều giáo sư Trung Học dạy các môn Việt Văn, Sử Địa v.v... cho nên chính phủ đặc cách một số vị không có bằng Tiến Sĩ, làm Giáo Sư Đại Học. Ta cũng nên kể một vài vị có bằng Tiến Sĩ từ Pháp hay Mỹ giảng dạy nhưng không quá 5 vị trong số này. Trường Đại Học Văn Khoa cấp phát được một số bằng Cao Học môn Địa Lý và Sử Học, Anh và Pháp nhưng chưa cấp phát được một bằng Tiến Sĩ nào cả.

Ngoại trừ các môn Hán Văn, Anh Văn và Pháp Văn, các môn khác như Việt Văn, Ngôn Ngữ và Văn Chương, Văn Phạm Việt Nam, Sử Ký, Địa Lý Việt Nam và Quốc Tế đều dạy bằng Việt Ngữ.

Cũng như các đại học khác, muốn theo học Đại Học Văn Khoa, sinh viên phải có bằng Tú Tài Toàn Phần.

Trường Đại Học Văn Khoa học theo Chứng Chỉ. Ngoại trừ năm đầu, sinh viên chỉ được học 1 chứng chỉ duy nhất là chứng chỉ Dự Bị Văn Khoa. Sau khi đậu được chứng chỉ Dự Bị Văn Khoa, mỗi năm sinh viên có thể ghi học 2 chứng chỉ.

Ngoài Chứng Chỉ Dự Bị, Sinh viên nào có thêm được 4 chứng chỉ đòi hỏi cho văn bằng Cử Nhân của mình thì được cấp văn bằng Cử Nhân Giáo Khoa. Còn nếu một trong 4 chứng chỉ đó không đúng thì bằng Cử Nhân đó không được gọi là bằng Cử Nhân Giáo Khoa mà gọi là Cử Nhân Văn Khoa thường thôi. Thí dụ:

- Cử Nhân Giáo Khoa Việt Hán, ngoài chứng chỉ Dự Bị còn phải có 4 chứng chỉ sau: Văn Chương Việt Nam, Ngôn Ngữ và Văn Minh Việt Nam, Hán văn và Chứng chỉ Sử Việt Nam hoặc Địa Lý Địa Phương

- Cử Nhân Sử Địa, ngoài chứng chỉ Dự Bị còn phải có 4 chứng chỉ Sử Việt Nam, Sử Thế Giới, Địa lý Địa Phương và Chứng chỉ Địa Chất Học (Geology).

- Cử Nhân Anh Văn ngoài chứng chỉ Dự Bị (Anh Văn) còn phải có 4 chứng chỉ sau: Văn Chương Việt Nam, Văn Chương Anh, Ngôn Ngữ và Văn Minh Anh và một chứng chỉ nhiệm ý như Pháp văn hoặc, Chứng chỉ Sử (hoặc Địa).

- Cử Nhân Pháp Văn, ngoài chứng chỉ Dự Bị (Pháp Văn) còn phải có 4 chứng chỉ sau: Văn Chương Pháp, Ngôn Ngữ và Văn Minh Pháp, Việt Văn và Chứng Chỉ Anh Văn hoặc, Chứng chỉ Sử (hoặc Địa).

- Cử Nhân Triết Học.

Người có bằng Cử Nhân có thể xin tuyển làm giáo sư dạy trung học hoặc thi vào ngạch Tham Vụ Ngoại Giao.

3/ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC.

Tiền thân của trường Đại Học Khoa Học Saigon là trường Đại Học Hà Nội. Năm 1954, Hiệp Định Genève ký kết chia đôi Việt Nam thành hai miền Nam Bắc, trường Đại Học Khoa Học Hà Nội được di chuyển vào Nam và đổi tên là trường Đại Học Khoa Học Saigon.

Lúc đầu chương trình được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Pháp và có rất nhiều giáo sư người Pháp giảng dạy. Chương trình được Việt hoá dần dần. Tới năm 1970 thì chương trình được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt.

Cho tới năm 1975, trường Đại Học Khoa

Học Saigon cũng chỉ mới có cấp Cử Nhân, chưa có cấp Tiến Sĩ. Những sinh viên tốt nghiệp Cử Nhân, muốn học thêm để lấy bằng Tiến Sĩ phải xin đi du học ở ngoại quốc.

Chương trình học Cử Nhân là 4 năm. Một sinh viên xuất sắc có thể hoàn tất Cử Nhân trong 3 năm. Nhưng nhiều sinh viên phải học tới 5, 6 năm mới hoàn tất.

Năm đầu, sinh viên chỉ có thể học một trong ba chứng chỉ sau:

- MG (Mathematiques Général),
- MPC (Mathematiques. Physique, Chimie).
- SPCN(Science, Physique, Chimie, Natural).

Sang năm thứ hai, sinh viên có thể học 2 chứng chỉ. Nhưng thường rất ít sinh viên có thể đậu được 2 chứng chỉ trong một năm.

a/ Cử Nhân Khoa Học Toán.

Ngoài chứng chỉ Dự Bị MG, sinh viên còn phải có 3 chứng chỉ sau:

- Calculus Diffirencial.
- Mechaniques Rational.
- Physique Général.

b/ Cử Nhân Khoa Học Vật Lý.

Ngoài chứng chỉ Dự Bị MPC, sinh viên còn phải có 3 chứng chỉ sau:

- Physique General.
- Chimie General.
- Mechanique Rational.

c/ Cử Nhân Khoa Học Tự Nhiên.

Ngoài chứng chỉ Dự Bị SPCN, sinh viên còn phải có 3 chứng chỉ sau:

- Biologie Animal.
- Physiologie Végétal
- Geophysiques.

Những sinh viên mặc dù đã có đủ 4 chứng chỉ, nhưng không đúng theo theo luật đòi hỏi thì không được gọi là Cử Nhân Giáo Khoa Khoa Học

mà chỉ được gọi là Cử Nhân Khoa Học thôi.

Vì các chứng chỉ trên rất khó, nên số sinh viên tốt nghiệp Cử Nhân hàng năm rất hiếm, không đủ để cung cấp cho nhu cầu nên sau này, nhiều chứng chỉ đã được chia ra làm hai hoặc ba chứng chỉ để sinh viên theo học cho dễ dàng. Thí dụ chứng chỉ Vật Lý Đại Cương (Physique General) được chia làm 2 chứng chỉ Quang Học, Điện Học và Nhiệt Học. Vì thế các sinh viên sau này thường phải có tới tám, chín cái chứng chỉ mới hoàn tất xong bằng Cử Nhân Khoa Học.

4/ ĐẠI HỌC SỰ PHẠM.

Trường Đại học Sư Phạm Saigon là hậu thân của trường Cao Đẳng Sư Phạm Saigon. Niên khoá 1958-1959 trường Cao Đẳng Sư Phạm Saigon được đổi thành trường Đại Học Sư Phạm Saigon. Thời gian học vẫn giữ nguyên là 3 năm, sau thời gian tăng lên 4 năm và trong thời gian học có học bổng \$1500 / một tháng, sau tăng lên \$2000 / một tháng.

Trường có 2 chương trình. Chương trình 2 năm để đào tạo giáo sư trung học Đệ Nhất Cấp và chương trình 4 năm để đào tạo giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp.

Muốn được nhận vào học, sinh viên phải có bằng Tú Tài Toàn Phần và phải qua một kỳ thi



tuyển. Những sinh viên có chứng chỉ Dự Bị Văn Khoa có thể được miễn thi và vào học ngay năm thứ 2, nếu muốn học các ban Việt Hán, Sử Địa, Pháp Văn hay Anh Văn. Những sinh viên có chứng chỉ Dự Bị Khoa Học như MG, MPC hay SPCN được miễn thi và vào học ngay năm thứ 2 nếu muốn học các ban Toán, Lý Hoà và Vạn Vật.

Chương trình gồm có hai phần: Phần tổng quát chung cho các Ban và phần chuyên môn riêng cho từng Ban. Phần chuyên môn của các Ban Việt Hán, Sử Địa, Anh Văn và Pháp Văn gần giống như chương trình Cử Nhân Việt Hán, Cử Nhân Sử Địa, Cử nhân Anh Văn và Cử Nhân Pháp Văn của trường Đại Học Văn Khoa Saigon và phần chuyên môn của các Ban Toán, Lý Hoá, Vạn Vật gần giống như chương trình Cử Nhân Toán, Cử Nhân Lý Hoá và Cử Nhân Vạn Vật của trường Đại Học Khoa Học. Vì thế những sinh viên xuất sắc, sau khi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm cũng tốt nghiệp luôn Cử Nhân Văn Khoa hoặc Cử Nhân Khoa Học.

Suốt 17 năm, từ 1958 đến 1975, trường Đại học Sư Phạm Saigon đã đào tạo hàng ngàn giáo sư trung học đệ nhất và đệ nhị cấp về kiến thức chuyên môn cũng như về tư cách, đạo đức và luân lý chức nghiệp.

Năm 1975 miền Nam Việt nam sụp đổ, với thể chế mới, hầu như mọi thứ đều bị thay đổi từ tên gọi cho đến các cơ cấu tổ chức cũng như chương trình giảng dạy.

5/ ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC.

Kể từ năm 1954, trường Cao Đẳng Kiến Trúc Saigon thuộc Viện Đại Học Saigon được đổi tên thành trường Đại Học Kiến Trúc Saigon. Trường có 2 chương trình: Chương trình 2 năm cho Ban Cán Sự Kiến Trúc và chương trình 6 năm cho ban Kiến Trúc Sư. Tuy nhiên muốn được ra trường, sinh viên phải có một luận án thi tốt nghiệp và luận án này phải được Hội Đồng Thi chấm đậu.

Sinh viên muốn vào học Ban Cán Sự phải có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp và muốn vào học ban Kiến Trúc Sư phải có bằng Trung Học Đệ Nhị Cấp tức bằng Tú Tài Toàn Phần.

a/ Ban giảng huấn.

Ban giảng huấn của trường phần lớn là các

Kiến Trúc Sư tốt nghiệp tại Pháp như các giáo sư Trần Văn Tải, Bùi Quang Hanh, Phạm Văn Thắng, Louis Pineau, Nguyễn Quang Nhạc, Huỳnh Kim Mãng, Tô Công Văn, đều là những Kiến Trúc Sư tốt nghiệp trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris, Nguyễn Bá Lăng, Kiến Trúc Sư DPLG, Paris, Ngô Khắc Trâm, Nguyễn Hữu Thiện, Kiến Trúc Sư tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, Võ Doãn Giáp, Họa Sư tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương.

Một số các Kỹ Sư tốt nghiệp tại Pháp hay ngoại quốc cũng được mời làm giảng viên như Trần Văn Bạch, Phan Đình Tăng Kỹ Sư Dân Sự Kiều lộ tốt nghiệp trường Quốc gia Kiều lộ Paris, Lê Kim Đính, Cử nhân Toán, Chứng chỉ Cao học Thiên văn Thâm cứu (Certificat d'étude supérieures d'Astronomie approfondie), Nguyễn Đình Hải, Tốt nghiệp Viện Anh ngữ của Đại học Michigan, Hoa Kỳ (English Language Institute, University of Michigan), Lê Văn Hợi, Kỹ sư trường Cao đẳng Công chánh Eyrolles Paris, Nguyễn Văn Kiệt, Cử nhân Văn khoa và Văn chương Cao học, Trịnh Hữu Định, Trang Trí Gia tốt nghiệp Trường Quốc gia Cao đẳng Trang trí Paris, Võ Đức Diễn, Kỹ Sư Trường Bách khoa Montréal, Phạm Minh Cảnh, Kỹ Sư tốt nghiệp Viện Kỹ Thuật Normandie, Mai Hiệp Thành, Kỹ Sư Công Chánh.

b/ Chương trình ban Kiến Trúc Sư:

Năm thứ 1.

Kiến trúc nhập môn, Kiến trúc sáng tạo học, Cổ điển họa và nặn hình.

Toán học, Hình học họa hình.

Lịch sử tổng quát kiến trúc;

Phép Thiết thể và Vật liệu Kiến tạo.

Pháp văn, Anh văn.

Năm thứ 2

Kiến trúc sáng tạo học, Cổ điển họa và nặn hình.

Toán học đại cương, Hình học họa hình.

Lý thuyết Kiến trúc.

Phép Thiết thể và Vật liệu Kiến tạo.

Năm thứ 3

Kiến trúc sáng tạo học, Cổ điển họa và nặn hình.

Kiến tạo đại cương: Lý thuyết.

Vật lý, Địa chất học áp dụng vào khoa Kiến trúc.

Phép phối cảnh, Lý thuyết Kiến trúc.
Sức chịu đựng của vật liệu.

Năm thứ 4

Kiến trúc sáng tạo học, Kiến tạo đại cương:

Lý thuyết và đồ án

Bê tông cốt sắt.

Ước lượng vật liệu và kiểm điểm.

Lịch sử tổng quát Kiến trúc, Lý thuyết Kiến trúc.

Luật nhà phố.

Năm thứ 5.

Kiến trúc sáng tạo học, Kiến tạo áp dụng

Luật nhà phố.

Tổ chức nghề nghiệp, Lý thuyết Kiến trúc.

Địa thể học áp dụng kiến trúc;

Kiến tạo đại cương: Đồ án và kỹ thuật.

Năm thứ 6

Kiến trúc sáng tạo học.

Bê tông cốt sắt thực hành.

Đồ án trang trí nhà cửa.

Luận án thi tốt nghiệp (3 tháng cuối niên học), thường là một dự án vẽ kiểu nhà hoặc cao ốc (Building) rồi phải trình Hội Đồng Giáo Sư để được tốt nghiệp. Khi tốt nghiệp được cấp bằng Kiến Trúc Sư.

6/ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA:

Trường Đại Học Y Khoa Saigon là hậu thân của trường Y Dược Khoa Đông Dương thuộc Viện Đại Học Đông Dương (Université de l'Indochine) trụ sở đặt tại Hà Nội. Năm 1954, Hiệp định Genève ký kết chia đôi Việt Nam, trường di chuyển vào Nam, trụ sở nằm trên đường Testard sau đổi là đường Trần Quý Cáp và có tên mới là Đại Học Y Khoa và Dược Khoa Saigon. Tới năm 1961, trường tách đôi ra thành 2 trường riêng biệt là Đại Học Y Khoa và Đại Học Dược Khoa và cũng trong năm này, các giáo sư người Pháp lần lượt được giải nhiệm và ban giảng huấn Việt Nam được hoàn toàn thay thế. Năm 1966, trường được dọn tới địa điểm mới là Trung Tâm Giáo Dục Y Khoa vừa hoàn tất nằm trên Đại Lộ Hồng Bàng, Chợ Lớn. Ban giảng huấn gồm có một số giáo sư Thạc Sĩ rất tài giỏi như giáo sư Phạm Biểu

Tâm, chuyên về giải phẫu, giáo sư Trần Ngọc Ninh, chuyên về xương, giáo sư Ngô Gia Hy, chuyên về nội thương, đặc biệt về thận, giáo sư Trần Anh, chuyên về giải phẫu, trưởng khu Cơ Thể Học và từng giữ chức vụ Viện Trưởng Viện Đại Học Sài Gòn, giáo sư Nguyễn Hữu, chuyên về giải phẫu v.v...

Thời gian học là 7 năm: 5 năm tổng quát và 2 năm nội trú, ngoài ra còn phải trình một luận án mới được cấp bằng Bác Sĩ Y Khoa, nếu chưa có thì chỉ được gọi là Y Sĩ mà thôi. Có nhiều người học tới 10, 12 năm mới được cấp bằng. Có người bị đẩy ra khỏi trường vì có năm học tới 2 năm mà vẫn chưa lên lớp, nhất là năm thứ 2.

Cách tổ chức của trường Y Khoa vẫn tương tự như trước năm 1954. Năm thứ nhất, một vài tháng có một lần thi hoặc thi Cơ Thể học, hoặc thi Mô Học, hoặc thi Sinh Hóa Học. Năm thứ ba, sinh viên bắt đầu đi thực tập ở các bệnh viện hoặc chia nhau đi trực tại các nhà thương chẳng hạn như nhà thương chuyên bệnh lao Hồng Bàng...

Mãi đến sau năm 1970, trường bắt đầu giảng dạy bằng tiếng Việt nhưng đồng thời bắt buộc sinh viên dùng tài liệu Y Khoa bằng tiếng Anh để tham khảo. Nhờ vậy, sau năm 1975, các vị Bác Sĩ này khi đi tản sang Hoa Kỳ đã có đủ khả năng để thi lại bằng Bác Sĩ tương đương.

7/ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC KHOA

Trước năm 1961, trường Đại Học Dược Khoa được nhập chung với trường Đại Học Y khoa. Tới năm 1961, trường Đại Học Dược Khoa tách ra và trụ sở được đặt tại góc đường Cường Để và đại lộ Thống Nhất.

Ban giảng huấn gồm một số giáo sư danh tiếng như: Giáo sư Đặng Vũ Biên, Tiến Sĩ Dược Khoa tại Đại Học Sorbonne, Giáo sư Tô Đồng, Dược Khoa Tiến Sĩ tại Đại Học Sorbonne, Giáo sư Nguyễn Vĩnh Niên, Tiến Sĩ Dược Khoa tại Pháp.

Chương trình học của trường Đại Học Dược Khoa cũng giống như trước năm 1954, không có gì thay đổi và thời gian học cũng vẫn là 5 năm. Năm đầu tiên gọi là năm tập sự (stage), ngoài việc học ở trường còn phải được một Dược Phòng nhận cho tập sự. Cuối mỗi năm đều có kỳ thi lên lớp. Tuy chương trình là 5 năm, nhưng có người học tới 6,7 năm, hoặc 8 năm mới ra trường. Trường không có

cấp phát bằng Tiến Sĩ Dược Khoa.

8/ Trường Nha Khoa

Chương trình trường Đại Học Nha Khoa là 5 năm và tốt nghiệp được cấp bằng Nha Sĩ. Ai muốn có bằng Tiến Sĩ Nha Khoa thì phải qua Pháp học.

Ban giảng huấn gồm một số các giáo sư tốt nghiệp tại Pháp như: Giáo sư Lê Trọng Phong, Tiến Sĩ Nha Khoa Đại Học Paris, Giáo sư Nguyễn Văn Thơ, Tiến Sĩ Nha Khoa Đại Học Paris....

Ngoài các Viện Đại Học Saigon, Huế, Đà Lạt, và Cần Thơ còn có những Trung Tâm Giáo Dục và các Học Viện khác như:

-Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ đào tạo các kỹ sư cho 4 ngành Công Chánh, Điện Học, Hoá Học và Công Nghệ,

-Trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc để đào tạo Kỹ Sư Nông Nghiệp, Kỹ Sư Thủy Lâm và Kỹ Sư Thú Y,

-Học Viện Quốc Gia Hành Chánh để đào tạo Tham Sự Hành Chánh, Đốc Sự Hành Chánh, Cao Học Hành Chánh và Cao Học Ngoại Giao.

Tóm lại, mặc dầu chế độ Việt Nam Cộng Hòa chỉ tồn tại được 20 năm (1955-1975) nhưng cũng đã xây dựng được một nền giáo dục tốt đẹp không kém gì những quốc gia tân tiến trên thế giới và đào tạo ra không biết bao nhiêu nhân tài cho đất nước cả về hai phương diện đức dục và trí dục.

Tiếc rằng sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, thống nhất được đất nước, bọn Cộng Sản Việt Nam đã thay thế nền giáo dục khai phóng và nhân bản của miền Nam bằng một chính sách giáo dục dựa vào chủ nghĩa Mác Lê, một chủ nghĩa vô luân, vô đạo, nhằm đào tạo con người trở thành con vật chỉ biết lập lại những gì đã được Đảng dạy bảo và chỉ biết tuân theo một cách tuyệt đối những gì Đảng đã ra lệnh. Kết quả của chính sách giáo dục này là làm cho trình độ dân trí không những không lên cao mà còn mỗi ngày một xuống thấp. Đây cũng là chủ ý của cộng sản Việt Nam, nếu tất cả người dân Việt Nam, đều có được một nền Giáo Dục của Miền Nam trước kia thì chắc chắn chế độ Cộng Sản Việt Nam đã không còn tồn tại đến bây giờ..!.

Cảm Xúc



Cô gái Việt Nam ơi!
Từ thuở sơ sinh lận đận rồi
Tôi biết tình cô u uất lắm
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi

Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa
Má hồng mỗi tiết mỗi phôi pha
Khi cô vui thú là khi đã
Bồng bế con thơ đón tuổi già

Cô gái Việt Nam ơi!
Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi
Thế hệ huy hoàng không đủ xóa
Nghìn năm vàng vạc ánh trắng soi

Tôi đến đây tìm lại bóng cô
Trở về đường cũ hái mơ xưa
Rau sam vẫn mọc chân rào trước
Sơn sắc lòng cô vẫn đợi chờ

Dãi lúa cô trồng nay đã tươi
Gió xuân ý nhị vít bông cười
Ai hay lòng kẻ từng chăm lúa
Trong một làng con đã héo rồi

Cô gái Việt Nam ơi!
Nếu chữ “hy sinh” có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi

HỒ ZÉNH

MẠ LY VÀ PHỈ BÁNG



LS NGÔ TĂNG GIAO

1/ HIỆN TƯỢNG PHỈ BÁNG MẠ LY TRONG LỊCH SỬ ANH MỸ

Vào năm 1637, một cây viết người Anh tên là William Prynne đã phạm một lỗi lầm rất lớn khi viết một cuốn sách trong đó chỉ trích Nữ Hoàng. Bị đưa ra xét xử trước tòa án anh chàng Prynne xui xẻo đó bị đoàn thẩm phán kết cho tội phỉ báng (libel) với bản án tù chung thân. Ngoài ra, bị cáo còn bị thêm một hình phạt phụ nữa là bị xẻo tai trước khi bị tống vào nhà giam.

Thời thuộc địa, cho tới năm 1734, việc phỉ báng quan chức, dù nội dung có đúng hay không, đều bị coi là phạm tội. Nếu cây viết Prynne này mà sống trong thế giới tân tiến Hoa Kỳ vào thời buổi này thì có thể phóng bút thật là thỏa chí, tự do mà viết lách, muốn phê bình ai cũng được, dù là Nữ Hoàng hay là Tổng Thống mà chẳng sợ bị xẻo tai hay ở tù.

Nhưng từ năm 1734, khi Hoa Kỳ vẫn còn là thuộc địa của Anh, đã có một vụ án lịch sử, đó là vụ Zenger. John Peter Zenger là một chủ nhiệm báo tại tiểu bang New York, ông đã đăng tin trên tờ New York Weekly Journal của mình chỉ trích vị thống đốc hoàng gia Anh tiểu bang này là bất tài và nhận hối lộ. Ông bị kiện ra tòa và đã phải vào tù về tội phỉ báng và mạ ly. Nhưng luật sư Andrew



Hamilton bào chữa cho Zenger đã tạo nên một bước ngoặt về pháp lý.

Luật sư đã thắng kiện (1735) khi nêu ra được sự thật rằng những điều chỉ trích là đúng và do đó làm chứng cứ miễn trách hoàn toàn cho Zenger về tội trên. Tòa án tuyên bố Zenger vô tội.

Tại Hoa Kỳ trước năm 1964, các tiểu bang thường quyết định rằng phỉ báng và mạ ly không được Tu Chính Án Số Một (First Amendment) của Hiến Pháp bảo vệ. Các nhà báo tuyệt đối chịu trách nhiệm về bài viết của mình, cứ chỉ trích là bị tội, dù đó là sự thật. Tòa án không phân biệt nội dung của sự phỉ báng mạ ly là đúng hay sai.

Phải đợi tới khi Tối Cao Pháp Viện, vào năm 1964, trong vụ án “*New York Times vs Sullivan*” mới thẩm định rằng các nhân vật được xếp vào thành phần “*chính khách, viên chức*” (public official), nếu muốn thắng kiện phải chứng minh rằng tin tức phổ biến là thất thiệt, có tính cách phỉ báng, mạ ly và bị đơn (người phổ biến) có manh tâm ác ý, biết rõ đó là tin thất thiệt mà vẫn phổ biến gây phương hại cho nguyên đơn.

Vụ án “*New York Times vs Sullivan*” xuất phát từ một trang quảng cáo đăng trên tờ New York Times của một số mục sư nhằm quyên tiền để bào chữa cho mục sư Martin Luther King là nhà hoạt động nhân quyền lừng danh nước Mỹ, sau khi ông mục sư này bị bắt giam. L.B Sullivan, người phụ trách sở cảnh sát thành phố Montgomery, tiểu bang Alabama, cho rằng nội dung quảng cáo đã nói không đúng về các hành vi của lực lượng cảnh sát và phỉ báng mình, nên đã kiện New York Times và các mục sư ra tòa án. Xét thấy nội dung quảng cáo có một số thông tin không đúng, tòa án đã quyết

định cho Sullivan thắng kiện, buộc các bị đơn phải bồi thường cho ông này 500 ngàn USD.

New York Times và các mục sư đã kháng cáo lên Tối Cao Pháp Viện. Tòa tối cao cho rằng không thể áp đặt hình phạt đối với việc phê phán hành vi ứng xử của các công chức. Tòa cho rằng, những công chức Nhà nước muốn thắng kiện trong trường hợp này không những phải chứng minh những **nội dung được đăng tải là sai mà còn phải chứng minh những người đăng tải nội dung này là “có ác ý”**. Trong vụ kiện trên tòa nhận thấy không có bằng chứng nào chứng tỏ tờ New York Times và các mục sư đã “có ác ý” khi đăng nội dung đó, vì vậy, tòa phán quyết New York Times và các mục sư thắng kiện.

Từ thời điểm này án lệ trên được áp dụng cho tất cả các vụ kiện về tội phỉ báng: một nguyên đơn là quan chức Nhà nước muốn thắng kiện nhất thiết phải chứng minh rằng những lời phỉ báng của bị đơn là sai, đồng thời phải chứng minh được cái sai đó là “có ác ý”.

Tối Cao Pháp Viện còn mở rộng tầm ảnh hưởng của án lệ “Sullivan” nói trên không chỉ dành cho **các quan chức nhà nước mà và áp dụng cả với thành phần những “người của công chúng” (public figure)**, đó là những người “thường xuyên thu hút sự quan tâm của giới truyền thông”, các nhân vật có tiếng tăm như nhà kinh doanh, nhà tài phiệt hoặc các cây viết nổi tiếng, các nhà thể thao và ngôi sao giải trí, tài tử màn bạc được ưa chuộng v.v.... hoặc một người nổi danh, giữ địa vị quan trọng trong cộng đồng. Khi nguyên đơn là người của công chúng, nếu muốn thắng kiện thì chính nguyên đơn không những phải chứng minh những lời phỉ báng sai sự thật, mà còn phải chứng minh là bị đơn có ác ý, vì biết là sai mà vẫn nói, lại thiếu thận trọng không phân biệt được thể nào là giả, thể nào là thật, kết quả của sự “cầu thả, coi thường sự thật” (reckless disregard of the truth).

Còn nguyên đơn, nếu là “*dân thường*”, là “*tu nhân*” (private figure), để thắng kiện, chỉ cần chứng minh trước tòa án là lời phỉ báng do chính bị đơn loan truyền và bị đơn không chứng minh được lời đó đúng sự thật mà chỉ có tính cách vu khống, thất thiệt là đủ yếu tố tội phạm của tội phỉ báng và mạ lỵ. Nguyên đơn không cần chứng minh thêm sự manh tâm ác ý của người đã loan tin đó. Nguyên đơn cũng không có trách nhiệm phải chứng minh ngược lại những điều bị đơn nói về mình.

(2) TU CHÍNH ÁN THỨ NHẤT:

Hoa Kỳ không có đạo luật nào về tự do báo chí, tự do ngôn luận. Quyền này chỉ được ghi cùng với các quyền khác trong một điều khoản đó là “*Tu Chính Án Thứ Nhất*” của Hiến Pháp (The First Amendment to the United States Constitution). Toàn văn của Tu Chính Án này như sau: “Congress shall make no law respecting an establishment of religion, or prohibiting the free exercise thereof; or abridging the freedom of speech, or of the press; or the right of the people peaceably to assemble, and to petition the Government for a redress of grievances” (Quốc hội không được ban hành đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng, hoặc hạn chế tự do ngôn luận hay báo chí hoặc quyền của dân chúng được hội họp và kiến nghị chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình).

Lời văn trong điều khoản này cho thấy không có sự quy định là người dân có quyền tự do ngôn luận hay báo chí, nó chỉ ngăn chặn nhà nước ra các đạo luật làm hạn chế quyền này mà thôi. Đối với các nhà lập quốc Hoa Kỳ, đây là một trong những “quyền tự nhiên” của con người, không ai đủ tư cách ban phát, Hiến Pháp chỉ ngăn chặn việc xâm phạm quyền tự nhiên ấy. Tu Chính Án Thứ Nhất được ban hành có vẻ là để nhắm tới chính quyền, chứ không phải nhắm vào người dân hay báo chí.

Tự do ngôn luận là sự tự do phát biểu mà không bị kiểm duyệt hoặc hạn chế. Thuật ngữ đồng nghĩa với tự do diễn đạt hoặc tự do thể hiện, biểu lộ (freedom of expression)

Tuy nhiên luật pháp Hoa Kỳ cũng bảo vệ mạnh mẽ chống lại những sự vu khống làm thiệt hại đến thanh danh của người khác. Tại Hoa Kỳ, tự do ngôn luận là quyền bất khả xâm phạm, và cũng là niềm hãnh diện của người dân ở đất nước có tự do dân chủ.

Nhưng không phải bất cứ ai cũng có thể nói bất cứ điều gì họ muốn. Quyền tự do ngôn luận thật ra không phải là quyền tuyệt đối trong mọi tình huống. Một lời vu khống, một lời tuyên bố sai sự thật, được loan truyền vô tội vạ, có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến uy tín và cuộc sống của một công dân.

Quyền tự do ngôn luận cũng được thừa nhận như là một quyền con người trong Điều 19 Tuyên Ngôn Quốc Tế Về Nhân Quyền và được thừa nhận trong luật nhân quyền quốc tế tại Điều 19 Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights - ICCPR).

(3) TINH THẦN “MC CARTHY”

Thời đại McCarthy là tên gọi thời thập niên 1950, khi Joe McCarthy thúc đẩy một loạt các cuộc điều trần tại Quốc Hội, tố cáo người này người kia là cộng sản, là tay sai Liên Xô, làm cả nước Mỹ nóng lên với cơn sốt chống cộng, chỉ để dẫn tới nhiều người bị chụp mũ và cũng nhiều người khác chán nản bỏ nước Mỹ mà đi.

Joseph Raymond “Joe” McCarthy (1908-1957) là một chính trị gia người Mỹ, thượng nghị sĩ đảng Cộng Hòa tiểu bang Wisconsin từ 1947 cho đến khi qua đời năm 1957. Từ 1950, McCarthy đã trở thành gương mặt công chúng tiêu biểu nhất ở giai đoạn mà những căng thẳng của chiến tranh lạnh càng khiến gia tăng nỗi sợ về sức ảnh hưởng ngày càng lớn của chủ nghĩa cộng sản. Ông nổi tiếng vì đưa ra những lời tuyên bố rằng đang có khá đông người cộng sản và các điệp viên Xô Viết cũng như những người có cảm tình với Liên Xô bên trong chính quyền liên bang Mỹ và những nơi khác. Rất cuộc, thượng viện Hoa Kỳ đã chỉ trích những sách lược của ông cũng như sự bắt lặc của ông trong việc chứng minh những tuyên bố của mình.

Thuật ngữ chủ nghĩa McCarthy ra đời năm 1950 thoát tiên đã sớm được áp dụng cho những hoạt động chống cộng. Ngày nay, thuật ngữ này được dùng theo nghĩa rộng hơn liên quan đến những lời buộc tội mị dân, thiếu suy nghĩ và vô căn cứ, cũng như công kích công khai nhằm vào tính cách hoặc lòng yêu nước của các đối thủ chính trị.

(4) TỘI PHỈ BÁNG VÀ VU KHỔNG:

Trong tiếng Anh phỉ báng là “defamation”. Trong tiếng Pháp là “diffamation” và trong Tự Điển Pháp Luật Pháp Việt giáo sư Vũ Văn Mẫu dịch là “*phỉ báng, hủy báng*”.

Về phương diện pháp luật thời “phỉ báng” muốn cấu thành một tội phạm thì phải được hội đủ những yếu tố sau:

1- Phỉ báng là hành động phổ biến những tin tức, nói ra những điều không đúng sự thật và giả dối về một người khác (the act of making untrue, false statements about another).

2- Lời nói xuyên tạc sự thật đó làm tổn hại thanh danh, uy tín người khác (which damages his/her reputation).

3- Đặc biệt là những hành động và lời nói bịa đặt đó được loan truyền, được phổ biến ra công chúng một cách công khai khiến người thứ ba nghe được (particularly when the false statement is

published).

Hành động phổ biến có hai hình thức, hoặc là bằng lời nói (slander) hay là bằng chữ viết (libel):

1- Sự phỉ báng, mạ lỵ (slander): Phỉ báng, mạ lỵ là việc thể hiện hành vi thường là bằng lời nói với những người khác về một nhân vật nào đó nhưng không đúng sự thật (making false statements in a non-print format, usually statements that are spoken to others).

2- Sự vu khống, vu cáo (libel): Vu khống, vu cáo là lời phát biểu sai quấy được viết ra trên giấy, chẳng hạn viết trên những nhật báo và tạp chí, viết trên trang báo mạng (Internet online), media, hoặc bản in, hoặc tranh ảnh, hình vẽ hoặc bằng hình thức nào đó mà người ta có thể nhìn thấy được, đọc được (the issuance of false statements in print, like newspapers and magazines, even in their online formats).

Nói chung các hành vi phỉ báng, mạ lỵ và vu khống, vu cáo là bày tỏ công khai bằng lời nói, hay bằng cách viết, hoặc bản in, tranh vẽ nhằm ý đồ triệt hạ người khác một cách bất chính, nhằm làm tổn hại thanh danh, danh dự (reputation), uy tín (credibility) của người khác hoặc tổn hại cho công việc, công tác của người ta dưới bất cứ khía cạnh nào đó.

Nhưng xét kỹ ra thì vào thời buổi này cái khái niệm pháp lý về sự khác biệt giữa phỉ báng và vu cáo, giữa “slander và libel” hầu như đã không còn tồn tại nữa vì sự phát triển lớn lao của các hệ thống truyền thông thời buổi điện tử. Thí dụ như các mạng lưới truyền hình Hoa Kỳ đôi khi bị kiện cáo về tội “libel” mặc dù chẳng có lời lẽ nào được viết ra trên giấy trắng mực đen. Trái lại những phóng viên, nhà báo, bình luận gia, chủ bút, cơ sở truyền thông... đã chỉ “nói”, chỉ “phát ngôn” những lời lẽ của họ cho các khán thính giả ngồi nhà vừa “nghe” vừa “nhìn” chứ không ngồi “đọc” chi cả.

(5) MỘT SỐ VỤ ÁN VỀ PHỈ BÁNG VÀ VU KHỔNG TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT

Xin liệt kê một số vụ đã bị tòa án xử phạt về tội phỉ báng, mạ lỵ và vu khống, vu cáo trong cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ:

1- Năm 2003, bồi thẩm đoàn thuộc tòa án quận Denver, tiểu bang Colorado kết tội nhà sư Lê Kim Cương và ban quản trị chùa Như Lai tại Colorado là đã mạ lỵ, phỉ báng và vu khống hai chị em cô Hồ Thị Thu và Hồ Thị Thi là cộng sản sau khi họ tố cáo một nhà sư của chùa này có hành vi tình dục bất chánh. Hai cô này thắng kiện và tòa xử cho

được bồi thường \$4.8 triệu.

2- Năm 2006, tại Saint Paul, Minnesota, ông Tuấn Phạm, một cựu quân nhân QLVNCH và là chủ nhân ngôi chợ Capital Market, thắng kiện và được bồi thường \$693,000 thiệt hại vì một số người Việt ở đây đã chụp mũ ông là cộng sản, là tay sai cộng sản và vi phạm 18 tội mà họ liệt kê ra. Nhưng các người này không chứng minh được tội nào cả. Sự vu cáo này gây nhiều tổn thất về cả tinh thần và kinh tế cho ông và gia đình.

3- Năm 2009, ông Tân Thục Đức, 65 tuổi, cựu trung úy QLVNCH bị chụp mũ là cộng sản. Tòa Thượng Thẩm của tiểu bang Washington phán quyết năm cá nhân trong Ủy Ban Chống Cờ Việt Cộng phải liên đới bồi thường \$225,000 cho ông.

4- Năm 2011, ông Hoài Thanh dựa trên chứng cứ cho rằng bà Ngô Thị Hiền (thuộc Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo cho Việt Nam) và người em là Ngô Ngọc Hùng (đài phát thanh Việt Nam Hải Ngoại Vietnamese Public Radio) ở Maryland, đã dùng hệ thống truyền thông của mình để chụp mũ ông là cộng sản. Tòa án của quận Montgomery, tiểu bang Maryland đã ra lệnh cho bà Ngô Thị Hiền và ông Ngô Ngọc Hùng phải bồi thường \$1 triệu đô la cho ông Hoài Thanh (cựu chủ nhiệm tuần báo Đại Chúng tại Maryland).

5- Năm 2011, ông Michael Do, tức Đỗ Văn Phúc (một doanh nhân ở vùng Austin) đã phổ biến những bài viết có tính cách “phỉ báng, mạ lỵ, vu khống, gây tổn hại tinh thần và vật chất” cho Bà Nancy Bui (hội trưởng của Vietnamese American Heritage Foundation). Bà Nancy Bui (tức ký giả Triều Giang) bị vu là cộng sản hay thân cộng, tay sai cộng sản và làm ăn với Việt cộng. Tòa án của quận Travis thuộc tiểu bang Texas đã phán quyết ông Phúc phải bồi thường cho bà Nancy \$1.9 triệu. Trong đó \$800,000 là tiền bồi thường thiệt hại, và \$1,100,000 là tiền phạt để làm gương, gọi là “exemplary damages”.

6- Năm 2013 thì chấm dứt một vụ kiện khởi sự từ năm 2003. Trong vụ này ba ông Norman Lê, Phiệt Nguyễn, Đạt Hồ và hai bà Nhân Trần và Nga Phạm đã bị ông Tân Thục Đức, hiệu trưởng Trường Việt Ngữ ở Thurston County, kiện về tội họ đã chụp mũ cho ông là cộng sản. Họ công khai tố cáo ông Đức là một nhân viên bí mật của Việt cộng (undercover Viet Cong agent). Vụ kiện kéo dài đến tháng 4 năm 2009 thì Tòa Superior Court ở Thurston County, Washington State, mới xử và tuyên phạt những người này phải bồi thường cho ông Đức một số tiền là \$310.000. Các bên tranh tụng đã kháng

cáo bản án lên Tòa Phúc Thẩm rồi sau đó thượng tố lên Tối Cao Pháp Viện Washington State. Kết quả là vào ngày 9.5.2013 Tối Cao Pháp Viện đã y án Tòa Thurston County.

7- Năm 2014 trong một bài báo bà Hoàng Dược Thảo, bút hiệu Đào Nương, viết rằng cộng sản Việt Nam đã mua nhật báo Người Việt và để cho ông Phan Huy Đạt đứng tên làm chủ nhân (The Vietnamese communists bought the Nguoi Viet Daily News and asked Dat Huy Phan act as owner for them) và ông Phan Huy Đạt đã dối trá khi nộp đơn xin giấy phép hành nghề. Cũng trong bài viết ấy, bà loan tin đồn về đời tư của bà Vĩnh Hoàng (phụ tá tổng giám đốc, phụ trách thương vụ), rằng bà này không có khả năng trí tuệ, đã có chồng mà có nhiều tai tiếng xấu về tình ái, một phụ nữ thiếu trong trắng (an unchaste woman who is unqualified for her profession and known to have many scandalous affairs).

Tại Tòa Thượng Thẩm tiểu bang California, Quận Cam, ba nguyên đơn gồm công ty Người Việt Daily News Inc., ông Phan Huy Đạt, và bà Vĩnh Hoàng, thắng vụ kiện hệ thống tuần báo Saigon Nhỏ và bà Hoàng Dược Thảo, chủ nhân hệ thống này về các tội phỉ báng và vu khống. Bồi thẩm đoàn 12 người cùng bỏ phiếu thuận, xác định mức bồi thường cho các nguyên đơn \$3,000,000, để đền bù các tổn hại về danh dự, uy tín, và tinh thần. Thêm vào đó, 10 bồi thẩm viên cũng bỏ phiếu xác định mức phạt thêm bị cáo \$1,500,000 để làm gương (punitive damage), vì hành xử bị cho là có ác ý. Tổng số tiền bồi thường và phạt là \$4.5 triệu. Ngoài ra bồi thẩm đoàn cũng yêu cầu tuần báo Saigon Nhỏ đình chính về những câu viết có tính phỉ báng và vu khống, đồng thời xin lỗi ba nguyên đơn.

Trong các vụ điển hình vừa thuật lại ở trên, chúng ta thấy chỉ có vụ thứ 6 (vụ ba ông và hai bà bị ông Tân Thục Đức kiện về tội chụp nón cối) là vừa kháng cáo sau đó lại thượng tố lên Tối Cao Pháp Viện tiểu bang. Nhưng trong phán quyết ngày 9.5.2013.

Tối Cao Pháp Viện đã quyết định với tỉ số 6-1, y án tòa nguyên thẩm và minh định: “Không có sự bảo vệ của Tu Chính Án Thứ Nhất đối với những hình thức tuyên bố sai sự thật và gây thiệt hại; quả thật, mục đích của luật về phỉ báng chính là để trừng phạt những lời phát biểu như thế” (There is no First Amendment protection for the type of false, damaging statements; indeed, the purpose of the law of defamation is to punish such statements).

(6) BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI:

Sau khi đã chứng minh được là bị đơn phỉ báng và vu khống cho mình, nguyên đơn thắng kiện có thể được bồi thường. Việc bồi thường thiệt hại đó gồm có các loại sau:

1- Loại thứ nhất là “*thiệt hại đặc biệt*” (special damage), còn gọi là thiệt hại kinh tế, nghĩa là thiệt hại bằng tiền cụ thể mà nguyên đơn đã phải chi ra, thí dụ như tiền chi trả cho luật sư của mình, tiền khám bệnh trả cho bác sĩ, tiền mua thuốc men, tiền lương bị khấu trừ trong thời gian phải tạm nghỉ làm việc v.v...

2- Loại thứ nhì là “*thiệt hại hiện thực*” (actual damage) nhưng có tính cách “tổng quát” (general damage), chẳng hạn nỗi đau tinh thần, tổn hại tới uy tín, tới cương vị của nguyên đơn trong cộng đồng... Tuy không nhất thiết phải đưa ra một con số thiệt hại cụ thể nhưng các nguyên đơn vẫn phải chứng minh là mình đã chịu những thiệt hại này.

3- Loại thiệt hại thứ ba là “*thiệt hại phỏng đoán*” (presumed damage). Theo luật hiện hành, mọi lời phỉ báng được phỏng đoán là đương nhiên gây ra thiệt hại cho nguyên đơn dù rằng nguyên đơn có thể không có chứng cứ gì cụ thể hoặc không biết là đã phải gánh chịu những thiệt hại đó. Bồi thẩm đoàn có toàn quyền ấn định số thiệt hại này.

4- Loại thiệt hại thứ tư là “*thiệt hại trừng phạt*” (punitive damage) hay “*thiệt hại làm gương*” (exemplary damage) trong trường hợp nguyên đơn có thể chứng minh được ác ý của bị đơn. Chứng minh rằng bị đơn, dù biết hành động của mình là sai trái, là sai sự thật mà vẫn nhất định cố tình làm để gây tổn hại cho nguyên đơn. Theo luật pháp Hoa Kỳ, khoản tiền phạt này đồng thời nhắm mục đích làm gương, ngăn ngừa người khác phạm những vi phạm tương tự. Tiền phạt làm gương có khi cao hơn tiền bồi thường thiệt hại. Mặc dù mục đích của tiền phạt làm gương không phải là bồi thường cho nguyên đơn, nhưng trên thực tế, nguyên đơn sẽ nhận được toàn phần hay một phần của tiền phạt này.

(7) Ý KIẾN HAY SỰ KIẾN

Trong những vụ kiện về phỉ báng, mạ lỵ, và vu khống, tòa án phân biệt lời phát biểu của bị đơn khi nói về người khác thuộc dạng lời nói “*bày tỏ ý kiến*” (statements of opinion) hay “*phát biểu về sự kiện*” (statements of fact). Quyền tự do ngôn luận cho phép người ta tự do bày tỏ ý kiến mà không phạm tội phỉ báng. Ý kiến là một câu nói không thể chứng minh đúng hay sai. Chẳng hạn, viết rằng

một người “thiếu thông minh” thì đó là một “*ý kiến*” (opinion). Ngược lại, “*sự kiện*” (fact) là điều có thể chứng minh đúng hay sai. Chẳng hạn, viết rằng một người là “*cộng sản*” tức là đang nói về “*sự kiện*.” Tuy thế sự phân biệt giữa “*ý kiến*” và “*sự kiện*” không luôn luôn rõ ràng. Thông thường một từ ngữ miêu tả (descriptive word) ám chỉ dữ kiện và một từ ngữ thẩm định (evaluative word) ám chỉ quan điểm.

1- Opinion: Khi bạn đưa ra cái nhận xét, cái đánh giá của bạn về một sự vật, về một con người, hay một hành động thì đó được gọi là “*opinion*”. Thí dụ một nhân vật trong cộng đồng được nhiều người biết đến. Có người ca tụng ông ta là một nhân vật giỏi giang và khiêm tốn. Nhưng lại có người nói rằng ông ta là người tầm thường và hám danh. Rõ ràng, cảm nhận hay lời bày tỏ ý kiến của hai người trên hoàn toàn khác nhau.

Hay nói cách khác opinion đối lập tùy từng người. Tự do ngôn luận cho phép người ta phát biểu “*ý kiến*” mà không bị kết tội phỉ báng. Ý kiến là một điều không dễ chứng minh được là đúng hoặc sai.

Hoặc khi một người nói “*Cô ấy là ca sĩ có giọng ca hay nhất*” thì câu này thuộc dạng bày tỏ ý kiến (statement of opinion). Câu nói thuộc loại này thường gây tranh luận, người thì thấy cô ta hát hay thật, người khác thì lại thấy cô ta hát không hay, chỉ chuyên ăn mặc hở hang uốn éo kêu gọi mà thôi. Khó phán đoán ai đúng ai sai.

Ý kiến dù không đúng hay quá đáng cũng có thể được miễn trách, nếu không nêu lên các sự kiện thất thiệt khác. Như thí dụ ở trên, nói cô ca sĩ ăn mặc hở hang có vẻ “*khiêu dâm*” thì tạm được miễn trách nếu không có ác ý. Nhưng nếu nói thêm là đương sự đã từng bị bắt về tội “*bán dâm*” thì câu này mang tính chất bôi nhọ (defamation) và dâm tục (obscenity) tất nhiên người phát biểu câu đó có thể bị coi là đã phạm tội phỉ báng, vu cáo nếu không có bằng chứng cụ thể.

2- Fact: là khái niệm về một sự thật, một điều có thật và có thể chứng minh được. Thí dụ một người đi kiểm việc làm tự giới thiệu là có bằng tốt nghiệp ở một trường Đại Học và đã có 5 năm kinh nghiệm làm việc cho một công ty nào trước đó. Đây là một câu nói thuộc dạng “*statement of fact*”, một lời phát biểu về sự kiện. Cả hai thông tin này đều có thể kiểm chứng được nhờ vào việc xuất trình bằng cấp và hợp đồng lao động với công ty cũ đó. Tuy câu nói thuộc dạng này có thể đúng và cũng có thể không đúng, nhưng đó là loại câu nói mà tòa án có thể tìm hiểu một cách dễ dàng để xác định đúng hay sai, căn cứ vào những dữ kiện (fact) là bằng cấp (của trường Đại Học) và hợp đồng (với công

ty cũ).

(8) TIN ĐỒN :

Một lời tuyên bố sai sự thật được tòa án coi là phỉ báng, dù lời tuyên bố này là sự lặp lại của tin đồn đã, truyền miệng, rỉ tai.... Nói cách khác, người lặp lại và loan truyền tin đồn thất thiệt có tính phỉ báng mà lý cũng phải chịu trách nhiệm về tội phỉ báng mà lý, y như người đầu tiên tung ra tin đồn này.

Án lệ toà án Hoa Kỳ từng tuyên phán: “Một người lặp đi lặp lại lời mà lý phỉ báng của một người khác vẫn phải chịu trách nhiệm cho việc tái phổ biến đó, ngay cả nếu người tái phổ biến quy lời tuyên bố phỉ báng cho người phổ biến gốc.” (Vụ *Moritz v. Kansas City Star Co.*, 258 S.W.2d 583 tuyên ngày June 8, 1953 bởi Supreme Court of Missouri).

Đây cũng là trường hợp bà Hoàng Vĩnh kiện bà Hoàng Dược Thảo trong vụ kiện Người Việt vs Saigon Nhỏ. Bà Hoàng Dược Thảo trong một bài báo viết rằng “Bà (Hoàng Vĩnh) lại là một người nhiều tai tiếng về tình ái”. Bà kết luận như vậy vì bà khai trước tòa rằng “bà phỏng vấn nhiều người trong cộng đồng, nhiều người trong nhà thờ, và trong nhiều tổ chức từ thiện, những người này xác nhận rằng những lời đồn này là sự thật”. Rất tiếc vì toàn là những tin đồn nên Bà Hoàng Dược Thảo sau khi lặp lại mà không đưa ra được một bằng chứng nào cả và do đó đích thân chịu trách nhiệm về lời tuyên bố công khai này.

(9) PHỈ BÁNG VÀ VỤ KHỔNG CÓ LÀ MỘT TỘI HÌNH SỰ HAY KHÔNG ?

Tội phỉ báng hay vu cáo theo luật pháp của Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975 là một tội hình sự. Một người bị truy tố về tội phỉ báng hay vu cáo, nếu bị tòa xử có tội, có thể bị phạt vạ (tiền) hay phạt tù. Nhưng về bồi thường thiệt hại thì người đi kiện thường chỉ được bồi thường \$1 danh dự (tượng trưng) mà thôi.

Tại Hoa Kỳ kể từ khi có án lệ *Zenger* (1735) với tài hùng biện của luật sư Andrew Hamilton (như đã tường thuật ở phần đầu bài viết này), phỉ báng và vu khống không còn là một tội về hình sự (*criminal*) nữa, mà được thụ lý như một vụ hộ (*civil case*). Bồi thẩm đoàn sẽ quyết định về nội vụ và cấp bồi thường thiệt hại dân sự, dưới sự hướng dẫn về mặt pháp lý của thẩm phán chủ tọa xét xử.

Theo luật pháp Hoa Kỳ, ở cấp Liên Bang, phỉ báng và vu khống không phải là tội hình sự. Nhưng tính tới nay hơn một nửa con số tiểu bang lại xếp tội này vào loại hình sự. Nếu vi phạm luật phỉ báng

và vu khống sẽ bị xếp vào tội hình sự và hình phạt sẽ nặng hơn, ngoài việc phải nộp tiền phạt, bị can có thể đi tù (*imprisonment*) hoặc bị làm việc nặng (*hard labor*).

Một tài liệu ghi rằng tại Hoa Kỳ từ năm 1992 tới tháng 8 năm 2005 đã có 41 vụ án hình sự về tội nhục mạ được tòa thụ lý, trong đó 6 bị cáo đã bị kết tội. Từ 1965 tới 2004 có 16 vụ đã bị xét xử chung thẩm, trong đó có 9 vụ bị tuyên phán tù ở (*jail sentences*), trung bình là 173 ngày tù. Tổng cộng những vụ hình sự khác còn lại thời đi tới kết quả là bị phạt tiền (*finest*) trung bình là \$1,700, bị phạt hình phạt thử thách (*probation*) trung bình là 547 ngày, bị phạt phải làm công tác cộng đồng (*community service*) trung bình là 120 giờ, hay phải viết thư xin lỗi.

California và Texas không xem vi phạm luật vu khống và phỉ báng là tội hình sự. District of Columbia bãi bỏ luật hình về vu khống và phỉ báng vào năm 2001. Virginia vẫn duy trì luật này. Điều § 18.2-209 của Bộ Luật Virginia nói như sau: “Bất cứ ai hiểu biết và cố ý tuyên bố, phân phát hay loan truyền bằng bất cứ phương tiện nào đến bất cứ một nhà xuất bản hay nhân viên của nhà xuất bản, bất cứ tờ báo, tạp chí, hay ấn phẩm, hay bất cứ chủ nhân hay nhân viên của một đài phát thanh, một đài truyền hình, hãng tin hay dịch vụ truyền thông dây cáp, bất cứ lời tuyên bố sai trái và không đúng sự thật, biết rõ rằng điều này sai trái và không đúng sự thật, liên quan đến bất cứ người nào hay một đoàn thể nào, với mục đích rằng lời tuyên bố này sẽ được phổ biến, phát thanh, hay loan truyền, sẽ bị coi là phạm tội cấp 3 (*class 3 misdemeanor*)”.

Tại Hoa Kỳ, “*misdemeanor*” là một tội phải gánh chịu hình phạt tù giam tối đa tới 1 năm (*a misdemeanor is a crime that is punishable with jail time of up to 1 year*). Có 3 loại *misdemeanor*: Loại 1 là nghiêm trọng nhất. Loại 3 thời ít nghiêm trọng hơn và hình phạt tối đa cho Loại 3 này là phạt tiền tới \$500 và 30 ngày nằm nhà đá (*the maximum punishment for Class 3 misdemeanor is fine of up to \$500 and 30 days in jail*).

(10) GỌI MỘT NGƯỜI LÀ CỘNG SẢN CÓ PHẢI TỘI PHỈ BÁNG VÀ VỤ KHỔNG HAY KHÔNG?

Nếu trong một đám đông ai đó gọi một người Mỹ là “cộng sản” thì điều này rất bình thường. Lý do là ngoài hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa tại nước Mỹ này còn có cả đảng Cộng Sản nữa. Nếu người được gọi tên đó là ông John Bachtell thì chắc ông ta vui lắm và sẽ “welcome” ngay vì ông ta chính là Chủ tịch Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ.

Được biết Đảng Cộng Sản Hoa Kỳ (tiếng Anh là *Communist Party of the United States of America, Communist Party USA*, viết tắt là CPUSA) là một đảng chính trị theo chủ nghĩa Marx-Lenin ở Hoa Kỳ. Trong nửa đầu thế kỷ 20, đây đã là đảng cộng sản lớn nhất và có ảnh hưởng sâu rộng nhất ở Hoa Kỳ và có một vai trò nổi bật trong phong trào lao động từ thập niên 1920 đến 1940, thành lập phần lớn các nghiệp đoàn công nghiệp chính của Hoa Kỳ. Đến thập niên 1950, ảnh hưởng của đảng này bị giảm đi đáng kể và từ đó không còn là một thế lực hoạt động đáng kể trong chính trường Hoa Kỳ.

Trái lại, nếu trong đám đông đó ta gọi một người Việt Nam là “cộng sản” thì chắc sẽ gặp nhiều rắc rối. Chúng ta là người “tỵ nạn cộng sản” trên đất nước này. Hai chữ cộng sản gọi lại bao cảnh xấu xa đầy thương đau: người chết chóc, kẻ bị hành hạ tù đầy, người mất nhà mất tài sản, kẻ mất mạng trên biển Đông, rồi thảm sát Mậu Thân ở Huế, pháo kích bừa bãi trong thành phố v.v... Bên trong nước Việt hiện nay mấy từ ngữ “độc lập, tự do, hạnh phúc” chỉ là một cái bánh vẽ lừa bịp người dân. Gọi ai là “cộng sản” tức là chụp mũ xấu xa cho họ, chụp cái nón cối lên đầu họ khiến mọi người chung quanh khinh ghét, căm thù! Nếu lời nói đó vừa không đúng sự thật lại hàm chứa nhiều ác ý thì đã đủ yếu tố cấu thành một tội hình sự rồi, đó là tội “phỉ báng và vu khống”!

Nên hiểu rằng các từ ngữ như: cộng sản, Việt cộng, Việt gian, thân cộng, tay sai cộng sản và làm ăn với Việt cộng v.v... đều bị coi như lời “phỉ báng”. Lại thêm từ ngữ “quốc doanh” cũng vậy. Từ điển Việt cộng định nghĩa “quốc doanh” là “do nhà nước đứng ra kinh doanh” (state-run; state-managed). Nhà nước đây tức là cộng sản Việt Nam. Vậy phải được hiểu rằng từ ngữ này tương đồng với từ ngữ “cộng sản”. Viết báo, viết sách, phổ biến e-mail, đăng trên facebook, tuyên bố nơi công cộng v.v... để chụp mũ ai là “cộng sản” hay “quốc doanh” mà không có bằng cứ rõ rệt để minh chứng điều đó là sự thật đều có thể bị kết vào tội phỉ báng và vu khống! Trong cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ 7 vụ án đã bị toà án xử phạt về tội phỉ báng và vu khống như được tường thuật ở phần trên bài này chắc đã đủ để minh chứng điều đó!:

Cũng cần lưu ý thêm là kẻ xấu muốn “ném đá giấu tay” mà chỉ nói rằng mình “nghe nói” điều đó thì người nhắc lại “tin đồn” có tính cách phỉ báng, mạ lỵ, vu cáo với ác ý này cũng vẫn phải chịu trách nhiệm như “chính danh thủ phạm”. Các vụ án “Moritz v. Kansas City Star Co.,” và vụ “Người Việt



v. Saigon Nhỏ” như đã đề cập ở phần trên bài này cũng đã minh chứng điều đó!.

Bà Nancy Bui (tức ký giả Triều Giang) nói trong vụ kiện Đỗ Văn Phúc: “Mạo danh lý tưởng chống cộng cao đẹp để chụp mũ người quốc gia là cộng sản là một trọng tội đối với đất nước, dân tộc. Vì việc làm này gây chia rẽ, hoang

mang, nghi kỵ trong cộng đồng. Từ đó, nó làm giảm tiềm năng đấu tranh của người Việt tự do của chúng ta, và nó làm người trẻ chán ngán, xa lánh sinh hoạt cộng đồng.”

Một người bên ngoài cộng đồng, cũng nghĩ vậy, và so sánh nạn chụp mũ trong cộng đồng với thời đại “McCarthy” của nước Mỹ thập niên 1950, khi nhiều người Mỹ cũng bị chụp mũ cộng sản. Người đó là bà Toalson, chủ tọa bồi thẩm đoàn. Bà nói với báo Người Việt: “Hai cộng đồng chúng ta (Mỹ và Việt) thật ra có nhiều điểm giống nhau hơn là khác nhau. Trong suốt thời gian tham dự phiên tòa, tôi không khỏi liên tưởng tới những gì mà người Mỹ chúng tôi đã trải qua trong thời đại McCarthy.”

Vượt ra ngoài phạm vi pháp lý có lẽ tôn giáo nào cũng dạy con người phải nói lời chân thật, tránh dối trá. Những lời nói dịu dàng làm đẹp lòng người nghe là những điều rất cần thiết để tổ hồng cuộc sống trong cái cõi ta bà này.

Trong Phật giáo các từ ngữ như “chánh ngữ” và “ái ngữ” luôn luôn được đề cập tới để khuyên dạy các Phật tử. Chánh ngữ (Samma vaca) là: “1. Không dối trá; 2. Không nói lời mang nhiếc mạ lỵ khiến người khác đau lòng hay tổn thương; 3. Không thêm dệt thêm bớt để chia rẽ hay đã phá; 4. Không nói lời nhảm nhí vô ích”.

Chúng ta cũng cần lưu ý lời nói khủng bố tinh thần (abusive speech, terrorist words) thì được gọi là “ác ngữ” cách nói mà người con Phật chân chánh cũng nên tránh../.

LS. NGÔ TÀNG GIAO
(Virginia Feb. 2016)

TÌM HIỂU NGHỀ LUẬT SƯ DƯỚI THỜI VNCH



NGUYỄN VĂN BÌNH

Dù rằng ngành Luật giúp cho các sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong nhiều lãnh vực như: ngoại giao, ngân hàng, kinh tế, hành chánh, thương mại, thẩm phán v.v. nhưng có thể nói nghề luật sư là ước vọng của hầu hết các sinh viên Luật dưới thời VNCH trước đây.

Bài viết sau đây, chúng tôi hy vọng sẽ giúp cho các đồng môn và quý độc giả biết sơ qua về nghề luật sư dưới thời VNCH.

Tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975 có hai Luật Sư Đoàn: Luật sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Huế quản hạt kéo dài từ Quảng Trị đến Nha Trang. Luật sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn có quản hạt kéo dài từ Phan Thiết đến Cà Mau.

Theo Luật số 1/62 ngày 8-1-1962 được ban hành bởi Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ấn định qui chế Luật Sư và tổ chức Luật Sư Đoàn như sau:

I- LUẬT SƯ TẬP SỰ:

Muốn được ghi danh vào Danh Biểu Luật Sư Tập Sự, các đương sự cần hội đủ các điều kiện:



Các luật sư sau buổi tuyên thệ tại Tòa TT Sài Gòn

- Có quốc tịch VN
- Đủ 21 tuổi kể từ ngày nộp đơn
- Có Cử Nhân Luật do đại học VN cấp hay văn bằng cử nhân Luật tương đương của ngoại quốc được Bộ QG Giáo Dục công nhận.
- Không bị kết án tội đại hình hay tiểu hình liên quan đến danh dự và phẩm giá.
- Không hành xử một nghề nào bất khả kiêm nhiệm với nghề luật sư.
- Được văn phòng của một luật sư thiết thọ nhận làm tập sự. Mỗi luật sư thiết thọ chỉ nhận được 2 luật sư tập sự, trừ khi được Hội Đồng Luật Sư cho phép có thể nhận được 4 luật sư tập sự

Trước khi hành nghề, luật sư tập sự phải tuyên thệ tại Tòa Thượng Thẩm trước sự



Ls Phạm Ngọc Anh Ls Trần Thị Thanh Thủy

chứng kiến của vị Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm. Lời thề như sau:

“Tôi thề với tư cách luật sư không nói hay công bố điều gì trái luật pháp, thuần phong mỹ tục, an toàn quốc gia và an ninh công cộng. Không bao giờ xử sự thiếu tôn kính đối với tòa án và nhà cầm quyền.”

Luật sư tập sự có nhiệm vụ:

- Phải chuyên cần tham dự các hoạt động nghề nghiệp dưới sự điều khiển của vị Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn

- Thực tập các qui tắc và tập quán truyền thống của nghề nghiệp

- Chuyên cần đến dự các phiên tòa

- Chuyên cần làm việc tại văn phòng luật sư thiết thọ

Sau thời hạn tập sự 3 năm, luật sư tập sự phải qua một kỳ thi để trở thành luật thiết thọ. Luật sư tập sự chỉ có quyền dự thi tối đa 3 lần, mỗi năm 1 lần. Nếu rớt cả 3 lần thì bị loại ra khỏi nghề luật sư .

Thể thức thi gồm phần thi viết và phần thi vấn đáp. Phần thi viết, thí sinh phải lập lý đoán một vụ kiện về Hộ (đề thi do ông Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm đưa ra).

Nếu đậu thi viết, thí sinh sẽ qua phần

thi vấn đáp.Về Hình Luật do vị Hội Thẩm Tòa Thượng Thẩm hỏi. Về Hộ do ông Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm hỏi.Về Luật Trước Bạ do Giám Đốc Nha Trước Bạ hỏi. Sau cùng là về trách nhiệm và đạo đức của nghề Luật sư do vị Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn nêu ra.

Sau khi thi đậu phần vấn đáp, thí sinh sẽ dự thi phần biện hộ về Hình .Các thí sinh sẽ bốc thăm một vụ Hình đã được xử trước đây. Mỗi thí sinh được 15 phút nghiên cứu hồ sơ và sau đó lên biện hộ trước thành phần Ban Giám Khảo gồm có vị Chánh Nhất, hai vị Hội Thẩm và Thủ Lãnh Luật sư Đoàn.

II- LUẬT SƯ THIẾT THỌ:

Muốn được ghi danh vào Danh Biểu Luật Sư Thiết Thọ , thí sinh cần hội đủ những điều kiện sau đây:

- Có quốc tịch VN

- Đủ 24 tuổi



Ls Ngô Văn Tiệp Ls Hồng Thị Hảo Thanh

- Có Văn bằng cử nhân Luật do đại học VN cấp hay văn bằng cử nhân Luật tương đương do ngoại quốc cấp được Bộ Giáo Dục công nhận



Các luật sư tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn

liên tục 3 năm. Các thẩm phán ngạch tư pháp và hành chánh đã giữ chức vụ tại các tòa án tư pháp và hành chánh hay tại Bộ tư Pháp trong thời hạn 3 năm. Nếu các thẩm phán, giáo sư, giảng sư, giảng viên không có đủ thâm niên 3 năm thì phải tập sự thêm một thời hạn để có đủ 3 năm thâm niên.

- Phải cư ngụ trong quận hạt của Tòa Thượng Thẩm.

- Không được kiêm nhiệm với mọi chức vụ tư pháp hay hành chánh. Tuy nhiên, luật sư có thể kiêm nhiệm chức vụ giáo sư, giảng sư hay giảng viên tại các đại học.

- Mỗi luật sư thiết thọ chỉ được mở một văn phòng trong quận hạt Tòa Thượng Thẩm.

III- HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ :



Ls thủ lãnh Hồ Tri Châu và Ls Trương Hồng Thị Trinh

- Có hạnh kiểm tốt và không bị kết án tội đại hình hay tiểu hình liên quan đến danh dự và phẩm giá

- Trúng tuyển kỳ thi mãn hạn luật sư tập sự

- Được miễn thời gian 3 năm tập sự dành cho những vị giáo sư Luật có thời gian dạy học



Ls thủ lãnh Trần Văn Tốt Ls thủ lãnh Trần Văn Tuyên

Hội Đồng Luật Sư là một tổ chức do đại hội gồm các Luật sư Thiệt Thọ bầu ra vào tháng 3 mỗi năm để quản trị Luật sư Đoàn.

Thành phần Hội Đồng Luật Sư gồm có: Vị Thủ Lãnh là chủ tịch Hội Đồng. 21 Hội Viên Thiệt Thọ và 13 Hội Viên Dự Khuyết.

Chỉ những luật sư đã có 10 năm thâm niên kể từ ngày tuyên thệ mới được bầu làm

Thủ Lãnh. Các luật sư thiết thọ có ít nhất 3 năm thâm niên mới được bầu vào Hội Viên Thiết Thọ và Hội Viên Dự Khuyết.

Được biết gần thời gian trước năm 1975, Luật Sư Đoàn Sài Gòn có các vị thủ lãnh: luật sư Hồ Tri Châu, luật sư Nguyễn Ngọc San, luật sư Trần Văn Tốt và sau cùng là luật sư Trần Văn Tuyên.

IV- NGHĨA VỤ TỔNG QUÁT:

Các luật sư tập sự hay thiết thọ ngoài khả năng chuyên môn về luật pháp, còn cần thêm những đức tính căn bản sau :

1- Độc Lập : Không lệ thuộc ai, không bị chính quyền hay tòa án chỉ huy, không hành động vì quyền lợi cá nhân để giúp cho công lý được điều hành tốt đẹp

2- Ngay Thật: Phải ngay thật trong tư tưởng, lời nói và trung trực trong hành động hầu đạt được sự tín nhiệm của các thân chủ, bạn đồng nghiệp và của tòa án.

3- Bất vụ Lợi : Luật sư không lấy nghề làm chủ đích để làm tiền hay làm giàu mà để phụng sự cho một lý tưởng là quyền bào chữa và phục vụ cho công lý.

Ngoài ra, các luật sư cũng còn cần giữ sự thân thiện , tương kính giữa các đồng nghiệp, sự kính trọng với các thẩm phán và giữ kín những điều bí mật không làm thiệt hại đến quyền lợi của các thân chủ ./.

V- KỶ LUẬT:

Các luật sư có thể bị trừng phạt bằng những biện pháp kỷ luật của Hội Đồng Luật Sư khi vi phạm những nguyên tắc hành nghề hoặc theo lời yêu cầu của Chưởng Lý hay theo đơn khiếu nại được gửi đến Hội Đồng Luật Sư. Hoặc khi luật sư vi phạm lời tuyên thệ bằng lời nói hay bút tự trước Tòa có thể bị Tòa án đang thụ lý xử phạt ngay chiếu khởi tố trạng của công tố viện. Hoặc khi luật sư tiết lộ bí mật sự thẩm cứu như việc cho những người khác

hay biết những chi tiết trong hồ sơ công bố tài liệu, văn kiện, thơ từ liên quan đến việc điều tra đang tiến hành

Sau khi thụ lý, Hội Đồng Luật Sư sẽ ủy nhiệm một nhân viên mở cuộc điều tra , nghe nhân chứng nếu cần và làm phúc trình cho Hội Đồng. Sau đó, Hội Đồng sẽ quyết định đình cứu hay truy tố.

Nếu Hội Đồng Luật Sư quyết định truy tố, Hội Đồng sẽ nói rõ những hành vi khiển trách và định ngày cho luật sư bị khiển trách ra trước Hội Đồng Kỷ Luật.

Nếu luật sư bị đưa ra Hội Đồng Kỷ Luật là một luật sư tập sự thì Hội Đồng Kỷ Luật sẽ được tăng cường thêm hai luật sư tập sự chọn theo thứ tự thâm niên ghi trên danh sách . Khi Hội Đồng Luật Sư thụ lý một việc do sự can thiệp của Chưởng Lý mà không quyết định trong thời hạn hai tháng đối với luật sư bị trách cứ có mặt hay sáu tháng đối với luật sư bị trách cứ vắng mặt kể từ khi nhận được lời yêu cầu, thì ông Chưởng Lý có thể đưa nội vụ ra trước tòa thượng thẩm. Tòa này dùng quyền di thẩm mà xét xử .

Những khoản trừng phạt về kỷ luật là :

- Cảnh cáo

- Khiển trách

- Đình chỉ hành nghề hay tập sự không quá một năm hay gạch tên trên Danh Biểu Luật Sư Đoàn.

Việc trừng phạt kỷ luật của luật sư vẫn không làm trở ngại đến quyền của công tố viện hay của dân sự nguyên cáo khi cho rằng có lý do chính đáng để truy tố một luật sư trước tòa án để xin trừng phạt các hành vi phạm pháp về tiểu hình hay đại hình của luật sư đó./.

NGUYỄN VĂN BÌNH

BẰNG CHỨNG LIÊN HỆ GIA ĐÌNH

TRONG VẤN ĐỀ BẢO LÃNH THÂN NHÂN



GS. TRẦN VĂN LIÊM

Nguyên Giáo Sư Đại Học Luật Khoa Saigon
Nguyên Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện VNCH
** Kính dâng hương hồn cố Giáo Sư VŨ VĂN MÃU, vị luật gia lỗi lạc đã tận tình hướng dẫn tôi làm luận án Tiến Sĩ Luật Khoa (Ban Tư Pháp)*

xxx

Vấn đề bảo lãnh thân nhân để cho họ được cư trú tại Mỹ với tư cách thường trú nhân (permanent resident) và trở thành công dân Mỹ, căn cứ vào những bằng chứng mà người ta đưa ra để chứng minh rằng người được bảo lãnh (beneficiary) có liên hệ với người đứng đơn (petitioner).

Trước hết, không phải liên hệ gia đình nào cũng có thể làm căn cứ cho sự bảo lãnh. Chỉ có vợ chồng, cha mẹ, con cái và anh chị em là được chấp nhận, những thân nhân khác như: anh chị em chú bác, cô cậu bạn dì, hay chú, bác, cô, dì, cậu hay cháu kêu bằng chú, bác, cô dì, cậu đều không có tư cách. Khi nói tới bảo lãnh thân nhân, người ta thường nghĩ tới thân nhân đang ở tại Việt Nam hay một xứ khác như Pháp, Gia Nã Đại, Uớc Châu v.v.. Nhưng có những trường hợp người thân nhân đã ở Mỹ rồi và cũng cần được bảo lãnh để có thể cư ngụ hợp pháp tại Mỹ.

Thí dụ: 1) Một người lớn tuổi được phép du lịch qua Gia Nã Đại, đi lậu qua Mỹ và ở đó luôn với một người con có quốc tịch Mỹ. 2) Người đàn ông từ Pháp du học qua Mỹ, kết hôn với một người đàn bà có quốc tịch Mỹ và muốn ở luôn tại Mỹ. Trong cả hai trường hợp, người từ xứ khác đến và đang ở tại Mỹ, cần phải được bảo lãnh mới có thể cư ngụ hợp pháp được.

Trong sự bảo lãnh, cần phải phân biệt tình trạng lưu ngụ của người đứng đơn (tức là người đứng ra bảo lãnh) và người được bảo lãnh, tức là người muốn được phép di trú đến Mỹ. Người đứng đơn có quyền lợi hoàn toàn khác nhau tùy theo người có quốc tịch Mỹ hay chỉ là thường trú nhân.

Người có quốc tịch Mỹ có thể bảo lãnh: vợ hay chồng, con cái, cha mẹ (nếu người con 21 tuổi trở lên) và anh chị em bất cứ tuổi nào và có gia đình hay không. Trái lại, thường trú nhân, tức là người có thẻ xanh, chỉ được bảo lãnh một số thân nhân mà thôi: a) vợ hoặc chồng, b) con dưới 21 tuổi và chưa có gia đình, c) con trên 21 tuổi và chưa có gia đình.

Trong lúc làm đơn, hay làm đơn xong mà người được bảo lãnh chưa đến Mỹ, hoặc chưa được hợp thức hóa, có một vài sự thay đổi về quốc tịch hay tình trạng gia đình làm cho người được bảo lãnh có thể đến được Mỹ mau hơn hay mất quyền được di trú đến Mỹ.

Thí dụ: Người chồng có thẻ xanh, xin bảo lãnh cho vợ tại Việt Nam: thông thường phải đợi vài ba năm. Nếu trong lúc người vợ chưa qua Mỹ mà người chồng có quốc tịch Mỹ thì người vợ sẽ thay đổi qui chế và sẽ được qua Mỹ mau hơn. Người mẹ có thẻ xanh nộp đơn xin bảo lãnh cho người con gái 19 tuổi, chưa có gia đình. Nếu trước ngày qua Mỹ mà người con lập gia đình thì đơn của người mẹ sẽ bị bác, và người mẹ sẽ phải đợi đến khi có quốc tịch mới xin bảo lãnh lại được.

Nếu người mẹ lớn tuổi và ít học thì có thể không bao giờ bảo lãnh cho người con gái



được, vì không thi đấu quốc tịch Mỹ. Cần phải ghi thêm rằng tình trạng lưu ngụ của người bảo lãnh tại xứ đang ở, sẽ không có ảnh hưởng nào đến việc bảo lãnh. Nếu người được bảo lãnh ở Gia Nã Đại, Pháp, hay Uìc Châu, thì dù người đó có quy chế tị nạn, thường trú nhân hay công dân, việc này không có ảnh hưởng đến việc xin bảo lãnh của thân nhân ở tại Mỹ. Như chúng ta đã thấy, có một trong ba mối liên hệ gia đình cần phải được chứng minh với sở di trú Mỹ để cho lá đơn xin bảo lãnh được chấp thuận: 1) Liên hệ vợ chồng. 2) Liên hệ cha mẹ và con cái. 3) Liên hệ anh chị em.

I. CHỨNG MINH LIÊN HỆ VỢ CHỒNG:

Bằng chứng thông dụng nhất để chứng minh liên hệ vợ chồng là **chứng thư hôn thú** (marriage certificate). Vì các văn phòng tư nhân lập hôn thú thường quảng cáo danh từ “Marriage License” nên người ta lầm tưởng rằng đó là chứng thư hôn thú. Thật ra “Marriage License” chỉ là một chứng thư do một người Clerk (lục sự) của county hay một notary Public được county cho phép chứng nhận rằng người phái nam và người phái nữ có đủ điều kiện để kết hôn. Sau khi có marriage license các đương sự phải đến gặp một người Clerk của county hay một tu sĩ của bất cứ tôn giáo nào, để cho các viên chức ấy lập hôn thú (Marriage certificate). Nếu không thể nạp chứng thư

hôn thú, người đứng đơn có thể dùng những bằng chứng khác để có thể thay thế, chẳng hạn giấy hôn phối do một tu sĩ cấp phát đối với những người theo Thiên Chúa Giáo, sự kiện người cha khai với viên chức hộ tịch rằng mẹ của đứa trẻ là vợ chính thức của mình. Nhưng sở Di Trú vẫn có quyền đòi đương sự phải nạp tờ “chứng nhận sót bộ”, để chứng minh rằng tờ hôn thú không có hay thất lạc.

Người đứng đơn cũng như người được bảo lãnh, nếu đã có kết hôn trước đó với người khác, sẽ phải chứng minh rằng hôn thú trước đã bị tiêu hủy vì người vợ hay người chồng trước đã chết hay đã ly dị với mình. Để chứng minh các sự kiện này đương sự phải nạp bản sao có chứng nhận của tờ khai tử do viên chức hộ tịch cấp phát hoặc bản sao có chứng nhận của bản án ly dị do viên lục sự (Clerk) của tòa cấp phát. Nơi đây cần phải ghi nhận sự khác biệt về hiệu lực của chứng thư hôn thú theo luật dân sự và luật di trú. Theo luật dân sự, một khi đã lập hôn thú xong, hai người có tư cách vợ chồng, nhất là về phương diện thừa kế, mà không cần phải chứng minh có ở chung với nhau. Trái lại, theo luật di trú của Mỹ, hôn thú không đủ để chứng minh liên hệ vợ chồng. Hai người còn phải chứng minh được đã ở chung với vợ mới cưới trong một thời gian ngắn hay dài. **Trường hợp đặc biệt của người hôn thê và hôn phu.** Bên cạnh liên hệ vợ chồng. Chúng ta cần phải ghi thêm một mối liên hệ tương tự: đó là liên hệ giữa người hôn thê và hôn phu (thường được gọi là “vợ chồng chưa cưới”). Theo luật di trú của Mỹ, một người có quốc tịch Mỹ có quyền nạp đơn xin cho một người hôn thê (fiancée) hay hôn phu (fiancé) đang ở tại xứ khác được phép đến Mỹ để lập hôn thú với mình. Muốn xử dụng thủ tục này, các đương sự phải hội đủ các điều

kiên sau đây: 1) Người đứng đơn phải có quốc tịch Mỹ. Như vậy người có thể xanh có thể về Việt Nam để kết hôn với một người khác rồi nộp đơn để xin bảo lãnh cho người vợ hay chồng đó, chứ không thể nộp đơn để xin cho một hôn thê hay hôn phu đến Mỹ để lập hôn thú, mặc dù hai người có làm lễ hỏi thực sự. 2) Hai người phải có quyết định và chuan bị kết hôn với nhau trong vòng ba tháng sau khi người được bảo lãnh đến Mỹ. Bằng chứng thông dụng của quyết định này là lễ hỏi làm tại ngoại quốc, được chứng minh do các hình ảnh hoặc video. 3) Hai người phải có trực tiếp gặp nhau ít nhất là một lần trong thời hạn hai năm trước ngày nộp đơn xin bảo lãnh. Bằng chứng này có thể là: giấy thông hành có ghi ngày tháng và nơi người đứng đơn đến tại ngoại quốc, vé máy bay, bản chi tiết chi phí điện thoại, hình ảnh v.v..Tuy nhiên điều kiện gặp nhau trong vòng hai năm có một ngoại lệ: người đứng đơn có quyền xin được miễn việc gặp trực tiếp hôn thê hay hôn phu nếu việc gặp nhau mang lại một sự trở ngại trầm trọng (extreme hardship) cho nguyên đơn, hoặc nếu phong tục tại xứ mà người hôn thê hay hôn phu đang cư ngụ, cảm đoán các người vợ chồng chưa cưới gặp nhau một mình. Sự trở ngại trầm trọng vừa nói trên có thể là: người đứng đơn bị bệnh tim không thể đi máy bay được, người đứng đơn không thể bỏ cơ sở làm việc vì không có người thay thế. Đơn xin phép miễn gặp nhau trong thời hạn hai năm phải nộp tại văn phòng Bộ Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ (Attorney General of the United States). Nếu đơn xin cho hôn thê hay hôn phu đến Mỹ để kết hôn được chấp nhận thì các người con của người đó được phép đi theo cha hay mẹ và được quyền di trú đến Mỹ, nếu chưa đủ 21 tuổi và chưa lập gia đình. Người hôn thê hay hôn phu sau khi đến Mỹ phải lập hôn thú trong thời hạn 3 tháng mới có thể xin hợp thức hóa tình trạng lưu ngụ và xin cấp thẻ xanh tại một văn phòng Sở Di Trú Mỹ. Kể từ ngày 15 tháng 1 năm 1998, nếu không lập hôn thú với người đứng đơn, thì người hôn thê hay hôn phu không thể hợp thức hóa tình trạng tại văn phòng sở Di Trú địa phương sau khi kết hôn với một người khác, cũng có quốc tịch Mỹ,

Trong trường hợp đã lập hôn thú với một người khác, đương sự phải trở về nguyên quán để được phỏng vấn tại Tòa Lãnh Sự Mỹ nơi xứ của mình. Đây là một sự thay đổi rất quan trọng vì trước năm 1998, người hôn thê hay hôn phu không kết hôn với người đứng đơn bảo trợ cho mình có quyền kết hôn với bất cứ một người nào khác có quốc tịch Mỹ, rồi xin hợp thức tại Mỹ mà khỏi cần trở về nguyên quán để được phỏng vấn tại một văn phòng Lãnh Sự Mỹ.

II. CHỨNG MINH LIÊN HỆ CHA MẸ VÀ CON CÁI:

A. Nếu người đứng đơn là người mẹ ruột của một người con độc thân hay có gia đình, hoặc là một người con xin bảo lãnh cho người mẹ ruột, thì đương sự phải nộp bản sao khai sinh của đứa con, có ghi tên người mẹ. Nếu đứa con là con gái có gia đình thì đứa con đó phải nộp thêm hôn thú, nếu tên hiệu lại khác với tên trong khai sinh. **Thí dụ:** người con gái là Nguyễn Thị Mai, con của Nguyễn Văn A và Trần Thị B. Người con gái đó kết hôn với Võ Văn C, và đổi tên là Võ Thị Mai để lấy họ chồng theo tục lệ của Mỹ. Khi so sánh khai sinh và hôn thú của người con gái, Sở Di Trú sẽ thấy ngay rằng người này là con của bà Trần Thị B.

B. Nếu người đứng đơn là người cha ruột xin bảo lãnh cho một đứa con độc thân hay có gia đình, hoặc là một người con xin bảo lãnh cho cha mẹ ruột, thì người ta phải phân biệt hai trường hợp:

1) Trường hợp người con là con chính thức thì các giấy tờ sau đây phải nộp cho Sở Di Trú:

a) Khai sinh của đứa con có ghi tên cha mẹ nó.

b) Hôn thú giữa cha mẹ. Nếu cha mẹ đã có lập một hay nhiều hôn thú trước, cần phải nộp thêm giấy khai tử hay bản án ly dị để chứng minh rằng các hôn thú trước đã bị tiêu hủy.

c) Hôn thú giữa người con gái có chồng, họ hiện thời của người con gái khác với họ trong giấy khai sinh vì đã lấy họ của chồng.

2) Trường hợp người con là con tự sinh thì các bằng chứng phức tạp hơn nhiều.

Người đứng đơn phải nộp:

a) **Khai sinh của đứa con có ghi tên người cha hay ghi rằng người cha “vô danh”**

b) **Hôn thú của người con gái có chồng, nếu người đó đã lấy họ chồng theo phong tục của Mỹ.**

c) **Bằng chứng về mối liên hệ về máu mủ giữa người cha và người con; bằng chứng này có thể là:** * kết quả của thou máu. * Sự kiện tên người cha có ghi trong giấy khai sinh của người con. * Hai tờ khai có tuyên thệ (affidavit) của hai người có biết rõ về sự sinh đẻ của đứa con; một trong hai người là mẹ ruột của đứa con, có ghi rõ ngày tháng và nơi sinh của nó, cũng như sự kiện người đứng đơn là cha của đứa trẻ.

d) **Bằng chứng rằng trong thực tế hai người xem với nhau là cha con và được gia đình và xã hội công nhận như vậy, nhất là sự kiện người cha đã nuôi dưỡng người con, tài trợ cho nó, lo lắng về việc học vấn và sinh sống của nó, trong lúc đứa con chưa đủ 21 tuổi và chưa có gia đình.** Các bằng chứng loại này thường được Sở Di Trú công nhận là: "money order" và chi phiếu trả tiền cho con sinh sống, ăn học, ở đậu nhà người khác .v.v., tờ khai thuế có ghi tên của đứa con, chứng thư của bác sĩ, bệnh viện, trường học; thư từ trao đổi giữa người cha và người con, các tờ khai có tuyên thệ (affidavit) của các bạn bè, người láng giềng, giáo sư, hiệu trưởng học v.v..

Nếu người đứng đơn là người cha ghê xin bảo lãnh cho người con riêng của vợ, hoặc người con riêng của vợ xin bảo lãnh cho người cha ghê, các giấy tờ sau đây phải nộp: Khai sinh của người con có ghi tên mẹ ruột. Hôn thú của người cha ghê và người mẹ ruột, cho thấy rằng hôn thú đã được thành lập khi đứa con chưa đủ 18 tuổi. Bản án ly dị hoặc chứng thư khai tử chứng minh rằng hôn thú giữa người cha ghê và người vợ trước đã bị tiêu hủy; Bản án ly dị hoặc chứng thư khai tử chứng minh rằng hôn thú giữa người mẹ và người chồng trước đã bị tiêu hủy.

Nếu người đứng đơn là người mẹ ghê xin bảo lãnh cho con riêng của chồng, hoặc

người con riêng của chồng xin bảo lãnh cho mẹ ghê, các giấy tờ tương tự như trên phải nộp cho Sở Di Trú. Ngoài ra, về quy chế của con riêng của chồng, cần phải phân biệt hai trường hợp: nếu đứa con riêng của chồng là con chính thức, thì phải nộp khai sinh có tên cha mẹ ruột của nó. Nếu đứa con riêng là con tự sinh và khai sinh có ghi là cha “vô danh”, thì cần phải có hai tờ khai có tuyên thệ như trong trường hợp của người con tự sinh đã trình bày trên đây.

Nếu có thể được, nên nộp tờ khai có tuyên thệ của người mẹ ruột của đứa con (đã có ăn ở với cha của nó), khai rằng mình có sinh ra đứa con trong lúc ăn ở không chính thức với người cha của đứa con đó.

III. CHỨNG MINH LIÊN HỆ GIỮA ANH CHỊ EM:

Để bảo lãnh cho anh chị em, người đứng đơn phải có quốc tịch Mỹ. Nếu người đứng đơn và người anh chị em được bảo lãnh có cùng một mẹ ruột (tức là anh chị em cùng mẹ khác cha) thì chỉ cần nộp khai sinh của cả hai người anh chị em, có ghi tên người mẹ ruột đó.

Nếu người đứng đơn và người anh chị em có chung người cha ruột (anh chị em cùng cha khác mẹ) thì ngoài hai tờ khai sinh như trên còn phải nộp thêm tờ hôn thú của cha mẹ (nếu là anh chị em ruột) hoặc tờ hôn thú của người cha với mỗi người mẹ (nếu là anh chị em cùng cha khác mẹ).

Trong trường hợp một trong hai người (người đứng đơn hoặc người được bảo lãnh) không có giấy khai sinh, đương sự cần phải nộp thêm những bằng chứng khác mà Sở Di Trú chấp nhận, như chứng thư thế vì khai sinh, lời khai có tuyên thệ (affidavit) của thân nhân, v.v..

Ngoài anh chị em do máu mủ. Anh chị em ruột, cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha, còn có anh chị em do những liên hệ pháp lý khác như việc lập con nuôi và việc người cha hay người mẹ có lập hôn thú nhiều lần. Chẳng hạn, một người con nuôi của ông A bảo lãnh cho người con ruột của ông này. Một người

con ghê của bà B bảo lãnh cho người con ruột của chồng bà. Một người con ghê của bà B bảo lãnh cho người con ruột của bà này. Tùy theo trường hợp, ngoài các khai sinh và hôn thú, người đứng đơn còn phải nộp thêm bản án ly dị giữa cho mẹ, tờ khai tử, bản án lập con nuôi v.v.. Sở dĩ có nhiều trường hợp như vậy là vì luật di trú Mỹ cho con ghê và con nuôi các quyền lợi giống như con chính thức.

IV. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÁC CHỨNG THƯ HỘ TỊCH:

1) Theo nguyên tắc đã có từ cổ luật La Mã “**Locus Regit Actum**” (chứng thư được chi phối do nơi thành lập), chứng thư hộ tịch (hôn thú, khai sinh, khai tử, tờ nhìn nhận con, v.v..) lập tại bất cứ nơi nào cũng có giá trị tại Mỹ, miễn là thành lập hợp pháp tại xứ đó.

Như vậy một tờ khai sinh hay hôn thú được chính quyền Việt Nam công nhận là hợp pháp sẽ có giá trị đối với Sở Di Trú. Ngày thiết lập chứng thư, và ngày cấp bản sao có thị thực cũng không quan trọng. Một tờ hôn thú hay khai sinh được cấp trước hay sau năm 1975 cũng có giá trị như nhau. Tài liệu của một đệ tam quốc gia như Pháp, Đức Uìc Châu, v.v.. cũng hoàn toàn có giá trị. Ngay cả chứng thư hộ tịch của một chính quyền thực tại (de facto government) bất hợp pháp theo luật quốc tế, và không được xứ nao công nhận, vẫn có giá trị.

2) Nếu chứng thư hộ tịch lập bằng chữ ngoại quốc (kể luôn chữ Việt) thì đương sự phải nộp thêm một bản phiên dịch cho mỗi tài liệu. Người phiên dịch phải trên 18 tuổi và không phải là đương sự hay thân nhân trực tiếp. Chữ ký của người phiên dịch phải được Notary Public thị thực. Quy định này rất dễ dãi, làm chúng ta có thể dịch dễ dàng chứng thư của bất cứ xứ nào. Tài liệu khai sinh, hôn thú gồm có tên họ, ngày và nơi sanh của đứa trẻ, tên, tuổi, nghề nghiệp của cha mẹ, ngày và nơi lập hôn thú, tên của vợ và của chồng. Không cần giới thiệu ngoại quốc cũng dịch được. Một người nữ sinh từ Đan Mạch đến Mỹ du học, kết hôn với một người có quốc tịch Mỹ, cần phải nộp một chứng thư bằng chữ Đan Mạch. Tờ này chỉ cần một người bạn hay bà con xa, cũng

từ Đan Mạch đến, dịch ra Anh văn, rồi nhờ một notary public thị thực chữ ký. Nếu muốn một văn phòng phiên dịch Mỹ có chuyên viên tiếng Đan Mạch thì phải trả chi phí cao. Nếu tài liệu phải dịch khá dài (3 trang trở lên), người ta có thể dịch những điều quan trọng và bỏ bớt phần khác hay không? Lúc trước SỞ Di Trú cho phép dịch một bản trích dịch, ghi chú các điểm quan trọng của tài liệu. Nhưng hiện nay, SỞ Di Trú bắt buộc phải dịch toàn thể tài liệu. Như vậy một bản án ly dị có tranh chấp hay có phân chia tài sản gồm 5 trang, cần phải dịch đầy đủ, mặc dầu Sở Di Trú chỉ cần biết tên họ nguyên đơn và bị đơn, ngày tòa tuyên án và ngày mà hai bên có quyền kết hôn với người khác.

3) Các tài liệu hộ tịch chỉ cần nộp bản sao tức là bản chụp hình chứ không cần phải nộp bản chính (thật ra danh từ “bản chính” do người ta thường dùng, ám chỉ một bản sao có viên chức hộ tịch hay lục sự tòa án chứng nhận và đóng dấu).

Theo chỉ thị của sở Di Trú người đứng đơn không cần nộp bản chính, chỉ cần nộp một bản sao tài liệu, có thêm một bản chính của bản dịch (không thể chụp hình bản dịch có chữ ký của người dịch và con dấu notary public để nộp). **Người đứng đơn không nên nộp bản chính các tài liệu** vì các bản chính sẽ không được hoàn lại và sẽ bị thất lạc. Tuy nhiên, khi nào Sở Di Trú gửi báo thị (Notice) đòi hỏi phải trình bản chính thì người đứng đơn phải nộp trong vòng 12 tuần kể từ ngày ghi trong tờ báo thị của Sở Di Trú, nếu không đơn sẽ bị bác. Bản chính không được nộp sẽ do người được bảo lãnh gìn giữ để xuất trình cho viên chức của Sở Di Trú hay tòa lãnh sự Mỹ khi các viên chức này đòi hỏi.

V. TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ CHỨNG THƯ HỘ TỊCH:

Chứng thư hộ tịch là bằng chứng chánh yếu (primary evidence) về mối liên hệ gia đình và các biến cố khác trong gia đình. Nhưng có nhiều trường hợp người đứng đơn không có tài liệu này để nộp. Có một số quốc gia không có sổ bộ hộ tịch trong khoảng thời gian nào hay

trong tỉnh, quận nào, chẳng hạn Trung Quốc và Án Độ.

Bộ ngoại giao Hoa Kỳ có một cuốn sổ ghi chép tình trạng sổ bộ hộ tịch của từng xứ trên khắp thế giới. Nếu cuốn sổ này ghi rằng các chứng thư hộ tịch thường được cấp phát trong một xứ nào thì đương sự phải nộp một bản sao có chứng nhận, chứ không thể dùng các bằng chứng khác. Việt Nam được danh dự xếp vào các xứ mà sổ bộ hộ tịch rất đầy đủ và ít có sự thất lạc hay tiêu hủy, mặc dù có biến cố chiến tranh hay sự thay đổi chánh quyền trong năm 1975. Nhưng chúng ta phải trả danh dự này với giá rất cao, vì Sở Di Trú có quyền đòi hỏi người Việt phải xuất trình chứng thư hộ tịch trước tiên: nếu chứng thư không thể xin cấp được vì các sự thiếu sót sổ bộ hộ tịch, chúng ta mới có thể dùng các bằng chứng khác. Nhưng chúng ta lại có hai lối thoát vì luật di trú Mỹ cho phép một người đứng đơn chứng minh rằng y không thể xin trích lục được mặc dù sổ bộ hộ tịch không bị thiếu sót.

a) Nếu là người tỵ nạn (refugee), người đứng đơn có thể khai rằng theo luật quốc tế (Hiệp định geneve) người tỵ nạn không còn liên hệ pháp lý nào với xứ sinh đẻ của mình, và được xếp vào hạng người không có quốc gia hoặc không có "Tổ Quốc" (chữ Anh là stateless, chữ Pháp là apatride). (Không có quốc gia) thì làm sao xin xứ mình cấp giấy tờ chính thức được? Tình trạng này vẫn tồn tại sau khi đương sự nhập tịch tại Mỹ, nên thiết tưởng Sở Di Trú phải chấp nhận rằng người tỵ nạn (khác với người đi chính thức theo thủ tục đoàn tụ gia đình) không thể xin cấp phát chứng thư hộ tịch tại Việt Nam.

b) Theo luật di trú, chúng ta phải yêu cầu chính quyền nơi nguyên quán một tờ chứng nhận trên giấy có tiêu đề, ký tên và đóng dấu, xác nhận và cho biết lý do của sự thiếu sót của sổ hộ tịch. Văn thư này còn phải cho biết rõ những chứng thư tương tự cùng thời gian và địa điểm đó có được ghi vào sổ hộ tịch không.

Thí dụ: Đương sự khai có kết hôn tại xã Long Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho vào tháng 12 năm 1973. Viên chức hộ tịch hiện thời phải xác nhận: sổ bộ hôn thú của xã năm 1973

còn tồn tại hay bị thất lạc. Nếu bị thất lạc thì đương sự có quyền mang lại các bằng chứng khác để chứng minh liên hệ vợ chồng. Trái lại nếu viên chức hộ tịch xác nhận sổ bộ hộ tịch vẫn còn, không tìm ra chứng thư hôn thú của đương sự nhưng các chứng thư hôn thú khác của xã trong năm 1973 vẫn còn đầy đủ thì Sở Di Trú sẽ kết luận là đương sự không có lập hôn thú và sẽ không cho mang lại các bằng chứng khác.

Nếu người đứng đơn yêu cầu cấp phát bản sao có chấp nhận của chứng thư hôn thú hay khai sanh nhưng chánh quyền tại Việt Nam không trả lời thì người đó phải chứng minh đã nhiều lần tìm cách xin cấp một cách ngay tình (repeated and good faith attempts) nhưng không có kết quả. Tờ chứng nhận thiếu sót sổ hộ tịch quy định do luật Di Trú Mỹ giống như tờ "chứng nhận sót bộ" thông dụng tại Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975. Tờ này phải nộp cho tòa trong thư tục xin bản án thế vì khai sinh. Lúc đó, các đương sự thường hay khai rằng mình đã sinh đẻ hay lập hôn thú tại một xã hẻo lánh nào đó (vì thành phố lớn không thể mất hay thiếu sót sổ hộ tịch), để cho viên chức hộ tịch có thể cấp tờ chứng nhận sót bộ dễ dàng hơn. Chắc chắn tờ chứng nhận này không thể được cấp phát về sự sinh đẻ hay kết hôn sau năm 1975, vì chính quyền đương thời không bao giờ chịu chứng nhận có sự thiếu sót sổ hộ tịch, vì việc này chứng tỏ có sự loạn lạc hay bất cẩn của viên chức có trách nhiệm.

Nếu thỏa mãn các điều kiện của Sở Di Trú về sự chứng nhận thiếu sót sổ bộ hộ tịch, đương sự có quyền dùng những bằng chứng khác để chứng minh mối liên hệ gia đình. Sự dẫn chứng phải tuân theo thứ tự ưu tiên sau đây:

Ưu tiên thứ nhất: Các bằng chứng phụ thuộc (secondary evidence) tức là các tài liệu làm ra do một cơ quan công hay tư có thẩm quyền để xác nhận các sự kiện và lý lịch của đương sự hay mối liên hệ gia đình của người này với người khác. Các bằng chứng phụ thuộc gồm có: giấy thế vì khai sinh, giấy rửa tội (baptism) của các người theo thiên chúa giáo, các tài liệu của trường học, công sở, bệnh viện,

bác sĩ, hãng bảo hiểm v.v.. Mặc dù các chỉ thị của Sở Di Trú không bao giờ đề cập đến, các chứng thư của cơ quan Phật Giáo cấp phát cũng phải được công nhận là có giá trị.

Thí dụ: Một tờ chứng nhận của một vị sư trụ trì của một chùa tại Việt Nam xác nhận rằng ngày 15 tháng 4 năm 1975, chùa có làm lễ tang cho gia đình ông X sinh ngày . . . cheat ngày . . . Tờ chứng nhận này là bang chứng phụ thuộc thay thế cho tờ khai tử không thể lập được lúc đó, hay đã lập xong mà sổ bộ bị thất lạc, vì thời cuộc và những biến cố quan trọng sắp đến. Aùn thế vì khai sinh của tòa án Mỹ để xin hơn là người ta tưởng. Tại California, chỉ cần nộp đơn cho tòa Superior court (tương đương với tòa sơ thẩm của Việt Nam). Trong von2ng 10 ngày tòa sẽ xét đơn và tuyên án thế vì khai sinh, sau khi nghe nguyên đơn trình bày. Sau đó, nguyên đơn xin hai bản sao có chứng nhận của bản án, một là để dùng ngay và một để gửi lên văn phòng Trung Ương của Tiểu bang tại Sacramento để đăng ký. Làm song thủ tục này, nguyên đơn có thể xin cấp bản sao có chứng nhận suốt đời.

Ưu tiên thứ nhì: Nếu không thể nộp chứng thư hộ tịch mà cũng không có các tài liệu phụ thuộc trên đây chứng minh mối liên hệ gia đình, đương sự có thể dùng tờ khai có tuyên thệ (affidavits) của các nhân chứng. Người khai phải ghi rõ lý lịch và địa chỉ của mình, mối liên hệ với người mà mình đứng ra làm chứng và lý do tại sao mình biết rõ biến cố cần phải chứng minh. Thí dụ có dự đám cưới, làm y tá tại nhà bảo sanh nơi đứa trẻ sinh ra, có làm chứng trong vụ án ly dị, v.v. Nhân chứng có thể là thân nhân của người đứng đơn xin bảo lãnh và người được bảo lãnh. Nơi đây chúng ta cần phải ghi nhận một sự khác biệt quan trọng giữa luật Hoa Kỳ và luật Việt Nam.

Theo luật Việt Nam các thân nhân gần không được làm chứng vì luật pháp sợ có sự tư vị trong lời khai. Tại Mỹ, trong vấn đề hộ tịch, các thân nhân được quyền làm chứng như những người khác, vì họ biết rõ các biến cố xảy ra. Một người bạn ít khi biết rõ chi tiết thời gian, địa điểm, của sự sinh đẻ hoặc sự tử vong của một người nào. Do đó mặc dù theo nguyên

tắc, người làm chứng phải là người vô tư, luật di trú Mỹ cho phép các thân nhân làm tờ khai có tuyên thệ về các biến cố đã xảy ra trong gia đình. Nhân chứng biết rõ nhất sự sinh đẻ của đứa trẻ là người mẹ của đứa trẻ đó.

Kế đó là người cha, và anh chị em của cha mẹ như: cô, cậu, dì, chú, bác. Các người ngoài có thể là bác sĩ, y tá, giám đốc bệnh viện, v.v. Riêng tại California, lời khai có tuyên thệ không cần phải có thị thực do một Notary Public. Luật Hoa Kỳ không e ngại về sự làm chứng gian, bởi vì tội này bị trừng trị theo hình luật dưới tội danh “perjury”. Tại Mỹ, rất nhiều nhân vật quan trọng, có quyền thế, có nhiều tiền bạc, đã bị truy tố và tù tội, chỉ vì khai gian với Quốc Hội, với Sở Thuế Vụ, hay các cơ quan khác.

Để kết luận, chúng ta thấy có nhiều phương cách để chứng minh mối liên hệ gia đình trong việc bảo lãnh cho thân nhân di trú đến Mỹ. Vậy những người không thể có được bản trích lục khai sinh hoặc hôn thú của mình hay của thân nhân, không nên nản lòng và bỏ cuộc. Nếu ben trí và đủ hiểu biết, hoặc chờ một văn phòng chuyên nghiệp, thì thế nào cũng chứng minh được mối liên hệ gia đình và đơn xin bảo lãnh thân nhân sẽ có kết quả.

Luật Di Trú Hoa Kỳ tuy có vẻ phức tạp nhưng vẫn có tính cách nhân đạo trong vấn đề bảo lãnh thân nhân và đoàn tụ gia đình. Ngoài ra trong những lãnh vực mà luật lệ không rõ ràng và cần được giải thích, Sở Di Trú không thể giải quyết hồ sơ một cách độc đoán, vì đương sự có quyền kháng cáo quyết định của sở di trú lên hội đồng phúc thẩm các vụ di trú (Board of Immigration Appeals). Trong thủ tục này, đương sự không cần phải có luật sư biên hộ, nhưng phải nộp một biên minh trạng ghi rõ các lý do kháng cáo. Có nhiều người thắng kiện tại hội đồng này sau khi bị Sở Di Trú bác đơn./.

Gs. TRẦN VĂN LIÊM

*Viết xong tại Rosemead, California
Tháng 2 năm 2000*

QUYỀN BIỆN HỘ



Ls Trần Văn Tốt

Ls TRẦN VĂN TỐT

Diễn văn của ông Thủ lĩnh Luật sư Đoàn Tòa thượng thẩm Saigon, đọc trong buổi khai mạc phiên Tòa Đại hình được tổ chức lần đầu theo sắc luật số 27-RR/SLU ngày 20/12/1972 tại Pháp đình Saigon vào ngày 30/4/1973

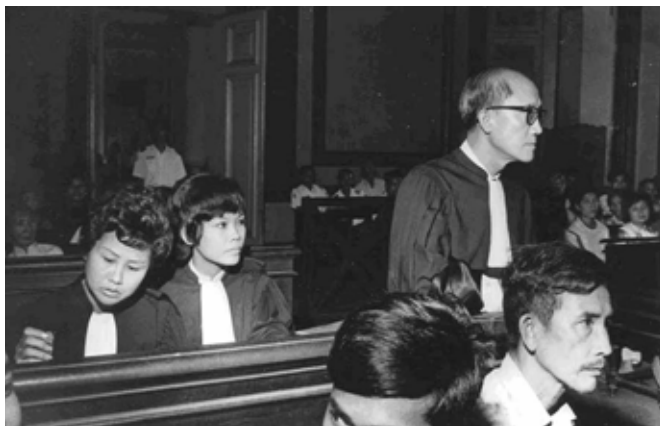
XXX

Kính thưa TỔNG THỐNG – PHÓ TỔNG THỐNG- NHỊ VỊ CHỦ TỊCH LƯỜNG VIỆN QUỐC HỘI- ÔNG CHỦ TỊCH TỐI CAO PHÁP VIỆN – THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ Quý vị quan khách,

Nhân danh Thủ lĩnh Luật sư Đoàn Tòa Thượng thẩm Saigon, tôi xin thay mặt toàn thể các đồng nghiệp của tôi để kính chào Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Nhị vị Chủ tịch Lường Viện Quốc Hội, ông Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện, Thủ Tướng chính phủ và quý vị quan khách hiện diện tại nơi đây.

Tôi xin thành thật cảm tạ ông Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện, với một tinh thần trọng pháp vô tư, đã hiểu rõ hơn ai cái vai trò cần thiết, quan yếu, bất khả vô của Luật sư Đoàn trong tổ chức Tư pháp Quốc gia ngày nay.

Hiến pháp của chúng ta thừa nhận



” quyền biện hộ” là một quyền tối thượng, của người dân, trước và trên các quyền căn bản khác như quyền tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, tự do cư trú và đi lại

Tổ chức Tư pháp của chúng ta cũng dành cho quyền biện hộ một chỗ đứng quan trọng ngang hàng với quyền công tố, Luật sư Đoàn hành xử quyền biện hộ là một trong ba thành phần cần yếu độc lập, nhưng lại bổ sung cho nhau của tổ chức Tư Pháp. Ba thành phần ấy là : Thẩm phán đoàn, Công tố đoàn và Luật sư Đoàn.

Sự hiện diện của chúng tôi hôm nay trong buổi lễ khai mạc Tòa Đại Hình này chính cũng đã nói lên cái tư thế độc lập, cái vai trò cần yếu, của Quyền Biện Hộ do chúng tôi đại diện.

Đề cập đến Quyền Biện Hộ, có một số người hoặc thiếu suy nghĩ hay không hiểu luật pháp đã quan niệm rằng vai trò của Luật sư trước Tòa án chỉ là một vai trò trang trí mà thôi, bởi vì có hay không có Luật sư, Công lý vẫn được ban bố như thường.

Quan niệm như vậy là sai lầm và nguy hiểm

-**Sai lầm** vì nhiệm vụ của Luật sư không phải chỉ là bênh vực những quyền lợi cá nhân, nói lên tiếng nói chân thực của người dân có

việc phải đến tưng đình mà thôi. Nhiệm vụ ấy còn có một khía cạnh cao cả hơn là bảo vệ Công Lý, là đem chân lý soi sáng cho Công lý, là bênh vực sự cô thế chống lại cường quyền và bạo lực.

Cũng chính vì nhiệm vụ ấy, mà từ trước đến nay, bao giờ luật sư cũng được xem như là “phụ tá cần thiết của Công lý”

-Nguy hiểm, bởi vì phủ nhận Quyền Biện Hộ, chối bỏ sự cần thiết của Quyền Biện Hộ, sẽ không khác gì phủ nhận và chối bỏ tất cả các nguyên tắc dân chủ căn bản. Không có “Quyền Biện Hộ” hay có quyền biện hộ mà không tôn trọng thì những quyền tự do khác của người dân, như quyền tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận... chỉ là những danh từ trống rỗng. Bởi vì nếu không được Quyền Biện Hộ bảo vệ thì những quyền tự do này chỉ là những sự trang trí cho một nền dân chủ giả hiệu mà thôi.

Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa là một Hiến pháp Dân chủ, tiến bộ nên đã minh thị công nhận Quyền Biện Hộ. Các luật lệ hiện hành cũng dành cho Quyền Biện Hộ một vị trí quan trọng trong tổ chức Tư pháp Việt Nam. Và gần đây nhất năm bộ Luật vừa mới được Tổng thống ban hành trong đó có Bộ Hình sự Tố tụng với nhiều cải cách tiến bộ đã mở rộng và củng cố quyền biện hộ thêm một lần nữa.

Kể từ nay, Luật sư có thể bênh vực cho các nghi can ngay từ giai đoạn sơ vấn, tại các cơ quan cảnh sát, và theo dõi nội vụ từ đầu chí cuối cho đến lúc kết thúc trước Tòa án có thẩm quyền.

Riêng trước Tòa Đại Hình mà phiên khai mạc hôm nay sẽ mở ra một kỷ nguyên tư pháp mới, sự hiện diện của Quyền Biện Hộ lại cần thiết hơn lúc nào cả, bởi vì với một thành phần xử án gồm đa số là phụ thẩm nhân dân có xu hướng thiên về tình hơn là về lý, tiếng nói của quyền biện hộ, bên cạnh tiếng nói của quyền công tố sẽ dung hòa các khía cạnh tình lý mâu thuẫn và soi sáng chân lý, giúp cho các vị phụ thẩm nhân dân, có một phán quyết, tối hậu dựa trên công bằng và nhân đạo.

Kính thư Tổng thống, thưa quý vị,

Chúng tôi vừa đề cập đến sự cần thiết

của Quyền Biện Hộ. Trong một quốc gia dân chủ, Quyền Biện Hộ không những được qui định trong Hiến pháp và trong các bộ Luật căn bản mà còn phải được thể hiện trong sự thực hành. Nói đến thực hành tức đặt ra vấn đề tôn trọng quyền biện hộ. Sự tôn trọng này nó không phải đơn phương mà phải đa phương, nghĩa là ngoài chúng tôi là đoàn thể hành xử quyền biện hộ, các thành phần khác trong tổ chức Tư pháp như Công tố Đoàn, Thẩm phán Đoàn xử án cũng phải có bổn phận như chúng tôi tôn trọng quyền biện hộ.

Chúng tôi đòi hỏi như vậy, không phải vì quyền lợi của đoàn thể chúng tôi, mà chính vì tương lai của ngành Tư pháp nói riêng và tương lai của các cơ chế Dân chủ đang lớn mạnh trong xã hội của chúng ta nói chung.

Chúng tôi không quan niệm được một quốc gia dân chủ không có một nền tư pháp pháp trị. Chúng tôi cũng không quan niệm được một nền Tư pháp Pháp trị với một quyền biện hộ què quặt, hay bị bóp nghẹt.

Bởi vậy nhân dịp khai mạc Tòa Đại hình hôm nay, trước mặt Tổng thống, Phó TT, Nghị vụ chủ tịch lưỡng viện quốc hội, ông chủ tịch tối cao pháp viện, thủ tướng chính phủ, chính tôi thành khẩn kêu gọi quý vị có thẩm quyền ở trong cũng như ngoài ngành Tư pháp, tận tình hỗ trợ chúng tôi trong nhiệm vụ hành xử quyền biện hộ để làm sáng tỏ sự thượng tôn pháp luật, và phát huy triệt để các nguyên tắc dân chủ cơ bản trong mọi lãnh vực. Có như thế, chúng ta mới có thể tự hào là chúng ta đang đi trên con đường dân chủ chân chính.

Có như thế, dân chúng mới hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của chính quyền và đồng tâm nhất trí xây dựng dân chủ, kiến thiết xứ sở.

Trân trọng kính chào Tổng thống và quý vị quan khách.../.

LUẬT SƯ TRẦN VĂN TỐT

CÔNG TỐ QUYỀN VÀ HÌNH CẢNH LẠI



LS NGÔ VĂN TIẾP

Người viết là một thành viên trong Gia Đình Luật Khoa đã may mắn cũng đã là một Hình Cảnh Lại và áp dụng công tố quyền trong thời gian làm việc tại Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Thủ Đô và cũng đã thuyết trình đề tài này cho các lớp Chỉ Huy Trưởng Tỉnh và Quận tu nghiệp tại Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hoà.

1. CÔNG TỐ QUYỀN VÀ DÂN TỐ QUYỀN

Công tố quyền là quyền liên quan đến việc áp dụng các hình phạt đối với các hành động phạm pháp. Công tố quyền được phát động và hành sử do các thẩm phán hay các viên chức được luật pháp cho phép và ủy nhiệm.

Công tố quyền cũng có thể được phát động do đương sự bị thiệt hại theo những thể thức và điều kiện luật định. Đương đơn có thể tự làm đơn đến các cơ quan điều tra sơ vấn như cảnh sát địa phương hay nhờ luật sư thay mặt làm đơn thưa cho người bị thiệt hại.

Dân tố quyền là quyền đi thưa để đòi bồi thường thiệt hại dành cho các người bị hiệt hại trực tiếp hay gián tiếp do các hành động phạm pháp của kẻ khác gây ra. Các hành động phạm pháp có thể là một trọng tội, một khinh tội hay một tội vi cảnh.

Điều thứ 4 Bộ Luật Hình Sự Tố Tụng có ghi: Dân tố quyền cũng có thể được hành sử riêng biệt với công tố quyền. Tuy nhiên, trong trường hợp công tố quyền đã được phát động, dân tố quyền bị tòa hộ hoãn xét xử nghĩa là chỉ xét về quyền lợi



dân sự cho đến khi có phán quyết nhất định về hình sự.

Nếu Tòa hình tuyên án bị can vô tội thì không có lý do thưa trước Tòa Hộ đòi bồi thường thiệt hại. Trên thực tế thường một người đã đứng nguyên đơn trong một vụ hình thường thỉnh cầu Tòa buộc bị cáo phải bồi thường các thiệt hại do các bị cáo gây ra ngay tại Tòa hình. Trường hợp này gọi là đứng Dân sự nguyên cáo.

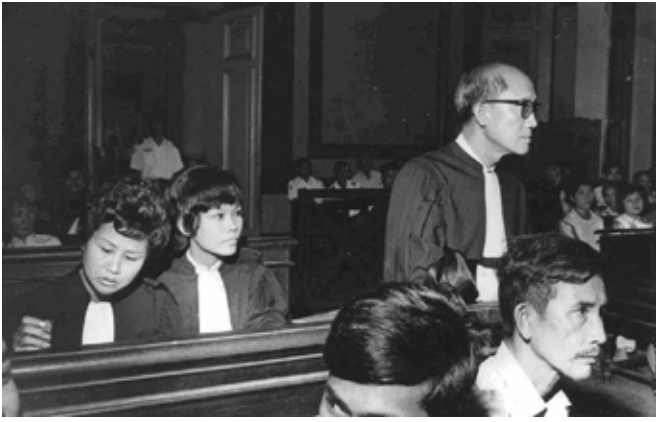
Một điều quan trọng là khi đã đệ đơn thưa trước tòa hộ có thẩm quyền, nguyên cáo không thể hành sử dân tố quyền (đứng dân sự nguyên cáo) trước tòa hình được nữa, trừ trường hợp tòa hình đã thụ lý do sự truy tố của văn phòng Biện lý trước khi tòa hộ tuyên xử về nội dung.

Đây là điều khác biệt với luật pháp Hoa Kỳ. Một thí dụ: Vụ OJ Simpson: OJ Simpson được tha bổng trước Tòa hình nhưng vẫn có trách nhiệm trước Tòa dân sự và phải bồi thường cho nạn nhân.

Tố quyền được chấp nhận trong mọi trường hợp có thiệt hại về vật chất, thể chất hay tinh thần.

Về vật chất và thể chất có thể đánh giá bằng tiền bạc.

Thiệt hại về tinh thần phải kể đến thiệt hại



về danh dự như phỉ báng.

Thiệt hại về tinh thần như bị phỉ báng, trước kia được coi như không thể đánh giá bằng tiền bạc được nên thường được bồi thường 1 đồng danh dự nhưng kể từ lúc có 60 sắc luật do Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu ký vào 20 tháng 12 năm 1972, trong đó có Sắc Luật về Báo Chí đã có điều khoản ghi rõ thiệt hại về tinh thần có thể đánh giá bằng tiền được. Theo sắc luật này tùy theo hoàn cảnh và địa vị cùng sự phỉ báng làm hại đến danh dự của một người nào đó có thể tính bằng tiền được để bồi thường thiệt hại. Không còn là 1 đồng danh dự nữa.

Dân tố quyền có thể hành sử đồng thời với công tố quyền cùng một toà án.

Thí dụ: Nguyên đơn vào đơn thưa một người về tội lường gạt một món tiền trước Tòa án hình sự. Nguyên đơn có thể đứng dân sự nguyên cáo trước toà hình để đòi bồi thường số tiền bị lường gạt để đòi bồi thường. Chánh án Tòa hình sẽ tuyên xử phạt can phạm và đồng thời tuyên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Trước tòa án hình sự, người bị thiệt hại trực tiếp có quyền thỉnh cầu Tòa tuyên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho đương sự.

Nếu như không đòi bồi thường tại phiên Tòa hình, người bị thiệt hại có thể lấy bản án đã xử can phạm có tội tại Tòa hình để đòi bồi thường tại Tòa án dân sự.

Điều quan trọng là một sự kiện đang được Tòa hình thụ lý, mà muốn kiện tại Tòa Hộ thì phải chờ Tòa hình kết thúc. Đây là nguyên tắc "Hình hoãn Hộ".

Sự tiêu diệt công tố quyền: Công tố quyền có thể bị tiêu diệt có nghĩa là không còn có thể xin truy tố bị can. Theo điều 6 Bộ Hình Sự Tố Tụng: Công tố quyền bị tiêu diệt nghĩa là không thể xin truy tố được nữa trong các trường hợp sau:

- Trường hợp bị can mệnh một (chết)
- Trường hợp uy lực quyết tụng nghĩa là việc đã được xử rồi
- Trường hợp là một tội danh đã được đại xá (có thể được đại xá đích danh hoặc là nằm trong danh sách các tội phạm được đại xá)
- Trường hợp do uy lực quyết tụng nghĩa là một sự việc đã được xử.
- Công tố quyền bị thời tiêu sau một thời luật định tùy theo là trọng tội, khinh tội hay vi cảnh tội

Về trọng tội, công tố quyền bị thời tiêu sau thời hạn mười (10) năm trọn kể từ ngày phạm pháp.. Về khinh tội, công tố quyền bị thời tiêu sau thời hạn ba (3) năm trọn, kể từ ngày phạm pháp

Về tội vi cảnh, công tố quyền bị thời tiêu sau thời hạn một (1) năm trọn, kể từ ngày phạm pháp

Như vậy không thể phát động dân tố quyền khi công tố quyền bị thời tiêu.

Nếu công tố quyền đã được phát động và hình phạt đã được tuyên xử, người bị thiệt hại do hành động của nhóm can phạm đó gây ra, có quyền phát động dân tố quyền tức có quyền đứng đơn trước Tòa án dân sự để đòi bồi thường thiệt hại. Quyền lợi dân sự này có thể hành xử trong vòng ba mươi năm (30) kể từ ngày bị can phạm pháp.

2. HÌNH CẢNH LẠI.

Hình cảnh lại là danh từ để chỉ các viên chức hành sử công tố quyền và đảm nhiệm thẩm vấn can phạm. Các viên chức này dưới sự điều khiển của Biện Lý sở tại. Trong quản hạt mỗi tòa thượng thẩm, cảnh sát tư pháp dưới sự giám sát và kiểm soát của Viện Chương Lý và Phòng Luận Tội trực thuộc Tòa Thượng Thẩm. Việt Nam Cộng Hoà của chúng ta lúc đó có 2 Tòa Thượng Thẩm là Tòa Thượng Thẩm Saigon và Tòa Thượng Thẩm Huế.

Mỗi Toà Thượng Thẩm có thẩm quyền quản hạt riêng. Tất cả các tòa Sơ thẩm thuộc miền Trung sẽ thuộc vào thẩm quyền của Tòa Thượng Thẩm Huế. Các Tòa Sơ Thẩm thuộc miền Nam sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.

Cảnh sát tư pháp có nhiệm vụ vi chứng các vụ phạm pháp, thu thập bằng cứ và truy tầm thủ phạm khi chưa mở cuộc thẩm vấn. Khi đã mở cuộc thẩm vấn, cảnh sát tư pháp thi hành những ký thác và tuân hành những triệu dụng của của cơ quan thẩm vấn.

Điều 14 Bộ Hình Sự Tố Tụng; Cảnh sát tư pháp gồm:

-Sĩ quan cảnh sát tư pháp hay hình cảnh lại

-Nhân viên cảnh sát tư pháp;

-Viên chức và nhân viên được luật pháp giao phó một số nhiệm vụ cảnh sát tư pháp.

Điều 15 Bộ Hình Sự Tố Tụng: Các viên chức kể sau có tư cách hình cảnh lại;

1)Biện lý, Phó Biện lý và Dự thẩm;

2) Quận trưởng hành chánh tại các tỉnh;

3) Chỉ huy trưởng cảnh sát từ cấp quận trở lên, chỉ huy phó từ cấp tỉnh trở lên, trưởng cuộc cảnh sát cấp xã;

4) Viên chức hành chánh cảnh sát có tư cách hình cảnh lại do sắc lệnh của Thủ Tướng Chính Phủ ban cấp.

5)Sĩ quan hay Tiểu đội trưởng quân cảnh điều tra tư pháp được bổ nhiệm bằng nghị định liên bộ tư pháp và quốc phòng chiếu đề nghị của chỉ huy trưởng quân cảnh.

Ngoại trừ Biện Lý, Phó Biện lý và Dự thẩm, trước khi nhậm chức, hình cảnh lại phải đến toà án viên chức ấy lệ thuộc để tuyên thệ trong một phiên xử công khai: “Tôi thề sẽ tận tâm làm tròn nhiệm vụ sĩ quan cảnh sát tư pháp và bao giờ cũng xử sự một cách xứng đáng và chính trực”.

CÔNG TỔ VIỆN :

Công Tố Viện là cơ quan hành xử công tố quyền và theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng. Mọi sự câu lưu bất cứ một cá nhân nào phải được đặt dưới sự kiểm soát của Công Tố Viện.

Điều 25 Bộ Hình Sự Tố Tụng: Công Tố Viện (tại các Tòa án còn gọi là Biện Lý Cuộc) luôn có đại diện tại các phiên toà, tham dự các cuộc tranh luận, có quyền phát biểu ý kiến và đặt câu hỏi. Mọi phán quyết đều phải được tuyên xử với sự hiện diện của Công Tố Viên (Biện Lý), nếu không sẽ vô hiệu.

Theo điều 26 Bộ Hình Sự Tố Tụng; Trong các kết luận trạng, Công Tố viên phải chấp hành huấn lệnh của thượng cấp như cáo tri của Tổng Trưởng Tư Pháp, lệnh truyền của Viện Chương Lý hay quan điểm của Biện Lý Cuộc. Tuy nhiên, khẩu biện trước Toà, vị Biện Lý được tự do phát biểu theo ý kiến của cá nhân mình nếu thấy ích lợi cho công lý.

Biện Lý Cuộc khi thụ lý một vụ hình thường theo các thủ tục sau:

Thí dụ một vụ dẫn giải từ Sở Cảnh Sát lên Biện Lý Cuộc của Toà Án sơ tại. Hồ sơ và các can phạm phải trình vào Vị Biện Lý phụ trách. Nếu tại các tỉnh thì chỉ đưa lên văn phòng Biện Lý sở tại. Tại tòa án Sơ Thẩm Saigon có một Chánh Biện Lý và nhiều phó Biện Lý và được phân công mỗi vị có trách nhiệm một quận. Văn phòng Biện Lý sẽ cứu xét hồ sơ và giải quyết, có thể xảy ra những trường hợp sau:

-Nếu cuộc điều tra sơ vấn của sở cảnh sát còn thiếu sót, Biện Lý có thể ra lệnh cho cơ quan điều tra sơ vấn đem người và hồ sơ về lại để tiếp tục điều tra và Biện Lý sẽ cho phép kéo dài ngày tạm giam ở cơ quan sơ vấn để hoàn tất cuộc điều tra. Như vậy cơ quan điều tra sơ vấn có quyền tạm giam các can phạm thêm thời gian để hỏi cung theo đúng chỉ thị của Biện Lý Cuộc. Dĩ nhiên là khi tiếp tục hỏi cung đều phải có sự dự kiến của luật sư.

-Thủ tục trực tố: Nếu Biện lý cuộc thấy hồ sơ tại cuộc điều tra sơ vấn tương đối đầy đủ và các can phạm có địa chỉ chắc chắn. Ông Biện Lý sẽ phê “trực tố” có nghĩa là Biện Lý Cuộc đã áp dụng thủ tục trực tố các nghi can:

Cho các nghi can được ra về và chờ trát đòi hầu tòa trong một “phiên xử về trực tố” để nghe Tòa phán xử.

-Thủ tục xét xử quả tang: Nếu Biện Lý Cuộc thấy hồ sơ đã đầy đủ, có thể tuyên bố thủ tục quả tang. Khi Ông Biện Lý phê như vậy, cơ quan điều tra sơ vấn hết trách nhiệm. Các can phạm sẽ được giải giao cho trại giam (nếu ở Saigon sẽ là Trung Tâm Cải Huấn Chí Hoà). Các can phạm sẽ được dẫn tới phiên tòa xử về phạm pháp quả tang. Tại phiên tòa này, thường trước các vụ xử về phạm pháp quả tang, chánh án thường bắt đầu bằng việc “công nhận trát giam” nghĩa là gỡ bỏ một số trát giam mà Biện Lý đã tạm giam từ khi tới Biện Lý Cuộc và tuyên bố cho tại ngoại.

Thí dụ trong một vụ đánh bạc, cả chủ chứa và các con bạc đều bị bắt và bị Biện Lý Cuộc tổng giam khoảng một tuần lễ trước. Nay ra phiên xử về công nhận trát giam, tòa có thể tuyên hủy các trát tạm giam đối với các con bạc và chỉ tiếp tục giam chủ chứa và truyền tất cả đều phải có mặt trong một phiên xử quả tang khác.

-Thủ tục chuyển phòng dự thẩm để thẩm vấn: Nếu phòng Biện Lý gặp một hồ sơ liên quan một tội đại hình (thí dụ một vụ án mạng) bắt buộc phải chuyển hồ sơ qua phòng Dự Thẩm để thẩm vấn. Về khinh tội hoặc vi cảnh tội, Biện Lý có thể yêu cầu phòng Dự Thẩm thẩm vấn có tính cách nhiệm ý.

Quyền hạn của nghi can trong giai đoạn điều tra sơ vấn

Trong giai đoạn điều tra sơ vấn, nghi can bị bắt giữ hoặc bị điều tra phải được cho biết ngay là phạm tội gì và có quyền được luật sư dự kiến.

Trong hạn 48 giờ, cơ quan bắt giữ phải thông báo việc bắt giữ cho một trong những thân nhân kể sau đây: người phối ngẫu, con cháu, cha mẹ, ông bà, anh chị em, theo lời chỉ dẫn của nghi can.

Nếu một trong những người kể trên tự động đến tìm hỏi, cơ quan liên hệ phải cho họ biết lý do bắt giữ.

Điều 40 Bộ Hình Luật Tố Tụng: Trong cuộc chấp cung đầu tiên, nếu nghi can yêu cầu được một hay nhiều Luật sư dự kiến, cơ quan điều tra phải báo thị bằng mọi cách, kể cả bằng điện thoại cho luật sư biết trước hai (2) giờ để đến dự kiến; quá hạn này cuộc điều tra bắt đầu, dầu có luật sư hay không.

Bồi thường thiệt hại cho người bị tạm giam oan ức.

Đây là một ưu điểm trong Bộ Hình Sự Tố Tụng, chúng tôi xin sơ lược điều 152, 153 và 154: Bị can được tha bổng hoặc miễn tố sau một thời gian bị giam cầm oan ức đã gây thiệt hại trầm trọng quá đáng cho đương sự, người này có thể đứng nguyên đơn để xin bồi thường. Tố quyền xin bồi thường thiệt hại dự liệu trong điều luật trên phải được sử dụng trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày phán quyết miễn tố hoặc tha bổng trở thành nhất định.

Nguyên đơn sẽ trực tố ra trước tòa tiểu hình nơi vụ án được khởi đầu thụ lý. Hồ sơ hình sự kết thúc bằng phán quyết nhất định nêu trên sẽ được chuyển đến tòa tiểu hình để thông tri cho các đương sự. Cuộc tranh luận sẽ diễn ra trong phòng thẩm nghị.

Án văn sẽ tuyên tại phiên xử công khai. Sự kháng tố, nếu có, và sự kháng cáo phải làm trong thời hạn thông thường về việc tiểu hình.

Bồi khoản dự liệu nơi các điều luật này sẽ do ngân sách quốc gia đài thọ. Lâm thời, để thu hoàn, món tiền này, quốc gia được dành quyền khởi tố kẻ vu cáo hoặc kẻ chứng gian mà quả thật đã gây ra sự tạm giam hoặc tiếp tục tạm giam. Bồi khoản này sẽ được thanh toán như lệ phí hình sự./.

LS NGÔ VĂN TIỆP

VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ TRONG VIỆC XỬ ÁN



LS HỒ TRI CHÂU

Nguyên Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn Sài Gòn

Diễn tiến của tư tưởng tài phán khởi điểm bằng sự nhận xét các sự kiện vật chất và cá nhân của trường hợp, sau đó tiếp đến sự tìm kiếm luật lệ để áp dụng, khi có đủ các yếu tố nói trên, vị thẩm phán sẽ tổng hợp các yếu tố này để đi đến quyết định tư pháp.

Trong việc làm này như đã phân tích, vị thẩm phán phải dung hòa luật lệ trừu tượng với trường hợp cá nhân, đem lại quân bình giữa tình và lý mới thực hiện được một quyết định đúng theo lẽ công .

Thẩm phán trong việc xét xử sẽ thực hiện một động tác mà triết học mệnh danh là Biện Chứng Pháp (la dialectique) .

Biện Chứng Pháp theo kiểu của triết gia Hegel thì có sự chuyển từ đề (thèse) qua phản đề (antithèse) tới hợp đề (synthèse) .

Trong hợp đề có thể có sự liên kết những sự mâu thuẫn với nhau .

Nếu ta chấp nhận rằng động tác tài phán là một sự biện chứng pháp theo kiểu (Hegel dialectique hegelienne) thì trong động tác này :

1- Công Tố Viện có trách vụ trình chính đề tức là nhân danh xã hội yêu cầu thẩm phán áp dụng luật lệ trừu tượng bằng cách trình bày những bằng cứ buộc tội can phạm .

2- Luật sư là người có trách vụ trình bày phản đề (antithèse) tức là phô diễn những lý lẽ ngược lại để bênh vực trường hợp cá nhân của can phạm .

3- Vị thẩm phán với tư cách là trọng tài hợp nhứt hai luận đề mâu thuẫn để đi đến một sự dung hòa lý và tình .



Qua sự trình bày kể trên người ta có thể nhận định vai trò kỹ thuật của người luật sư trong tiến trình của một vụ án .

Để chứng minh mạnh mẽ hơn sự cần thiết của vai trò người luật sư trong công việc xử người, tôi xin mạn phép nhắc lại diễn trình lịch sử của công việc thiết lập qui chế nghề luật sư .

Như tôi đã nói nghề luật sư đã được qui định hợp pháp bởi dân tộc có đầu óc pháp lý thuần túy từ cổ tới kim này là dân tộc La Mã .

Nhưng công trạng thật sự của nhà lập pháp La Mã không phải ở trong việc sáng tạo nghề luật sư mà trong công việc nhận thức được trước hết sự ích lợi của nghề này đối với công việc xử án .

Khảo xét lại lịch sử của công việc xử án từ xưa tới nay và từ Đông sang Tây thì người ta phải công nhận rằng dù dưới hệ thống tư pháp gồm tất cả mọi quyền hạn trong một bàn tay duy nhất của một vị thẩm phán thì mỗi khi có vụ xử án là có sự hoạt động của những người hành nghề biện hộ tuy rằng không được hợp thức hóa .

Ở cổ Hy Lạp dưới thời kỳ văn minh sáng lạng nhất của dân tộc này thì nghề biện hộ không hợp thức đã được thực hành bởi những bài cãi theo tiếng Hy Lạp gọi là “logographes”

Nhưng theo tôi, ví dụ điển hình nhứt để chứng minh sự cần thiết của nghề luật sư là sự thực hành nghề biện hộ không hợp thức dưới chế độ quân chủ ở nước Việt Nam ta .

Ấy là nghề luật sư dưới danh từ nôm na là nghề “thầy kiện” dưới trào quan lại đời xưa .

Nghề này đã được đề cập và miêu tả trong bộ truyện ngụ ngôn cổ văn của chúng ta mệnh



danh là “Trê Cóc”

Danh từ “thầy kiện” mới nghe có ý nghĩa không hay cho nghề này, nhưng đọc lại bộ truyện “Trê Cóc” chúng ta không khỏi ngạc nhiên nhận thấy tác giả đã không nói xấu nghề biện hộ mà còn có ý tâng bốc nghề “thầy kiện” là khác nữa .

Truyện “Trê Cóc” mượn những con thú để đạo diễn một tấn tuồng đi kiện trước cửa công xảy ra dưới sự cai trị của quan lại đời nhà Trần.

Áng văn này có thể làm tài liệu cho luật gia khảo cổ về pháp luật thời xưa ở nước ta.

Trong khuôn khổ của sự khảo luận về nghề luật sư, tôi sẽ quan tâm đến các vai đạo diễn nghề “thầy kiện” mà thôi.

Nội dung câu chuyện có thể tóm tắt như sau:

Con Cóc theo luật thiên nhiên của Tạo Hoá tuy ở trên cạn nhưng lại sanh đẻ ở trong nước dưới ao. Trúng nở ra không phải cóc con ngay mà là nòng nọc, ở dưới nước cá Trê , không con thấy nòng nọc giống mình, thừa lúc Cóc đi vắng dẫn cả đàn về nuôi làm con.

Được ít lâu, Cóc ra bờ ao tìm con mãi không thấy, nên cố tâm tìm tận chỗ Trê ở, Trê lội ra chười Cóc đi và chười mắng thậm tệ .

Cóc trở về bàn với chồng làm đơn kiện Trê.

Phủ đường thấy là khó xử vì Cóc ở trên cạn mà sai lại có con dưới nước .

Nhưng mặt khác nếu Cóc không mất con sao lại đi thưa .

Không xử ngay được, quan phủ giam Trê lại để hậu cứu .

Chồng bị giam, vợ Trê ở nhà chạy thầy cúng thầy cai để cứu chồng .

Trê do người điếm chỉ kiếm được Lý Ngạnh là một tên đại ác xưa nay có đủ mưu mô để chạy việc .

Nhờ Lý Ngạnh dứt lót mà quan phủ cho điều tra và do phúc trình của thợ lại thì chính nòng nọc là con của Trê.

Quan phủ dạy thả Trê ra và giam Cóc lại vì đơn kiện sai ngoa.

Đến phiên vợ Cóc ở nhà đi tìm thầy kiện để gỡ tội cho chồng .

Cũng nhờ người điếm chỉ mà Cóc tìm gặp Nhái Bén là “ tay thầy kiện trứ danh”

Nhái Bén quả là một tay thầy kiện đại tài.

Nhờ thấu hiểu luật lệ thiên nhiên của Tạo Hoá và cũng hiểu luật tâm lý loài người, nên sau khi nghe đầu đuôi câu chuyện của vợ Cóc, Nhái Bén lanh trí giải quyết một cách chánh xác nội vụ như sau:

Phải chờ nòng nọc đứt đuôi, nó sẽ lên trên khô, lúc ấy vợ Cóc dẫn bầy con ra trình trước quan phủ mà xin Cóc về .

Có muốn thì lúc ấy mới làm đơn kiện lại Trê .

Vợ Cóc nghe lời chỉ giáo đầy khôn ngoan của thầy kiện Nhái Bén thì quả thật thắng được vụ kiện trên mọi phương diện .

Trong bộ truyện nói trên dưới khía cạnh nghề luật sư, chúng ta chỉ lưu ý đến hai nhân vật Lý Ngạnh, Nhái Bén .

Người ta nhận thấy rõ Lý Ngạnh là một người thầy kiện xấu dùng sự chạy việc để hại người ngay.

Trái lại, Nhái Bén là một thầy kiện đại tài và rất tốt .

Nhái Bén theo câu chuyện ngụ ngôn đã hành nghề đúng theo qui tắc thông thường của người ngay thẳng không xúi giục thân chủ kiện tụng bậy bạ và đã khuyên bảo thân chủ hành động khôn ngoan và có hiệu quả .

Luân lý của cuốn truyện dưới khía cạnh nghề thầy kiện là nếu không có sự khuyên bảo khôn ngoan của Nhái Bén, thì Cóc sẽ bị giam cầm oan uổng.

Mặc dù không biểu lộ quan niệm minh thị nhưng tác giả cuốn truyện đã cho thấy rõ ý hướng của tác giả là tác dụng của nghề luật sư không phải là vô ích trong việc xử kiện.

Một bằng chứng khác về sự hữu ích của nghề luật sư có thể lấy trong bản án nàng Kiều của Truyện Thuý Kiều đã được nài ra ở đây .

Bản án đã xảy ra như sau:

Thuý Kiều được Thúc Sinh chuộc về làm bé, thuê nhà cho ở. Thúc Ông hay được việc này đã rầy con, buộc phải bỏ Thuý Kiều.

Thúc Sinh vì say mê Thuý Kiều nên đã cưỡng lại lệnh cha.

Thúc Ông tức giận vô đơn kiện trước quan phủ .

Nội vụ được phủ đường xem xét xử ở công đường.

Sau khi nghe lời khiếu nại của Thúc Ông thì quan phủ đã quyết định buộc Thuý Kiều phải bị gia hình hay là trở về lầu xanh.

Kiều chịu gia hình mà không chịu trở về lầu xanh.

Vì vậy mà quan phủ “dạy rằng” cứ phép gia hình .

Thúc Sinh thấy Kiều bị đánh đau đớn chịu không nổi nên vừa khóc vừa than.

Pủ đường nghe lời than nên động lòng hỏi đầu đuôi câu chuyện của Thuý Kiều .

Nhờ đó, Thúc Sinh kể hết tự sự cho quan phủ nghe.

Quan phủ này là một vị quan công minh, đúng như quan niệm “phụ mẫu chi dân” đời xưa.

Thúc Sinh được nước còn gia tăng biện hộ cho Kiều bằng cách trình cho quan phủ biết tài năng của Kiều .

Pủ đường nghe nói cho thử tài của Kiều.

Và sau đó, phải công nhận rằng:

“Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân”

Kết quả là một bản án tha bổng Kiều và cho Kiều về sum họp với Thúc Sinh.

Trong vụ án trên đây Thúc Sinh quả thật là một luật sư ngẫu nhiên biện hộ cho Thuý Kiều.

Không có sự biện hộ ngẫu nhiên của Thúc Sinh, Thuý Kiều đâu có được tha, vị quan phủ làm sao biết được nổi tình cá nhân của trường hợp Thuý Kiều .

Cụ Nguyễn Du theo tôi cũng đã mặc nhiên nhìn sự lợi ích của việc biện hộ cho bị can bởi một đệ tam nhân với tư cách luật sư .

Hai ví dụ nói trên đã chứng minh một cách cụ thể rằng là dù dưới một hệ thống tư pháp không chấp nhận chánh thức sự biện hộ bởi luật sư cho bị can đi nữa thì sự tất của việc điều hành công lý đã bắt buộc tác dụng thực tại của “nghề luật sư thực tế”

Do đó, mà tôi kết luận rằng sự sáng suốt của nhà lập pháp La Mã, một dân tộc được nhiều thiên phú nhất trên thế giới về luật pháp là đã thấy được trước hết sự hữu ích của nghề luật sư , nên đã từ lâu hợp pháp nghề này trong guồng máy tư pháp .

Tôi nghĩ rằng tôi đã chứng minh đầy đủ về vấn đề hữu ích của nghề luật sư ./.

LS HỒ TRI CHÂU

CẢI CỘ TUỔI GIÀ



Vì đâu đến tuổi về già ,
Lại hay cãi cọ hơn là trẻ măng ?
Vì chồng cáu gắt, lẳng nhăng ,
Vợ nay đổi tính cần nhân chẳng tha .
Sao không nghĩ đến tuổi già ,
Sống bao lâu nữa để mà cãi nhau ?!
Người đi, kẻ ở lại sau ,
Lòng ân hận đã ...xa nhau mất rồi !
Thương nhau chín bỏ làm mười ,
Phù du cõi tạm, đời người chóng qua !
Trần gian là cõi Ta Bà ,
Khen chê, thành bại cũng là số không !
Hãy luôn mở rộng tấm lòng ,
Lắng nghe, thấu hiểu, cảm thông vui đầy .
Tuổi già sống thác tính ngày ,
Hãy luôn trân quý, tỏ bày tình thương .
Cuộc đời biến đổi khôn lường ,
Nay còn, mai mất như sương đầu cành

Như đèn trước gió mong manh ,
Cốt sao giữ được an lành trong tâm .
Dù cho thương tổn, hiểu lầm ,
Vẫn luôn tha thứ chẳng cần so đo .
Dù nhau đi hết chuyến đò ,
An nhiên, tự tại chẳng lo nghĩ gì .
Bớt tham dục, bớt sân si,
Nương nhờ Phật pháp từ bi đạo vàng ,
Tâm hồn thanh thoát thênh thang .
Yêu thương hết cả thế gian muôn loài

San Jose , Ngày 24-4- 2024

LS . PHẠM NGỌC ANH

ĐẤU TỔ VÀ HÌNH PHẠT TRONG CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

**mà Hồ Chí Minh thi hành vào
đầu thập niên 1950 tại Bắc Việt.**



GS NGUYỄN VĂN CANH
Bài phát biểu ngày 17 tháng 8, 24

Thưa các anh chị.

Tôi được quý anh em trong Ban Tổ Chức yêu cầu nói về a). Trường hợp đấu tố điển hình, và b). Chế độ hình phạt được áp dụng trong Cải Cách Ruộng Đất.

Tôi đặt tiêu đề cho buổi nói chuyện này là:

CÔNG LÝ NHÂN DÂN TRONG CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT Ở BẮC VIỆT.

Trong dân chúng, khi nói tới “đấu tố” trong Cải Cách Ruộng Đất mà Hồ chí Minh cho thực hiện vào đầu thập niên 1950 tại Bắc Việt, người ta gọi đây là một phiên tòa- tòa án nhân dân, mà Việt cộng dựng lên để xét xử “địa chủ” ở nông thôn. Cuộc Đấu tố này được sắp xếp và diễn ra hay hoạt động dưới danh nghĩa một tòa án mà các quốc gia dân chủ áp dụng. Nó có nhiều nét đặc thù bắt nguồn từ ý thức hệ Công sản Chủ Nghĩa, nên gọi đó là **công lý nhân dân**, mà Cộng Sản Việt nam áp dụng trong giai đoạn này.

Ý niệm căn bản nằm trong CCRĐ.



a). CCRĐ là một **công cụ** hay nói theo Lênin là vũ khí đấu tranh đạt mục tiêu của Cộng Sản, là tận diệt kẻ thù của nông dân vô sản. Đó là giới địa chủ (1); Họ là Giai Cấp Thống Trị ở nông thôn. Loại chúng ra khỏi xã hội, để thay thế vào đó bằng giai cấp thống trị mới, là giai cấp vô sản;

b). Tịch thu toàn bộ tài sản của giai cấp này và chia ngay cho giới nông dân, để đạt cái mà người ta gọi là “công bằng của xã hội chủ nghĩa.”

CCRĐ được thực hiện bằng **bạo lực của nền chuyên chính vô sản mà Đấu Tố là biểu tượng.**

Ta xét 2 vấn đề: Đấu Tố trong CCRĐ và Hình Phạt

I. CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT: ĐẤU TỔ.

Để trấn áp, bóc lột giai cấp vô sản, giới thống trị cũ thiết lập ra guồng máy kìm kẹp, gồm cơ quan hành chánh, quân đội, cảnh sát, tòa án, nhà tù, cần phải có cuộc cách mạng vô sản, loại bỏ giai cấp này.

Tại nông thôn, giới thống trị này là địa chủ gian ác, bóc lột. Chương trình Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ) được thiết lập để tiêu diệt giới này và “Đấu Tố hay Tòa Án Nhân Dân” là phương thức thực hiện chủ trương ấy.

Tổ Chức của cơ quan CCRĐ.



Tổ Chức và Nhân sự: Ở Trung Ương, có một bộ phận đầu não điều khiển. Đứng đầu chỉ đạo là Trường Chinh, Bí Thư Thứ Nhất Đảng lúc đó gọi là Lao Động. Người trực tiếp điều khiển mọi công tác là Hồ viết Thắng (2). Phụ trách công tác Tuyên Truyền là Tố Hữu.

Xuống dưới là cấp tỉnh, có **Đoàn CCRĐ**. Ở mỗi tỉnh 10 Đoàn. Mỗi Đoàn gồm hơn 100 người, được chia ra làm nhiều **Đội CCRĐ**. Mỗi **Đội** có 6 hay 7 người. **Đội là đơn vị** căn bản và được cử về Làng (xã) để thực hiện CCRĐ.

Về mặt tổ chức, CCRĐ là một bộ phận riêng biệt trong chính quyền, được ban cấp quyền hành vô cùng rộng rãi, cao hơn các cơ quan khác, kể cả Đảng Ủy.

Về hệ thống chỉ huy, các Đoàn nhận lệnh trực tiếp từ Cơ Quan điều khiển Trung Ương, không qua Cơ Quan Hành Chánh Trung Ương, và cũng không qua hệ thống Đảng. Đoàn chỉ huy trực tiếp các **Đội**.

Các đội viên là thành phần quan trọng trong chiến dịch này. Họ là những người được tuyển chọn trong số các thành phần "cốt cán" thuộc giai cấp "bần và cố nông"- những nông dân nghèo nhất trong làng. Họ đã là đảng viên, đã từng chiến đấu trong quân đội. Trong các cuộc CCRĐ ở giai đoạn kế, con số đội viên cần nhiều hơn, thì sau mỗi đợt, có một số thành phần cốt cán bần cố nông khác được "bồi dưỡng" để trở thành đội viên cho các đợt sau. Như vậy, Cộng sản mới có đủ con số đội viên để thực hiện công tác trên toàn lãnh thổ.

Mỗi Đoàn có một Đoàn Trường. Đoàn Trường thường là một Tỉnh Ủy Viên trong hệ thống Đảng.

Đội Trường là một nông dân cốt cán, đã từng có kinh nghiệm tham gia nhiều đợt CCRĐ từ trước.

Bên cạnh **Đội**, có các đơn vị võ trang đi theo để duy trì trật tự, và nhất là để uy hiếp tinh thần nông dân. Các đơn vị này là du kích địa phương, được đặt dưới quyền chỉ huy của **Đội Trường**.

Ngoài ra, chi bộ Đảng Cộng Sản địa phương là tổ chức yểm trợ **Đội** mọi phương diện để thực thi công tác CCRĐ như chuẩn bị đấu trường, xây dựng sân khấu cho Tòa ngòi xử án, cờ quạt, biểu ngữ, kèn trống, huy động (bắt buộc) nông dân đến tham dự cho đông (chứng kiến) như một ngày hội....., gồm có cung cấp tin tức và tài liệu cần thiết để **Đội** quyết định.

Hoạt động của **Đội CCRĐ .**

A. CCRĐ đã phát động 5 đợt vận động quần chúng qua 4 giai đoạn như sau:

1). Các thành phần ưu tú của giới bần cố nông được huấn luyện để **giải thích chính sách của Đảng trong quần chúng.** Đây cũng là công việc bắt đầu củng cố các tổ chức chính trị ở nông thôn.

2). **Xác định thành phần gia cấp:** Phải định ranh giới giữa bần (giai cấp bần cố nông) và thù (giai cấp địa chủ)

3). Nông dân thiết lập **bản kê khai đầy đủ chi tiết về ruộng đất của mỗi địa chủ.** Căn cứ vào đó, Ban CCRĐ quyết định tịch thu, trưng thu, hay truất hữu có bồi thường chiếu theo luật CCRĐ. Rồi chia ruộng đất cho nông dân.

4). **Đoàn ngũ hóa** các nông dân thành các tổ chức khác nhau.

B. Các Hoạt động của **Đội tại làng/xã:**

Trước khi công khai phát động, **Đội** được học tập các chỉ thị của Trung Ương. Sau khi thấu triệt, **Đội** được chỉ định thi hành nhiệm vụ tại các làng xã.

1). **Điều tra:** Sau khi về làng xã, một mặt **Đội** phát động chiến dịch, nêu khẩu hiệu " Phóng Tay phát động quần chúng cải cách ruộng đất." Mặt khác, **Đội** bí mật điều tra, thu lượm các **tài liệu về các địa chủ, và gia đình, vợ con, lý lịch 3 đời trở lên,** mối quan hệ

với các người khác, lập trường chính trị, các đoàn thể của đương sự, qua các Chi Ủy Xã và Ủy Ban Hành Chánh Xã. Thí dụ như tin tức từng địa chủ, giàu có tới mức nào, của chìm của nổi, gia cảnh các địa chủ, các hoạt động của mỗi người để **Đội xếp đối tượng thuộc thành phần nào**: địa chủ có nợ máu với nhân dân (ví dụ trước kia có dính líu đến một tai nạn một nông dân bị chết hay bị thương kể cả bị a ra), hay địa chủ cường hào ác bá, nếu địa chủ nắm một chức quyền trong xã như Tiên Chỉ, Lý Trường, Phó Lý, Trương Tuần.... bắt nông dân chấp hành đóng góp thuế cho chính phủ theo luật định như thuế thân, hoặc đánh đập nông dân...hay địa chủ bóc lột là người có ruộng đất cho nông dân thuê mướn và phải trả tô suất cho chủ điền, hay địa chủ phản động, là những người tham gia các phong trào chống thực dân Pháp, như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt..., và chống Cộng. Căn cứ vào các kiện này, **Đội quyết định hình phạt và phương pháp thi hành án phạt**. Thí dụ tử hình hay khổ sai đưa đi biệt xứ là buộc lập nghiệp, cư trú vĩnh viễn trên vùng rừng núi.. Và tùy "tội trạng", thì hình phạt nếu là tử hình, thì thực thi như thế nào: chôn sống hay trói nạn nhân vào một cái cọc, cho du kích bắn rồi đẩy nạn nhân xuống hố đã đào sẵn ngay bên cạnh, hay chôn sống toàn thể thân xác hay chỉ chôn phần dưới thân thể ngoại trừ đầu của nạn nhân, rồi cho trâu kéo chiếc bừa ngang qua để tách đầu khỏi thân thể của nạn nhân.....

Đội cũng được Chi Ủy địa phương cung cấp tin tức về tình hình nông dân, nhất là các bần nông và cố nông để Đội lựa chọn, rồi "vận động" họ để tham dự vào công tác đấu tố sau này.

2). Bắt Rể. Rể là người sẽ đứng ra đấu tố. Bắt (Rể) là tuyển chọn. Có một số tiêu chuẩn để tuyển lựa các người đứng ra "đấu tố" địa chủ nạn nhân. Ưu tiên nhất là thân nhân ruột thịt như vợ, con, cháu của họ, nếu thấy có các mâu thuẫn gia đình. Kế đó là những nông dân đã có những mối quan hệ với địa chủ, như làm công, ở đợ hay nhờ vả như được giúp đỡ lúa gạo lúc bị thiếu thốn...

Khi Đội đã có đầy đủ chi tiết của một số

đối tượng và quyết định tuyển lựa họ để thực hiện công tác đấu tố. Đội lúc này làm các công việc gọi là "Bắt Rể". Bắt Rể là công tác tiếp xúc, móc nối với nông dân đối tượng để "giác ngộ" họ để sau này chính thức "tố cáo" tội ác của "địa chủ phạm nhân" trong một "phiên xử án" công khai. Công tác "Bắt Rể" được Đội thực hiện đối với nhiều người và tất cả "Rể" sẽ hợp thành một "Chuỗi Rể" cho phiên xử của Tòa Án Nhân Dân.

Nếu so với định chế tư pháp trong Thủ Tục Tố Tụng của nền dân chủ Tây phương, thì các "rể" này là các "nhân chứng" cung khai các "tội phạm" mà chính họ là nạn nhân hay chứng kiến trực tiếp khi các bị cáo thực hiện các hành vi phạm pháp trong các phiên xử của Tòa Án.

Sau khi công tác "bắt rể" hoàn tất, các Đội viên bắt đầu "**vận động**" để "**các rể**" trở thành các "**khổ chủ**", nghĩa biến đổi một nông dân chất phác trở thành một "nhân chứng" tố cáo "tội ác" của địa chủ nạn nhân trong một phiên xử công khai. Đây là một tiến trình hoạt động gian nan, cực khổ. Đội viên **áp dụng phương pháp "Tam Cùng"**: cùng ăn, cùng ở, cùng làm với "rể." Một mặt để tìm hiểu đối tượng và mặt khác từ đó kích động để người này thay đổi tư duy (nếu không nói là trở thành điển) về cách đối xử với giai cấp địa chủ. Chủ điểm trong công tác "xây dựng" rể là: "Ôn nghèo kể khổ" mô tả một cảnh tượng nghèo túng, thiếu ăn, thiếu mặc, cảnh "đàn áp, bóc lột...." do địa chủ gây ra cho nông dân nghèo. Chủ đề này được nhắc đi nhắc lại mãi trong thời gian "tam cùng", cho đến khi làm cho rể tin rằng đó là sự thật. Đó là động lực để gây cảm thù với giai cấp địa chủ. Công việc tiếp tục như vậy cho đến khi đội viên thấy rằng tình thế đã chín mùi, nghĩa là "rể" cảm thấy có lý khi kể ra những thống khổ ấy là do địa chủ gây ra. Một khi bần cố nông đã quen với kể khổ, và kể khổ rất nhiều, thì những khổ cực ấy không còn dựa trên sự thực nữa.

Đến giai đoạn này, đội viên sẽ **dạy họ cách ăn nói và thực tập cách tố cáo**. Đội viên dạy họ tả chân, với các "chứng tích cụ thể" để làm "bằng cứ" gây xúc động quần chúng tham dự phiên tòa. Thí dụ rể có một vết sẹo cũ ở

chân vì bị ngã lúc còn bé, sẽ dơ cao lên, nói rằng đây là dấu tích của một trận đòn, hay một vết chém do địa chủ “ác ôn” gây ra; hoặc là mắt bị lem nhem, mù lòa vì đau mắt hột hay lông quặm, sẽ nói là địa chủ bóc lột bắt thức khuya dậy sớm chăn heo, nuôi gà không cho ngủ nên sinh ra nông nổi ấy, hoặc nếu là một bà già đã rụng hết tóc vì già hay bệnh hoạn, thì nói là bị địa chủ đánh đập, nắm kéo tóc, nếu là con gái, thì nói là bị địa chủ hiếp dâm nhiều lần..

Các rế này phải đạt tiêu chuẩn, nghĩa là kể được càng nhiều càng tốt.

Các công việc “giác ngộ” này được thực hiện một **cách bí mật**.

Nếu không đạt được mục đích, thì đội viên ấy, gặp phải một “rế thối.”

Rế thối có nhiều nguyên nhân khác nhau: cũng có thể, bản cố nông đó là một người có thần kinh bất bình thường, ăn nói bất nhất; có thể người đó khăng khăng không chịu áp lực của Cộng sản để làm việc tố cáo không đúng sự thực, cũng có thể là người ấy thấy rằng việc tố cáo như thế là vu cáo, không hợp đạo lý, nên từ chối, cũng đã có trường hợp xảy ra ngay khi một rế được gọi ra để tố cáo trong phiên xử, trước sự hiện diện của dân làng bị “vận động” ra chứng kiến vụ xử án, cũng có người ôm lấy địa chủ và khóc, vì trước đó đã làm ơn cho họ.

Đây là một trường hợp khổ chủ không chịu thi hành chính sách đấu tố:

“ Nguyễn văn Thát, người xã Hưng Đạo, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, mồ côi cha mẹ, được ông Hồ văn Long, một địa chủ lớn trong xã, đem về nuôi cho ăn học, đậu bằng tiểu học. Khi khôn lớn, Thát được ông địa chủ này cưới vợ cho, và cấp cho của cải, ruộng đất. Thát tham gia kháng chiến, hoạt động tại địa phương. Anh được vào Đảng. Đến khi thi hành chính sách CCRĐ, Đội bắt rế với Thát, bồi dưỡng Thát để bắt anh ta đấu tố ông Long. Vì công lao dưỡng dục, Thát thấy không thể đấu tố ông Long được, Anh ta nói trước Tòa: “Tôi không thể đấu tố một người đã nuôi dưỡng tôi, thay cha mẹ tôi được.” Vì thế, anh ta bị kết tội “còn liên quan với địa chủ.” Cuối cùng uất quá, đứng trước Tòa, Thát tuyên bố ly khai khỏi

Đảng. Tòa lập tức đình phiên đấu tố ông Long, quay ra xử Thát, và tuyên án phạt sáu năm tù ở.” (3)

Khi việc huấn luyện rế bằng phương pháp Tam Cùng đã hoàn tất, thì lúc đó địa chủ nạn nhân đã bị bắt giam và gia đình đã bị “cô lập” rồi, nghĩa là dân trong làng đã bị cấm, cũng như tự ý không dám liên lạc, giao thiệp hay lui tới viếng thăm vì sợ bị qui tội liên lụy. Mọi sinh hoạt làm ăn, buôn bán với địa chủ đều bị cắt đứt. Nói đúng ra, là cả gia đình địa chủ đã bị bao vây.

Bầu không khí trong làng lúc này đã căng thẳng do hậu quả của chính sách khủng bố đã áp dụng suốt trong thời gian kể từ khi bắt đầu chống Pháp. Dân làng trở thành ngoan ngoãn, để bảo, nhất là các thành phần nông dân có ít ruộng đất hơn địa chủ mà Cộng sản xếp vào loại Phú Nông và Trung Nông. Họ đã nghe thấy tin đồn về số phận nông dân ở các nơi khác và đang chứng kiến số phận địa chủ trong làng mình. Vì thế, nếu họ bị gọi đi họp về CCRĐ, thì họ đi ngay. Bảo họ khóc, thì khóc. Bảo gì, làm nấy, vì ai cũng sợ bị “kích” lên thành địa chủ.

Sau khi hoàn tất công tác “xây dựng” chuỗi Rế cùng với công tác tuyên truyền trong quần chúng (làng), Hồ chuyển sang Đấu Tố.

3). Đấu Tố Thực Tập trước Đại Hội Toàn Dân.

Sau khi công tác huấn luyện các rế đã hoàn tất, nghĩa là chắc chắn họ là các “nhân chứng ấy” thành thạo tố cáo “tội ác” của địa chủ trước tòa, công việc “thao rượt” các rế bắt đầu để cho phiên tòa xét xử công khai về sau cho trôi chảy, chu đáo, Đội tổ chức một Đại Hội Toàn Dân, nhưng chỉ gồm bản, cổ và trung nông trong làng được dự để học tập về đấu tố. Đại Hội được họp trong nhiều đêm liền. Mỗi đêm có một rế chính lên kể khổ, kể tội một địa chủ với sự phụ họa của một vài rế phụ. Đại Hội được mệnh danh là buổi học “ôn nghèo kể khổ mà mục đích gây căm thù của quần chúng nông dân chống lại địa chủ gian ác, bóc lột. Ngoài ra, còn gây ra một ảo tưởng cho nông dân thấy rằng dưới chế độ hiện hữu, đời sống nông dân tốt đẹp hơn dưới thời thực dân phong kiến.

Khi các rế đã thành thạo trong vai trò

của mình và khi quần chúng nông dân đã tỏ ra xúc động thực sự và căm thù về những khổ sở do địa chủ gây ra cho giới bần nông và cố nông, thì đây là lúc đưa địa chủ ra trình diện để thực tập đấu tố.

Để cho cuộc đấu tố được sôi động, Đội cho chiếu một cuốn phim để cho toàn thể nông dân tham dự xem. Cuốn phim có tựa đề là Bạch Mao Nữ. Phim tả một cô gái đi ở cho một địa chủ. Cô này bị hành hạ, áp bức, hiếp dâm..Cuối cùng cô phải lên núi trốn. Phải đợi cho đến khi Đội CCRĐ về làng, Cô mới dám về nhà. Lúc này, tóc cô đã bạc trắng. Các cảnh hành hạ, áp bức đã man dã tác động mạnh về tâm lý mọi người. Họ xúc động, khóc sụt mướt và căm thù tên địa chủ trong phim.

Phim vừa chiếu xong, thì cuộc đấu tố bắt đầu. Các rế phụ được đưa ra trình diện trước nông dân và bắt đầu kể khổ. Lập tức, khí thế sất máu bừng bừng nổi dậy theo tiếng khóc, tiếng kể lẽ của các rế. Khí thế này luôn luôn được nung nấu thêm bởi không khí nóng nực, đầy khích động qua những tiếng hô khẩu hiệu: "Đả đảo địa chủ cường hào gian ác..."

Kế đó là việc thi đua ký tên vào bản kiến nghị yêu cầu xử tử hoặc kết án tù tên địa chủ cường hào nạn nhân. Thư ký Đại Hội lập Biên Bản ghi quyết nghị của toàn thể Đại Hội, lập báo cáo lên Đoàn CCRĐ để xin quyết định của Trung Ương.

Vài ngày sau, Đoàn gửi công văn xuống, chỉ thị rằng Trung Ương đã đồng ý với bản án mà toàn dân đã đồng lòng đưa ra.

Căn cứ vào quyết định này trong phiên xử chính thức kế đó Tòa Án chỉ việc tuyên bản án đối với nạn nhân.

Trong suốt thời gian thực tập đấu tố này, có những hoạt động hỗ trợ, như Đoàn Thiếu Nhi trong làng liên tục "biểu dương" lực lượng bằng cách tuần hành, thổi kèn, đánh trống, hò hét hô khẩu hiệu diệt trừ địa chủ. Những việc ồn ào này làm tăng thêm tác động tâm lý, làm cho không khí đã căng thẳng lại căng thẳng thêm; đôi khi trở thành ghê rợn, đầy đe dọa. Các đoàn thiếu nhi này có khi vào nhà các nông dân thúc dục họ hăng hái tham gia vào việc đấu tố địa chủ.

Tóm lại, công tác đấu tố thực tập này được tổ chức lồng trong Đại Hội Toàn Dân để cho nhóm Nông Dân này có cảm tưởng rằng đây là chế độ dân chủ, và họ là dân và có quyền quyết định số phận địa chủ. Thành quả công tác này làm căn bản cho công tác đấu tố chính thức tiếp theo được thực hiện trong một phiên xử án của Tòa Án Nhân Dân.

C. Tòa Án Nhân Dân: Đấu Tố.

1). Tổng Quát và Diễn tiến Phiên xử án:

Phiên xử của Tòa Án Nhân Dân được tổ chức như một ngày Hội của Toàn Thể dân làng. Thường được tổ chức trên sân Đình làng hay trên một bãi đất trống, được bố trí giống như một đấu trường. Có cờ quạt biểu ngữ treo chung quanh. Ở giữa có dựng một sân khấu cho Hội đồng Thẩm phán xét xử ngồi. Chiêng trống khua vang cả vùng trời.

Đội viên CCRĐ là chánh thẩm và một nông dân là thẩm phán, ngồi trước một bàn. Có một thư ký. Có một người đọc "cáo trạng", có nhiều "khích động viên" đứng rải rác quanh đấu trường, không có luật sư, có nhiều "nhân chứng" và những người này, trước đó đã là các "rế" đã được Đội "bồi dưỡng" thuần thực vai trò đấu tố của mình, cũng đã được thực tập ngay trước khi có phiên xử của Tòa án. Nay trước phiên tòa các "rế" được gọi là "**khổ chủ**", nạn nhân bị địa chủ đàn áp, hành hạ, bóc lột. Bên ngoài các khổ chủ được gọi ra là "nhân chứng" để "cung khai" các "hành động" của địa chủ đối với họ. Thực tế, **các khổ chủ là những người đến để đấu tố địa chủ nạn nhân**. Các khổ chủ được ngồi rải rác trong số dân làng.

Toàn thể dân làng được vận động, hay đứng hơn là bị buộc phải đến tham dự. Họ được chỉ định vào chỗ ngồi xung quanh khán đài, tùy theo nhóm, hội đoàn. Gia đình địa chủ như vợ, con được dẫn đến dự để chứng kiến, và thường được ngồi riêng ở một khu.

Ở giữa sân, có vẽ một vạch vôi trắng làm "vành móng ngựa" dành cho bị cáo, khi được đưa đến để xử án.

Sau khi phiên xử bắt đầu, chánh thẩm cho gọi bị can ra trình diện. Bị can bị trói do du kích đeo súng dẫn ra, và bắt quỳ xuống trước

vành móng ngựa, phải cúi đầu xuống.

Giống như mọi phiên xử khác, Tòa cho đọc bản cáo trạng, rồi hỏi cung. Các câu hỏi của chánh án và trả lời của địa chủ và mọi sự việc sẽ xảy ra y như đã được thực tập trước đó.

Đội hỏi bị can: “Ruộng đất, trâu bò, có bao nhiêu? Do ai làm chủ?... Bị can đã được học tập trước, và trả lời: “Thưa Đội, thưa Ông Bà Nông Dân: Ruộng đất đó là do sự bóc lột của tôi đối với Ông Bà Nông Dân mà có, không phải do bản thân tôi làm ra...”

Sau đó, Đội tuyên bố: “Nông dân ai có điều gì căm thù, muốn tố cáo tên địa chủ này thì đứng lên”. Tức thì, theo sự sắp xếp trước, A, B, C... nối tiếp nhau đến tố cáo các tội, vừa đánh đập, vừa chửi rủa. Đó là giai đoạn đấu tố.

Sau màn khổ chủ đấu tố xong, công tố viên đứng lên buộc tội. Bị cáo được tự bào chữa.

Rồi, chánh thẩm đề nghị một hình phạt trước mặt toàn thể nhân dân (hình phạt đã được Trung Ương quyết định trong Đại Hội Nông Dân trước đây). Các kích động viên ở rải rác khắp nơi tiếp theo hô lớn chấp thuận hình phạt. Và nông dân hiện diện đưa tay lên ủng hộ và bản án trở thành nhất định. Đây là bản án chung thẩm và được đem thi hành ngay.

Phiên xử như vậy thường bắt đầu từ 7 giờ sáng, và đến 3 hay 4 giờ chiều thì xong.

2). Khổ chủ là người ruột thịt đứng ra đấu tố.

a . Con gái tố cha hiếp dâm. Đó là trường hợp ông Nguyễn Văn Đô. Ông Đô là Bí Thư Huyện Ủy, Ô Cầu Giấy, ngoại ô Hà Nội. Cô con gái ông Đô đã tố cáo cha cô đã hiếp dâm cô 117 lần. Trước phiên tòa, ông Đô đã trả lời: “Thưa Bà, tôi hiếp dâm Mẹ Bà, nên đã đẻ ra Bà”. Đến đó, chánh thẩm phiên tòa hô: “Đả đảo tên Đô ngoan cố.” Nhóm bản cổ nông hiện diện hô theo.

b . Cháu họ đấu tố chú. Đó là trường hợp ông Quản Năm ở Xóm Chuối Ninh Bình. Ông Quản Năm bị đấu tố, dù có người con là Thiếu tá, Trung đoàn Phó 3/14. Ông Quản Năm có 15 mẫu ruộng. Vì gia đình đông người, có nhiều nhân công, nên ông chỉ mượn có 3 người làm.

Cô cháu của ông, là Môn, là 1 trong 3 người ấy. Cô được Đội bắt rề và đứng ra tố cáo chú.

c , Trường hợp ông Phùng Đăng Ngải, xã Sơn Trung, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây. Ông Ngải trước kia là Chánh Tổng, và con trai ông về sau là Phó Tổng. Ông Ngải có 70 mẫu ruộng, 32 con trâu và 7 nhà ngói, từ 5 đến 7 gian. Khổ chủ là Phùng Văn Hách, gọi ông Ngải là chú ruột. Cha mẹ Hách chết. Ông Ngải mang Hách về nuôi. Hách tố cáo ông Ngải trước Tòa: “Mày đã lợi dụng khi cha mẹ tao chết, bắt tao về ở đợ cho mày, mày bóc lột sức lao động của tao...” Đồng thời, Hách đã đánh ông Ngải nhiều cái tát.

Ngoài ra, khổ chủ còn là con nuôi, vợ lẽ, tá điền, hàng xóm....

3). Làm thế nào để các người ruột thịt công khai tố cáo địa chủ?

Trong phần trên, tôi chỉ đề cập đến một yếu tố “ôn nghèo kẻ khổ” mà Đội sử dụng để làm biến đổi suy tư của rề. Trong đoạn này, tôi bổ túc thêm các chi tiết khác cho đầy đủ hơn: Lòng ghen ghét , hoặc thù hận trong quá khứ là các yếu tố mà Đội khai thác. Còn nữa, Cộng sản còn đánh vào lòng hiếu thắng của khổ chủ: tố cáo địa chủ là phục vụ cách mạng, là nghĩa vụ cao quý của công dân trong xã hội mới, hay của các thành phần giai cấp vô sản (nếu là bản hay cố nông). Quan trọng hơn là, tích cực tố cáo là điều kiện tiến thân trong hệ thống xã hội mới, hay được miễn trừ bị truy tố về “tội có liên hệ với địa chủ”, hay được vào Đảng, nghĩa là được gia nhập giai cấp thống trị mới và như vậy sẽ được hưởng các quyền lợi về vật chất nữa. Những ai không chịu hợp tác, thường bị áp lực tin thần như dọa nạt bằng các phương pháp chế tài nghiêm khắc. Trong bầu không khí ngột ngạt, lo sợ, hoang mang gây ra do sự cai trị bằng cách “khủng bố” mà mọi người dân đã từng trải và đang chứng kiến, thì giải pháp do Đội đưa ra là tốt đẹp hơn. Ngay cả trong thời kỳ học tập vào giai đoạn “thực tập” đã nói, nếu nông dân vắng mặt trong một buổi họp (học tập) đã bị Đội tra hỏi và có thể bị qui vào tội “gây rối.” Có thể bị đi tù.

4). Chi tiết cuộc Đấu tố và tố cáo các tội gì?

Các khổ chủ đã được học thuộc lòng từ

các buổi họp (học tập) trước đó khi được đề cử lên đầu tổ, chỉ việc nhắc lại những bài đã học. Thí dụ: Mày đã bóc lột tao, bóc lột cha tao, bắt tao đi ở đợ cho mày, mà trả công rẻ mạt, quần áo rách rưới, đánh đập tao.” Lần lượt các khổ chủ khác tiếp theo lên tố cáo như vậy. Mỗi khi tố cáo, khổ chủ lại đánh, đập địa chủ. Địa chủ cũng **phải trả bài** như sau:” Thừa Ông/Bà Bàn Cổ Nông, con đã bóc lột Ông Bà Bàn Cổ Nông.” Trường hợp bị can không nhận tội, Chánh thẩm tức thì đứng dậy hô to: “Đả đảo thằng X, địa chủ cường hào gian ác, hoặc ngoan cố. Đả đảo...” Các “khích động viên” đứng sát dân làng giơ tay, hô to: Đả đảo..., và nông dân quần chúng ngồi xung quanh đấu trường đứng lên dơ tay: Đả đảo .. Bầu không khí rất náo nhiệt, ghê rợn.

Khổ chủ tố cáo địa chủ đủ các thứ tội. Nhưng trong mọi trường hợp, thường thấy có tội bóc lột, đánh đập, hiếp dâm, cường hào ác bá, phản động (đảng viên các Đảng chống Pháp...), người của địch cài lại/ xâm nhập vào Đảng (đã tham gia chiến đấu chống Pháp, lập được công trạng lớn và đã được gia nhập đảng Cộng Sản; nếu đã có chức vụ cao trong Đảng CS, thì thêm: “leo cao trèo sâu” để phá Đảng), và rất nhiều tội tưởng tượng, **có kèm theo cách hành hạ**.

Sau đây là một số thí dụ :

Một người ở Văn Lâm, Hưng Yên, bị qui kết là địa chủ. Nạn nhân bị đem ra đấu tố. Khổ chủ đầu tiên lên, chỉ mặt địa chủ nói rằng : Tên địa chủ....., ngày..... may đã giết một con heo, ăn không hết, mày bắt tao mua một chân con heo với giá cắt cổ”... Tiếp theo, 7 khổ chủ khác lên tố khổ, cũng một câu y hệt. Khiến cho con heo, có 8 cái chân.

Một hồi chánh viên trả lời câu hỏi về cách hành hạ địa chủ trước Tòa Án Nhân Dân mà anh ta chứng kiến: *“Có người bị trói rồi, còn bị người ta sua chó ra cho cắn nát chân. Một trường hợp khác là ông Hồ Văn Long ở xã Hưng Đạo, Tiền Hải, Thái Bình. Ông Long bị trói vào góc cây cau, phơi nắng suốt từ sáng tới trưa. Sau đó, người ta chọc gậy vào tổ kiến lửa dưới gốc cau, cho kiến đốt ông này. Ông Phạm Văn Phẩm cũng ở xã này bị trói, rồi đem xuống ao,*

tra hỏi của, rồi lại đem xuống. Tra hỏi mãi mà không ra của cải mà họ nghi ông này giấu, nên ông bị họ nhét vào bao bố, rồi vứt xuống ao.

Họ hành hạ chán rồi về chỗ ngồi. Hết người nọ đến người kia, không có thì giờ nhất định. Họ ưng tra hỏi, thì tra hỏi. Họ thích đánh, thì họ đánh. Ngay cả đến đứa con nít, địa chủ không gọi nó bằng Ông là nó đánh luôn.

Sở dĩ có tình trạng này là vì nông dân được Cộng sản dạy rằng ‘đánh địa chủ là quyền lợi của giai cấp bản cổ nông’.”

Cuối cùng, tôi nhấn mạnh tới điểm là Đội được ban cấp quyền hành rộng lớn, vô giới hạn. Ngoài vài trường hợp nêu ra ở dưới như Phan Kế Toại, Khuất Duy Tiến và Vương Thừa Vũ, Đội còn có quyền phái du kích đi bắt địa chủ nạn nhân cư ngụ ở bất cứ nơi nào về xã để xét xử, quyền giải tán Đảng hay chính quyền xã, khi Đội thấy có Bí Thư Xã hay Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Xã là người thuộc giới địa chủ cần bị bắt và đưa ra đấu tố và giải tán luôn cả Đảng Ủy hay Cơ Quan Chính Quyền liên hệ. Đội còn có quyền cho bắt và đấu tố cả những người không “phạm tội” như trường hợp bà góa phụ Phó Lý Kha, Xóm Chuối, Ninh Bình. Đây là trường hợp phải **“thế mạng”** vì chồng đã chết. Hơn nữa, trường hợp này còn cho thấy rằng kẻ đã chết, như vợ Phó Lý Kha, vẫn còn bị đem ra xử.

Tóm lại, đây là quan niệm về tội phạm, “tội phạm giai cấp”, của nền công lý nhân dân.

D. Hai trường hợp đấu tố điển hình:

1. **Nhân chứng Nguyễn bảo Hùng.** (quê xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, con địa chủ, thi hành Nghĩa vụ quân sự, được đưa vào Nam năm 1967 và ra hồi chánh năm 1969.)

“ Phiên Tòa xử điển hình nhất là phiên tòa xử ông Lãng. Ông Lãng ở thôn Hữu Vĩnh, cùng xã với tôi, bị qui là thành phần địa chủ và Quốc Dân Đảng. Ông Lãng theo Việt Minh từ 1950 và đã giữ các chức vụ trong Đảng Ủy Xã. Đến năm 1956, ông bị đình chỉ các chức vụ vì bị qui là địa chủ và hoạt động cho Quốc Dân Đảng. Ông bị bắt và xét xử. Một ngày vào tháng 4 năm 1956, lúc 8 giờ sáng, phiên xử được triệu tập tại sân đình làng Bái Lâm Thượng,

xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Đông. Chánh án và Phó Chánh Án là cán bộ CCRĐ. Thẩm phán và bồi thẩm là vài ba nông dân, cốt cán vô sản tại xã. Những người tham dự là bà con nông dân trong toàn xã và các đại biểu các xã lân cận. Gia đình, thân nhân của nạn nhân bị xử được ngồi phân tán ra. Tất cả các can phạm đều bị trói cho ngồi riêng biệt ở một khu gần đó, có du kích vũ trang canh gác. Phía ngoài khu xử cũng có du kích bao quanh.

Khi Tòa đọc tên Ông Lãng, thì nạn nhân được 2 du kích vũ trang áp giải vào vòng đấu, vạch bằng vôi trắng hình tròn, có hàng rào kẽm gai vây xung quanh.

Tòa bắt đầu đọc bản cáo trạng trong hồ sơ, gồm ý lịch, tội trạng của ông Lãng. Rồi hỏi lại ông Lãng có đúng các tội trạng đã phạm không? Ông Lãng trả lời: “Thưa Tòa, thưa Ông Bà Nông Dân, tôi công nhận có phạm các tội trên.”

Kể đó, Tòa cho phép nông dân cốt cán là khổ chủ lên vạch mặt, tố khổ ông Lãng. Có tới 20 người. Trong số này có chị Hương, trước đây ở đợ cho ông Lãng cho tới 1945. Sau khi tố các tội như bóc lột, đánh đập, không trả công, không cho ăn..., rồi chị tố đến tội ông Lãng hiếp dâm tới 4 lần. Chị này với thái độ hung hăng, nhảy lên xĩa xói vào mặt ông, bắt ông phải ngửa mặt lên nhìn chị và hỏi ông có nhận tội đó không?

Ông Lãng trả lời: “Thưa Bà Nông Dân, Bà quên rồi đấy. Tôi hiếp Bà tất cả 5 lần, ạ.”

Thế là Tòa đập bàn quát to: “Tên địa chủ này ngoan cố, dám láo với Bà Nông Dân.” Và tất cả nông dân dự khán phụ họa, đồng thanh hô: “Đả đảo tên địa chủ Lãng.” Khẩu hiệu này được hô 3 lần.

Sau đó, Tòa hỏi lại, ông Lãng phải nhận có 4 lần thôi.”

Kể đó, người thứ hai đứng ra tố khổ là ông Hậu, trước kia là lực điền của ông Lãng.

Ông Hậu không có một oán thù gì với ông Lãng. Ông này lại là người hiền lành, bị buộc ra tố cáo, nên không sôi nổi. Vì thế, cán bộ CCRĐ, kích động viên, phải hô khẩu hiệu đả đảo ông Lãng và quần chúng nông dân đứng dậy, hô theo, để gây phấn khởi cho nông

dân tham dự, và sẽ dùng để kết án sau này.

Kể đến là anh Tiến và các người kế tiếp, việc hô đã đảo vang dậy, không ngắt.

Người tố cáo khác là anh Dung. Anh Dung tố cáo ôn Lãng là đảng viên Quốc Dân Đảng đã chỉ điểm và vây bắt anh trong các lần anh đi buôn lậu hàng hóa từ vùng Tề đem về bán cho dân quân vùng kháng chiến. Ông Lãng còn bị tố cáo là đã sát hại anh Ngũ, một bạn đi buôn với anh Dung.

Đến lúc này, ông Lãng vì quá mệt mỏi, quá uất ức nên ngã gục xuống và ngất đi. Hai tên du kích được chỉ định đến xốc nách ông đứng dậy, nhưng cứ đứng lên, ông lại gục xuống. Tòa phải đình để giải lao 10 phút. Bảy giờ là 10 giờ sáng.

Gia đình ông Lãng, gồm vợ và 3 con, bị buộc đến dự phiên đấu tố. Họ ngồi chung với số đồng bào trong xã. Khi thấy ông Lãng bị đấu tố quá nhục nhã, họ chỉ còn biết gục đầu xuống khóc, xót thương cho chồng, cha. Nhưng du kích ngăn cản không cho khóc. Họ bảo rằng khóc lóc như thế là còn xót thương địa chủ, còn ngoan cố. Sau đó, du kích phân chia mẹ con, họ mỗi người một nơi, không ở chung một chỗ như trước.

Cuộc đấu tố kéo dài tới 2 giờ chiều thì chấm dứt. Tòa dừng 10 phút để nghị án. Rồi mọi người nghe tiếng hô to: Đứng dậy để nghe Tòa tuyên án. Tòa tuyên bố ông Lãng bị 3 tội:

-Bóc lột Nhân Dân,

-Có nhiều nợ máu với nhân dân,

-Và hoạt động cho Quốc Dân Đảng.

Và tuyên bố xử bắn.

Cuộc xử bắn được thi hành ngay tại một nơi gần sân đình làng.

Ông Lãng quá sợ hãi, bị lôi đi và trói vào một cái cọc tre, phía trước là một cái hố đã đào sẵn.

Du kích bịt mắt, bịt mồm ông Lãng lại bằng một mảnh vải. Nhưng ông Lãng trước khi bị bắn, cố vùng vẫy, đầy được nắm giẻ trong miệng ra, và hô to:” Hồ Chủ Tịch muôn năm! Đảng Lao Động muôn năm!”

Sau khi bị bắn chết, thầy ông Lãng được đẩy xuống hố và chôn ngay tại đó.

Khi Tòa tuyên bản án cho ông Lãng,

Tòa cũng tuyên bố tịch thu tất cả tài sản: ruộng nương, trâu bò, cây bừa, cuốc sừng, nhà cửa, đồ đạc, nồi niêu xoong chảo, quần áo, chén, đĩa .. của ông Lãng, tập trung mọi thứ vào một chỗ trong nhà ông, niêm phong lại, chờ ngày chia cho nông dân. Gia đình ông Lãng được Tòa cho phép tạm thời ở lại trong phần nửa gian bếp.

Rồi, Tòa tuyên bố bế mạc.

2. **Nhân chứng Hoàng Văn Toán.**(quê xã Hưng Đạo, huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, ngành động vật không xương sống, và là nghiên cứu sinh, Đại Học Sư Phạm, Hà nội. Tốt nghiệp hạng ưu và được Nhà Nước Bắc Việt cho đi du lịch Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh. Bị nhập ngũ và đưa vào Nam năm 1968 và hồi chánh 1970)

Người phỏng vấn: Ông Vương Văn Bách, tốt nghiệp Đại học Luật Khoa Hà nội, từng giữ chức Tham Chánh Văn Phòng cho Bộ trưởng Tài Chánh, Vũ Văn Hiền, Chính phủ Trần trọng Kim. Phỏng vấn tại Sài gòn.

Hỏi: Xin anh cho biết chuyện đấu tố điển hình nào gây xúc động lớn trong mọi từng lớp ở xã Hưng Đạo, huyện Tiền Hải?

Đáp: Chuyện đấu tố ông Nguyễn Văn Thái.

Hỏi: Ông Thái có liên hệ gia đình với anh không?

Đáp: Về quá trình sinh trưởng và hoạt động của ông ấy, tôi không được biết. Tôi chỉ được biết ông ấy qua lời tố cáo của các khổ chủ là ông ấy là cán bộ cách mạng của cộng sản, từng tham gia cách mạng từ 1945. Đó là một quá trình mưu cầu mang lại quyền lợi cho nông dân và dân tộc.

Hỏi: Nói như vậy, anh cho ông Thái là người yêu nước?

Đáp: Vâng.

Hỏi: Điều gì làm anh nhận thấy ông Thái là người yêu nước.

Đáp: Theo như cộng sản cho chúng tôi học tập, yêu nước là tham gia kháng chiến chống Pháp giành độc lập, và đem lại cơm no áo ấm cho nông dân. Căn cứ vào đó, tôi thấy ông Thái là người yêu nước. Trong thời gian kháng chiến Ông ấy đã lên tới chức Chủ tịch

Ủy Ban Hành Kháng huyện Tiền Hải, và lúc bị đấu tố, ông là Tỉnh Ủy Viên, tỉnh Thái Bình.

Hỏi: Là tỉnh ủy viên, ông Thái phụ trách Ban nào?

Đáp: Tôi không biết, nhưng tôi biết chắc ông ấy là Tỉnh Ủy Viên. Gia đình ông thuộc thành phần địa chủ, theo sự qui định của chế độ Miền Bắc, vì có nhiều ruộng, nhiều trâu và có nhiều người làm công.

Hỏi: Nhà ông Thái có bao nhiêu ruộng?
Đáp: Tôi không rõ, vì nhà tôi ở xa nhà ông ấy, vả lại lúc đó tôi còn nhỏ. Mẹ ông Thái được coi là một đại điền chủ có tiếng. Còn ông Thái bị qui vào là địa chủ cường hào gian ác. Trong thời gian giảm tô, ông không bị đấu tố. Mãi cho tới lúc thi hành chính sách CCRĐ, người ta coi lại hồ sơ của ông kể từ khi ra ở riêng, bấy giờ mới bị kết tội là địa chủ cường hào gian ác.

Hỏi: Căn cứ vào đâu, ông Thái bị liệt vào hạng cường hào gian ác?

Đáp: Căn cứ vào các tố cáo của các khổ chủ đưa ra. Chẳng hạn như trước kia, mẹ ông Thái có chia cho ông một số ruộng đất, ông có tá điền và có người ở hầu hạ. Chẳng hạn như khi chưa tham gia cách mạng, ông thường hay đánh đập nông dân. Đã có nhiều ruộng, lại thuê người cày, cấy và còn đánh đập nông dân, thì ắt là địa chủ cường hào gian ác rồi.

Ông Thái đang là tỉnh ủy viên tỉnh Thái Bình, thì bị gọi về làng để bị đấu tố với lý do có nợ máu giới nông dân.

Trong lúc đấu tố, người ta có kể một số tội mà ông Thái không có, nhưng ông vẫn phải chịu nhận. Thí dụ: người ta tố ông đánh chết cô Nguyễn thị Roi và chôn cô này ở chuồng trâu. Việc này, cả dân làng biết rằng họ bịa đặt, dựng đứng lên.

Thế rồi, Tòa Án Nhân Dân kết tội ông là một tên địa chủ cường hào gian ác, một tên phản bội đã len sâu và trèo cao vào Đảng, hòng lật đổ Nhà Nước sau này. Vì thế, tên này rất nguy hiểm, cần phải trừng trị.

Cuối cùng, ông bị đưa ra pháp trường xử bắn vào tháng 5 năm 1956.

Hỏi: Anh có đi dự buổi đấu tố ông Thái không?

Đáp: Có.

Hỏi: Anh vui lòng kể lại quang cảnh buổi đấu tố ấy, diễn ra như thế nào?

Đáp: Buổi đấu tố diễn ra tại Huyện Tiền Hải. Từ nhà tôi lên huyện Tiền Hải độ 7 cây số, còn từ nhà ông Thái lên huyện độ 2 cây.

Nông dân các xã trong huyện kéo về. Trong một sân vận động lớn, người ta dựng lên một khán đài. Phía bên phải, có những khẩu hiệu như: “đả đảo địa chủ cường hào gian ác”, “nợ máu phải trả bằng máu”, “cương quyết trừng trị những tội phạm đã gây nợ máu với quần chúng lao động.” Thường thường, hễ khẩu hiệu mà viết trên băng đỏ và vàng là hôm đó không có giết người. Hễ khẩu hiệu viết bằng chữ trắng trên băng xanh là hôm đó có giết người.

Hỏi: Hôm đó đấu tố ông Thái, người ta có treo băng xanh không?

Đáp: Hôm ấy, tất cả biểu ngữ đều viết trên băng xanh, chữ trắng.

Hỏi: Hôm ấy, ngoài ông Thái ra, còn có ai bị đưa ra pháp trường không?

Đáp: Có ông Hối nữa.

Hỏi: Tất cả có 2 người?

Tất cả khổ chủ của ông Thái thường ở xã Hưng Đạo, và gia đình ông Thái ở đó.

Phía sau, ở bên phải của khán đài, có 3 cái cọc được dựng và 1 cái huyết được đào sẵn, sâu khoảng 60 cm. Tôi là người ngồi sát đó, cùng các thành phần địa chủ, phú nông xã Hưng Đạo.

Khung cảnh thật rùng rợn. Tôi tự hỏi: “Hôm nay, ai sẽ là người chết? Người xã mình hay xã khác?”

Ngồi yên độ 20 phút, tôi thấy có một người được dẫn vào vành móng ngựa, hai tay bị trói giật cánh khuỷu, mặc áo đen quần cộc. Lập tức, toàn bộ nông dân có mặt gào thét lên, liên tục trong gần 10 phút như thế. Rồi đến lễ nghi đánh trống, mở cờ.

Qua phần lễ nghi, thẩm phán Tòa Án Nhân Dân nêu tên địa chủ có mặt trình diện ở vành móng ngựa.

Sau đó, các khổ chủ thay phiên nhau lên đấu tố, thỉnh thoảng hô khẩu hiệu chen vào:

“cương quyết trừng trị bọn địa chủ cường hào ác bá”.

Tôi nhớ có một khổ chủ lên đấu tố ông Thái. Bà ta rất già, chẳng biết có phải là người ở trước kia của ông Thái hay không. Bà ấy tố cáo ông Thái đã cưỡng hiếp bà 2 lần.

Hỏi: Lúc ấy, bà ta chừng bao nhiêu tuổi?

Đáp: Chừng 60 hay 70 tuổi.

Hỏi: Thế ông Thái lúc đó chừng bao nhiêu tuổi?

Đáp: Chỉ độ 40.

Nhưng tôi không hiểu vì lý do gì, ông Thái vặn lại: “Bà còn quên một lần, tôi đã hiếp bà trên cối xay nữa.” Vì câu nói này, nông dân lại hô: “Đả đảo tên lão xược với Ông và Bà Nông dân.”

Bà già tố xong, chánh thẩm mới hỏi lại ông Thái và ông này xác nhận là có 2 lần. Rồi Tòa bắt ông Thái ngẩng mặt lên. Đồng thời tiếng hô đả đảo lại tiếp tục, kèm theo đề nghị: “cương quyết trừng trị tên Thái hình phạt nặng nhất”

Phần tố khổ xong. Công tố ủy viên nói: “Đối với tội lỗi của Thái như vậy, nhưng xét lại Thái đã có công hoạt động trong quá trình cho Đảng, nên có thể giảm bớt được cái tội của y.”

Liền đó, chánh thẩm đứng phắt ngay dậy, nói: “Mặc dù tên Thái có công đóng góp cho Đảng, nhưng Thái là tên địa chủ cường hào gian ác, đã có âm mưu len sâu trò cao vào hàng ngũ đảng. Cho nên, phải trừng phạt tên Thái đích đáng hơn.”

Kết thúc phiên tòa, ông Thái bị tuyên án tử hình.

Ông ta bị đưa ra chỗ 3 cái cọc dựng sẵn. Mất mồm vừa ông ta bị bịt kín. Hai tay bị trói vào cọc. Một lúc sau đó, ông ta bị một loạt đạn bắn vào người.

Phiên tòa bế mạc.

II. HÌNH PHẠT VÀ THI HÀNH.

Hình phạt và thi hành bản án được áp dụng tùy theo loại địa chủ.

Vì là tội phạm của nền công lý nhân dân, nên hình phạt cũng vô cùng khác lạ. Hình phạt không chỉ áp dụng cho phạm nhân, mà cả những người không là phạm nhân trong vụ xét

xử liên hệ, cũng nhận được hình phạt: vợ con, và các cháu, chết.

Ngoài nhục hình như bị giết hay bị giam tù trần áp, hay đưa đi cải tạo, nhân phẩm của bị cáo và thân nhân cũng là mục tiêu của hình phạt.

1. Các loại Địa chủ bị cáo:

Nếu là các địa chủ như có nợ máu, cường hào ác bá và phản động thì bản án luôn luôn là tử hình.

Nếu là các địa chủ khác, kể cả địa chủ kháng chiến (những người giàu có, tham gia kháng chiến và có công trạng đã được gia nhập Đảng), thì chị bị phạt tù và đưa đi các trại tập trung cải tạo để tẩy não. Có người bị 2 năm, người khác bị 20 năm hay hơn, có người trong loại này bị định cư vĩnh viễn trên vùng rừng núi.

Sau khi Tòa tuyên án thì bản án được thi hành ngay.

Với các bản án tử hình, nạn nhân bị hành quyết ngay trước mặt quần chúng và gia đình nạn nhân. Đội du kích tham dự phiên đấu tố có nhiệm vụ thi hành bản án. Họ đem nạn nhân ra trói vào một cọc tre đã trồng sẵn cách vành móng ngựa chừng độ 10 hay 20 m. Họ tập trung 5 hay 6 cây súng trường để bắn nạn nhân, chờ cho nạn nhân giãy chết, rồi hất xác xuống một hố đã đào sẵn ở bên cạnh. Việt cộng cũng nghĩ ra nhiều cách khác như chôn sống nạn nhân hay nhiều trường hợp man rợ hơn.

Một hồi chánh viên trước đó đã tham gia đội CCRĐ kết luận: “Nói một cách tổng quát, sự chém giết thật là ghê rợn. Tổng số người bị giết trong đợt CCRĐ vào thời gian trước 1955 là 100,000 người. Trong số này, có chừng 40,000 địa chủ đã là đảng viên Đảng Cộng sản. Ngoài ra, còn độ 40,000 khác bị bắt đi tù trong các trại lao công cưỡng bách tại các miền rừng núi Bắc Việt.

Ta lấy thí dụ tại xã Sơn Trung, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, xã này có chừng 1,500 gia đình với gần 7,000 dân. Trong đợt I CCRĐ, trước năm 1955, Xã này có 20 gia đình bị qui vào thành phần địa chủ cường hào gian ác (nghĩa là có 20 người bị tử hình) và chừng

30 gia đình thuộc thành phần địa chủ khác, như vậy có 30 người bị đi tù. Đến đây thì thành phần địa chủ là 50 người đã bị quét sạch khỏi xã hội, ngoại trừ vợ con (sẽ nói sau).

Sang năm 1956, khi thi hành đợt II, Đội phải kích một số thuộc giai cấp Phú Nông lên thành địa chủ để đấu tố cho đủ chỉ tiêu 5%, là 350 địa chủ trong tổng số dân xã. (**Lưu ý:** trong trường hợp số người thuộc thành phần Phú Nông được “kích” lên, vẫn chưa đủ chỉ tiêu, Đội phải kích một số thuộc thành phần **Trung Nông lớp trên** lên thành địa chủ để đấu tố cho đủ số.)

2. Vợ, con địa chủ cũng bị trừng phạt:

Bi đuổi ra khỏi nhà ngay ngày hôm đấu tố. Không được mang theo bất cứ thứ gì. Đội chỉ định một mảnh đất ở đầu làng, ra đó mà ở. Họ phải tự kiếm vật liệu, dựng lều lên mà trú nắng mưa, phải mò ốc, bắt cua, đào rễ cây để ăn mà sống. Có khi đi ăn trộm khoai, sắn ngoài đồng. Dân làng bị cấm liên lạc với họ. Họ bị loại ra khỏi xã hội.

3. Hình phạt áp dụng cho cả Cháu Chết:

Cuối cùng là các cháu, chết không được gia nhập cộng đồng, lý lịch ghi là cháu, chết địa chủ, không được đi học, vì trường học được lập ra để đào tạo các con cháu của giới vô sản để trở thành lãnh đạo. Phải đến đời thứ 3, chất của địa chủ mới có lý lịch trong sạch, và được “hưởng đầy đủ quyền” của một nông dân chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tài sản của cải được chia cho bản cố nông ngay trong một buổi họp mà công sản gọi là chia “**quả thực**”. **Nông dân rất vui mừng về thành quả của cuộc cách mạng vô sản này. Riêng về ruộng vườn thì chia về sau.**

Đó là Công Lý Nhân Dân

KẾT LUẬN:

Đến 1956, thì CCRĐ chấm dứt, Đảng Cộng Sản đã thành công tiêu diệt hẳn giới thống trị ở nông thôn. Giới Địa chủ đã hoàn toàn bị loại ra khỏi xã hội. Bản cố nông đã được đôn lên thay thế. Tài sản của địa chủ đã chia cho bản cố nông. Giới này rất hồ hởi về kết quả của cuộc cách mạng vô sản này. Tuy

nhiên, niềm vui chưa rút, thì bắt đầu từ năm 1957, chương trình Hợp Tác Hóa Nông Nghiệp bắt đầu. Bước đầu là Tổ Đồi Công được thực hiện với quảng cáo là các nông dân hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong công việc cày cấy, thu hoạch kết quả. Kế đó là mọi nông dân phải vào Hợp Tác Xã. Giai đoạn đầu, Cộng sản mới gọi là Hợp Tả Xã cấp thấp và vài năm sau, là Hợp Tác Xã cấp cao. Và đây là lúc tài sản ruộng vườn thuộc Ban Quản Trị của Hợp Tác Xã, một công cụ trá hình của Đảng và nông dân trở thành trống tay, **mọi người phải cật lực làm việc theo khả năng và được hưởng thụ theo năng xuất của chính mình./**

Ghi Chú:

(1) a) **“Thề phanh thây, uống máu quân thù.”** Trích trong Quốc ca nguyên thủy của Việt Công. Để tỏ lòng trung thành không lay chuyển với chủ thuyết Mác Lê, Mao và cũng để các quan thầy tin cậy, Hồ và đồng bọn ghi câu trên vào bài quốc ca. Quân thù ở đây là giai cấp địa chủ. Về sau, chúng nhận ra tính cách man rợ, ghê tởm của lời ca, nên đã đổi lại câu này

b) Thơ của Tố Hữu.



2) Hồ viết Thắng là Trung Ương Ủy Viên, được đưa sang Trung Cộng học tập về phương pháp sử dụng bạo lực quần chúng trong phong trào CCRĐ . Sau khi hoàn tất khóa học, y được bổ nhiệm làm Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện

Cán Bộ Cải Cách Ruộng Đất, bí mật đặt tại một khu rừng núi thuộc Cao Bắc Lạng.

(3) Nguyễn văn Canh, “Nông Dân Bắc Việt những năm 1945-1970, Center for Vietnam Studies, 1987, trang 26.

(4) Quyền hành vô giới hạn. Tôi liệt kê 3 thí dụ sau đây:

1. Trường hợp ông Phan kế Toại. Ông được Vua Bảo Đại bổ nhiệm là Khâm Sai Đại Thần Bắc Kỳ. Khi Hồ chí Minh chiếm được chính quyền cử ông làm Bộ Trưởng Nội Vụ. Ở chức vụ đó, ông ta bị xếp vào có thể có nợ máu, hay ác bá.... với nhân dân. Đội CCRĐ xã Mông Phụ, huyện Tùng Thiện, Sơn Tây, xếp ông vào tội địa chủ cần đem ra đấu tố. Đội gửi văn thư lên chính phủ yêu cầu đưa ông Toại về xã để đấu tố. Dĩ nhiên, trong trường hợp này không được chính phủ thỏa mãn vì uy tín Đảng.

2. Ông Khuất duy Tiến, một cán bộ cao cấp của Đảng, là Trung Ương Ủy Viên, Đại biểu Quốc Hội, quê ở xã Trạch Mỹ Lộc, phủ Quốc Oai, Sơn Tây. Dù là Trung Ương Ủy Viên của Đảng, ông không được biết quyền hạn của viên chức CCRĐ, nên về thăm nhà. Đi theo ông, có một đoàn vệ sĩ bảo vệ. Đêm ngủ, ông bị Đội gọi ra trình diện, nhưng các vệ sĩ canh gác ngăn cản. Ông bị nông dân và du kích bao vây, ném đá vào nhà vì vệ sĩ không cho họ bắt ông. Sáng hôm sau, Công an tỉnh Sơn Tây, sau khi biết tin ấy, đưa lực lượng Công an xuống giải vây, đưa ông về Hà nội.

3. Thiếu tướng Vương thừa Vũ, tư lệnh Sư Đoàn 308 về thăm nhà theo lệnh của Đội, ở xã Vĩnh Ninh, huyện Thường Tín, Hà Đông. Khi về tới làng, Đội cho dân quân du kích ra vây bắt. Tuy nhiên, đi theo bảo vệ cho Tướng Vũ có một đại đội quân chính qui, cản lại. Dân quân du kích dàn trận bao vây. Đại đội bảo vệ tướng Vũ tuyên bố: ai đụng tới tướng Vũ phải trả nợ máu tại chỗ. Dân quân du kích lùi bước. Tướng Vũ liền ra lệnh cho đoàn hộ vệ quay xe, đi thẳng.

(5) Tội phạm được gọi một cách chung là “địa chủ”. Gồm nhiều loại: nợ máu, ác ôn,



bóc lột, phản động, cường hào, cho vay lãi... miễn là nạn nhân bị Đội xếp vào thành phần địa chủ-giai cấp thù nghịch của giai cấp vô sản, để đem ra đấu tố.

Thí dụ: ông Đồ dạy chữ Nho trong làng. Ông được một nhà giàu trong làng mời từ nơi xa đến, để dạy chữ Nho cho trẻ con. Ông được chủ nhà cung cấp nhà ở, và ăn uống và mọi phương tiện khác cần thiết và miễn phí. Ông Đồ không có ruộng đất nhà cửa, hay tài sản gì và ông cũng bị Đội xếp vào loại **địa chủ thuộc thành phần khác**. Lý do là Bà Đồ nhận được ít gạo ... do cha mẹ có con đến học ông Đồ biếu. Bà dành dụm, cho người khác vay mượn số gạo ấy.

Thí dụ khác: ở Xóm Chuối, Ninh Bình bà vợ góa của một ông trước đây là Phó Lý, Phó lý Kha, bị Đội đưa ra đấu tố, dù bà này sợ quá đã tự tử. Xã này nghèo, không có nhiều ruộng đất. Nên không có nhiều địa chủ để đấu tố. Khi Trung Ương tổng kết đợt Đấu tố I, xóm Chuối không đạt chỉ tiêu là mỗi xã phải đấu tố 5% trong số nông dân. Các nơi khác, thì Đội đôn Phú Nông lên để đấu tố cho đủ số. Xóm Chuối tìm thấy gia đình Phó Lý Kha này giàu có hơn nhiều người khác: vài sào ruộng và chiếc xe đạp. Dù ông này đã chết, nhưng bà vợ bị đem ra đấu tố thay chồng, Dù bà này đã tự tử, Đội vẫn tiếp tục cho xử bà ấy và tịch biên gia sản.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Canh, "Nông Dân Bắc Việt- những năm 1945-1970", Center for Vietnam Studies, 1987.

FATHER'S DAY NÓI THAY BẠN GIÀ



Mừng ngày Lễ Tạ Ơn Cha ,
Các ông sẽ được các bà nâng niu.
Đỡ buồn thân phận hẩm hiu ,
Xếp sau con chó đã nhiều năm qua !
Các con có biết chăng là:
Cha là cột trụ giúp ta vững vàng .
Dù đời vất vả , gian nan ,
Cha luôn cố gắng, chẳng than một
lời !
Cốt sao gia đạo vui tươi ,
Các con thành đạt nên người hơn cha
Lo cho con có cửa nhà ,
Yên bề gia thất là cha hài lòng .
Cháu nội , cháu ngoại cha trông ,
Chăm nom , đưa đón cháu ông đến
trường .
Dạy cháu đạo đức luân thường ,
Bảo tồn tiếng Việt miên trường về .
vang .
Thân già bệnh tật đa mang ,
Luôn cầu con cháu an Khang mỗi
ngày .
Khi con thấu hiểu lòng này ,
Các con tiếc nhớ , cha đây không còn
...!!

San Jose, Ngày 16 - 6 - 2024
LS. PHẠM NGỌC ANH

TÔI HỌC LUẬT



Ls VÕ VĂN DINH

Khi vào năm thứ nhất Đại học Luật Sài Gòn, các sinh viên Luật chắc có dịp học với Giáo sư Tăng Kim Đông dạy về Công Pháp Quốc tế. Và nghe Giáo sư nói câu này: “Luật có thể đưa ta đến mọi nơi và cũng có thể không đưa ta đến đâu cả. (Loi mène à tout et à rien)”. Tại sao lại vô lý như vậy. Để biết luật có thể đưa hoặc không đưa ta đến đâu, thì xin xem vài câu chuyện luật pháp dưới đây để thấy hiệu lực của người học luật

1- Cải tử hoàn sinh :

Có người nói y sĩ có thể cứu người sống, nhưng không thể cứu người chết. Nhưng người biết luật có thể cứu người chết. Sau đây là trường hợp người bị tử hình thoát án tử hình, xem như người chết được cứu sống.

Vào năm 1968 tôi được chỉ định biện hộ tại Tòa án Quân sự Mặt trận Vùng 3 Chiến thuật về một vụ cướp có vũ khí gây chết người. Câu chuyện xảy ra tại xóm Công giáo của địa phương thuộc tỉnh Biên Hoà. Một đêm, hai quân nhân xâm nhập một gia đình nọ và dùng



Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn

hai khẩu súng M 16 để hăm dọa gia chủ rồi cướp đi một số tài sản. Mọi người tri hô cầu cứu khiến hai kẻ cướp bỏ chạy. Lúc đó địa phương gồm Nhân dân tự vệ, Địa phương quân và Cảnh sát đã rượt và nổ súng theo kẻ cướp. Trong lúc hỗn loạn một phụ nữ bị lạc đạn tử thương. Phiên Tòa Đại hình Quân sự Mặt trận được tổ chức tại hội trường một trường học nơi xảy ra vụ cướp. Khi chúng tôi đến phiên xử thì đã thấy nhiều người mang cờ, biểu ngữ tụ tập, hô vang những lời hăm dọa đòi Tòa án phải tử hình tội phạm. Không khí tại phiên xử lúc này thật hết sức sôi động, căng thẳng và nguy hiểm. Ngồi ghế Chánh Thẩm là Đại tá Nguyễn Văn Tỷ và 6 Phụ thẩm là người địa phương. Ngồi ghế Ủy viên Chánh phủ là Đại úy Nguyễn Văn Ngọc. Một quân nhân cấp bậc Thượng sĩ làm Thừa phát lại, ra lệnh cho các Quân cảnh áp giải hai bị cáo ra trình diện trước Tòa. Đại tá Chánh thẩm hỏi hai bị cáo lý do đi cướp và gây chết người. Hai bị cáo khai rằng vừa từ chiến trường về, thấy nhiều đồng đội chết, bị hoảng loạn, nên khi về hậu phương muốn có tiền uống rượu giải sầu. Hai người rủ nhau đi cướp ít tiền và không may bị rượt bắt, phải nổ súng để chạy thoát chứ không có ý bắn chết người. Trong phần buộc tội, Đại úy Ủy viên Chánh phủ nói hai quân nhân này vô kỷ luật, đi

cướp của gây chết người , gây ảnh hưởng xấu đến quân đội và vì đây là Tòa án Quân sự Mặt trận nên cần phải có một bản án nghiêm khắc để làm gương . Sau đó Đại tá Chánh thẩm trao lời cho Luật sư . Trong phần biện hộ , trước hết tôi ngỏ lời chia buồn cùng gia đình người chết và cũng rất thông cảm đến sự nóng giận và đòi hỏi của những người dân địa phương tại đây . Tôi nêu lên nghi vấn về cái chết của nạn nhân. Căn cứ theo hồ sơ thì trong lúc hỗn loạn , có nhiều tiếng súng của Nhân dân tự vệ , của Địa phương quân , của Cảnh sát và của hai bị cáo . Và căn cứ vào giấy chứng tử của y sĩ pháp y của bệnh viện , không thể phân biệt viên đạn gây tử thương cho nạn nhân là của bên nào . Bác sĩ nhận định , nếu là đạn của súng lục sẽ xé toạt vết thương lớn , đạn carbine thì vết thương vào ra thì bằng nhau , đạn M16 vết đạn vào nhỏ và ra lớn . Vết thương của nạn nhân không rõ ràng nên không kết luận là do loại vũ khí nào gây tử thương . Đây là một nghi vấn , nên xin miễn tố tội cố sát gây chết người , nếu vết đạn là của hai bị cáo thì chỉ là ngộ sát nên xin miễn tội tử hình . Vả lại , y sĩ pháp y kết luận vết thương không rõ ràng nên xin miễn tội cố sát vì nghi vấn . Chỉ xin nhận tội cướp có vũ khí . Sau lời biện hộ của luật sư , Tòa tuyên bố nghị án .

Lúc này bên ngoài, những người biểu tình biểu dương lực lượng hô to những khẩu hiệu sát nhân tử hình . Thấy tình hình thật hết sức nghiêm trọng nên tôi cởi áo tô đen, lên ra ngoài và chui vào xe rời khỏi phiên xử . Sau khi nghị án xong, Đại tá Chánh thẩm Nguyễn Văn Tý và 6 phụ thẩm bước ra phiên xử tuyên án hai bị cáo mỗi người 20 năm tù về tội cướp có vũ khí gây chết người . Lời tuyên án vừa xong thì nhóm biểu tình bên ngoài sấn lập tức tràn vào phòng xử. Những người bất mãn bản án nhảy đến đâm đá các phụ thẩm gây nên cảnh hỗn loạn . Đại tá Chánh thẩm may mắn được các Quân cảnh bảo vệ đưa ra ngoài lên xe rời khỏi phòng xử . Thật là một phiên xử rất đáng sợ và hết sức nguy hiểm . Mạng sống của con người rất quý giá . Cho nên hai bị cáo thoát khỏi án tử hình, dù bị tuyên 20 năm tù , nhưng được sống. Phải chăng đã có sự nghi vấn và

sự công minh của luật pháp .

2- Tội cường hiếp :



Vào năm 1973, tôi được chỉ định biện hộ trước Tòa Đại hình lưu động tại tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) cho một bị cáo can tội cưỡng hiếp có vũ trang . Phiên Tòa Đại hình lưu động được xử tại phòng xử của Tòa Sơ Thẩm Định Tường . Ngồi ghế Chánh Thẩm là Ông Chánh án phòng Trần Thiện Đức và 6 Hội thẩm gồm có, một là ông Chánh án Tòa Sơ thẩm Định Tường, hai là ông Chánh án Tòa Sơ thẩm Kiến Hoà làm Phụ thẩm và 4 Phụ thẩm nhân dân là 4 nhân sĩ địa phương .

Ngồi ghế Công tố viện là Ông Phó Chương lý Nguyễn Mạnh Nhự . Ông Trần Thiện Đức và Ông Nguyễn Mạnh Nhự , hai người cùng mặc áo tô đồ có viền lông thỏ màu trắng trông thật oai nghiêm . Đây là Tòa Đại hình mà nhiều người còn gọi là Tòa áo đồ . Can phạm là một người đàn ông khoảng 40 tuổi được dẫn đến trình diện trước Tòa. Nguyên cáo là một phụ nữ vào khoảng ngoài 30 tuổi là một nông dân sinh sống tại địa phương . Nguyên cáo khai rằng vào khoảng 9 giờ đêm, nguyên cáo ở nhà một mình thì có tiếng gõ cửa đòi xét nhà . Nguyên cáo mở cửa thì thấy bị cáo là người cùng xóm có quen biết nhưng không thân thiết, mang súng bước vào. Sau vài lời chào hỏi thì bị cáo ngỏ lời được yêu . Nguyên cáo không đồng ý thì nguyên cáo bị vật ngã xuống đất . Bị cáo đè lên người nguyên cáo rồi sờ soạng , xé quần áo và cưỡng hiếp nguyên cáo . Bị cáo khai là Nhân dân tự vệ tại địa phương, đêm đó được phân công canh gác gần nhà nguyên

cáo . Thấy nguyên cáo ở nhà một mình nên bị cáo gõ cửa vào nhà để ngỏ lời tỏ tình . Vì bị cự tuyệt và nguyên cáo nói lời mạ lỵ nên bị cáo thấy xấu hổ , bị cáo mới nhào đến ôm nguyên cáo và bị nguyên cáo vật ngã xuống đất . Tức giận vì bị mạ lỵ nên bị cáo nổi giận xé quần áo của nguyên cáo chứ chưa cưỡng hiếp. Sau phần buộc tội của ông Phó Chương lý , Toà trao lời cho luật sư . Trong phần biện hộ , tôi đã trình bày như sau . Trước hết ,việc làm tình phải được sự đồng ý của hai bên nam nữ. Nguyên cáo là một nông dân mạnh khoẻ và không đồng ý việc làm tình . Vả lại để thực hiện hành vi cưỡng hiếp hay hiếp dâm thì phải có hành vi giao cấu hay nói rõ hơn là sự tiếp xúc thân mật của hai cơ quan sinh dục nam nữ . Khi người nữ không đồng tình , thường xuyên chống đối và vùng vẫy cự tuyệt thì người nam làm sao có thể xâm nhập được . Tôi cho rằng đây là một hành động cưỡng hiếp không thành tựu . Và tôi xin Toà miễn cho bị cáo tội cưỡng hiếp và chỉ xem là tội xâm phạm tiết hạnh mà thôi . Một thời gian sau , có dịp gặp một Phụ thẩm trong phiên xử này đã nói với tôi rằng lúc nghị án các phụ thẩm đã đề nghị tội cưỡng hiếp là 5 năm tù nhưng nhờ lời biện hộ của tôi nên bị cáo chỉ còn 3 năm tù . Nghe như vậy tôi cũng mừng cho bị cáo , là người thì ai cũng yêu đời tự do , yêu công bằng và nhân ái .

1- Toà Khẩn cấp :

Vào năm 1972, một chủ báo đến nhờ tôi bênh vực cho tờ báo vì bị kiện ra Toà khẩn cấp đòi ngưng bài phóng sự đăng trên báo và đòi bồi thường thiệt hại. Toà Sơ thẩm Sài Gòn thời đó có những phiên xử theo thẩm quyền chuyên môn Đó là Toà xử về tai nạn giao thông , Toà xử về Nhà phố , Toà Điền địa , Toà xử về tranh chấp lao động , Toà xử về Thương mại , Toà xử các việc hộ tịch và đặc biệt là Toà Khẩn cấp . Chánh án Toà Khẩn cấp thường là các Thẩm phán lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm . Chánh án Toà Khẩn cấp Sài Gòn đầu tiên mà tôi biết là Thẩm phán Lê Tài Triển

Khi Ông Lê Tài Triển lên Chánh Nhất Toà Thượng Thẩm Sài Gòn thì Toà Khẩn cấp do Thẩm phán Lê Minh Liên ngồi xử. Khi Ông



Lê Minh Liên đắc cử vào Thẩm phán Tối Cao Pháp viện thì Chánh án Toà Khẩn cấp được trao cho Thẩm phán Tôn Thất Hiệp. Tờ báo bị. kiện vì bài phóng sự viết không đúng về đời tư của một nữ nghệ sĩ .Nguyên đơn xin tờ báo ngưng ngay bài phóng sự , phải trả một số tiền lớn bồi thường thiệt hại và danh dự cho nguyên đơn . Trong phần lý doán trả lời , tôi đã lập luận như sau . Thứ nhất nguyên đơn là một gương mặt nghệ sĩ được ái mộ . Bài phóng sự viết là để tăng thêm sự ái mộ và nổi tiếng cho nguyên đơn . Nếu không hài lòng bài phóng sự, nguyên đơn có quyền viết thư yêu cầu đình chánh . Khi nào tờ báo không đình chánh thì mới đưa ra Toà xét xử . Thứ hai Toà án khẩn cấp chỉ thụ lý những vụ kiện khi có tính khẩn cấp và bạo hành . Xem là bạo hành khi người chiếm ngụ bị trục xuất khẩn cấp không nơi cư trú . Khẩn cấp khi nguyên đơn bị sai áp tài sản quá lớn và không thể sinh sống . Tờ báo là cơ quan ngôn luận , có quyền tự do báo chí . Bài phóng sự không có tính bạo hành và cũng không có tính khẩn cấp . Vì vậy để kết luận, bị đơn xin Toà bác đơn khởi tố vì không có tính bạo hành và không có tính khẩn cấp . Nguyên đơn có thể kiện tại Toà Dân sự đòi bồi thường . Sau phần tranh luận kết quả vụ kiện là Toà Khẩn cấp đã bác đơn khởi tố vì không có yếu tố khẩn cấp .

2- Thời tiêu :

Vào năm 1973 , có người khách A đến nhờ tôi truy tố hình sự chủ tiệm B và đòi tiền

bồi thường về một chuyện xảy ra vào năm 1962. Lý do là chủ tiệm B lái xe đụng và làm hư hỏng kho hàng của A. Bên B xin điều đình và thoả thuận tiền bồi thường cho A để không đưa ra trước pháp luật. Tuy nhiên lời hứa đó chỉ là lời hứa và cho đến nay B vẫn không bồi thường tiền thiệt hại cho A. Người khách A rất tức giận đưa cho tôi xem một số hình ảnh vụ kiện và yêu cầu tôi khởi tố hình sự cho B vào tù. Tôi nói việc này đã xảy ra hơn 10 năm nên không thể truy tố B về tội hình sự được, ta chỉ có thể khởi tố về dân sự để đòi B bồi thường mà thôi. Người khách A không hài lòng và bỏ ra về. Khoảng một tháng sau thì chủ tiệm B đến gặp đưa tôi xem tờ Trát trực tố triệu hoán B ra Toà và B nhờ tôi bên vực B trước Toà. Ngày xử, biện hộ cho nguyên cáo là luật sư vốn là cựu Chánh án Toà Hoà Giải Rộng quyền trước đây và nay hành nghề luật sư. Sau phần trình bày của luật sư bên A là đến phần buộc tội của Công tố viện. Tôi rất ngạc nhiên khi ông Phó Biện lý Toà sở tại ngồi ghế Công tố hùng hồn buộc tội bị cáo B đã vi phạm pháp luật, lái xe cầu thả đụng bắt động sản người khác, làm hư hại tài sản và ngoan cố không bồi thường nên phía Công tố xin Toà phạt nặng bị cáo. Tôi chợt nghĩ có lẽ ông Phó Biện lý vì nể trọng ông cựu Chánh án nên quên mất thời hiệu của vụ kiện. Đến phần Chánh án trao lời cho luật sư bị cáo thì tôi nói tôi sẽ không tranh luận về nội dung mà chỉ nói về hình thức thôi. Tôi trình bày sự việc xảy ra từ năm 1962 đến nay năm 1973 đã hơn 10 năm. Căn cứ theo những điều luật của Hình sự tố tụng trước đây mà đệ nhất Việt Nam Cộng Hoà áp dụng và Luật Hình sự tố tụng của đệ nhị Việt Nam Cộng Hoà vừa ban hành thì những sự việc xảy ra trên 10 năm không còn thời hiệu để truy tố. Vì vậy xin Toà huỷ bỏ trát Trực tố triệu hoán và bác đơn khởi tố của nguyên cáo. Ngoài ra xin phụ lý rằng bị cáo dành quyền tranh luận về nội dung khi cần thiết. Kết luận Toà bác đơn khởi tố của nguyên cáo và huỷ bỏ trát triệu hoán vì thời gian truy tố đã hết hiệu lực.

3- Án lệnh phê đơn :

Vào năm 1974, có một người khách đến

than phiền với tôi rằng người láng giềng của ông đã lán ranh, phá hoại cây trồng trong vườn nhà ông, thường xuyên gây chuyện chưởi rửa mà lỵ ông. Ông đã nhiều lần trình bày với chính quyền địa phương nhưng không thấy sự việc được giải quyết. Ông không biết làm sao để ngăn cản những hành vi của người láng giềng này. Tôi đề nghị ông xin Án lệnh phê đơn nhờ Thừa phát lại đến lập vi bằng công chứng về thiệt hại trong vườn và lấy lời khai của các nhân chứng gần đó. Ông khách nói gia đình người láng giềng này hung dữ lắm, chắc là không ai dám ra làm chứng. Tôi nói như vậy trong Án lệnh phê đơn, tôi sẽ xin triệu dụng Trưởng Cuộc Cảnh sát Thị xã và Sĩ quan Quân Cảnh Tư pháp đến lập Biên bản, hỏi cung bị cáo và nhân chứng.

Sau khi có Án lệnh phê đơn và nhờ triệu dụng uy lực của Trưởng cuộc Cảnh sát và Sĩ quan Quân Cảnh tư pháp, Vi bằng công chứng về sự thiệt hại tài sản, biên bản lời khai của bị cáo và của các nhân chứng được thực hiện. Tôi đề nghị với khách là sẽ vào đơn khởi tố bị cáo, đòi bị cáo xin lỗi về tội phỉ báng mạ lỵ, đòi bồi thường một đồng bạc danh dự, đăng trên ba tờ báo mà bị cáo phải trả tổn phí. Sau đó sẽ khởi tố tại Toà Dân sự đòi tiền bồi thường thiệt hại về những tổn thất trong khu vườn nhà. Kết quả là với Vi bằng công chứng được thực hiện bởi sự triệu dụng quyền lực của Cảnh sát và Quân cảnh, nguyên cáo đã thắng mọi vụ kiện. Án lệnh phê đơn, một quyền lực của người công dân Việt Nam lúc bấy giờ.

Những câu chuyện mà tôi đã kể lại trên đây đã xảy ra hơn nửa thế kỷ trước, một thời gian quá dài trong đời người. Vì vậy, chuyện có thể không đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên anh Nguyễn Văn Bình, người chủ trương Đặc San Luật Khoa trong gia đình Luật khoa Bắc Cali đề nghị tôi thuật lại vài câu chuyện luật pháp để thấy tính công bằng, lòng nhân ái và sự tôn trọng con người trong luật pháp Việt Nam Cộng Hoà. Và cũng để thấy sức mạnh và quyền lực của người công dân Việt Nam tự do, được luật pháp bảo vệ cho mình và cho mọi người như thế nào ./.

LS VÕ VĂN DINH

TÂM SỰ ĐỜI TÔI

Hay KỶ NIỆM TRƯỜNG XƯA



Ls NGUYỄN VĂN ĐỊNH, NT. 54-58
Bài viết cho Đặc San NT 2024

TẠI SAO TÔI HỌC TRƯỜNG NGUYỄN TRÃI?

Sau khi Pháp thua trận Điện Biên Phủ, hiệp định Geneve được ký kết giữa Việt Minh và Pháp ngày 20 tháng 7 năm 1954, chia đôi đất nước lấy sông Bến Hải là ranh giới. Ai không muốn ở với Việt Minh thì di cư vào Nam.

Năm ấy tôi đã học xong lớp đệ Lục tại trường trung học Phan Đình Phùng ở phố Hàng Đẫy Hà Nội, rồi di cư vào Sài Gòn bằng máy bay quân sự của Pháp. Lúc đó hai anh em tôi đi trước vào một đêm heo hút của tháng 8 trong bầu không khí se lạnh, phố xá vắng tanh, chạy xe dưới ánh đèn mờ nhạt đến Tòa Thị Chính Hà Nội để được xe nhà binh Pháp đưa sang phi trường Gia Lâm bay vào Saigon. Sau khi đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất chúng tôi được đưa vào tạm trú tại bệnh viện Bình Dân lúc đó vừa mới xây xong. Sau một tuần lễ tạm trú tại đây, chúng tôi tìm được nhà cô em họ. Vợ chồng cô được Pháp cho đi trước vì chồng cô là công chức.

Anh tôi phải đi làm để tự túc, còn tôi ở nhà không liên lạc được với ai. Ít lâu sau anh tôi nghe tin CVA nhận ghi danh cho học sinh và đưa tôi đến thì CVA đã không nhận nữa. Anh

tôi đưa sang ghi tên ở Nguyễn Traĩ thì lớp đệ Ngũ và cả đệ Lục không còn chỗ, chỉ còn vài chỗ lớp đệ Thất.

Vì lỡ và vì không có tiền học tư, nên tôi phải chấp nhận ghi tên học lại lớp đệ Thất nhưng tôi thất vọng vô cùng.

ĐỊA ĐIỂM CỦA TRƯỜNG:

Lúc đầu chúng tôi phải học nhờ vào buổi trưa tại trường Tiểu Học Cầu Kho trên đường Nguyễn Thái Học gần chợ Cầu Ông Lãnh Saigon. Sau đó ít lâu trường NT được chuyển về học tại trường Tiểu học Lê Văn Duyệt trên đường Phan Đình Phùng gần Đài Phát Thanh Saigon.

Tôi theo học trường NT từ năm 1954-1958, vì trường này chỉ có chương trình 4 năm cho Trung học Đệ nhất cấp và chỉ cho nam sinh học thôi. Ai đỗ được THPTNC thì được chuyển sang học CVA để học tiếp. Không đỗ được thì ra học trường tư hoặc đi lính. Lúc đó Trường Sĩ Quan Thủ Đức chỉ cần có giấy chứng nhận học lớp đệ Nhi là được nhập học. Vì vậy người ta thường nói đùa “Bé mà không học, lớn làm Sĩ quan” Sau này nhu cầu chiến sự nên đỗ Tú Tài, Cử Nhân, Kỹ sư... đều bị hết.

BAN GIÁM HỌC NT THỜI ĐẦU:

Thời tôi học bắt đầu Hiệu Trưởng là Ông Nguyễn (hay Trần) Văn Việt. Khoảng 2 năm sau Ông đổi sang làm Hiệu Trưởng CVA, mang theo lớp nữ sinh mà TV gửi học nhờ. Cụ Vũ Đức Thận thay thế làm Hiệu Trưởng. Năm 1958 tôi chuyển sang CVA, không biết Cụ Thận còn làm Hiệu trưởng đến bao giờ

Các Giáo sư dạy NT Saigon từ thời di cư ấy mà tôi còn nhớ là

-Nguyễn Thế Cường, sau này Ông là Chánh Biện lý tòa án Sơ Thẩm Gia Định,

-Đặng Vũ Hàm, là Dự Thẩm Niên Trưởng Tòa án Sơ Thẩm Saigon,

-Đào Quang Huy và Lý Quốc Sinh là Luật sư Tòa Thượng Thẩm Saigon. Tuy cùng

hành nghề nhưng tôi ít khi gặp vì hai vị này có các Luật sư phụ tá thay mặt tại tòa.

Trong ban điều hành của trường lúc bấy giờ tôi nhớ mãi Ông Tô Đình Hiền, Hiệu Đoàn Trường, với nhiệm vụ là lo sinh hoạt của trường như chào cờ v.v..

Dù không phải là giáo sư nhưng ông luôn luôn mặc đồ lớn, lái xe Lambretta, đầu chét mờ bò bóng láng, ruồi đậu té chét hàng loạt.

Ông Hiền phạt tôi nhiều nhất (Bị consigné) vì tôi đứng chào cờ không thẳng hàng hoặc tôi ra xếp hàng chậm, hoặc nói chuyện.. Giáo sư khác thời tôi học lớp đệ Thất và đệ Lục thỉnh thoảng cũng phạt tôi về tội nói chuyện hoặc không làm bài vì tôi đã học qua rồi. Hơn nữa tôi phải học lại, ngồi học chung với mấy đứa em út của mình, tôi cảm thấy nản, tôi không học nghiêm chỉnh nên bị phạt hoài là thế. Đó là kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi khi học trường NT thời di cư.

CHƯƠNG TRÌNH HỌC VÀ THI:

Chương trình học lúc đó phần lớn còn theo chương trình Pháp và ở lớp đệ Tứ tôi đã phải chọn 2 sinh ngữ. Tôi chọn Pháp và Anh Văn và phải viết luận văn (Dissertation Morale) bằng ngoại ngữ.

Năm 1958 thi Trung Học Đệ Nhất Cấp cũng như Tú Tài 1 và 2, vẫn còn thi trên toàn quốc, do Bộ Giáo Dục tổ chức. Đề thi do Bộ Giáo Dục chọn, Giáo sư bị chuyển chuyên đi khắp nơi để coi và chấm thi. Đầu bài thi có tên tuổi, có số báo danh của thí sinh, khi thi xong là bị đọc phách để Giáo sư chấm thi không biết tên học trò là ai để khỏi bị gian lận. Khi chấm xong mới được ráp phách để so kết quả của thí sinh mà công bố. Mỗi năm có 2 kỳ thi: Kỳ 1 vào tháng 6, kỳ 2 vào tháng 9. Nếu rớt kỳ 1 được thi kỳ 2.

Thi viết xong ai đỗ lại phải thi orale nữa. Nếu rớt Orale là trượt luôn. Giáo sư lại bị chuyển chuyên lung tung để hỏi vấn đáp (Orale). Thi Orale Pháp Văn của tôi –THDNC- do Cô giáo có bằng Cử Nhân ở Pháp dạy trường Võ Trường Toản hỏi và môn tiếng Anh do một Ông Mỹ ở tòa Đại Sứ Hoa Kỳ hỏi vấn đáp tôi. (Đỗ kỳ 2). Chuyển sang CVA tôi đỗ TT.1 kỳ 2 năm

1961, TT.2 kỳ 2 năm 1962.

CHỌN NGÀNH RỒI CHỌN TRƯỜNG: “Định hướng nghề nghiệp trước”



Ở VN không có Counselors như ở Mỹ. Do đó người ta thường chọn ngành học nào mà xã hội trọng vọng nhất, nói theo VC là “Định hướng theo xã hội chủ nghĩa Cũ”, như Giáo sư, Bác sĩ, kỹ sư, luật sư v.v..

Tôi ghi danh vào trường Đại Học Văn khoa với ước vọng là làm GS tự do. “Nghề” này được trọng vọng nhất trong những nghề được trọng vọng. Người ta thường nói “Quân Sư Phụ” Trong 3 vị thế này thì Thầy giáo chỉ đứng sau vua, mà trước cả cha mình nữa. Người ta cũng thường nói: “Không thầy đố mày làm nên”. Và “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” nghĩa là hơn nhau 1 chữ cũng làm thầy, hơn nhau nửa chữ cũng làm thầy. Ý nói là học vẫn được quý trọng hơn cả.

Nếu không đỗ được những bằng cấp như trên thì đừng hòng có được chỗ đứng cao trong xã hội, ngay cả cũng không lấy được vợ xứng đáng vì “Phi cao đẳng bất thành phu phụ”.

Dù muốn làm “Thầy” nhưng tôi không học Đại Học Sư Phạm để làm Thầy chuyên nghiệp “sáng cấp ô đi, tối cấp về”, vì không muốn hàng ngày phải đối diện với cái bảng đen, bị vây kín bởi 4 bức tường vôi trắng toát. Tôi cũng không muốn hàng ngày phải thấy “Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba là học trò”. Đúng như nhà thơ Cao Bá Quát đã ngán ngẫm với nghề này mà than rằng: “Một thầy một trò, một chó cái.



Học trò dăm đứa nửa người nửa ngợm nửa đười ươi”.

Sau 2 năm theo học Đại Học Văn Khoa thì tình hình xã hội có nhiều biến chuyển, tôi phải chuyển sang học đại học Luật Khoa Saigon để thích hợp với thời cuộc, với hy vọng là sau đó làm bên Quân Pháp. Nói như vậy không có nghĩa là tôi hèn nhát không dám lãnh trách nhiệm của người trai thời loạn, vì tôi đã tình nguyện vào trường Sĩ Quan Thủ Đức năm 1962 nhưng đã bị “Chế Linh” –Lính chề-. Lúc đó tôi đã đỗ đạt đang hoàng, không phải “Bé mà không học, lớn làm sĩ quan” như người ta thường nói. Rồi tôi tốt nghiệp Cử Nhân Luật, kỳ 2 năm 1967. Lúc đó tôi không muốn theo nghề luật sư vì người ta thường nói Luật sư là nghề “Đổi Trắng Thay Đen”, mà Chánh án cũng bị coi là nghề thất đức, xử án oan khiến sẽ bị nhân quả.

Vào năm 1962 và những năm sau đó tôi không thi làm chánh án mặc dù có vài kỳ thi tuyển thẩm phán. Bộ Tư Pháp tuyển 15 người nhưng chỉ có 17 thí sinh nộp đơn, nếu tôi không làm có kỳ thi tuyển, số thí sinh nộp đơn ít hơn số người dự tuyển mà điều kiện thí sinh chỉ cần có Tú Tài 2.

Sau một thời gian suy nghĩ tôi mới ngộ ra rằng luật sư không đổi trắng thay đen được vì không thể qua mặt mấy ông tòa mà mèo trắng mà bảo mèo đen là mấy ông nghe đâu.

Luật sư đóng vai trò quan trọng là phụ tá

công lý giúp tòa tìm ra sự thật để xét xử công bằng, giải oan cho những người “thấp cổ, bé họng”. Nếu tòa xét xử oan sai thì tòa phải bị trách nhiệm, ít nhất là nhân quả theo đạo Phật. Luật sư không có quyền tha hoặc bỏ tù ai cả.

Bởi các lẽ đó tôi mới quyết định gia nhập Luật sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Saigon. Thi bằng hành nghề luật sư, đỗ kỳ 2.

(Lại kỳ 2)

Tuy vào ngành luật sau bạn bè cùng trang lứa, nhưng tôi đã tự hào là mình đã làm tròn chức năng của người “Phụ Tá Công Lý”, một công việc mà tôi nghĩ quan trọng hơn những công việc khác. Đó là lý do tại sao tôi đã không nhận chức Tham Vụ Ngoại giao mà tôi thi và được tuyển năm 1972, thời Tổng Trưởng Trần Văn Đỗ. Tôi tin rằng đó là một sự lựa chọn đúng.

Theo lá số tử vi trước đây của tôi mà ông thầy phán rằng tôi có sao Quan Đới, Thiên Hình cư thân hay chiếu mệnh gì đó. Nếu không làm quan thì cũng dính vào những vụ án hình. Tôi bán tín bán nghi và nghĩ rằng mình đến nông nổi gì mà vi phạm đến vụ cướp của giết người để làm điểm nhục đến gia phong.

Thế rồi thời gian qua đi, tôi phải lo cơm áo gạo tiền nên cũng chẳng để ý tới. Đến khi về hưu mới ngẫm nghiên cứu mà nghiệm ra rằng Sao Quan Đới của tôi đã bị Tuần, Triệt chặn cửa thì làm sao tôi làm quan được. Bởi vậy tôi đã không thi làm “Quan Toa” vào những năm 1962, và lúc đó tôi tình nguyện xin vào Trường Sĩ Quan Thủ Đức cũng bị “Lính Chề”.

Còn về sao Thiên Hình thì chính tôi không vướng tội hình, mà theo thời gian công việc đưa đẩy tôi làm nghề Luật Sư và cũng vì nghề nghiệp tự nó đưa đẩy tôi chuyên cái về hình sự. Ngay cả sau di tản 1975 qua nhiều

công việc khác nhau tại Mỹ, cuối cùng tôi cũng làm việc cho Tòa án Thiếu Nhi tại Santa Clara County, lo những hồ sơ hình sự mà cha mẹ đã mắc tội hành hạ (abused) con mình.

VÀO NGHỀ RỒI MỚI HỌC THEO NGHỀ

Khi đến Mỹ làm nghề nào học lấy bằng theo nghề ấy.

Tôi di tản sang Mỹ 30 tháng 4 năm 1975. Sau 7 ngày định cư tại San Mateo County nhà thờ bảo trợ tìm cho tôi một việc làm tạm mùa hè tại Sở Giáo Dục của County này. Sau đó họ tìm cho tôi một việc làm chính thức là phụ tá luật sư tại một tổ hợp Luật Sư Pillsbury Madison & Sutro tại San Francisco (gồm 250 luật sư hoạt động). Vì muốn có bằng Tiến Sĩ Luật và thành Luật sư tại Mỹ nên tôi bỏ việc, ghi danh học tại Trường Đại học Hastings College of Law tại San Francisco. Vì tôi đã học luật, hành nghề tại VN và đã làm cho Tổ hợp Luật sư lớn tại SF hơn 1 năm nên họ cho tôi credits và học chung với SV năm thứ 3 của trường. Tôi chỉ phải học 1 năm và 1 lớp mùa hè để hoàn tất bằng TS Luật (JD) vào tháng 9 năm 1977. (lại kỳ 2).

Sau khi tốt nghiệp tôi không kiếm được việc nên tôi chuyển sang học về Electronics. Việc đầu tiên là làm cho hãng Kasper ở Sunnyvale California, sản xuất computer bán cho Nga Xô. Sau đó tôi chuyển sang làm cho hãng GE, sản xuất nhà máy điện nguyên tử (Nuclear Power Plant). Nhà máy đầu tiên mà tôi test bán cho Trung Cộng năm 1979 (3.3 tỷ US dollars). Trong thời gia này tôi là 1 trong 6 người được cho đi sang là học phi thuyền không gian ở Nam Cali. Năm 1982 tôi được cấp học bổng của Liên Bang (Federal Grant) theo học Đại Học USF ở San Francisco. Đỗ MA về giáo dục, specializing in Carrer Counseling 1984. Sau khi thi lấy được giấy phép dạy học cho người lớn (Teaching Credential for adult program) tôi dạy những lớp chuyên viên Điện Tử cho sở Giáo dục Fremont thuộc Cupertino, và cho Trung Tâm Huấn Nghệ O'Brian thuộc Menlo Park California trước khi tôi làm Phụ Tá Giám Đốc cho Chương Trình Song Ngữ Đông Dương, (Assistant Director for Indochinese Language Program cho SJ Unified School

District). Sau đó tôi làm Supervisor coi 2 Deptments –Touching and loading cùng một lúc- cho hãng PCB, (Printed Circuit Board) ở Milpitas.

Trong thời gian này, bạn học cùng lớp ở NT là anh Bui C. H nhờ tôi học chung giúp anh ta thi làm Social Worker. Khi thi tôi đậu hạng 4 anh H rớt, tôi không nhân việc, xin hoãn vì đang làm supervisor. Sau đó công việc hãng tư có nhiều áp lực và quá vất vả, tôi bỏ việc và xin trở lại làm Social Worker cho Santa Clara County. Công việc đúng của Social Worker thích hợp với khả năng của tôi là làm việc cho toà án Thiếu Nhi, nhưng việc này đòi hỏi phải có bằng MSW (Master of Social Work). Do đó ban ngày đi làm tối vào Đại Học San Jose State University học, tiền học và sách vở, sở trả hết cho mình. Sau 4 năm học part-time tôi hoàn tất chương trình MSW năm 1989.

Lúc này anh bạn Lê Đình C. vừa ở VN sang đề nghị tôi học Tiến Sĩ Giáo Dục về VN dạy giúp cho giới trẻ thăng tiến. Tôi hoàn tất Ph. D. Program in Education năm 1994. Dean của Asian Culture Deptment của trường có dịp thăm VN và đề nghị mở chương trình Volunteer ở đó, nhưng VC đòi cho tiền thì mới được về dạy free. Với những lý do nêu trên các bạn hiểu tại sao tôi phải học nhiều bằng để chạy theo công việc mình đang làm.

Dù sao mộng làm "Thầy" của tôi cũng đã được thực hiện. Trong thời gian tôi học tại Đại Học Văn Khoa, Luật Khoa Saigon tôi đã dạy học tại nhiều trường Trung học khác nhau ở Saigon trong đó có Nguyễn Khuyến, Văn Lang, Trí Đức, Vinh Sơn Liêm... và dạy luật Hiến Pháp, luật Hàng Hải, trường Hàng Hải Phú Thọ, tôi không nhớ rõ là dạy Hiến Pháp hay Hình Sự Tố Tụng gì đó cho khoá 3 Sĩ quan Cảnh Sát Quốc Gia ở Biệt Khu Thủ Đô, trước khi Trung Tâm huấn luyện này chuyển lên Thủ Đức và Thảm Phán Trần An Bài thay thế từ đó.

Ngay tại Mỹ tôi cũng đã là giáo sư dạy tại nhiều học khu, điều hành và dạy ESL cho Tù Nhân Cải Tạo và dạy những lớp chuyên viên điện tử và ESL cho Trung tâm huấn nghệ ITEC (Indochinese Training & Employment Center).

Tóm lại, ở VN tôi định hướng làm Giáo sư, rồi chuyển hướng làm sĩ quan, rồi muốn làm tòa án Quân sự cũng không xong, làm Tham Vụ Ngoại Giao cũng không chọn. Cuối cùng bắt đầu đi lại hành nghề Luật sư. Ở Mỹ tôi cũng không định hướng nghề trước được. Gặp công việc nào mà mình xin được là làm, rồi đi học lấy bằng để hợp thức hóa nghề ấy sau .

Bởi vậy:

Tôi sinh ra đời, nhằm thế kỷ.
Giữa quê mình, định hướng không
xong;
Ở quê người, cuộc sống long đong;
Sống lạc loài, làm nghề bất định.

Vân Đình

(Theo ý thơ của GS. Vũ Hoàng Chương)

Như vậy thời gian của đời tôi hầu hết là ở ở ở và ở trường hơn ở nhà. Cuối cùng có nhiều bằng nhưng không dùng được bao nhiêu. Ở Mỹ càng đỗ bằng cao càng khó xin việc nhất là mình lại là dân thiểu số mà bằng lại không chuyên môn về kỹ thuật, y tế, v.v...

Dưới đây là tâm sự của tôi qua bài thơ trào phúng như sau :

TRÂU VẮN LÀ TRÂU

Mài sừng cho lắm vẫn là trâu.
Học lắm cho nên mới bạc đầu;
Đỗ được nhiều bằng đem lộng kiếng*
Vác bằng xin việc có được đâu.
Tư bản không muốn mình “làm xếp”
Chúng muốn người sáng tạo hàng đầu
Đem lá cho chúng nhiều lợi nhuận
Để chúng làm “Boss” ngồi gãi râu.

Vân Đình

* lộng kiếng để coi chơi, cũng có nghĩa là liệng xuống cống.

VIỆC HỌC CỦA TÔI TUY VẮT VÀ NHƯNG GẶP MAY:

Tôi là một học sinh dốt nhưng may mắn

đỗ được vào kỳ 2 liên tục từ THDNC, TT1, TT2 lên đến Cử Nhân, cả đến khi đỗ bằng hành nghề luật sư. Ở Mỹ chỉ có bằng JD là đỗ khóa 2 (vào tháng 9), còn các bằng khác thì đỗ bình thường..

Nhờ may mắn đỗ liên tục nếu không thì có thể phải nhập ngũ trong lúc chiến tranh khốc liệt nhất, dù mình trước đó đã bị lính chèn. Các bạn học của tôi từ NT đến CVA nhiều người đã ra đi không bao giờ trở lại, bạn còn lại ít lắm. nên chúng tôi cũng ít gặp nhau. Lại nữa, khi di tản mỗi người một nơi, cách xa nhau vạn dặm nên lại càng khó gặp.

Đã đôi lần tôi tham dự picnic liên trường ở San Jose: NT, CVA, TV, VTT, HNC, TL, Petus Ky Gia Long nhưng tôi cảm thấy lạc lõng, bơ vơ quá. Không ai quen để mình thăm hỏi. Mùa hè năm nay anh Phạm Bách Phi NT gửi thông báo tổ chức Hội Ngộ NT Tại Ottawa, Canada vào tháng 10 và Picnic liên trường tại San Jose vào tháng 8 này. Tôi không tham dự vì chẳng mấy ai quen:

Giữa chốn đông người, sao mình thấy
lạc lõng;

Họ ồn ào sao ta vẫn cảm thấy cô đơn.
Kỷ niệm trường xưa nung nấu cả tâm

hồn;
Sao trong lòng ta vẫn thấy đầy trống
vắng.

(Nhớ lại Picnic hè năm trước).

Vân Đình

Những kỷ niệm tôi viết ra đây để chia sẻ với các đồng môn, những người đi sau, để biết về những sự khó khăn lúc khởi đầu của trường NT Saigon. Tôi tự hào vì trường này đã có nhiều nhân tài, bạn đồng song và đồng môn, tôi chỉ biết thời tôi học, bắt nguồn từ NT như Bác Sĩ, Kỹ Sư, Giáo sư, luật sư, Thẩm phán và nhiều Sĩ quan tài giỏi cho quân lực VNCH...Họ đã cống hiến đời mình cho đất nước.

Redwood City California.

July 15, 2024

NGUYỄN VĂN ĐÌNH, NT 54-58

Cựu LS, JD, MA, MSW. Ph.D

HỌP MẶT HÈ LUẬT KHOA BẮC CALI.



ghé, lo thực phẩm, MC, dàn nhạc Karaoke, quay video v.v... Ông Bình cho biết GĐLKBC đã hoạt động được 15 năm và thường tổ chức các buổi hội ngộ vào mùa Thu, nhưng nay mới có buổi họp mùa Hè năm nay. Ông cho rằng hiện nay việc tổ chức các buổi họp mặt

San Jose (Ý Dân): 67 người gồm các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, của Hội Luật Gia, cùng các cựu sinh viên Luật của 3 trường Luật Huế, Sài Gòn, Cần Thơ và thân hữu đã tham dự buổi Họp Mặt Hè Luật Khoa do Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức tại hội trường của Woodbridge Mobile Home Park, 3051 Towers Lane, San Jose, Ca 95121 vào 12 giờ trưa chủ nhật 18-8-2024 vừa qua.

Với chủ đề Hè, nên mọi người tham dự đã trang phục Hawaii với màu sắc rực rỡ. Mọi người lâu ngày gặp nhau nên tay bắt mặt mừng và cùng chụp hình lưu niệm bên các banners khung cảnh Hawaii.



Mở đầu, ông Nguyễn Văn Bình, đại diện cho GĐLKBC ngỏ lời cảm tạ mọi người đến tham dự tiệc cùng cảm ơn sự giúp đỡ của một số các anh chị trong việc tổ chức buổi tiệc như thuê địa điểm, sắp xếp bàn

Luật Khoa gặp nhiều khó khăn vì vật giá quá cao nếu tổ chức tiệc tại nhà hàng và nhất là sức khỏe suy kém của nhiều người, không thể đi tham dự. Tuy nhiên, ông cho biết GĐLKBC vẫn cố gắng tổ chức các buổi họp mặt vì muốn tạo dịp cho các cựu sinh viên Luật được gặp gỡ. Ông chúc mọi người tham dự được nhiều sức khỏe và có buổi tiệc thật vui.



Trong phần phát biểu, ông Lê Đình Cai, cựu sinh viên Luật Huế dịp này cho biết ông chỉ học Luật có một năm từ năm 1962-1963, nhưng sau đó ông đã chuyển sang học Văn Khoa môn Sử Địa. Các bạn

học cùng thời với ông có nhiều người là thẩm phán, luật sư. Sau này, ông Cai đã dạy học tại đại học Văn Khoa Huế và vào Sài Gòn ông đã trình luận án Cuộc Đấu Tranh Chính Trị Với CSVN. Ra hải ngoại, ông đã cho ra mắt các sách về lịch sử, chiến tranh VN. Ông cho biết

cuộc đời của ông đã có những mối liên hệ thân thiết với ngành Luật.



Chị Phan Thúy Phương, cựu sinh viên Luật Sài Gòn cho rằng hiện nay các cựu sinh viên Luật đã vào tuổi xế chiều, nên chúng ta cần tận dụng thời gian để gặp nhau, ôn lại những kỷ niệm quý báu xưa kia. Chị Phương mong mỗi GĐLKBC cố gắng tạo nhiều dịp cho mọi người

gặp nhau.

Sau đó, mọi người đã có khoảng nửa tiếng để nhập tiệc. Thực đơn gồm có: Cơm thịt nướng, Cà Ri bánh mì, Gỏi Gà, Chạo Tôm, Tàu Hủ Lạnh, Trái Cây, nước ngọt, nước punch ice cream v.v.. Mọi người đều khen các món ăn thật ngon.



Mở đầu phần văn nghệ, khoảng 30 cựu sinh viên Luật đã hợp ca bài Luật Khoa VN Hành Khúc sáng tác bởi Ls Võ Văn Dinh thật hào hùng. Nội dung bài ca là: Luật Khoa Tiến! Tiến lên cho đời. Rạng ngời công lý, sáng danh nhân quyền. Luật khoa Thắng, quyết tâm chiến thắng bạo tàn. Ánh vinh quang muôn đời sáng soi. Tiếp đến, các cựu sinh viên Luật đã hợp ca bài Hè Về của nhạc sĩ Hùng Lân rất ăn khớp đã đem mọi người thả hồn về Mùa Hè vui tươi, yêu đời.

Tiếp đến là phần mừng sinh nhật cho 21 người có ngày sinh từ tháng 7 đến tháng 12 trong lứa tuổi từ 65 đến gần 90 tuổi. Các anh chị mừng sinh nhật đã được đeo vòng hoa



Mừng sinh nhật

trên cổ và cầm cây nến pháo bông với gương mặt vui vẻ thì trong lúc đó bài Happy Birthday đã được trỗi lên chúc mừng các anh chị thật vui. Sau đó, mọi người đã dùng những chiếc bánh Mochi thật ngon.



Anh Nguyễn Mạnh Hùng và Chị Mậu Quế

Sau đó là các màn đơn ca qua các giọng ca của gần 20 người gồm các bản tình ca với nhiều điệu nhạc thật vui nhộn. Anh Nguyễn Văn Bình với bài Suối Tóc. Chị Mậu Quế với bài Hoa Biền. Chị Dương Thị Tiến với bài Đứng Xa Nhau. Chị Cẩm Vân với bài Si Lamour Existe Encore. Anh Vũ Hữu Kỳ với bài Phượng Yêu. Chị Kathy Mai với bài Đêm Buồn Tỉnh Nhò, Chị Võ Ngọc Hòa với bài Histoire d'un Amour. Anh Phạm Quang với bài Điệu Buồn. Anh Bảo Ngọc với bài Tiếng Hát Nửa Vời. Anh Nguyễn Ngọc Diệp với bài Cô Đơn. Chị Kim với bài Tôi Nhớ Tên Anh. Chị Bích Đào với bài Hoa Soan Bên Thềm Cũ. Chị Ngọc Dung với bài Trở Về Bên



Mơ. Anh Phạm Bách Phi với bài La Bamba. Chị Nguyễn Thị Nhung với bài 90 năm cuộc đời. Anh Phạm Mạnh Tuấn với bài Trả Lại Em Yêu. Anh Huỳnh Minh Quang với bài Diana. Anh Nguyễn Mạnh Hùng với bài Ghen. Anh Alain Trần với bài Một Đêm Say. Chị Kim Hồng với bài Tình Nồng Cháy và sau cùng anh Nguyễn Tuấn với bài Gặp Nhau Trên Phố.



Buổi họp mặt Hè Luật Khoa với sự điều khiển khéo léo, duyên dáng của hai MC là anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Mậu Quế và ban nhạc Karaoke Nguyễn Tuấn với âm thanh khá tốt đã được chấm dứt trong tốt đẹp và vui vẻ vào 4 giờ trưa cùng ngày./.

THẦN THỜ



Sân tàu quạnh vắng buổi hoàng hôn
Lặng đứng mình anh kẻ mắt hồn
Thương nhớ về em ngàn kỷ niệm
Người ơi! Sao mãi vẫn chờ trông ?

Viết gì khi lúc vắng người yêu
Uyển ngữ bao nhiêu đủ mọi điều
Em hiểu giờ đây nơi đất khách
Ngàn lần thương nhớ có bao nhiêu

Thời gian ngày tháng qua mau nhỉ ?
Biết mấy Đông rồi vẫn nhớ em
Phố cũ đi về sao lạnh giá !
Thêm buồn cảnh vắng lúc về đêm

Những lúc lòng anh thấy thần thờ
Mong tình lắng đọng với hồn thơ
Nhưng hình bóng ấy, ngày xưa cũ
Vẫn mãi trong tôi nỗi đợi chờ ...

Làm sao quên được chuỗi sầu vương
Khi tiếng mưa rơi nhỏ lệ buồn
Dấu bước in hằn trên lối cũ
Cầm tay hai đứa ngỏ lời thương

Không biết giờ này em ở đâu?
Hoàng hôn quạnh vắng lại thêm sầu
Xa rồi kỷ niệm còn đâu nữa
Xin chúc tình em mãi đậm sâu

NGUYỄN VĂN THẮNG

VIỆT NAM CỘNG HÒA RA ĐỜI TRONG HOÀN CẢNH NÀO ?

NGUYỄN HUY HÙNG



TT Ngô Đình Diệm

... hoàn cảnh nào đã giúp cho ông Ngô Đình Diệm có thời cơ trở thành người Anh Hùng tạo dựng ra nước Việt Nam Cộng Hoà vào năm 1956 tại miền Nam Việt Nam.

Hàng năm cứ đến khoảng cuối tháng 10 qua đầu tháng 11 Dương Lịch là một số người đã từng hưởng nhiều ân huệ của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, lại vận động tổ chức ngày tưởng niệm để ghi nhớ công ơn ông đã thành lập nước VIỆT NAM CỘNG HOÀ tại miền Nam Việt Nam sau khi hoàn tất việc thi hành Hiệp định đình chiến do Pháp và Việt Minh ký tại Genève ngày 21-7-1954.

Nhiều Bạn Trẻ thắc mắc muốn biết hoàn cảnh nào đã đưa đẩy khiến cho ông Ngô Đình Diệm có được cơ hội thành lập nước Việt Nam Cộng Hoà theo khuôn mẫu Tổng Thống Chế của Hiệp chủng Quốc Hoa Kỳ và lên làm Tổng Thống tại miền Nam Việt Nam, nhưng lại không có thì giờ ngồi sưu tập các tài liệu ghi chép các sự kiện lịch sử đã xảy ra tại Việt Nam trong những năm thuộc Thế kỷ 20, nên trần trở chẳng biết phải làm sao.

Do đó, Tôi xin ghi lại dưới đây một số những sự kiện trọng yếu đã xảy ra tại Việt Nam trong những năm thuộc Thế kỷ 20, và hoàn cảnh nào đã giúp cho ông Ngô Đình Diệm có

thời cơ trở thành người Anh Hùng tạo dựng ra nước Việt Nam Cộng Hoà vào năm 1956 tại miền Nam Việt Nam.

Nhưng vì tuổi tác đã cao trên 80, trí nhớ cũng suy giảm do ảnh hưởng sau 13 năm chịu cảnh đọa đầy trong các trại tập trung cải tạo lao động khổ sai của chính phủ nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau ngày Quốc Hận 30-4-1975, toàn thể đất nước Việt Nam bị đặt dưới quyền thống trị độc tài chuyên chính độc đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nên những ghi nhận và suy luận được trình bày có thể là Chủ quan theo hiểu biết nông cạn của Tôi, cũng có thể phiến diện hoặc thiếu sót, xin Quý Vị còn minh mẫn vui lòng miễn chấp và bỏ tấc giúp cho, Tôi cảm ơn vô cùng.

1.- CHIẾN CUỘC TẠI ĐÔNG DƯƠNG XOAY CHIỀU, CHÍNH PHỦ PHÁP PHẢI RÚT QUÂN RA KHỎI VIỆT NAM.

Giữa năm 1949, Trung Cộng thắng thế ở Trung Hoa Lục địa, do đó tình hình chiến trận tại Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, đặc biệt là tại Bắc Việt trở nên rất sôi động. Tháng 5 năm 1949, Chính phủ Pháp phải cử Tướng Revers sang thanh sát tình hình và nghiên cứu trình Kế hoạch đối phó. Sau khi công cán về nước, Tướng Revers đề nghị rút bỏ Cao Bằng (biên giới Việt Nam-Trung Hoa) để:

- 1.- Gom quân giữ Quốc lộ 4 từ Lạng Sơn đến Tiên Yên;
- 2.- củng cố bình định vùng đồng bằng Bắc Việt;
- 3.- Lấn chiếm cô lập khu Việt Bắc của Chủ lực Việt Minh gồm các tỉnh Thái Nguyên, Lào Kay, Tuyên Quang, và Yên Bái.

Chủ định thâm sâu của Pháp là tái lập Thuộc địa Đông Dương dưới hình thức mới, nên không được sự hỗ trợ của Hoa Kỳ. Do đó Pháp e ngại Trung Cộng (chủ nhân ông mới



của Trung Hoa Lục địa) xua quân can thiệp hỗ trợ cho Việt Minh Cộng sản, nên phải thun về thủ vùng đồng bằng để bảo toàn lực lượng, và tìm phương kế mới.

Kế hoạch của Tướng Revers đề nghị, được Chính phủ Pháp chấp thuận cho thi hành vào cuối năm 1949. Nhưng vì tại Đông Dương lúc đó, đang có sự bất đồng ý kiến giữa Tướng Carpentier (Tổng Tư lệnh quân Viễn chinh Pháp) tại Saigon và Tướng Alexandri (Tư lệnh đoàn quân tại Bắc Việt), nên mãi tới cuối tháng 8 năm 1950 mới thực hiện, mặc dù qua tin tức tình báo, Chính phủ Pháp, Cao ủy Đông Dương Pignon, và Tướng Carpentier, đều biết rằng Kế hoạch Revers đã bị tiết lộ.

Phiá Việt Minh, không biết bằng cách nào đã dò biết được Kế hoạch Revers, nên Tướng Võ Nguyên Giáp với sự trợ giúp trang bị vũ khí đạn dược, huấn luyện quân sĩ, và cố vấn hành quân của Trung Cộng, đã ráo riết chuẩn bị mở màn thử thách khả năng chiến đấu của bộ đội Việt Minh.

Ngày 18-9-1950, các đơn vị Việt Minh được sự yểm trợ của Pháo binh và súng cao xạ bắn máy bay, đã khởi tấn công và chiếm được đồn Đông Khê, rồi bao vây cô lập Cao

Bằng. Sau đó thừa thế tiếp tục khai triển mặt trận Cao Bằng-Lạng Sơn, kéo dài cho tới ngày 7-10-1950. Pháp thất bại nặng nề, phải rút bỏ Cao Bằng, Thất Khê, Na Châm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, và Lao Kay.

Trận đánh này đã làm tăng uy thế cho Việt Minh, rúng động tinh thần quân sĩ Pháp tại Đông Dương, cũng như các giới Chính trị Pháp và Hoa Kỳ. Dân chúng Pháp bắt đầu gọi cuộc chiến tại Đông Dương là “Chiến tranh sa lầy”, các Đảng phái chính trị Pháp cấu kết với nhau làm áp lực chính trị, khiến các Chính phủ Pháp thay phiên nhau sụp đổ liên tục, làm cho tình hình tại cả bên chính quốc lẫn tại Đông Dương ngày một rối rắm thêm. Để gỡ rối, Chính phủ Pháp cố gắng tìm một Tướng làm Tổng Tư lệnh mới thay thế Tướng Carpentier tại Đông Dương. Các Tướng Juin và Tướng Koenig được tham khảo, nhưng 2 ông này từ khước vì Chính phủ Pháp không thể thỏa mãn được những điều kiện các ông ấy đòi hỏi. Sau cùng, Tướng Jean Marie Gabriel De Lattre De Tassigny được lựa chọn. Ông này nhận lời ngay với một điều kiện duy nhất là phải cho ông ta rộng quyền chỉ huy.

Ngày 7-10-1950, Đại tướng De Lattre được đề cử làm Cao ủy kiêm Tổng Tư lệnh quân Viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Đúng 10 ngày sau, Tướng De Lattre lên đường nhậm chức, mang theo cả một Bộ Tham Mưu hùng hậu để làm trụ cột giúp ông ta hoàn thành sứ mạng lớn lao đã nhận lãnh. Trong suốt 9 tháng trời rông rã tiếp theo, ông ta đã chứng tỏ tài lãnh đạo chỉ huy và hành quân táo bạo của mình, qua các trận Vĩnh Yên giữa tháng 1-1951 (chết mất người con trai duy nhất là Trung úy Bernard), trận Mạo Khê cuối tháng 3-1951, trận “Bờ Sông Đáy” cuối tháng 5-1951, và đặc biệt là kế hoạch xây dựng “Phòng tuyến Bê tông De Lattre” để bảo vệ đồng bằng Bắc Việt trong Vùng Tam Giác: Moncay, Việt Trì, Ninh Bình, và “Phòng Lũy Hải Phòng”. Tướng De Lattre đã làm cho tinh thần Quân Sĩ được phục hồi, đồng thời tạo được sự tin tưởng của Chính phủ Pháp và các Đồng minh Hoa Kỳ, Anh Cát Lợi,...

Giữa tháng 9-1951, Tướng De Lattre

được Chính phủ Pháp cho đi công cán sang Hoa Kỳ xin viện trợ. Có lẽ nhờ trận Việt Minh tấn công quân Pháp tại vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, có sự hiện diện của quân Trung Cộng trong hàng ngũ quân Việt Minh, y như trận Bắc Hàn tấn công Nam Hàn mà Mỹ và Đồng minh phải can thiệp cũng có sự hiện diện của quân Trung Cộng trong hàng ngũ quân Bắc Hàn, nên Hoa Kỳ thay đổi thái độ đối với Pháp. Nhờ thế, Tướng De Lattre đã xin được Mỹ viện trợ cho Pháp tiếp tục cuộc chiến tại Đông Dương, dưới nhiệm vụ mới là “Ngăn chặn sự bành trướng của Quốc tế Cộng sản ở vùng Đông Nam Á Châu”, mà Việt Minh là tay sai tiền phương của Liên Xô và Trung Cộng. Viện trợ chỉ được chấp thuận với một điều kiện tiên quyết kèm theo là: “Pháp phải thành thực trao trả quyền Độc Lập, Tự do, cho các Chính phủ Quốc gia không Cộng sản tại Đông Dương, và xúc tiến nhanh chóng việc thành lập, huấn luyện, và trang bị quân sự cho các Quốc gia này có đủ khả năng tự vệ, tiêu diệt Cộng sản địa phương, bảo đảm an ninh cho dân chúng phát triển kinh tế. Đặc biệt phải để cho các Quốc gia này có quyền Tự do Giao thương trực tiếp với tất cả các nước Tự bản, ngoài khối Liên Hiệp Pháp, không phải qua trung gian của Pháp.”

Ngày 28-9-1951, hai ngày sau chuyến công du của Tướng De Lattre chấm dứt, chiếc tàu biển Eartham Bay của Hoa Kỳ đã từ Manilla chở tới Saigon, rất nhiều vũ khí nhẹ và đạn dược đủ loại. Đồng thời, một đoàn 30 Phóng pháo cơ B-26 do phi công Hoa Kỳ lái từ Phi Luật Tân qua, đáp xuống phi trường Cát Bi (Hải Phòng), trao cho Pháp trong âm thầm không kèn không trống. Mười hai (12) chiếc trong số phi cơ này đã được Hoa Kỳ biến cải thành loại máy bay soi sáng (Luciole), dùng để thả hoả châu soi sáng chiến trường ban đêm, trong thời gian liên tục 1 tiếng đồng hồ cho mỗi phi cơ.

Cũng nhờ thế nên ngày 1 tháng 10 năm 1951, ông Trần Văn Hữu Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng Chính phủ Quốc Gia Việt Nam mới chính thức công bố việc thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam (QĐQGVN) chống Cộng sản (gồm 8 Sư đoàn nhẹ trong 5

năm, riêng năm 1951 dự trù thành lập Sư đoàn 1 ở miền Nam, Sư Đoàn 2 ở miền Trung, Sư đoàn 3 ở miền Bắc, và Sư đoàn 4 ở vùng Cao Nguyên Trung phần Việt Nam). Ngày 16-10-1951 ban hành Lệnh Tổng Động Viên khoảng 15.000 thanh niên có bằng cấp từ Trung học trở lên vào học các khoá đào tạo Sĩ quan Trừ bị cấp tốc tại Thủ Đức và Nam Định. Rồi lần lần sau đó, thành lập Bộ Tổng Tham Mưu QĐQGVN, Trường Quân Y, và các Trường Võ bị Địa phương (Ecole Militaire Régionale) đào tạo các Chuẩn úy Trung đội trưởng, ngoài số Thiếu úy Hiện dịch do Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt đã và đang đào tạo (Trường VBLQ ĐàLạt được thành lập từ năm 1948). Các Trung tâm Huấn luyện Tân binh và Hạ sĩ quan cũng lần lượt được thành lập, và hoạt động náo nhiệt để thành lập các đơn vị cấp Tiểu đoàn, Trung đoàn Bộ Binh và các đơn vị Binh chủng, Nha, Sở chuyên môn.

(Thời gian này, Tôi là Trung Úy mới mãn khóa Sĩ quan Truyền Tin tại Trường Truyền Tin Montargis bên Pháp về vào đầu tháng 7-1951, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Mật Mã thuộc văn phòng Đồng lý Bộ Quốc Phòng do Thiếu Tá Nguyễn Văn Vận làm Đồng lý. Sau này Thiếu Tá Vận rời Bộ Quốc Phòng ra Hà Nội được thăng cấp lần lần tới Thiếu Tướng Tư lệnh Quân Khu 3 vào năm 1954)

Được sự yểm trợ của Hoa Kỳ, Quân đội Viễn chinh Pháp ồ ạt xây dựng các doanh trại và cơ sở rất lớn rộng cho các Cơ quan Chỉ huy và Đơn vị Hành chánh Tiếp vận Trung Ương tại các vùng Tân Sơn Nhứt, Gò Vấp, Bình Lợi, Cát Lái (Gia Định), Khánh Hội (Saigon), và Biên Hoà... Theo dự tính của Tướng De Lattre, các Cơ sở này phải đủ tầm vóc có thể biến thành các Cơ sở Chỉ huy và Tiếp vận cho các Lực lượng Liên Hiệp Quốc xử dụng khi cần phải đến Việt Nam để điều khiển chiến tranh ngăn cản Cộng sản Quốc tế xâm lăng các nước thuộc Đông Nam Á Châu, như họ đã đến tham gia cuộc chiến tại bán đảo Triều Tiên.

Vào tháng 12 năm 1951, Tướng De Lattre qua đời, Tướng Raoul Salan được cử thay thế làm Tổng Tư lệnh, để tiếp tục giải quyết cuộc “Chiến tranh sa lầy” không lối thoát của

Pháp tại Đông Dương. Nội tình nước Pháp tiếp tục lục đục, chính phủ Queuille bị đổ vào tháng 2-1952. Tại Bắc Việt, Tướng Salan rút bỏ Hoà Bình vào cuối tháng 3-1952. Thủ tướng mới của Chính phủ Pháp là Pinay vẫn giữ chính sách cũ đối với Đông Dương. Ông Letourneau được bổ nhiệm làm Bộ trưởng các Quốc gia Liên kết, kiêm nhiệm chức Cao Ủy Đông Dương kể từ tháng 4-1952, và Tướng Salan được chỉ định làm Tổng Tư lệnh Quân đội Viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Bộ trưởng Letourneau phải thường xuyên hoạt động tại chính quốc, làm gì có thời giờ chạy qua chạy lại giữa Pháp và Đông Dương, nên Tướng Salan vô hình chung có được toàn quyền quyết định y như cố Đại tướng De Lattre thuở còn sinh thời.

Sở dĩ Tướng Salan được lựa chọn chỗ chống của De Lattre, vì ông ta đã từng ở Việt Nam lâu năm, tham dự nhiều trận chiến với Việt Minh từ hồi 1947, đã cộng tác mật thiết với Tướng De Lattre trước khi ông này qua đời, nên thông thạo lối đánh của Việt Minh. Ngoài ra, ông ta còn có được cái trí khôn của người Á Đông vì lấy vợ người Việt Nam, hút thuốc phiện, theo vợ đi lễ các Đền, Chùa, am tường các phong tục tập quán của các Sắc dân Đông Dương. Chiến công của Tướng Salan từ sau ngày thay thế De Lattre, chỉ là cuộc hành quân rút lui khỏi Hoà Bình trong an toàn không bị sút mẻ, và xây dựng “Pháo lũy Na Sản” giữ được mặt trận vùng Bắc Thái (phía Tây, Bắc Việt) vững vàng trong suốt 3 tháng (10, 11, và 12-1952). Còn tình hình toàn diện Đông Dương chẳng có gì khả quan hơn.

Qua tháng 5-1953, Tướng Navarre được cử thay thế Tướng Salan làm Tổng Tư lệnh Quân Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương. Ông này xào xáo lại các kế hoạch của các Tướng tiền nhiệm, rút tỉa các kinh nghiệm, để hệ thống hoá thành kế hoạch chiến thuật mới của mình là:

- 1.- Phòng thủ miền Bắc;
- 2.- Bình định miền Nam;
- 3.- Lập một Binh đoàn Chủ lực lưu động, để có thể đánh ở bất cứ nơi nào có sự tập trung quân của Địch (Việt Minh).

Kế hoạch được mở màn bằng cuộc hành quân “Castor” vào cuối tháng 11-1953, để hỗ trợ việc xây dựng “Tập đoàn Cứu điểm Điện Biên Phủ” với mục đích:

a.- Buộc Việt Minh phải chấp nhận một trận công kiên chiến, mà Pháp tin rằng họ sẽ thắng vì có ưu thế hơn về Không quân và Tiếp liệu.

b.- Cầm chân Chủ lực quân Việt Minh tại miền Bắc để chúng không thể tiếp sức cho miền Nam, nhờ thế Pháp sẽ bình định Liên Khu V gồm các Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, tại miền trung tâm của Trung Việt Nam một cách dễ dàng.

c.- Dùng Điện Biên Phủ làm “Căn cứ Bàn đạp” đánh vào Hậu tuyến Việt Bắc, nếu Việt Minh di quân khỏi nơi này để tấn công vùng đồng bằng sông Hồng.

Tiếp thay, Bộ tham mưu của Tướng Navarre ước tính sai lệch quá nhiều. Việt Minh đã tập trung được quanh Điện Biên Phủ, một lực lượng nhiều tới 100,000 quân. Với sự yểm trợ của Trung Cộng, Việt Minh còn kéo được cả súng Đại pháo qua đỉnh núi, đào hầm bố trí ngay trên sườn núi nhìn thẳng xuống thung lũng Điện Biên Phủ. Thế mà Pháp cho rằng, Việt Minh chỉ có thể tập trung quanh Điện Biên Phủ khoảng 20,000 quân là tối đa, và lòng chảo Điện Biên Phủ không thể bị uy hiếp bằng Pháo binh, vì các Đại pháo chỉ có thể bố trí phía bên kia các dãy núi quanh lòng chảo, xa quá tầm tác xạ của súng.

Cuối tháng 11-1953, tình hình chiến sự bỗng chuyển biến đột ngột. Bốn (4) Sư đoàn Việt Minh kéo lên áp lực miền Bắc Thái (Tây Bắc, Bắc Việt). Qua tháng 12-1953, Tướng Navarre phải cho lệnh rút quân bỏ Lai Châu và toàn vùng Bắc Thái, để tập trung về Điện Biên Phủ, đồng thời mở nhiều cuộc hành quân ở vùng thượng lưu sông Mê Kông để củng cố phòng thủ miền Bắc Lào (nước Ai Lao).

Đầu năm 1954, tình hình lắng dịu tại khắp các chiến trường phụ trên toàn cõi Đông Dương. Riêng tại Điện Biên Phủ tình hình coi như đang có nhiều điều thuận lợi cho quân Pháp. Nhưng, vào trung tuần tháng 2-1954, Hội nghị Bá Linh (Berlin, Đức) được mở ra để

thảo luận về việc thành lập một Hội nghị chính thức tại Genève để tìm giải pháp cho vấn đề đình chiến tại Đông Dương, đã khiến tình hình chiến sự trở nên bất lợi cho quân Pháp, và làm cho Tướng Navarre bị ngõ ngàng.

Đầu tháng 3-1954, Việt Minh rút Sư đoàn 308 đang uy hiếp Luang-Prabang (Lào), đem về tăng cường bao vây Điện Biên Phủ. Đến ngày 13-3-1954, Việt Minh mở đầu các cuộc tấn công trên khắp các mặt trận Đông Dương (kể cả Điện Biên Phủ), nhằm mục đích phô trương khả năng quân sự mới để áp đảo tinh thần quân Liên Hiệp Pháp và các Quốc gia Liên kết Đông Dương, đồng thời tạo điều kiện thương phong tại Hội nghị Genève. Quân Pháp bị cầm chân tại tất cả mọi nơi, nên không còn quân số tiếp ứng cho nhau, nhất là cho “Tập đoàn Cứu điểm Điện Biên Phủ”.

Đến cuối tháng 4-1954, Bộ Tư lệnh Pháp cho mở cuộc hành quân “Atlante” đánh vào Quân khu V của Việt Minh tại trung Việt, nhưng chẳng đem lại kết quả gì, nếu không muốn nói là uổng công vô ích. Ngày 7 tháng 5-1954, sau 55 ngày đêm tự lực cầm cự, “Tập đoàn Cứu điểm Điện Biên Phủ” đã phải xin đầu hàng vô điều kiện. Dư luận Pháp rất hoang mang, chia rẽ, tranh cãi trầm trọng, khiến Chính phủ Pháp phải đưa Tướng Paul Ely Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Pháp sang Đông Dương thay thế Tướng Navarre, với quyền hạn rộng rãi là Cao Ủy kiêm Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh tại Đông Dương, như đã dành cho Tướng De Lattre hồi trước. Nhưng, Tướng Ely cũng chẳng làm được gì hơn, là tiếp tục nhận lãnh những thất bại chua cay, trong âm mưu tái lập thuộc địa lỗi thời của Pháp tại Đông Dương sau Thế chiến II.

Mấy tuần lễ sau vụ Pháp thất trận Điện Biên Phủ, chiến cuộc Đông Dương được giải quyết ngã ngũ, chấm dứt bằng giải pháp chính trị tại Hội nghị Genève với một Hiệp Định đình chiến, ký kết vào lúc 0100 giờ ngày 21 tháng 7 năm 1954 tại Genève giữa Pháp và Việt Minh. Đại diện Hoa Kỳ và Đại diện Chính phủ Quốc gia Việt Nam khước từ không ký vào bản Hiệp định. Theo Hiệp định này, nước Việt Nam bị phân làm 2 phần Nam, Bắc. Vĩ tuyến 17 và

dòng sông Bến Hải được dùng làm ranh giới giữa 2 miền. Từ giữa lòng con sông trở lên phía Bắc thuộc quyền kiểm soát cai trị của Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh cầm đầu. Phần từ giữa lòng con sông trở xuống phía Nam thuộc trách nhiệm của Chính quyền Pháp và Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Quốc trưởng Bảo Đại lãnh đạo.

Thi hành Hiệp định Genève, Bộ Tư lệnh quân Viễn chinh Pháp của Tướng Ely phối hợp cùng Chính phủ Quốc gia Việt Nam do ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng, tổ chức một cuộc di tản vĩ đại ngoạn mục trong vòng 300 ngày, cho hơn một triệu Dân Quân Cán chính không thích sống dưới Chế độ Cộng sản rời miền Bắc vào Nam tái lập nghiệp, và hàng chục ngàn Cán Binh Cộng sản từ miền Nam buộc phải tập kết ra Bắc. Thời hạn triệt thoái quân Pháp và quân Quốc gia ra khỏi Bắc Việt theo lối cuốn chiếu quy định như sau: phải ra hết khỏi Hà Nội trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày ký Hiệp Định Genève, do đó ngày chót được ấn định cho Hà Nội là ngày 11-10-1954; 100 ngày cho Hải Dương do đó ngày chót được ấn định là ngày 1-11-1954; và 300 ngày cho Hải Phòng do đó ngày chót được ấn định là ngày 19-5-1955.

2.- THỜI CƠ GIÚP CHO QUỐC GIA VIỆT NAM CHÍNH THỨC CÓ ĐƯỢC CHỦ QUYỀN ĐỘC LẬP TRONG MỌI LÃNH VỰC TỔ CHỨC QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ NGOẠI GIAO ĐỐI NỘI ĐỐI NGOẠI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ QUỐC PHÒNG TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM.

Từ ngày Cựu Hoàng Bảo Đại nhận lãnh sự ủy nhiệm của các Đảng phái chính trị không theo Cộng sản tại Việt Nam, đứng ra thương thuyết và ký với Pháp Hiệp Ước sơ bộ tại Vịnh Hạ Long để giành lại quyền độc lập cho nước Việt Nam thống nhất cả 3 miền Bắc Trung Nam vào ngày 5-6-1948, rồi đến trưa ngày 8 tháng 3 năm 1949 tại Paris có thêm THỎA ƯỚC ÉLYSÉE giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại, Vào ngày này, hai người trao đổi văn thư, theo đó “Pháp long trọng công nhận” một nước Việt Nam độc lập và dân chúng có quyền tự do quyết định sự thống nhất lãnh thổ của mình, theo tinh thần

Hiệp Ước Hạ Long, kèm theo một phụ bản các điều thoả thuận với PIGNON, cho đến ngày ký Hiệp định Đình chiến tại Genève 21-7-1954, đã có tới 7 chính phủ thay nhau điều hành Quốc gia Việt Nam:

1.-Nguyễn văn Xuân, từ 2-6-1948 đến 30-6-1949.

2.-Bảo Đại, từ 1-7-1949 đến 20-1-1950,

3.-Nguyễn Phan Long, từ 21-1-1950 đến 5-5-1950,

4.-Trần văn Hữu, từ 6-5-1950 đến 25-5-1952,

5.-Nguyễn văn Tâm, từ 26-5-1952 đến 15-1-1954,

6.-Bửu Lộc, từ 16-1-1954 đến 6-7-1954,

7.-Ngô Đình Diệm từ 7-7-1954 tới 23-10-1955.

Thư ngày 8-3-1949 của Auriol gửi Bảo Đại gồm 7 mục chính:

1. Việt Nam thống nhất (Unité du Vietnam)

2. Vấn đề Ngoại giao (Question diplomatique)

3. Vấn đề Quân sự (Question militaire) Việt Nam sẽ có một Quân đội riêng để duy trì trật tự, an ninh nội địa và bảo vệ Triều đại (la defense de l'Empire). Trong trường hợp tự vệ, có thể được các lực lượng Liên Hiệp Pháp yểm trợ (appuyé par les forces de l'Union française). Quân đội VN cũng tham dự vào cuộc bảo vệ biên cương của toàn Khối Liên Hiệp Pháp.

4. Vấn đề chủ quyền trong nước (Souveraineté interne).

5. Vấn đề tư pháp

6. Vấn đề văn hoá

7. Vấn đề kinh tế và tài chính.

(Ghi chú: Đoạn văn chữ nghiêng nét đậm trên đây là trích từ trang 119 trong cuốn VIỆT NAM NIÊN BIỂU 1939-1975 (Tập B :1947-1954) của Chính Đạo do nhà phát hành Văn Hoá in năm 1997 tại Hoa Kỳ. Đặc biệt Tôi có thay một chữ trong mục 3., an ninh nội địa và bảo vệ Triều đại (la defense de l'Empire). Thay cho chữ .. bảo vệ đế quốc (la defense de l'Empire)..... như trong nguyên bản, vì Tôi

ngĩ Việt Nam chưa bao giờ là Đế quốc, thời trước 1945, Pháp gọi là L'Empire d'Annam tức là Vương quốc Annam do Bảo Đại làm vua (Empereur.). Còn trong hoàn cảnh mới này, tên nước là Quốc Gia Việt Nam và ông cựu hoàng Bảo Đại giữ chức vị Quốc Trưởng chứ không phải là Vua của Vương quốc Annam nữa.

Đến ngày 28-4-1956, Bộ Tư lệnh quân Pháp tại Đông Dương giải tán, tất cả các Cơ sở và Căn cứ trước đây do Pháp xây dựng chiếm đóng, đều trao hết cho Chính phủ và Quân đội Quốc gia Việt Nam thừa hưởng. Dinh Norodom tọa lạc tại trung tâm Thủ đô Saigon trước kia dành cho Cao Ủy Pháp tại Đông Dương, nay là trụ sở của Chính phủ Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Dinh Độc Lập. Camp Chanson to lớn bên cạnh phi trường Tân Sơn Nhất trước kia là nơi làm việc của Bộ Tư lệnh quân viễn chinh pháp tại Đông Dương, nay thuộc quyền sử dụng của Bộ Tổng Tham Mưu (Bộ TTM) Quân đội Quốc gia Việt Nam (QĐQGVN) và đổi tên là Trại Trần Hưng Đạo. Hospital Rocques rộng lớn của đoàn quân Viễn chinh Pháp xây dựng tại Gò Vấp sát bên Bộ TTM và phi trường Tân Sơn Nhất, nay thuộc quyền QĐQGVN và đổi tên là Tổng Y Viện Cộng hoà. (Không biết cái tên Roques Tôi nhớ có đúng không, bạn nào biết là sai xin vui lòng chỉnh giùm, Tôi vô cùng cảm ơn). Còn rất nhiều Doanh trại, Căn cứ, và Cơ sở khác tại Saigon và tại các Tỉnh trên toàn lãnh thổ miền Nam Vĩ tuyến 17 được Pháp trao lại cho Chính quyền Quốc gia miền Nam Việt Nam, nhưng Tôi thấy không cần liệt kê hết ra đây.

Vào tháng 8-1956, Chính phủ Pháp loan báo việc đề cử ông Henri Hoppenot làm Cao Ủy Đông Dương. Nhưng, ông Ngô Đình Diệm đang lãnh đạo Chính quyền Quốc gia Việt Nam với chức vị tự phong là Tổng Thống từ ngày 26-10-1955 thay thế Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế từ ba ngày trước đó 23-10-1955, đã dựa theo các điều khoản của Hiệp định Genève không chấp nhận, nên Chính phủ Pháp phải đổi lại chức vụ là Đại sứ Pháp tại Việt Nam.

Đến ngày 26-10-1956, lễ ban hành Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hoà (theo khuôn mẫu Tổng Thống Chế của Hiệp chủng Quốc Hoa

Kỳ, do Quốc Hội Lập Hiến được bầu ra vào ngày 4 tháng 3 năm 1956 biên soạn và biểu quyết chấp thuận) mới được tổ chức rất trang trọng tại Đại lộ Trần Hưng Đạo, Saigon. Buổi lễ này cũng đồng thời là Lễ Tuyên Thệ chính thức nhậm chức Tổng Thống nước Việt Nam Cộng Hoà đầu tiên tại miền Nam Việt Nam của ông Ngô Đình Diệm, trước toàn dân và Ngoại giao đoàn quốc tế đã có mặt tại Saigon từ thời Quốc gia Việt Nam còn thuộc quyền lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại. (Quốc Hội Lập Hiến gồm 123 Dân Biểu thuộc các thành phần sau: Phong trào Cách mạng Quốc gia 47 ghế, độc lập không đảng phái nào 39 ghế, Tập đoàn Công dân 18 ghế, Phong trào Tự do 11 ghế, và 5 đảng phái chia nhau 8 ghế.)

Sau khi quân Pháp rút ra khỏi miền Nam Việt Nam, ảnh hưởng Pháp tan biến dần để thay thế bởi ảnh hưởng Hoa Kỳ. Bởi vì, ngay từ khi mở Hội nghị Bá Linh bàn thảo việc thành lập Hội nghị Genève giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương, Hoa Kỳ đã ngầm vận động thúc đẩy Quốc trưởng Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm (đang ở Mỹ) về làm Thủ Tướng, thay thế Thủ tướng Bửu Lộc được coi là thân Pháp.

3.- THỜI CUỘC BIẾN ĐỔI ĐÃ TẠO CƠ HỘI CHO THỦ TƯỚNG NGÔ ĐÌNH DIỆM GIÀNH ĐƯỢC QUYỀN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA VIỆT NAM, THAY THẾ QUỐC TRƯỞNG BẢO ĐẠI ĐÃ RỜI VIỆT NAM SANG PHÁP TỪ NGÀY 10-4-1954 SỐNG TẠI BIỆT THỰ RIÊNG Ở CANNES, ĐỂ CHỮA BỆNH SÁN GAN VÀ VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ GIÚP GIẢI QUYẾT CUỘC CHIẾN CHỐNG CỘNG SẢN TẠI VIỆT NAM.

Tại Saigon trong khoảng những ngày cuối tháng 5 sang đầu tháng 6-1954, các hãng thông tấn quốc tế và quốc nội loan truyền tin đồn đoán là ông Ngô Đình Diệm sẽ làm Thủ Tướng thay thế Thủ Tướng Bửu Lộc. Nhưng mãi đến ngày 16-6-1954, Quốc Trưởng Bảo Đại, từ tư dinh tại thành phố Cannes bên Pháp, mới chính thức công bố quyết định cử ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng với toàn quyền hành động (tức là mọi quyết định quan trọng liên quan đến quốc gia không cần phải thỉnh ý Quốc Trưởng trước như các Thủ Tướng tiền

nhệm).

Ngày 25-6-1954 ông Ngô Đình Diệm từ Pháp về tới phi trường Tân Sơn Nhất Saigon, được sự tiếp đón theo nghi lễ ngoại giao tại phòng Khách Danh Dự của phi trường, gồm một số nhân viên đại diện các Bộ trong Chính phủ Bửu Lộc, một số Sĩ quan cấp Tá Việt và Pháp thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ TTM/QĐQGVN (trong đó có Tôi đang là Thiếu Tá Chánh Sự vụ Sở Mật Mã trực thuộc văn phòng Tổng Tham Mưu Trưởng, lúc đó Thiếu Tướng Nguyễn văn Hinh làm Tổng Tham Mưu Trưởng và Trung Tá Trần văn Minh làm Tham mưu trưởng), cùng một số thân quyến thuộc dòng họ Ngô-Đình và Nhân sĩ thân hữu của gia đình ông Ngô Đình Diệm ở trong nước.

Những ngày tiếp theo, ông Diệm tiếp xúc các nhân sĩ để thành lập chính phủ, mãi tới ngày 7-7-1954 mới chính thức trình diện chính phủ và bắt đầu tham chánh. Thành phần chính phủ gồm có:

- Ngô Đình Diệm, Thủ Tướng kiêm Nội Vụ và Quốc Phòng,
- Trần Văn Chương, Quốc Vụ Khanh,
- Trần Văn Đỗ, Tổng Trưởng Ngoại Giao,
- Trần Văn Cửa, Tổng Trưởng Tài Chánh và Kinh Tế,
- Nguyễn Tăng Nguyên, Tổng Trưởng Lao Động và Thanh Niên,
- Trần văn Bạch, Tổng Trưởng Công Chính,
- Phạm Hữu Chương, Tổng Trưởng Y Tế và Xã Hội,
- Phan Khắc Sửu, Tổng Trưởng Canh Nông,
- Nguyễn Dương Đôn, Tổng Trưởng Quốc Gia Giáo Dục,
- Trần Chánh Thành, Bộ trưởng Phủ Thủ Tướng,
- Lê Quang Luật, Thông Tin,
- Phạm Duy Khiêm, Công vụ Phủ Thủ Tướng,
- Nguyễn Ngọc Thơ, Nội Vụ,
- Lê Ngọc Chấn, Quốc Phòng,
- Hồ Thông Minh, Thứ Trưởng Quốc Phòng,

- Bùi Văn Thinh, Tư Pháp,
- Nguyễn Văn Thoại, Kinh Tế,
- Trần Hữu Phương, Tài Chánh.

Nhưng chỉ ít ngày sau, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm bắt đầu gặp nhiều khó khăn về mọi mặt đối nội cũng như đối ngoại. Chẳng hạn:

Đại diện Chính phủ Quốc gia Việt Nam không ký trên Hiệp định Genève, nhưng vẫn phải chấp nhận và cộng tác với Bộ Tư lệnh quân đội Viễn chinh Pháp tại Đông Dương thi hành, đặc biệt phải chấp nhận cho các cơ sở kiểm soát đình chiến do Ấn Độ (Trung Lập) làm Chủ tịch, với các thành viên Ba Lan (Cộng sản) và Canada (thuộc Thế giới Tự Do Tự Bản) đặt cơ sở hoạt động tại nhiều nơi trên lãnh thổ miền Nam, ngay cả tại giữa Thủ Đô Saigon. Trong các cơ sở kiểm soát đình chiến này có cả sự hiện diện của những người đại diện của Việt Cộng.

2.-Phải vận động nhờ Chính quyền Pháp tại Đông Dương và chính phủ Hoa Kỳ hỗ trợ phương tiện và ngân khoản để di tản cả triệu người (Dân, Quân, Cán chính) không thích sống dưới sự cai trị của Chính quyền Việt Cộng tại miền Bắc Vĩ tuyến 17, di cư vào miền Nam.

3.-Tổ chức tiếp đón cứu trợ ban đầu, tái định cư, và tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống cho những người này. Vì họ đã phải bỏ tất cả của cải đất đai hương hỏa của Tổ tiên Ông Cha tại miền Bắc, ra đi vào miền Nam với 2 bàn tay trắng.

4.-Hợp nhất các Lực lượng Võ trang Giáo phái vào hàng ngũ Quân đội Quốc gia Việt Nam, để tiêu hủy nạn “phe phái hùng cứ địa phương” do Pháp tạo dựng lên trước đây, với mục đích Thực dân thâm độc “chia để trị”.

5.-Điều chỉnh cải tiến hệ thống hành chánh, để chấm dứt tệ nạn “Xứ Quân, Vua một cõi” thao túng áp bức quần chúng bằng quy luật “Phép Vua thua Lệ Làng”, hậu quả dư âm Quan lại của thời Pháp còn vương rớt lại, tại các tỉnh và ngay cả tại các Quận hành chánh giữa Saigon Chợ Lớn.

Loại bỏ các tổ chức reo rắc tệ đoan xã

hội (khu bài bạc, các ổ chứa gái mãi dâm công khai hoạt động có nộp thuế) do các tay Chính trị hoạt đầu, Doanh gia bất chính, lợi dụng nước đục thả câu, với sự bảo trợ khích lệ của Thực dân Pháp đã tổ chức kinh doanh từ nhiều năm qua.

7.-Đặc biệt là phải đề ra phong trào chống Cộng, với một Chính sách dựa theo Chủ thuyết Nhân bản có thể bẻ gãy được Chủ thuyết Cộng sản, để làm kim chỉ Nam hướng dẫn quần chúng hăng say tham gia công cuộc tổ cáo và loại trừ các hoạt động của cán bộ Cộng sản nằm vùng tại miền Nam. Để dân được sống an toàn tại khắp mọi nơi, an tâm tham gia xây dựng phát triển Kinh tế phồn vinh, và hưởng cuộc sống ấm no hạnh phúc trong thanh bình.

Vì thế mới có Chủ thuyết NHÂN VỊ, Đảng Cần Lao, và PHONG TRÀO CÁCH MẠNG QUỐC GIA ra đời, hoạt động thường xuyên trong mọi tổ chức hành chánh, quân đội, và các cơ sở xã hội khác trên đất liền cũng như trên các hải đảo thuộc miền Nam Việt Nam từ Vĩ tuyến 17 trở xuống.

Mọi người sống tại miền Nam Việt Nam đều biết và cũng đã từng phải tham gia, tùy theo vị trí hoàn cảnh riêng của mỗi cá nhân và gia đình. (Thời gian đó, Tôi là Thiếu Tá Trưởng Phòng Mật Mã Trung Ương thuộc Bộ Chỉ huy Viễn Thông tại Bộ Tổng Tham Mưu QĐQGVN, được tập thể chiến hữu thuộc các đơn vị Truyền Tin tại Saigon bầu làm Chủ tịch Phong trào Cách Mạng Quốc gia của Binh chủng Truyền Tin).

Phong trào này nhằm mục đích đánh bóng lãnh tụ Ngô Đình Diệm, chỉ trích tinh thần bạc nhược của Quốc trưởng Bảo Đại trong việc điều hành Quốc gia, để tiến tới việc tổ chức cuộc “Trung cầu Dân ý truất phế Bảo Đại” vào ngày 23 tháng 10 năm 1955, và ủy nhiệm cho ông Ngô Đình Diệm thành lập nước VIỆT NAM CỘNG HOÀ theo khuôn mẫu Tổng Thống Chế của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ vào ngày 26-10-1956.

Suốt trong thời gian vận động tổ chức cuộc TRUNG CẦU DÂN Ý vào ngày 23-10-

1955, trên các phương tiện truyền thông của Chính phủ thường xuyên phổ biến bài hát thúc đẩy mọi người tích cực tham gia đi bầu rất hay. Nhưng rất tiếc Tôi chỉ còn nhớ một số câu tiêu biểu khó quên chứ không nhớ trọn bài:

“Hai ba tháng mười là ngày trưng cầu dân ý,

Hai ba tháng mười là ngày phá tan ngai vàng,

Đứng lên toàn quốc, viết trang sử mới,.....
(không nhớ.....”

Và kể từ sau ngày VIỆT NAM CỘNG HOÀ ra đời 26-10-1956, nghi thức chào cờ chính thức được quy định là sau khi hát bài Quốc Ca “Tiếng gọi công dân” thì phải hát bài SUY TÔN NGÔ TỔNG THỐNG. Bài hát này do nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Bích sáng tác (ông đã qua đời vào năm 2001).

Ai bao năm từng lê gót nơi quê người
Cứu đất nước thề tranh đấu cho tự do
Người cương quyết chống cộng
Bài phong kiến bốc lột
Diệt thực dân đang giết reo tàn phá

Bao công lao hồn sông núi ghi muôn đời
Gương hy sinh ngàn muôn tiếng không hề phai

Toàn dân quyết kết đoàn cùng chung sức
với người

Thề đồng tâm say đắp cho ngày mai

Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống

Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm

Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống

Xin thượng đế ban phước lành cho người

Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống

Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm

Toàn dân Việt Nam quyết theo Ngô Tổng Thống

Chung đắp say nền thống nhất sơn hà

NGUYỄN-HUY HÙNG (K1)

Cựu Đại Tá Quân lực Việt Nam Cộng Hoà,

Phụ tá Tổng cục trưởng Chiến tranh Chính trị kiêm Chủ nhiệm Nhật báo Tiền Tuyến,

Cựu tù nhân chính trị 13 năm lao động khổ sai trong các trại tập trung cải tạo của chính quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau ngày Quốc hận 30-4-1975.

Các tài liệu tham khảo:

1. -(Quân sử 4) QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HOÀ TRONG GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH 1946-1955. Do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu biên soạn và phát hành, sách được in tại cơ sở xuất bản Đại Nam năm 1972 trụ sở Taiwan Republic of China, và được ông Đỗ Kinh Lâm tự Đỗ Ngọc Tùng (cựu sinh viên sĩ quan Khoa 4 Lý Thường Kiệt, Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam) Giám đốc nhà xuất bản Đại Nam sao in lại và phát hành vào năm 1983 tại thành phố Glendale California Hoa Kỳ.

2. -THÀNH TÍCH SÁU NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HOÀ ấn hành năm 1960 tại Saigon, và được ông Hồ Đắc Huân (cựu sinh viên sĩ quan Khoa 2 Hiện dịch Nha Trang) sao in lại tại Khu Little Saigon Nam California Hoa Kỳ vào tháng 7-

3. -VIỆT NAM NIÊN BIỂU 1939-1975 (Tập B: 1947-1954) của Chánh Đạo do nhà xuất bản Văn Hoá in và phát hành tại Hoa Kỳ năm 1997.

4. VIỆT NAM NIÊN BIỂU Tập III NHÂN VẬT CHÍ (liệt kê gần 900 tác nhân lịch sử cận đại, từ 1848 tới 1975) của Chánh Đạo do nhà xuất bản Văn Hoá in và phát hành tại Hoa Kỳ vào năm 1997../.

TIỂU SỬ TT NGÔ ĐÌNH DIỆM

và những nhận xét sau khi Ông bị giết (1901-1963)



LM NGUYỄN VĂN KHẢI

1901: Ngày 03/01/1901, tức ngày 13/11 cãm Canh Tý 1900, Tổng thống Ngô Đình Diệm được sinh ra tại làng Đại Phong, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

1906-1916: Ngài học tại nhà với thân phụ của ngài là Ngô Đình Khả và sau đó theo học tiểu học và trung học tại Trường Pellerin của các Sư huynh Lasan Huế.

1916-1918: Ngài học tại Trường Quốc Học Huế, đồng thời học thêm Hán văn và tiếng Latin. Năm 1918, ngài tốt nghiệp Á khoa và được Pháp cấp học bổng du học nhưng ngài chối từ, vì muốn ở lại Việt Nam để phục vụ dân nước.

1918-1921: Sau một thời gian ngắn dạy học tại Trường Quốc Học - Huế, ngài đã theo học tại École de Droit et d'Administration de Hanoi (Trường Luật Pháp và Quản Trị Hành Chính Hà Nội) và tốt nghiệp Thủ khoa vào năm 1921.

1921-1922: Ngài được bổ nhiệm về phục vụ tại Thư Viện Hoàng Gia, Huế.

1922-1925: Ngài được bổ nhiệm làm Quyền Tri Phủ huyện Hương Thủy, ít tháng sau ngài được bổ nhiệm làm Tri Huyện Quảng Điền.



1925-1927: Ngài làm Tri Phủ Hải Lăng - một huyện lớn và đông dân hơn các huyện ngài làm Tri Phủ trước đó.

1927-1930: Ngài làm Quản Đạo tỉnh Ninh Thuận. (Quản đạo là chức vụ quan trọng nhất trong số các viên chức hàng đầu của một Tỉnh).

1930-1933: Ngài làm Tuần Vũ tỉnh Bình Thuận. (Tuần vũ là một chức vụ tương đương với chức Tỉnh Trưởng sau này).

1933: BỘ TRƯỞNG - THỦ TƯỚNG VÀ TỪ CHỨC: Năm 1933 khi mới 32 tuổi, ngài đã được Vua Bảo Đại bổ nhiệm làm Thượng Thư Bộ Lại, tương đương Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ. Ngài cũng làm Tổng Thư Ký Hội Đồng Canh Tân Đất Nước, một vai trò gần như chức vụ Thủ Tướng sau này. Mấy tháng sau, ngài rũ áo từ quan để phản đối người Pháp vì các chương trình canh tân đất nước của ngài không được chấp thuận.

1933-1944: Ngài sống tại Huế. Tự học



tập và nghiên cứu. Tích cực gặp gỡ và trao đổi với các nhà yêu nước và các trí thức trong ngoài nước để mưu tìm độc lập cho dân tộc. Một trong những người mà ngài hay gặp gỡ, trò chuyện và trao đổi nhất là Cụ Phan Bội Châu. Ngài cũng khởi xướng và lãnh đạo Phong Trào Phục Hưng Đại Việt. Lo ngại trước ảnh hưởng và vai trò của ngài về chính trị tại Việt Nam, người Pháp đã mưu toan bắt ngài đưa đi đầy bên Lào; tuy nhiên, ngày 12.07.1944 người Nhật đã giúp ngài trốn thoát vào Sài Gòn.

1945-1946: Việt Minh cướp chính quyền, Đờng Minh vào Việt Nam giải giới Nhật. Từ Sài Gòn ngài tìm đường ra Huế. Khi đến Tuy Hòa, ngài bị Việt Minh bắt giữ. Ngài bị giải ra Hà Nội. Tại đây, ông Hồ Chí Minh mời ngài cộng tác trong Chính Phủ VNDCCH, song ngài từ chối và chất vấn ông Hồ Chí Minh về việc ông đã cho giết người anh cả của ngài là ông Ngô Đình Khôi, Tổng Đốc Quảng Nam và cháu ngài là Ngô Đình Huân. Bằng cách ứng xử khôn ngoan và bản lĩnh, cuối cùng ông Hồ Chí Minh đã phải trả tự do cho ngài.

Sau khi được tự do, ngài đến tạm trú tại Tu Viện Dòng Chúa Cứu Thế Thái Hà, Hà Nội. (Tòa Tu viện này ngày nay đã bị nhà nước chiếm làm Bệnh Viện Đống Đa). Tháng 4 năm 1946, ngài vào sống tại Sài Gòn, tiếp tục gặp gỡ các nhà yêu nước, gầy dựng các mối quan hệ với nhiều người trong ngoài nước để mưu tìm độc lập cho dân tộc. Cũng có giai đoạn ngài sống với Đức Cha Ngô Đình Thục, anh ngài, khi ấy đang làm Giám Mục Vĩnh Long.

1947: Ngài thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất nhằm đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam. Cũng năm 1947 ngài sang Trung

Quốc thăm Tướng Giới Thạch và nghiên cứu cuộc chiến Quốc-Cộng ở đây. Ngài cũng đến Hong Kong hai lần để gặp vua Bảo Đại. Lần đầu ngài khuyên Nhà Vua nên về nước lập Chính Phủ Quốc Gia để thúc đẩy nhanh hơn tiến trình độc lập cho dân tộc trong khi cuộc đàm phán giữa Pháp và Việt Nam tại Fontaineleau thất bại. Lần hai khuyên can Nhà Vua đừng ký vào Bản Thê Chế kèm theo Tuyên Ngôn Vịnh Hạ Long.

1948: Khoảng đầu tháng 5, Vua Bảo Đại lần nữa, mời ngài đứng ra thành lập chính phủ. Ngài từ chối, vì có ý định dâng mình cho Chúa trong đời sống tu hành.

1948-1949: Ngài trở lại Sài Gòn và tiếp tục thúc đẩy phong trào giành độc lập qua các cuộc gặp gỡ và qua các hoạt động của Mặt Trận Thống Nhất.

1950-1951: Ngài nỗ lực thành lập một phong trào xã hội Kitô giáo bất chấp sự phá hoại của chính quyền thực dân và chính quyền Việt Minh. Ngài đi hành hương Roma nhân dịp Năm Thánh 1950 và đi Nhật Bản gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và tìm hiểu cuộc tái thiết nước Nhật sau chiến tranh.

1951-1953: Ngài sang Hoa Kỳ và cư trú tại Chung viện Lakewood, New Jersey, nghiên cứu lịch sử, thần học và triết học. Ngài cũng gặp gỡ và giao tiếp với một số người thuộc giới trí thức, cũng như một số nhân vật tôn giáo và chính trị Hoa Kỳ.

1953-1954: Từ Mỹ ngài về Pháp để nghiên cứu tình hình chính trị và khả năng mưu tìm độc lập cho Việt Nam. Ngài cũng gặp gỡ nhiều người Việt Nam đang học tập và sinh sống tại Pháp để bàn tính chuyện cứu nước. Tuy nhiên, cuối cùng ngài đã vào tu tại Đan Viện Thánh Anrê, Dòng Biển Đức, thuộc vùng Flandre, nước Bỉ. Ngài đã khấn làm thầy trợ sĩ tại đây vào ngày 10 tháng 2 năm 1954, hoàn thành ước nguyện dâng mình cho Chúa mà ngài đã có từ khi mới 15 tuổi.

1954-1955: THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM. Trong lúc Hội Nghị Genève về vấn đề Đông Dương đang diễn ra thì một lần nữa ngài được vua Bảo Đại mời về Việt Nam thành lập chính phủ. Ngài trả lời

rằng ngài đã đi tu. Tuy nhiên, sau khi Nhà Vua kêu gọi lòng ái quốc của ngài và nói rằng ngài không có quyền từ chối lời đề nghị của Nhà Vua trước sự hưng vong của đất nước, thì ngài nhận lời. Ngài đã ngược nhìn Thánh Giá Chúa, cầu nguyện và đã thề hứa trước Chúa rằng ngài sẽ cố gắng giữ vững đất nước mà Nhà Vua trao cho ngài. NGÀY 26.06.1954 NGÀI TRỞ LẠI SÀI GÒN. NGÀY 07.07.1954 NGÀI NHẬN CHỨC THỦ TƯỚNG.

1955-1963: TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA: Trước đòi hỏi của tình hình bảo vệ và xây dựng đất nước, đồng thời nhằm chặn đứng các mưu toan giải tán chính phủ do ngài đứng đầu, ngài đã cho tổ chức cuộc trưng cầu dân ý ngày 23 .10.1955. Kết quả người dân Việt Nam đã chọn ông Ngô Đình Diệm làm người đứng đầu đất nước thay cho vua Bảo Đại. Từ đấy Ngô Đình Diệm trở thành người sáng lập nền Cộng Hòa Đệ Nhất và trở thành Tổng Thống của nước Việt Nam Cộng Hòa.

NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 1963: Bất chấp sự ủng hộ của Bộ Quốc phòng, một số viên chức Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, vì nong nổi và kiêu ngạo, nhất là vì ác cảm với ông Ngô Đình Diệm, đã giật dây cho một số tướng lãnh nhiều tham vọng, nhưng ít tài năng và vô đạo đức - tiến hành đảo chính. Sáng 2 tháng 11 năm 1963, họ đã giết chết ngài cùng em của ngài là Ngô Đình Nhu một cách dã man và thảm khốc khi hai vị vừa cầu nguyện ở nhà thờ Thánh Phanxicô Chợ Lớn.

Vài tháng trước đó, tại Quốc Hội VNCH, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nói: “Tôi không phải là thần thánh. Tôi chỉ là một người bình thường. Tôi chỉ biết thức khuya dậy sớm làm việc, một lòng hiến dâng đời tôi cho đất nước và dân tộc.

Chế độ này tuy còn nhiều khuyết điểm, cũng còn hơn nhiều chế độ khác. Người ta chê là độc tài, nhưng chỉ sợ còn những thứ độc tài khủng khiếp hơn. Rồi kết thúc bài phát biểu ngài nói: Tôi tiến hãy theo tôi. Tôi lùi hãy giết tôi. Tôi chết hãy nổi chí tôi”.

NHỮNG NHẬN XÉT VỀ ÔNG SAU KHI BỊ GIẾT

Những nhận xét từ các phía khác nhau vào những thời điểm khác nhau giúp chúng ta hiểu phần nào nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính năm 1963 đối với Việt Nam và thế giới.

1- Ông Rufus Phillips, một nhân viên CIA, nhưng là người phản đối đảo chính, đã vào Dinh Gia Long; ông đau buồn và phần uất thốt lên rằng: “Tôi muốn ngồi xuống và khóc. Và tôi rất buồn khi nghe tin ông ấy đã bị giết... Đó là một quyết định ngu xuẩn! Chúa ôi! Chúng con phải trả giá! Họ phải trả giá! Mọi người phải trả giá!”

2- Ông Trần Kim Tuyền, Nguyên Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị, một cơ quan tình báo của Việt Nam Cộng Hoà, nói: “Ai ở gần Ngô Đình Diệm cũng đều biết rằng đối với ông, vấn đề chủ quyền của Việt Nam là vấn đề căn bản. Không có chuyện đánh đổi chủ quyền để lấy viện trợ ngoại quốc”.

3- Ông Hoàng Ngọc Thành, sử gia, nói: “Người yêu nước thực sự Ngô Đình Diệm có thái độ quyết liệt trong việc bảo vệ chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Thái độ này làm chính quyền Mỹ John F. Kenedy mưu đảo chính và sát hại ông và biến Miền Nam thành một “xứ bảo hộ của Hoa Kỳ”.

4- Ông Geoffrey Shaw, sử gia, nói: “Đúng là ông Diệm, gia đình ông ta và chế độ của ông còn lâu mới hoàn hảo; tuy nhiên, ông là hạng người hiếm có ở Miền Nam Việt Nam thời bấy giờ: Ông là một lãnh tụ hợp pháp, một lãnh tụ thuần Việt, có óc bảo tồn truyền thống và có tinh thần quốc gia. Kẻ thù của ông biết rằng một cuộc khủng hoảng lớn là cần thiết để hạ bệ ông khỏi vai trò làm rường cột của quốc gia”.

5- Tướng Dương Văn Minh, Trưởng nhóm tướng lãnh đảo chính và là người được cho là đã trực tiếp ra lệnh giết ông Diệm, cho biết nguyên nhân như sau: “Chúng tôi không có giải pháp nào khác. Các ông ấy phải bị giết. Chúng tôi không thể để ông Diệm sống được vì ông được những người dân quê mộc mạc, chất phác quá sùng kính, đặc biệt là những người Thiên Chúa giáo di cư. Chúng tôi phải

giết ông Nhu vì ông ta quá đáng sợ và ông đã tạo nên những tổ chức làm khí giới cho quyền lực riêng của ông”.

6- Ông Trần Văn Hương, Phó tổng thống Việt Nam Cộng Hoà: “Các tướng lãnh lãnh đạo cuộc đảo chánh đã quyết định ám sát TT Diệm và bào đệ của ông vì họ sợ chết. Các tướng lãnh này biết rõ ràng họ không có tài, không có đức, không có hậu thuẫn chính trị nào cả, họ không thể ngăn cản sự trở lại cầm quyền ngoạn mục của TT và ông Nhu nếu các vị này còn sống”.

7- Bà Ngô Đình Nhu nói ngày 5 tháng 11 năm 1963 với báo chí Hoa Kỳ: “Ai là đồng minh của Mỹ thì không cần kẻ thù nào nữa! Tôi có thể tiên đoán với quý vị rằng câu chuyện ở Việt Nam mới chỉ bắt đầu!” Theo sử gia B. Shaw thì “lời nói của bà đã được chứng minh là có tính tiên tri.”

8- Đại úy Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên của ông Diệm, nói: “Lịch sử sẽ viết rằng: Hoa Kỳ đã mượn tay tướng lãnh giết tổng thống Ngô Đình Diệm. Mai hậu công lao của Tổng thống Diệm to tát sẽ được người người ca tụng như Tổng thống Lincoln của người Hoa Kỳ”.

9- Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng tiên khởi Viện Đại học Huế, nói: “Sự thanh toán ông Diệm và chế độ ông Diệm phải chăng là một sai lầm tai hại cho đất nước Việt Nam. Những hỗn loạn chính trị, những thất bại quân sự sau ngày 1.11.1963 đã trả lời cho câu hỏi đó”.

10- Ông Ngô Đình Châu, một viên chức Việt Nam Cộng Hòa và là một chứng nhân, nói: “Cuộc đảo chánh mở cửa cho cuộc chiến tranh toàn diện; cuộc chiến quốc- cộng trở nên lần ranh hằn sâu lên tâm trí và thân xác con người Việt Nam cho đến hôm nay. Biền cố đó đã mở toang cho thú tính hoành hành, cho thói vô chính phủ lên ngôi”.

11- Tổng thống Lyndon B. Johnson nói: “Chúng ta đã giết ông ấy! Chúng ta đã liên kết với nhau và với bọn côn đồ trời đánh thánh vật để âm mưu ám sát ông ấy. Và kể từ đó đến giờ chúng ta không còn sự ổn định chính trị thực sự nữa”.

12- Tổng Thống R.Nixon: “Tổng thống

Diệm ổn định Miền Nam như viên đá đĩnh vòm giữ cho vòm nhà đứng vững. Chỉ khi nào tảng đá đĩnh vòm kia bị lấy đi, người ta mới thấy nó là quan trọng”.

“Chúng ta đã không lường được hậu quả của việc chúng ta đã trợ giúp cho một cuộc đảo chánh quân sự để lật đổ nhà lãnh đạo có tài năng của Miền Nam Việt Nam là Tổng thống Diệm; điều đó đã dẫn đến những năm đầy bất ổn, suy yếu về chính trị... Ít nhất ông Diệm đã điều khiển đất nước ông theo một chiều hướng đúng đắn”.

13- Tổng thống Tường Giới Thạch nói: “Người Mỹ có trách nhiệm nặng nề về sự ám sát xấu xa này, Trung Hoa Dân Quốc mất đi một đồng chí tâm đầu ý hợp. Tôi khâm phục ông Diệm, ông xứng đáng là một lãnh tụ lớn của Á Châu. Việt Nam có lẽ phải mất đến 100 năm nữa mới tìm được một người lãnh tụ cao quý như vậy”.

14- Tổng thống Pakistan Ayub Khan nói với Tổng thống R. Nixon sau này: “Cuộc thăm sát Tổng thống Ngô Đình Diệm đã khiến cho các lãnh tụ châu Á rút ra được một bài học khá chua chát: Đồng minh với Hoa Kỳ thật nguy hiểm. Có lợi hơn là đứng ở thế trung lập. Có lẽ hữu ích hơn nữa khi là kẻ thù của Hoa Kỳ”.

15- Nhà thơ-giáo sư Nguyễn Sa (Trần Bích Lan) nói: “Ngay khi ông Diệm bị ám sát cùng với bào đệ của ông, quan niệm phổ biến là một chế độ độc tài gia đình trị đã sụp đổ. Sự sụp đổ của những người kế tiếp ông Diệm, với vóc dáng bé nhỏ của những Thiệu, những Kỳ, những Quang, những Có, những Minh, những Đôn bên cạnh ông Diệm, bỗng dựng mang lại cho Cố TT những hào quang mới. Các sử gia, những nhà bình luận chính trị Mỹ bỗng khám phá ra rằng người Mỹ có dính dáng trong vụ lật đổ ông Diệm, có dính dáng trong cuộc đảo chánh đó, chính là một sự sai lầm. Người Mỹ gàn như thú nhận rằng, nếu ông Diệm không bị vật ngã từ phía sau, nước Mỹ hẳn đã không bị sa lầy trong cuộc chiến tranh đầu buồn phiền, Miền Nam không có một triệu chứng nào cho thấy là đương nhiên rơi vào tay cộng sản”.

16- Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt

Nam Dân Chủ Cộng Hoà, nói với nhà báo cộng sản Wilfrid Burchett khi nghe tin ông Diệm bị giết chết: “Tôi không thể ngờ rằng tụi Mỹ ngu đến thế”.

17- Tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà nói: “Chính sách Kennedy ở Việt Nam sai lầm hết chỗ nói. Ngô Đình Diệm là một người có tinh thần quốc gia, không khi nào ông chịu để cho người Mỹ giành quyền điều khiển chiến tranh, và sự người Mỹ giành quyền đã đưa người Mỹ đến thất bại đắt giá. Cho nên, kết quả của cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm năm 1963 là sự kết thúc sớm sự hiện diện Hoa Kỳ ở Việt Nam, một điều đáng làm cho người ta ngạc nhiên!”

18- Ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt trận Giải Phóng Miền Nam nói: “Sự lật đổ Diệm là một món quà mà Trời ban cho chúng tôi”.

19- Ông Trần Nam Trung, Ủy viên Trung ương Cục Miền Nam, Ủy viên Quốc phòng Mặt trận Giải Phóng Miền Nam nói: “Tụi Mỹ quyết định đổi ngựa giữa dòng. Chúng sẽ không khi nào tìm được một người hữu hiệu hơn Diệm”.

20- TS. Nguyễn Anh Tuấn trong “Chính quyền Ngô Đình Diệm 1954-1963”: “Tổng thống Ngô Đình Diệm đã đưa “Việt Nam từ một đất nước lệ thuộc vào thực dân Pháp đã trở thành một quốc gia có đầy đủ chủ quyền và độc lập thực sự.

Ông đã biến một vùng đất đầy bất ổn vì nạn sù quân, băng đảng, đầy đổ vỡ tang thương vì chiến tranh hỗn loạn, vì sự phá hoại quy mô của Việt Cộng, thành một quốc gia có kỷ cương, ổn định và an bình.

Ông đã chuyển một đất nước theo chế độ quân chủ phong kiến thành một quốc gia có một thể chế cộng hòa và một bản hiến pháp dân chủ tiến bộ, nhưng đồng thời duy trì được một cơ cấu chính quyền mạnh, đầy đủ uy quyền quốc gia, phù hợp với hoàn cảnh của một đất nước mới thu hồi độc lập, đủ sức chống lại những thế lực phản động của Thực dân, Cộng sản, Phong kiến và tình trạng chậm tiến cùng chia rẽ tồn tại trên đất nước”./.

Rev. Peter Nguyễn Văn Khải _ DCCT

XUỐNG ĐỜI

Cảm xúc tràn đầy, chân trời xa thẳm
Mơ nồng nàn, tung toé cánh hoa rơi
Dang hai tay, cố níu, rụng xuống đời
Từng cánh nát, trôi theo dòng nước lũ

Dưới đèn hoa, cụm tình xuân kết tụ
Mộng trong đời luôn réo gọi thiết tha
Đôi môi hồng vương vấn nét kiều sa
Khép nép đón, nụ hôn nồng e ấp.

Trong bóng tối lung linh vòng nhật nguyệt
Cánh tay ngà ôm chặt giấc chiêm bao
Say bình bông theo ngọn sóng dâng cao
Đêm một khắc, khát khao hồn bay lạc

Ls Đặng Tiến Đạt

TÔI LÀ TÔI

Tôi là ai, sao để hoa rơi rụng?
Tôi là ai, mà để lá úa sầu?
Tôi là ai, đưa thân thể về đâu?
Tôi là ai, linh hồn sao quàn quại?

Tôi là tôi, vẫn ngày ngày trông đợi
Tôi là tôi vẫn mong ngóng tin xa
Tôi là tôi vẫn thương nhớ thiết tha
Vẫn áp ủ những giấc mơ nồng cháy

Vẫn thao thức, vẫn u sầu áy náy
Hoàng hôn về lòng vẫn thấy nao nao
Máu trong Tim vẫn cuộn cuộn dâng trào
Vẫn thương tiếc những ngày xưa thân ái

Tình yêu ấy, trong tôi là mãi mãi

Ls Đặng Tiến Đạt

TT NGÔ ĐÌNH DIỆM DƯỚI CÁI NHÌN CỦA

LÃNH ĐẠO HOA KỲ, ĐÔNG NAM Á VÀ CÁC QUAN SÁT VIÊN QUỐC TẾ

TS. Nguyễn Anh Tuấn Political Scientist

Trong suốt 40 năm hải ngoại, tôi có dịp nghe rất nhiều người nói về TT Ngô Đình Diệm. Những người thù ghét ông, lên án ông là con người độc tài, gia đình trị, Công giáo trị và kỳ thị Phật giáo. Ngược lại những người thương tiếc và tôn sùng ông thì ca ngợi khơi khơi ông đủ điều.

Con người thật của nhân vật Ngô Đình Diệm, và Cuộc Cách Mạng Dân Chủ Mà Ông Thực Hiện Suốt 9 Năm (1954-1963) để xây nên Hòn Ngọc Viễn Đông cho Miền Nam Việt Nam (MNVN) thì không mấy ai biết đến nơi đến chốn.

Phần thưởng dành cho ông là những đòn thù đâm chém toi bời lên lưng ông suốt 9 năm, đã đưa đến cái chết thảm khốc kinh hoàng cho ông và bào đệ ông là Ngô Đình Nhu. Vì thế, những bé tấc của lịch sử không làm sao khai thông được



Cả hai sự khen chê của những người Việt Nam thường chủ quan và thiên kiến, chỉ nhận xét hời hợt ngoài da hay mặt nổi của những hiện tượng xảy ra cho đất nước, nên rất thiếu giá trị khách quan, thiếu công bình và giá trị vững chắc.

Tuyệt nhiên tôi không thấy ai đào sâu hơn, bằng cách sử dụng sử quan, tức là nhìn con người ấy sống ra sao, đã làm những gì



trong một bối cảnh lịch sử VN ở thời điểm tăm tối nhất, đau thương nhất và hỗn loạn nhất như thế, để từ đó đưa ra nhận định và phán xét về một nhân vật lịch sử có ảnh hưởng lớn lao, không

chỉ trên đất nước Việt Nam mà cả toàn vùng Đông Nam Á cũng như Hoa Kỳ và thế giới. Một nhân vật lịch sử TT Diệm có tầm cỡ lớn lao, nếu chỉ khen chê theo cảm tính và bản năng sẽ không bao giờ thấy được Sự Thật Của Lịch Sử. Muốn thay đổi và chuyển hóa vận mệnh và sinh mệnh cho đất nước, phải tìm cho ra Sự Thật Của Lịch Sử.



1- Trong mấy chục năm mòn mỏi tìm kiếm mẫu người điển hình lý tưởng Việt Nam Cộng Hòa của MN, sau khi đã nhìn rõ chân dung man rợ mẫu người XHCN của cách mạng CS, tôi vẫn không biết tìm ở đâu? 40 năm sau, tôi chợt nhớ tới Con Người VNCH Điển Hình Nhất - Chính Là Người Cộng Hòa Đã Đặt Viên

Đá Đầu Tiên Để Xây Nên Nền Đệ I Việt Nam Cộng Hòa ngày 16 tháng 7-1955, và chỉ sau 9 năm đã dựng nên Hòn Ngọc Viễn Đông cho dân cho nước của ông. Nhưng con người VNCH đầu tiên này đã bị gục ngã thảm thiết bởi chính bàn tay của những người VN cùng người bạn Mỹ của ông.

2- Theo cuộc điều tra tỉ mỉ của Tướng Thomas Lane, “âm mưu cạm bẫy đã được dàn dựng bởi những người CS ngoại hạng và siêu quần bạt chúng... Hồ Chí Minh đã vẽ ra một kế hoạch để sử dụng các nhà sư đội lốt tại MNVN, nơi đó họ có thể khuấy động tội bởi liên tục sự xung đột tôn giáo... Cuộc vận động quá như nhớp bản thủ đầy âm mưu gian trá, tìm mọi cách che dấu con người thật của TT Diệm và che dấu luôn con người thật của HCM và những người CSVN. Tổng Thống Diệm là một người có đặc tính mẫu mực điển hình của một con người xả kỷ vô ngã, tự quên thân mình để dâng hiến trọn đời ông cho quê hương xứ sở ông, một con người với giá trị nhân tính sâu thẳm” (trích từ cuốn The Last Of Mandarins Diệm Of Việt Nam của tác giả Anthony Trawick Boucarey, 1965, trong những trang 145 và 146).

Trong tập sách của Boucarey, trang 1 có đoạn như sau:

Ngày 16 tháng 11-1964, Đại Sứ Hoa Kỳ, Frederick E. Nolting đã viết một bức thư cho tờ New York Times như sau:

“Tôi không thể chân chừ cho tháng ngày qua đi mà không nói lên sự kính trọng của tôi khi tưởng nhớ đến một con người can đảm phi thường đã gục chết vì quê hương của ông một năm trước đây, người đó chính là Ngô Đình Diệm, cựu TT VNCH.

Những biến cố xảy ra từ khi lật đổ và ám sát ông vào tháng 11, những tia sáng được bật lên để soi vào những vấn đề mà ông phải đối mặt đương đầu trong suốt 9 năm ông làm TT trong một xứ sở có quá nhiều thương đau.

Trong những hoàn cảnh khó khăn và phức tạp, chính quyền của ông đã gặt hái được những thành quả lớn lao, ở đó nhiều trường học đã được xây cất, nhiều bệnh viện đã mọc

lên, nhiều đường bay đã được thiết kế, đáng kể nhất là cải cách ruộng đất, và thành quả lớn lao nhất là xây dựng được quân đội VNCH hùng mạnh để bảo vệ đất nước trong cơn dầu sôi lửa bỏng, và một ý chí mãnh liệt để đứng lên chống trả những đe dọa. Tất cả những thành đạt đó trở thành những trở ngại làm cho CSBV không thể nào chiến thắng được MN.

Cái chết quá đau thương của TT Diệm, tạo nên một hình ảnh náo nề đè nặng lên một đất nước có quá nhiều đổ vỡ và đau thương -- đó là điều mà đất nước của ông không vượt qua được. Ông Diệm là một nhà ái quốc, và tôi bảo đảm chắc chắn là ước mơ của ông là phục vụ cho người dân của ông, điều đó đã thể hiện suốt những năm dài kể từ khi biết ông, đó là làm sao đi đến thành công trong cuộc tranh đấu cho sự sống còn của đất nước Việt Nam để tiến tới những tiến bộ về phương diện chính trị, và tiến bộ xây dựng những giá trị chân thật cho con người.

Bi kịch đã diễn ra tại vùng nhiệt đới xanh tươi của Đông Nam Á, nhưng bi kịch làm cho con người xót xa thương cảm, và kinh hoàng như thời điểm của Bi Kịch Hy Lạp xưa. Đó là vóc dáng của một vị anh hùng dân tộc (national hero), người đã chiến đấu bền bỉ một cách hết sức dũng cảm để chống đỡ biết bao khó khăn, nghịch cảnh vây hãm lao lung tứ bề, cuối cùng đã phải gục chết thảm thiết trước số phận, số phận trong trường hợp này đến từ những kẻ thù công khai, những người bạn cũ của ông, và lỗi lầm của riêng ông. Khi ông nắm quyền hành quốc gia trong 9 năm trước đây, ông đã nói với đồng bào của ông rằng, “Hãy bước theo tôi nếu tôi tiến lên. Hãy giết tôi đi nếu tôi rút lui tháo chạy. Hãy trả thù cho tôi nếu tôi bị giết”.

Thủ phạm chính về cái chết của con người VNCH đầu tiên ấy chính là Hồ Chí Minh và đảng CSVN, còn lại tất cả, dù người Việt Nam hay Mỹ dính líu đến cái chết của TT Diệm, dù vô tình hay cố tình cũng đều là phương tiện hữu hiệu, là những con người tự nguyện để cho con sói già sờ mũi dất vào những âm mưu thần sầu quỷ khóc của họ Hồ ở Bắc Bộ Phủ.

Con sói già quỷ quyết này ném đá dẫu tay tài tình tới mức độ dư luận nước Mỹ và Âu Châu tỏ ra rất kiêng nể ông ta, vì họ chỉ nhìn thấy chiếc mặt nạ mà không một ai biết bộ mặt thật của con sói già Hồ ly tinh này, nên chỉ chĩa mũi dùi phê phán tôn giáo này hay tôn giáo khác, phe này phe kia mà quên mất kẻ chủ mưu giết TT Diệm, một đối thủ hơn HCM tất cả mọi phương diện, tài năng cũng như đức độ, là người nếu còn sống thì ông ta và Đảng CSVN không bao giờ chiếm được được MN.

Con sói già này và Đảng CSVN tự biết không làm gì được TT Diệm và quân dân MN, nên đã mượn tay những con người ngây thơ nhẹ dạ, mù quáng thiển cận tiếp tay với ông ta, không phải chỉ giết một vị anh hùng dân tộc của VN mà giết cả một quốc gia, phá hủy tan tành Hòn Ngọc Viễn Đông, giết luôn nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam ổn định, lương thiện và trong sạch nhất vùng Á Châu như Giáo Sư Wesley Fishel đã nhận thấy.

Tội lỗi của con sói già này đúng là: Đẫn hết trúc Nam Sơn chẳng đủ để biên ghi tội ác. Múc cạn nước Đông Hải không đủ để rửa sạch tanh nhơ (Nguyễn Trãi).

Tự nguyện tiếp tay và trở thành phương tiện hữu hiệu cho con sói già và CSVN âm mưu giết giết hại một con người VNCH của MNVN, những người Việt Nam và người Mỹ ngây thơ nhẹ dạ, mù quáng thiển cận trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã thuyết phục TT Kennedy cúp viện trợ và không ủng hộ TT Diệm nữa.

3- Ngược lại, Chủ Tịch Quốc Hội Hoa Kỳ là John Mac Comick và Dân Biểu Edna Kelly đã sáng suốt cảnh giác TT Kennedy rằng:

“Gần như không có ai ưu tư tới một điểm là, Ông Diệm và chính quyền MN đang phải đối đầu với rất nhiều trở ngại khó khăn, xử sở quê hương của ông đang đổ vỡ tan hoang mọi bề, với sự tràn ngập của CS, băng đảng, và các giáo phái võ trang xung đột khắp nơi, TT Diệm không chỉ làm sao sống còn tồn tại được trong 9 năm, và đưa đến nhiều tiến bộ tốt đẹp trong việc tái lập lại trật tự quốc gia, bảo vệ quyền tự do cho dân, thi hành công lý xã hội để

làm đời sống toàn dân tốt đẹp hơn.

Thế mà tại sao không thấy ai để tâm tới điểm là, không có ông Diệm không làm sao ổn định được Việt Nam và cả Đông Dương đang trong những cơn lốc và hỗn loạn tới bời, rồi sau đó chỗ đứng của Hoa Kỳ trong chiến lược toàn cầu sẽ gãy đổ suy vong”.

Chính quyền Kennedy và những người trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã bỏ ngoài tai những lời cảnh giác đầy tính tiên tri của Quốc Hội Hoa Kỳ về tương lai đen tối trong những chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ tại Á Châu, vì giết TT Diệm và mất MNVN vào tay CSVN cũng chính là tay sai của CS Hoa Lục.

Kennedy đã làm lạc, gọi con gấu già lạnh lùng đầy nanh vuốt Henry Cabot Lodge đến quê hương đau khổ ngập tràn của VN để ủng hộ những tướng lãnh MN – là những con người đang ôm ấp giấc mơ tranh danh đoạt lợi, tranh bá đồ vương và tranh quyền cướp nước.

Thực ra mà nói, đây là những con người được coi là “đường đường một đấng”, có thể không thiếu cái “dũng khí” nhưng cũng chỉ sống bằng bản năng, không có tâm hồn và trí tuệ sâu sắc, nhất là thiếu đời sống tinh thần, nên về mặt tâm thức và ý thức rất non nớt, dễ bị mê hoặc, bị mời gọi là lợi và quyền rũ mê hồn bởi giấc mơ quyền uy, quyền lực và quyền hành cũng như quyền lợi ích kỷ của riêng họ, nên chẳng bao giờ nhận ra là, tất cả những việc làm của họ để giết TT Diệm là tự nguyện để cho con sói già Bắc Bộ Phủ sở mũi dẫn dắt nhẹ nhàng vào những âm mưu cực kỳ thâm độc của hắn. Bởi vì những con người này, kể cả con gấu già lạnh lùng đầy nanh vuốt của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng chẳng thoát được những tính toán của con sói già Bắc Bộ Phủ.

Con sói già Hồ ly tinh này không chỉ muốn giết một mình “con người VNCH đầu tiên” của MNVN, mà hắn muốn giết cả một quốc gia, giết luôn nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam và giết luôn hơn 10 triệu dân MN, giết luôn đời sống ấm êm của họ mà những

Con Người VNCH đã đổ bao nước

mắt mờ hôi mới hoàn thành được cho toàn dân MNVN, để làm gì? hay chỉ để hoàn thành giấc mơ mù lòa và mê sảng XHCN của hắn?

Đó mới là mục tiêu tối hậu của con sói già. Trong khi tướng lãnh MN và Hoa Kỳ chỉ muốn hạ bệ TT Diệm để thay thế lãnh đạo MNVN bằng nhóm quân nhân hoàn toàn thiếu hiểu biết và kiến thức về chính trị trong hoàn cảnh lịch sử quá tăm tối của đất nước cũng như toàn bộ đời sống của toàn dân MN.

3- Sau khi các tướng lãnh lật đổ Tổng Thống hợp hiến hợp pháp, chính thống và được dân MN bầu lên nắm quyền hành chính quyền MN, Tướng Thomas Lane đưa ra nhận định:

“Tổng Thống Diệm bị người ta thay thế bằng những con người quá độc ác tàn bạo, là những người giống hệt Fidel Castro, không bao giờ ngập ngừng hành quyết các tù nhân”.

Tướng Thomas Lane đưa ra nhận xét về TT Diệm: *“lịch sử cho thấy rằng TT Diệm đúng là một người quá nhân đạo và đầy lòng bác ái (humane and cheritable man) để sống còn trong bầu không khí của quyền lực vào 1963. Ông đã không có đủ tàn nhẫn và độc ác để bắt giam và xét xử những quân nhân tạo phản, và thay thế bằng những người trung thành của ông. Ông cố gắng quá nhiều và quá lâu để hòa hoãn với Phật giáo là những người không thể nào chịu hòa hoãn được (impossible conciliation). Ngay cả việc trục xuất những nhà báo Mỹ đã vo tròn bóp méo sự thật chính là kẻ thù quá cay đắng của ông.*

Thay vì làm như thế, ông đã cố gắng hòa giải và giải tỏa những dị biệt mà không có những hành động cần thiết cho sự sống còn của chính quyền MN, chính sự khoan hòa đã khuyến khích sự nổi loạn... khi không quân nổi dậy ném bom Dinh Độc Lập đã xô đẩy tình thế vào cơn hỗn loạn thêm. Lẽ ra người phi công sẽ bị kết án và bị hành quyết. TT Diệm đã không bao giờ đem người phi công ra xét xử trước tòa án. Ông khước từ đòi mạng sống con người vì những lý do chính trị, dù đó là một cuộc nổi loạn.”

4- Giáo Sư Wesley Fishel, đứng đầu nhóm cố vấn đặc biệt gồm 54 Giáo Sư chính trị học và quản trị công quyền do Michigan State University (MSU) tổ chức với 200 người Việt Nam phụ tá để giúp MNVN xây nên nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam trong 9 năm (1954-1963) đã viết xuống như sau:

“Như sự kiện cho thấy, chỉ có một điều mà những học giả uyên thâm đều đã đồng ý khi nhìn vào năm đầu tiên nắm chính quyền của ông Diệm là chính quyền của ông sẽ tan rã bất cứ lúc nào, sự thất bại là điều không thể nào tránh được. Nhưng ngược lại, ngày nay ông Diệm vẫn còn hiện diện bên chúng ta, và chế độ của ông chắc chắn là một chế độ ổn định nhất và lương thiện trong sạch nhất vùng Á Châu.

Trước những thành quả vĩ đại đó, ông đã được nhiệt liệt hoan hô chúc tụng tại các quốc gia mà Ông đã viếng thăm như Washington, Manila, Tân Delhi, Rangoon, và Bangkok, và chính quyền của ông đã được 45 quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc thừa nhận, chắc chắn ông phải là một con người phi thường, một con người đã bị ngộ nhận (misunderstood one) quá nhiều. (trích từ hồ sơ 20, trong cuốn Vietnam And America, the most comprehensive documented history of the Vietnam War).

5- Theo nhận xét của Philippe Deviller, một sử gia lỗi lạc đương thời, nhìn TT Diệm như sau: *“bước vào một hoàn cảnh cực kỳ đen tối, đó là một người Sĩ Phu, can đảm phi thường, và là con người của nguyên tắc vào tuổi 53. Ông là một người Quốc Gia được kính trọng nhất (the most respected man) và là người có ảnh hưởng lớn lao nhất và là một người sống trọn vẹn cho đức tin Công giáo... sự can đảm hiếm thấy nơi các lãnh tụ chính trị, rất coi trọng đạo đức gia đình, tính chịu đựng bền bỉ, đó là người không bao giờ thiếu sự chính trực liêm chính. Ông không bao giờ không cư xử công bình với mọi người, kể cả cho kẻ thù của ông một cơ hội. Ông đã không bao giờ ra lệnh xử tử những người đã cố gắng giết ông”. Deviller nói thêm “Tất cả đối thủ lúc ban đầu của ông đều*

đánh giá ông rất thấp”.

6- Đại Sứ Hoa Kỳ là Frederick Nolting thì khuyên những người chống đối TT Diệm rằng, “một sự thay đổi tuyệt vời sẽ thành đạt được cho đất nước này, nếu tất cả những ai chế bai chỉ trích chính quyền của họ, thì họ nên tìm cách cộng tác với chính quyền và làm việc ngay trong chính quyền để cải thiện và làm mọi việc tốt đẹp hơn”.

8- Vào ngày 15 tháng 10-1955, TNS Manfield thăm VNCH trong hai tháng đã có nhận xét về TT Diệm như sau:

“một thanh danh vang vọng khắp đất nước của ông, với đường lối quốc gia chân chính, và có những dự tính rất trong sáng. Nhưng đã có “những vận động lớn lao với âm mưu lật đổ” do những người bất hợp tác (none cooperation) và những kẻ phá hoại; tất cả chỉ muốn ngăn chặn ông Diệm thực thi những chương trình xây dựng của ông, gồm có cả việc nổi bật nhất là loại trừ những gì chỉ đã đưa đến những xấu xa tồi tệ cho dân cho nước, và những bất công và bất bình đẳng trong xã hội Việt Nam.”

9- Một quan sát viên khác là Ralph Lee Smith thì cho rằng, “Miền Nam Việt Nam thật may mắn đã sinh ra được một lãnh tụ quốc gia trong thời gian tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Ông đã phải đối đầu hứng chịu gần như tất cả khó khăn và nghịch cảnh.

Ông Diệm đã đóng trọn vẹn vai trò dù chưa sửa soạn một cách thật can đảm và sáng suốt... một hình ảnh cao cả và khả kính của một lãnh tụ quốc gia trong lòng những người dân bình thường (Common people).”

Smith còn cho biết thêm, còn có một quan sát viên khác thấy như sau:

“Chuyến đi thăm các vùng trồng lúa tại MN vào tháng 1-1955, ông Diệm tuần vừa qua đã đón nhận sự tán thưởng đầy nhiệt tình từ những người dân của ông. Lúa mọc tràn ngập trên các cánh đồng chung quanh ông, có tiếng gồng vang lên như reo vui, những người lính chiến thắng Việt Cộng đã ngồi ăn chung trên

bàn ăn của ông; những người di cư tỵ nạn ngồi đầu lưng với nhau chung quanh ông trong căn nhà lá của họ”, và người quan sát viên đó kết luận, “sự kiện sống động này đã minh xác sức mạnh của ông Diệm nằm ngay chính sự lớn mạnh của những tâm hồn quốc gia dân tộc đang sống tại các làng xã, đó là những con người đã đau khổ quá nhiều vì chiến tranh do CS gây ra, những người dân này còn hơn cả những người ngồi uống rượu tại các nhà hàng Pháp tại Saigon”.

10- Bên cạnh đó, Bernard Fall nhìn thấy nơi ông Diệm:

“Một con người đã nắm giữ một vai trò để giải quyết mọi vấn đề trước một tình thế quá đen tối, đó là TT Ngô Đình Diệm, một người theo tinh thần Kito giáo rất uyển chuyển, có một đức tin tôn giáo thật sâu xa, gánh trên đôi vai gánh nặng để diu dắt che chở và nuôi sống 10.5 triệu con người tại MNVN, thêm vào đó phải lo cho gần 1 triệu người di cư từ Miền Bắc vào lánh nạn CS, bảo vệ nền độc lập và lo an toàn cho đất nước. Ngoài ông không có người nào tại Á Châu gặp nhiều khó khăn trở ngại như thế, phải gánh chịu một gánh nặng quá gian nan trên đường tiến tới Trật Tự Và Công Lý cho dân cho nước.”

11- Trong một chương sách của Joseph Buttinger, The Miracle of Việt Nam, có đoạn:

“sự chính trực vô tì vết (untained integrity) với thái độ quyết liệt chối từ sự thỏa hiệp với Pháp, và với sự hiểu biết sâu xa khi nhìn vào bản chất những kẻ thù của ông, trên chóp đỉnh của lòng dũng cảm ông đã cho cả kẻ thù và bạn bè ông nhìn thấy ông xây dựng nền độc lập cho VN và đoàn kết chính quyền làm sao cho thật vững mạnh, vì đó là điều đất nước của ông cần hơn thực phẩm và bom đạn.”

Buttinger còn nói thêm: “đó là một phần trong cái vĩ đại của một con người chính trị như ông Diệm”.

12- Có lẽ người hiểu tường tận về TT Diệm không ai hơn là người cầm đầu nhóm cố vấn trong cái “lối” của chính quyền TT Diệm, Wesley Fishel có lần nói:

“Những kết tội chính quyền độc tài thiếu căn bản vững chắc (lack solid substance). Thực tế chính quyền Ngô Đình Diệm không thể nào nói tay khi những đe dọa quá ghê gớm khi nhìn chỗ nào cũng thấy tràn ngập khắp nơi. Nếu không có những đe dọa của CSBV người ta có thể nhìn thấy nhiều tự do hơn tại MNVN như chúng ta có tại Hoa Kỳ. Sự thật là phần lớn các giáo phái thù ghét ông, sự đố kỵ ghen ghét của người Pháp lúc nào cũng chờ đợi để tấn công ông tới tấp vào những điểm yếu của ông; thêm nữa là những người Mỹ đóng đô ngay tại Sài Gòn cũng chống ông Diệm.”

Fishel còn nói thêm:

“Tôi còn nhớ rất rõ khi viếng thăm VN vào 1958, đã có những viên chức ngoại giao HK có nhiều lần làm mất uy tín, thổi phồng sự thất bại, chế riếu tôn giáo của ông Diệm và gia đình ông, họ đã kêu gọi HK thay đổi chính sách tại VN. Ngay từ lúc ban đầu, các viên chức ngoại giao và báo chí háo hức đi tìm kiếm lỗi lầm của ông và của chính quyền của ông; không ai cần biết tới những hậu quả sắp tới là cái gì?”

13- Dưới mắt của Cựu Ngoại Trưởng Walter Robertson, ông Diệm là:

“Một con người tận tụy, dũng liệt và xoay trở thật tháo vát... trong ông, đất nước ông đã tìm được một lãnh tụ thật xứng đáng với sự chính trực liêm khiết của ông được gần như toàn dân MNVN thừa nhận.

Vùng Đông Nam Á đã đưa đến cho chúng ta một TT Diệm với đức tính vĩ đại, và toàn thể thế giới tự do sẽ trở nên phần vinh thịnh vượng hơn, khi học từ bài học quyết tâm và sức chịu đựng kiên cường của một người như ông Diệm.”

14- Vào năm 1959, R. G. Casey Bộ Trưởng Úc đã viết rằng, “Những người Mỹ đã lấy những tiêu chuẩn của HK để phê phán là bất công.

Có hai sự kiện cần phải nhớ bất cứ khi nào muốn chỉ trích chính quyền VN. Thứ nhất, Việt Nam Là Tiền Đồn Của Chiến Tranh Lạnh. Chính quyền MN không thể bỏ ngỏ tên hên

mọi thứ, vì tạo cho những kẻ thù khai thác trực lợi. Đó Là Điều Sẽ Trở Thành Ngụy Hiểm, Chết Người, Không Chỉ Cho VN, Mà Sẽ Phá Sụp Đồ Những Quyền Lợi Chiến Lược Của Thế Giới Tự Do Tại Vùng Đông Nam Á.

Thứ hai, thực thi dân chủ trên một quốc gia với những quan niệm hoàn toàn mới lạ tại đất nước VN, dân chủ cần có thời gian để xây dựng các cơ cấu, những truyền thống dân chủ và các tập quán dân chủ cần phải được phát triển từ từ mới có thể ứng dụng những quyền dân chủ, ý thức chính trị dân chủ trong đời sống của dân, mà cần thời gian từ từ từng bước một để nó ăn sâu và lan rộng trong dân chúng.

Hoa Kỳ không có đủ lý do chính đáng, chỉ vì một ngày không được vui mà lia bỏ xa lánh một người như ông Diệm là điều không bao giờ có thể chấp nhận được... trong một quốc gia mà 90% là người thất học, ông Diệm làm được như thế là Một Phép Lạ Rồi”.

15- Khi Phó Tổng Thống Lyndon Johnson đến MNVN để điều tra và duyệt xét lại tình hình VN trong giai đoạn tăm tối nhất, ông nhận thấy TT Diệm đúng là đã tạo được một phép lạ chính trị tại MNVN.

Gần 1 triệu dân di cư Miền Bắc lánh nạn CS đã được giải quyết vô cùng tốt đẹp, đường xá phát triển khắp nơi. Đặc biệt về canh nông đã thành công lớn. PTT Johnson kết luận: “Ngô Đình Diệm Là Winston Churchill Của Á Châu”.

16- Trong lúc đó, TNS Mike Manfiel tuyên bố tại Hoa Kỳ về TT Diệm: “Vị Cứu Tinh Của Tất Cả Vùng Đông Nam Á” (the savior of all Southeast Asia).

17- Bên cạnh nhận định của Mike Manfiel là nhận định của TNS Jacob Javits về TT Diệm:

“Thực Sự Là Một Trong Những Vị Anh Hùng Của Thế Giới Tự Do” (One of the real heroes of the free world). (trích từ Congressional record, ngày May 13-1957).

18- Theo nhận định của tờ New York Times, ngày 13 tháng 6-1961:

“TT Diệm đã tái tổ chức lại chính quyền, ông chú tâm vào quyền hành pháp trong các bộ... những thay đổi này hứa hẹn guồng máy công quyền sẽ vận hành tốt đẹp hơn và hiệu quả hơn”.

19- Trong lúc tờ báo Time cho rằng:

“Một ông Diệm đã bị hành hạ toi bời mà ông vẫn tổ chức bầu cử rất hợp lý và lương thiện... và chiến thắng oanh liệt trong các cuộc bầu cử.” Tờ Time đưa ra giải thích: “ông đã được 88% phiếu của dân dồn cho ông, vì sự thật là đất nước VN phồn vinh thịnh vượng.”

Ngoài ra tờ Time còn viết thêm:

“Đây là cuộc chiến thắng gấp đôi (double victory) trước những đối thủ cộng sản và những người đối lập không CS. Kết quả rực rỡ đến từ “những chương trình cải cách”. Kết quả hiển nhiên đó xác minh rằng, MNVN “Đã Nghiền Nát Uy Danh Của Cách Mạng Cộng Sản”, và xã hội Việt Nam đã có được một lãnh tụ có ý chí thật mãnh liệt” (Strong will leader).

Chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hành những chương trình cải cách nhờ những thúc đẩy và trợ giúp bởi những người Mỹ, đứng đầu là Tiến Sĩ Eugene Stanley, cải cách việc huấn luyện các viên chức chính quyền địa phương làm sao cho họ hợp nhất với chính quyền trung ương.

20- Vào ngày 15 tháng 2-1962, Đại Sứ HK Nolting đã tuyên bố:

“Chính quyền Việt Nam dưới sự hy sinh và can đảm phi thường trong vai trò lãnh đạo của ông Diệm, đã cố gắng vượt bực dưới những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn và đã tạo được những tiến bộ chính trị, xã hội, kinh tế cho toàn dân, với sự trợ giúp của HK”. Cũng theo Đại Sứ Nolting cho biết, chính quyền MNVN là: “một chế độ hợp hiến do dân bầu lên (Elected and constitutional regime). Vào tháng 12-1962 chính quyền TT Diệm đã công bố rằng: đã có 4,077 chương trình xây dựng các ấp chiến lược, trên tổng số 11,182 chương trình đã được hoàn tất với 39% dân chúng MN đã sống trong các cộng đồng này”../.

HẸN RỒI SAO KHÔNG ĐẾN



Em đã hẹn nhưng rồi sao không đến ?
Để anh chờ bên lối nhỏ thân quen
Hàng cây khô trong gió nhẹ ru êm
Niềm khao khát trông em từng giây phút

Anh đứng đó, nghe tim lòng thổn thức
Nhớ thương thăm hình bóng Nhỏ thân yêu
Cho lòng vui niềm nhung nhớ thật nhiều
Nhưng mơ ước vẫn hoài trong ảo mộng

Giòng thời gian lững lờ trôi vô vọng
Cơn bão lòng như dầy xéo tim anh
Từng phút giây theo gió cuốn qua nhanh
Nhưng em vẫn miệt mài nơi xa vắng

Cơn mưa nhỏ, giọt rơi hòa trong nắng
Chạnh nỗi lòng vương vấn phút cô đơn
Em nơi đâu ? Cho phố vắng tủi hờn
Trời mây xám giăng sà trên lối nhỏ

Ngồi nơi đây mượn giọng thơ bày tỏ
Mưa đã tàn rét lạnh thấm thịt da
Lời thơ yêu từng nét chữ phơi pha
Em có biết nơi này anh vẫn đợi ...

NGUYỄN VĂN THẮNG

ÔNG DIỆM VÀ VĂN HÓA GIÁO DỤC



LM. CAO VĂN LUẬN

Từ một quốc gia vừa thoát cảnh chiến tranh, các trường trung tiểu học còn thiếu thốn, ông Diệm đã nỗ lực giải quyết vấn đề giáo dục, và trong thời gian từ 1955 đến 1958 người ta thấy các trường trung tiểu học công tư mọc lên khắp nơi. Đại học Sài Gòn phát triển mạnh mẽ, và đặc biệt ông Diệm đã hoàn toàn đồng ý và tích cực nhúng tay vào việc thành lập Đại học Huế.

Tại Sài Gòn, ngay từ đầu, nghĩa là từ 1959, khi đã ổn định tình hình chính trị, ông Diệm đã nghĩ đến việc đưa Đại học Sài Gòn lên khu Đại học Thủ Đức. Ông cũng nghĩ đến việc thành lập Đại học Huế, và trong những câu chuyện giữa ông Diệm và tôi nhiều lúc ông có nhắc đến dự cần thiết phải thành lập một Đại học Huế.

Vào ngày mùng 3 Tết năm 1957, hình như cuối tháng giêng năm 1957, theo thường lệ ông Diệm ra Huế dự lễ giỗ cụ Khả. Tôi đến chào ông tại nhà ông Cẩn, và ngay đầu câu chuyện ông Diệm nói:

- Này cha, tôi thấy cần phải thành lập tại Huế một viện Đại học lớn, vì hai lý do chính. Thứ nhất là Huế từ trước đã là một trung tâm văn hóa của nước ta. Ở Huế đã có những truyền thống văn hóa sâu đậm, có những cơ sở văn hóa lâu đời, như trường Quốc Tử Giám, các



cuộc thi cử Hán học. Dân miền Trung lại hiếu học mà nghèo, có bao nhiêu thanh niên ưu tú muốn lên Đại học mà không thể vào Sài Gòn học tiếp. Thứ hai là hiện nay dân chúng xôn xao đồn đại rằng chính phủ một ngày nào đó có thể bỏ Huế, vì hiện nay Huế không quan trọng lắm về phương diện chính trị, kinh tế. Vậy lập Viện Đại học Huế là chứng minh cách cụ thể với dân chúng, với quốc tế cũng như với bên kia rằng chính phủ nhất định bảo vệ Huế. Huế chỉ cách vĩ tuyến 17 khoảng 100 cây số, lập ở đây một Đại học lớn chẳng khác nào thách đố với bọn cộng sản. Nếu bây giờ tôi quyết định lập Đại học Huế, cha có bằng lòng giúp tôi không?

Tôi vui mừng thật tình. Tôi cũng đã từng nghĩ như ông Diệm, nhưng tôi lưu ý đến vấn đề văn hóa và tình trạng của dân miền Trung hơn là về các lý do chính trị.

- Thừa cụ, nếu tôi có thể làm được việc gì để góp công vào việc thành lập một Đại học ở Huế, thì cụ có thể tin rằng tôi không ngần ngại chút nào.

Ông Diệm thấy tôi nhận lời thì có vẻ mừng, gật gù:

- Vậy thì ít hôm nữa tôi sẽ sai một phái đoàn ra đây để gặp cha, để thảo luận và nghiên cứu các chi tiết cụ thể. Hôm đó câu chuyện tại



nhà ông Cẩn xoay quanh việc thành lập Đại học Huế. Trước mặt ông Diệm những người có mặt tỏ vẻ đồng ý phải thành lập gấp một Đại học tại Huế.

Tin này đồn ra ngoài, nhất là trong giới học sinh trung học các năm cuối và giới trí thức, chính trị ở Huế. Ai cũng tỏ vẻ hân hoan chờ đợi. Nhiều người đến gặp tôi và thúc giục tôi xúc tiến việc đó nhanh chóng để làm sao cho đầu niên khóa tới con em họ có thể vào Đại học ngay tại Huế. Tôi cũng bị lôi cuốn trong bầu không khí phấn khởi đó.

Khoảng một tháng sau, hình như vào cuối tháng giêng, một phái đoàn từ Sài Gòn ra gặp tôi có các ông Ngô Đình Nhu, Bộ trưởng giáo dục Nguyễn Dương Đôn, Viện trưởng Đại học Sài Gòn Nguyễn Quang Trình và những giáo sư, chuyên viên khác.

Một cuộc họp được tổ chức tại tòa tỉnh Thừa Thiên có tỉnh trưởng và một số trí thức thân hào nhân sĩ địa phương tham dự. Tôi trình bày với mọi người những lý do mà ông Diệm đã đưa ra kèm thêm những lý do thực tế của tôi. Hội nghị thảo luận và đi đến quyết định là vì những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn trong ngành giáo dục, chưa nên làm việc vội vàng hấp tấp quá. Họ nói rằng ở Huế chỉ nên lập một chi nhánh của Viện Đại học Sài Gòn tùy thuộc hoàn cảnh vào Viện Đại học Sài Gòn và Bộ Quốc gia giáo dục. Như vậy Đại học Huế sẽ

không thành một đơn vị độc lập mà chỉ là một số các phân khoa đặt dưới quyền Viện Đại học Sài Gòn mà thôi. Tôi được cử làm đại diện cho ông Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn Nguyễn Quang Trình để tổ chức. Tôi không đồng ý nhưng đành khuất phục trước quyết định của đa số.

Mấy hôm lưu lại Huế, phái đoàn đi xem những cơ sở đất đai có thể dùng làm Đại học Huế, như tòa Đại biểu chính phủ, khách sạn Morin, ngân hàng Đông dương vừa được chính phủ mua lại. Phái đoàn về Sài Gòn được mấy hôm thì có nghị định thành lập Đại học Huế, nhưng với các điều khoản đặt Đại học Huế lệ thuộc Viện Đại học Sài Gòn.

Sau hai tháng hoạt động mỗi ngày tôi thấy thêm nhiều khó khăn chỉ vì Huế thì xa Sài Gòn, tôi lại không có đủ thẩm quyền quyết định bất cứ việc gì mà phải phúc trình về Viện trưởng Đại học Sài Gòn, về Bộ Quốc gia giáo dục, rồi lên ông Nhu, ông Diệm. Các thủ tục đó làm cho công việc chậm trễ, làm cả tôi và những người góp sức lúc đầu chán nản dần. Tôi vào Sài Gòn trình bày các khó khăn đó thẳng cho ông Diệm. Tôi nói với ông Diệm rằng ý kiến đầu của ông Diệm là muốn có một Đại học Huế độc lập, lớn, quan trọng để thành một chứng minh và thách đố với thế giới và bên kia, nếu cứ phải chạy quán trong những thủ tục giấy tờ rắc rối và những hành lang của giới giáo dục Sài Gòn, thì không thể đi đến kết quả tốt được. Tôi yêu cầu ông Diệm cho Đại học Huế qui chế riêng biệt và độc lập, và tôi có quyền quyết định mọi việc trong phạm vi ích lợi cho Đại học Huế. Tôi nghĩ nếu không được như vậy thì xin ông Diệm chọn người khác, và tôi nhận thấy không thể làm việc trong các điều kiện quá rắc rối như vậy được. Tôi không phải là người có thể đi vòng vo qua bao nhiêu hành lang các bộ sở được mãi.

Ông Diệm đồng ý:

- Cha yên tâm. Tôi đồng ý với cha về những điều đó, và sẽ có nghị định thành lập Viện Đại học Huế tự trị ngay cho cha, và tôi xin mời cha làm Viện trưởng đầu tiên Viện Đại học Huế.

Tôi trở về Huế ít hôm thì có nghị định

thành lập Viện Đại học Huế, đồng thời với sắc lệnh cử tôi làm Viện trưởng.

Bấy giờ tôi xúc tiến nhanh việc tìm trụ sở, lớp học, địa điểm, đồng thời mời các giáo sư ở Huế, Sài Gòn và ngoại quốc về hợp tác. Trong giai đoạn đầu ban giáo sư gồm có mấy người tôi còn nhớ là Lê Tuyên, Lê Khắc Phò, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Trường. Vài tháng sau thêm Lê Thanh Minh Châu và vợ là Tăng Thị Thành Trai.

Ngay niên khóa 1957, Đại học Huế mở các chứng chỉ dự bị như Năng lực Luật khoa, Văn khoa, Khoa học. Ngoài ra nhận thấy việc đào tạo giáo sư trung học và giáo viên tiểu học rất cần thiết cho tình trạng phát triển giáo dục mạnh mẽ hiện nay và tương lai, tôi chú trọng đặc biệt vào Đại học Sư phạm.

Thấy công việc tạm yên, sau khi các lớp đầu mở được một vài tháng cuối năm 1957, tôi và Lê Thanh Minh Châu đi ngoại quốc, với chủ ý nghiên cứu cách thức tổ chức Đại học đồng thời vận động sự giúp đỡ của các quốc gia Đồng minh. Trước hết tôi đến Âu châu, rồi sang Mỹ và Gia Nã Đại.

Tại Mỹ tôi nhận được nhiều sự giúp đỡ thiết thực và tích cực của một vài tổ chức. Tổ chức IRC (Intellectual Rescue Commity) giúp đỡ đầu tiên và nhiều nhất bằng cách cấp cho Đại học Huế một khoảng tiền mặt đủ để tăng thêm lương cho mỗi giáo sư 5.000 đồng mỗi tháng. Nhờ đó công việc mời giáo sư giảng dạy tại Đại học Huế được dễ dàng hơn. Tôi đánh điện về nước báo tin vui, và nói với các anh em ở nhà dựa theo tiêu chuẩn lương bổng mới mà mời thêm giáo sư.

Cơ quan thứ hai giúp đỡ quan trọng cho Đại học Huế là Asia Foundation.

Ngoài những ngân khoản dùng để xây cất cư xá sinh viên, tổ chức thể thao, cơ quan này còn cấp nhiều học bổng cho các sinh viên Đại học Huế, và nhờ đó khuyến khích các sinh viên cũng như tăng uy tín cho Đại học Huế.

Một tổ chức thứ ba tuy nhỏ nhưng tích cực giúp đỡ Viện Đại học Huế, là tổ chức New Land Foundation, do giáo sư Burtinguer làm chủ tịch. Ngay trong lần gặp gỡ đầu, giáo sư đã tỏ ra sốt sắng giúp đỡ, và hứa giúp mỗi năm

5.000 Mỹ kim tiền mặt, và sau hai năm tổ chức này tăng lên 7.000 Mỹ kim mỗi năm.

Tôi cũng đến thăm vài Viện Đại học Hoa Kỳ và ở đây tôi cũng nhận được những sự khuyến khích nồng hậu của họ. Hầu hết đều hứa hẹn dành cho Đại học Huế một vài học bổng, và nếu cần gì trong khả năng và quyền hạn của họ thì tôi cứ liên lạc sau, họ sẽ cố gắng giúp đỡ.

Tôi trở về Sài Gòn và vào gặp Tổng thống Diệm trình bày kết quả chuyến đi. Tổng thống rất lưu ý đến Đại học Huế cho nên khi hay tin thêm nhiều tổ chức có thiện cảm và giúp đỡ cụ thể Đại học Huế ông mừng lắm. Riêng ông rất tích cực trong việc mở mang Đại học Huế.

Cần đến điều gì, tôi thường vào Sài Gòn trình bày thẳng với ông và trong hầu hết các trường hợp đều được ông chấp thuận, đôi khi quá mức hy vọng của tôi. Lúc đầu một vài người đưa ý kiến tìm một khu đất rộng ở ngoại ô để lập một khu Đại học Huế thật rộng rãi xứng đáng. Tôi thấy ý kiến này có điều hay, nhưng chỉ ngại tình hình an ninh không được bảo đảm, sẽ làm hỏng tất cả mọi việc, nên đề nghị chọn một vài khu đất rộng còn trống trong thành phố thì hơn. Do đó các cơ sở mới của Đại học Huế được xây cất trên khu đất trống của tòa Khâm sứ cũ, hoặc trên đất Hồ Đắc Trung trước tòa Đại biểu cũ.

Các họa đồ đều do Ngô Viết Thu vẽ rồi trình thẳng lên ông Diệm duyệt. Tôi nhớ một hôm tôi về Sài Gòn, ông Diệm đưa tôi xem họa đồ khu cư xá giáo sư do Ngô Viết Thu vẽ vừa đưa lên. Ngô Viết Thu khi đó cũng có mặt trong phòng. Ông Diệm chăm chú nhìn vào họa đồ, rồi hỏi Ngô Viết Thu:

- Phải có chỗ để phơi quần áo chứ. Chẳng lẽ bắt người ta phơi quần áo đầu giương sao?

Tôi và Ngô Viết Thu đều có vẻ ngạc nhiên, vì không nghĩ ra ông Diệm có thể chú ý đến những việc nhỏ bé như vậy. Điều này chứng tỏ ông Diệm lưu tâm đến đại học Huế chừng nào, và cũng chứng tỏ rằng trong nhiều vấn đề, ông Diệm rất hết sức tỉ mỉ, không ham hồ như nhiều người chê trách sau này. Ngô Viết Thu phải sửa sơ lại họa đồ, và thêm phòng phơi

quần áo cho cư xá giáo sư.

Mỗi lần ra Huế, ông Diệm đều đến thăm đại học Huế, và bàn thêm với tôi về những cách thức củng cố và mở mang đại học Huế. Điều này có lúc gây ra đôi chút đổ kỵ từ giới Đại học và giáo dục ở Sài Gòn thời bấy giờ, mà tôi sẽ trình bày trong việc thành lập đại học Y khoa Huế.

Hết năm 1958, Viện đại học Huế có thể gọi là đã trưởng thành về mọi mặt. Các phân khoa hoạt động đều đặn. Bấy giờ tôi bắt đầu nghĩ đến việc mở thêm đại học Y khoa, tôi cho rằng đại học Huế có Y khoa thì mới gọi là đầy đủ được. Tôi từng đọc những bản thống kê về con số bác sĩ trên thế giới, thì thấy rằng tính theo dân số, tỉ lệ các bác sĩ Việt Nam còn kém hơn Phi châu. Ở Việt Nam cứ 30.000 người dân một bác sĩ, trong lúc ở Phi châu, chỉ trên 20.000 dân đã có một bác sĩ.

Một tình trạng khan hiếm bác sĩ trong một quốc gia đang mở mang tai hại đến nhiều thế hệ về sau. Tại nông thôn tình trạng khan hiếm bác sĩ càng rõ rệt. Ở Huế những quận lớn và đông dân cư như Hương Thủy, Cầu Hai không có được một bác sĩ dân sự nào, mặc dầu có những người địa phương tốt nghiệp bác sĩ. Các bác sĩ quy tụ cả vào Sài Gòn và những thành phố lớn. Riêng trong thành phố Huế, con số bác sĩ dân y và những bác sĩ quân y mở phòng mạch riêng ngoài phố cũng không đủ so với dân số Huế.

Tôi đã lưu tâm đến vấn đề khan hiếm bác sĩ, cán sự y tế từ khi về nước. Tôi còn nhớ lúc làm cha xứ Đan Sa ở Quảng Bình tôi đã chứng kiến sự khốn khổ của người dân thiếu hiểu biết y tế, thiếu bác sĩ là như thế nào, vì đó ngay từ khi mới mở Đại học Huế, tôi đã cố gắng thêm những khóa cán sự điều dưỡng và nữ hộ sinh quốc gia.

Nhưng không ai có thể thay thế được những bác sĩ có khả năng, giàu lương tâm chức nghiệp.

Với tất cả những ưu tư đó, vào cuối năm 1958, tôi vào Sài Gòn gặp ông Diệm để trình bày về sự cần thiết phải mở đại học Y khoa Huế. Tôi đưa ra mọi lý lẽ để thuyết phục ông Diệm.

- Thừa cụ, giữa thời đại văn minh này, nhiều làng mạc, thôn xóm Việt Nam, nhiều người Việt Nam vẫn chữa bệnh theo lối đồng bóng phù thủy, cầu thánh. Người ta đã chỉ trích cái tinh thần mê tín dị đoan của dân Việt Nam, nhưng không ai chịu búng cái gốc của sự mê tín dị đoan đó, là vì Việt Nam thiếu hiểu biết về vệ sinh y tế, và thiếu bác sĩ ở nông thôn. Miền Trung vừa nghèo vừa đông dân cư, tình trạng thiếu bác sĩ càng trầm trọng hơn bất cứ nơi nào khác. Tôi thấy cần phải mở đại học Y khoa Huế để đào tạo những sinh viên Huế có khả năng và ham thích Y khoa trở thành những bác sĩ. Hẳn cụ cũng biết hằng năm đại học Y khoa Sài Gòn chỉ đào tạo được vài chục bác sĩ, trong số đó một phần đã phải vào ngành quân y. Hằng năm có đến hàng ngàn sinh viên thi vào Y khoa, nhưng đều bị loại không phải vì họ thiếu khả năng, không đúng tiêu chuẩn nhưng chỉ vì mức thu nhận của đại học Y khoa Sài Gòn quá ít ỏi. Bấy giờ dù có mở thêm đại học Y khoa Huế chúng ta cũng không sợ thiếu sinh viên, hay ứ đọng bác sĩ...

Cụ Diệm có vẻ hết sức lưu tâm đến vấn đề. Cụ đồng ý với những lập luận của tôi, gạt gù hứa hẹn:

- Cha nói đúng. Nước mình thiếu bác sĩ một cách trầm trọng. Tôi đã lưu ý đến tình trạng này từ lâu, nhưng vấn đề hết sức quan trọng, lại nặng tính cách chuyên môn quá nhiều nên tôi không thể đơn phương quyết định được. Tôi hứa với cha sẽ đưa vấn đề ra thảo luận trong một hội đồng nội các gần nhất. Riêng tôi, hoàn toàn ủng hộ đề nghị của cha.

Tôi ra về, có vài phần tin tưởng.

Ba tuần sau chẳng thấy tin tức gì, tôi lại vào Sài Gòn và đến gặp Tổng thống. Tổng thống cho biết rằng vấn đề đã được đưa ra một hội đồng nội các cách đây 10 hôm, nhưng các ông bộ trưởng đều bác bỏ, sau khi tham khảo giới đại học Y khoa Sài Gòn.

- Thừa cụ, họ viện ra những lý do gì để bác bỏ?

- Tôi cũng thấy những lý do họ đưa ra không vững vàng chi lắm, nhưng nó chứng tỏ rằng họ không muốn có thêm một đại học Y khoa. Họ nói rằng cả nước Việt Nam chỉ cần có

một đại học Y khoa là đủ lắm rồi.

Tôi bức tức hết sức:

- Thế nào gọi là đủ được, thưa cụ. Phi châu cứ 20.000 dân đã có một bác sĩ, trong lúc Việt Nam tự hào có bốn ngàn năm văn hiến, cụ lại đương có dự tính làm cho nước Việt Nam đóng vai lãnh tụ Đông Nam Á mà trên 30.000 dân mới có được một bác sĩ, thì gọi là đủ làm sao được. Hơn nữa như cụ hiểu hơn ai hết, các bác sĩ phần lớn đều quy tụ vào các thành phố lớn, còn ở nông thôn có khi cách hàng chục cây số chưa tìm ra được một bác sĩ. Ngày xưa dân chúng còn chữa trị bằng thuốc bắc, thuốc nam được là nhờ các cụ đồ nho tham khảo sách Tàu được, nay lớp người đó đã quy tiên, lớp trẻ lớn lên không hiểu chữ Nho, những thầy thuốc Bắc ngày nay càng ngày càng suy đồi về nghề nghiệp, chỉ còn giữ được vài phương thuốc gia truyền. Nhiều khi họ chữa trị bậy bạ, làm hại cho sức khỏe của dân chúng hơn là làm lợi.

Ông Diệm có vẻ thông cảm với sự bức tức của tôi, bình tĩnh giải thích:

- Ngoài lý do trên đây, họ còn viện lẽ rằng hiện nay số bác sĩ giảng viên Y khoa của Việt Nam rất thiếu, may lắm vừa đủ cung ứng cho đại học Y khoa Sài Gòn, mà không thể nào cung ứng thêm cho một đại học Y khoa thứ hai nào khác. Nếu mở đại học Y khoa Huế, chả lấy đâu ra bác sĩ giáo sư.

- Thưa cụ, tôi đồng ý là chúng ta thiếu giáo sư, không những về Y khoa, mà về mọi ngành đại học khác. Nhưng không lẽ vì thấy thiếu rồi chúng ta không làm gì cả, không mở đại học kỹ thuật, đại học khoa học v.v...? Chúng ta phải tìm cách để giải quyết những khó khăn đó. Chẳng hạn chúng ta có thể yêu cầu những quốc gia Đồng minh giúp cho chúng ta một số giáo sư Y khoa...

Ông Diệm có vẻ đồng ý hơn với tôi:

- Cha ngồi chờ một lát tôi gọi ông Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục và hỏi qua ý kiến một chút.

Ông Diệm nhắc điện thoại gọi ông Trần Hữu Thế, lúc bấy giờ vừa thay Nguyễn Dương Đôn làm Bộ trưởng giáo dục. Chỉ vài phút sau thì ông Thế vào.

Ông Thế không có thêm ý kiến mới lạ nào, ngoài những điều đã đưa ra trong hội đồng nội các mười hôm trước nhằm bác bỏ việc thành lập đại học Y khoa Huế. Ông Diệm nói:

- Sau khi bàn với cha Luận, tôi thấy có thể mở đại học Y khoa Huế, và đã quyết định thành lập đại học Y khoa. Ông Bộ trưởng cho thảo sắc lệnh mai đem lên tôi ký.

Ba người ngồi lại thảo luận thêm một chút. Ông Diệm hỏi tôi:

- Bây giờ cha đã có sắc lệnh rồi, cha làm cách nào mở được đại học Y khoa Huế? Ông Thế có vẻ cũng muốn hiểu điều đó. Tôi đã có chủ ý rồi.

- Thưa cụ, hôm nay có sắc lệnh, không phải là ngày mai có liền một đại học Y khoa. Nhưng sắc lệnh đó cho tôi một căn bản để hoạt động, kêu gọi các tòa Đại sứ, các nước Đồng minh, các Viện đại học Y khoa lớn trên thế giới giúp đỡ mình, cũng như để có căn bản mời những bác sĩ giáo sư Việt Nam ở ngoại quốc về nước. Có thể là hôm nay có sắc lệnh, nhưng năm sau hay lâu hơn nữa mới có thể mở được. Nhưng nếu hôm nay không có sắc lệnh còn nói chi đến chuyện có một Viện đại học Y khoa Huế.

Ông Diệm và Trần Hữu Thế có vẻ đồng ý điều đó. Ông Diệm gật đầu:

- Được rồi ngày mai cha sẽ có sắc lệnh.

Quả thực ngày mai vào phòng ông Diệm, tôi đã thấy sắc lệnh thành lập đại học Y khoa Huế để trên bàn làm việc của ông Diệm. Ông Diệm trịnh trọng cầm sắc lệnh trao cho tôi, nhìn tôi một lúc lâu:

- Tôi đặt hết tin tưởng vào nơi cha, nhưng tôi lo sợ cha làm không thành thì bọn trí thức Sài Gòn, nhất là giới Y khoa ở đây, chẳng những cười cha mà còn chê tôi nữa. Cầu chúc cha thành công.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức mình, và tin rằng sẽ thành công, nhưng mọi việc còn nhờ cụ nhiều lắm.

Tiến tôi ra cửa, ông Diệm còn căn dặn:

"Những gì trong phạm vi khả năng của

tôi, chắc chắn là tôi không từ chối đâu, nhưng tôi thấy công việc thật là khó khăn.”

Đã có sắc lệnh trong tay, tôi đi gặp các tòa Đại sứ, phần nhiều được các tham vụ văn hóa các tòa Đại sứ này đón tiếp nồng hậu, ghi nhận sự thông báo và yêu cầu của tôi, và nơi nào cũng hứa sẽ nghiên cứu rồi tìm cách giúp đỡ sau. Người thứ nhất mà tôi đến tìm gặp là ông Costler, Phó Giám đốc cơ quan Viện trợ Hoa Kỳ. Ông tỏ vẻ hiểu biết, cho tôi biết rằng Hoa Kỳ có thể giúp đỡ Việt Nam rất nhiều về mặt khoa học kỹ thuật nhưng không thể giúp gì cho Y khoa được. Từ ba năm nay Hoa Kỳ cũng rất muốn giúp đỡ Y khoa Việt Nam phát triển nhưng vì sự cạnh tranh giữa hai khuynh hướng Pháp và Mỹ nên đành bó tay.

Tôi hứa với ông là trong đại học Y khoa Huế tương lai vấn đề cạnh tranh ảnh hưởng giữa Pháp và Mỹ sẽ không được đặt thành. Ông hứa sẽ nghiên cứu sự yêu cầu giúp đỡ của tôi và sẽ thông báo kết quả cho tôi sau.

Nơi thứ hai mà tôi tìm đến là tòa Đại sứ Pháp.

Ông tham vụ văn hóa tòa Đại sứ Pháp trả lời cho tôi biết rằng Pháp hiện đã dốc các nỗ lực giúp cho đại học Y khoa Sài Gòn, và thấy khó có thể giúp thêm cho đại học Y khoa Huế, vì vậy không thể hứa điều gì ngay lúc này, nhưng sẽ nghiên cứu và cho biết sau.

Tôi đến tòa Đại sứ Tây Đức, và được ông Đại sứ là ông Von Wenland tiếp cách nồng hậu, niềm nở. Ông Đại sứ cho biết rằng vấn đề khó khăn, tế nhị vì ở Đức quyền các tiểu bang khá lớn, và quy chế tự trị đại học có tính cách gần như tuyệt đối. Chính phủ liên bang dù muốn làm việc gì cũng phải được sự đồng ý của tiểu bang và của các Đại học.

Tuy nhiên ông hứa sẽ tìm mọi cách giúp đỡ tôi trong việc thành lập đại học Y khoa Huế. Ông cho biết tuần sau ông sẽ cử một cố vấn văn hóa ra Huế xem xét và nghiên cứu.

Tôi về Huế được một tuần thì ông bác sĩ Jacob cố vấn văn hóa tòa Đại sứ Đức ra thăm tôi và thảo luận về những chi tiết thành lập đại học Y khoa. Ngoài ra tôi cũng dẫn ông đến quan sát bệnh viện trung ương Huế.

Lúc tôi trở vào Sài Gòn, ông hỏi tôi:

- Tôi rất thiện cảm với chương trình của cha nhưng xin cha cho biết việc đầu tiên mà nước tôi có thể giúp cha là việc gì?

- Tôi đã có sắc lệnh, nhưng chính tôi cũng chưa biết phải làm gì, bắt đầu từ chỗ nào. Vậy việc đầu tiên và dễ dàng mà tôi yêu cầu tòa Đại sứ Đức giúp cho là phái sang đây một giáo sư đứng tuổi, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và tổ chức đại học Y khoa. Ông sẽ sống ở đây với tôi vài tháng, để quan sát và nghiên cứu rồi phúc trình về tòa Đại sứ và về nước Đức, đồng thời ông có thể làm cố vấn cho tôi.

Bác sĩ Jacob đồng ý, và cho rằng việc đó có lẽ không khó khăn lắm và sẽ được chấp thuận dễ dàng.

Hai tháng sau, bác sĩ Krainick, giáo sư thạc sĩ đứng tuổi, từng giảng dạy tại đại học đường Y khoa Freiburg, được chính phủ và Bộ ngoại giao Đức phái đến Huế. Ông lưu lại Huế 2 tháng hơn, làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế và nhận định rằng bệnh viện này đủ điều kiện cung cấp những phương tiện nghiên cứu cho một đại học Y khoa.

Ông làm phúc trình lên tòa Đại sứ Đức, với đề nghị là Đức nên giúp đỡ Việt Nam thành lập đại học Y khoa Huế. Các nhận định của ông trong bản phúc trình hết sức thuận lợi. Ông đề nghị với tôi là sau khi ông về nước Đức vài tháng, tôi nên sang Đức, đi vận động các tiểu bang và các Đại học, vì ông cho tôi biết như Đại sứ Đức đã nói, quyền các tiểu bang và các đại học ở Đức rất lớn.

Tôi vào Sài Gòn trình bày những kết quả và đề nghị là có thể xúc tiến ngay công việc xây cất trường sở. Tôi xin một ngân khoản 5, hay 6 triệu đồng để mở những cơ sở đầu tiên, chuẩn bị mở lớp thứ nhất vào năm học tới. Ông Diệm đồng ý nhưng nói rằng hiện nay không còn một ngân khoản nào có thể rút ra được để bỏ vào đại học Y khoa Huế. Tôi đề nghị cho tôi lấy tiền lời xổ số kiến thiết liên tiếp 8 kỳ. Ông Diệm đồng ý và số lời 8 kỳ xổ số kiến thiết được khoảng 6 triệu. Tôi có thể bắt đầu xây cất những cơ sở đầu tiên ngay.

Công việc được giao cho nhà thầu, xây theo họa đồ của Ngô Viết Thụ. Tôi và Lê Khắc Quyển đi Đức rồi sang Ba-Lê sau. Đại

sứ Việt Nam tại Bonn là Hà Vĩnh Phương hết sức hăng hái giúp đỡ tôi, đích thân trông nom việc tổ chức thăm viếng các nơi. Trước hết tôi đến gặp ông Giám đốc viện trợ hải ngoại, nằm trong Bộ ngoại giao Đức. Bộ này phụ trách mọi công việc viện trợ ngoại quốc. Ông này cho biết Bộ ngoại giao và chính phủ Đức đã nhận được phúc trình của giáo sư Krainick, và hết sức sẵn lòng giúp đỡ tôi trong việc thành lập đại học Y khoa Huế, nhưng cho tôi biết rằng chính phủ liên bang không thể bổ nhiệm các giáo sư y khoa, vì các giáo sư Y khoa nằm trong quyền điều động của các đại học tự trị. Ông khuyên tôi đến thăm các đại học lớn ở Đức, và thuyết phục các đại học này bảo trợ cho đại học Y khoa Huế. Ông còn cho biết rằng bất cứ giáo sư Y khoa nào đồng ý sang giảng dạy ở Huế, sẽ được chính phủ trung ương đài thọ lương bổng và mọi đề nghị của họ về việc trang bị dụng cụ y khoa sẽ được chính phủ thỏa mãn.

Trước hết tôi đi thăm Cologne và đại học Y khoa ở đó. Tôi được Viện trưởng tiếp đãi niềm nở, nhưng cho biết rằng đại học Cologne nhỏ bé, lại đã bảo trợ cho một đại học ở Phi châu, vì nơi đó là cựu thuộc địa của Đức, nên chỉ có thể giúp đỡ một cách khiêm tốn là cấp học bổng cho các bác sĩ Việt Nam nào muốn làm giáo sư.

Tôi sang thăm đại học Tự Do Bá Linh ở Tây Bá Linh, gặp Viện trưởng và Khoa trưởng Y khoa, nhưng ở đây họ cũng trình bày các lý do tương tự như ở Cologne và cũng đề nghị cách giúp đỡ tương tự. Tại Heidenburg, Stugrat người ta cũng nói tương tự như vậy. Tôi chỉ còn trông cậy vào đại học Freiburg, là nơi giáo sư Krainick làm giáo sư.

Ở đây tôi được đón tiếp đặc biệt, vì đã được giáo sư Krainick về trước mấy tháng vận động cho. Tôi được hướng dẫn đến gặp Thủ tướng tiểu ban là ông Keisinger (sau này làm Thủ tướng Tây Đức). Freiburg thuộc tiểu bang Baden Baden. Ông Keisinger hứa sẽ giúp đỡ Đại học Y khoa Huế.

Có một chi tiết đáng nhớ là trong cuộc tiếp xúc chúng tôi nói chuyện qua một thông ngôn, nhưng sau, trong một buổi tiệc, ông Keisinger nói chuyện bằng tiếng Pháp và nói

rất giỏi. Tôi hỏi lý do thì được biết rằng sở dĩ trong cuộc tiếp xúc chính thức, ông sử dụng thông ngôn là vì vấn đề nghi lễ, thủ tục.

Tôi đến gặp Tổng Giám Mục Freiburg, vì biết rằng ở đây Đức Tổng Giám Mục có ảnh hưởng lớn trong giới đại học. Tại đại học Freiburg có phân khoa thần học, đều do các linh mục dạy và các linh mục này đều được Tổng Giám Mục đề cử. Viện trưởng vừa từ chức là một linh mục, và hiện vẫn còn có nhiều ảnh hưởng trong giới đại học.

Đức Tổng Giám Mục rất thiện cảm với những nỗ lực của tôi và hứa sẽ hết sức giúp đỡ trong phạm vi khả năng và ảnh hưởng của ngài.

Riêng đại học Y khoa Freiburg thì Viện trưởng và Khoa trưởng đồng ý để đại học Y khoa Freiburg bảo trợ cho đại học Y khoa Huế, trong năm đầu sẽ cung cấp 3 giáo sư, và để khích lệ giáo sư, những năm giảng dạy ở Huế cũng vẫn được tính vào thâm niên công vụ như là dạy ở Freiburg vậy. Ngoài ra đại học Freiburg sẵn sàng huấn luyện cho các bác sĩ trở thành giáo sư Y khoa.

Tôi có ghé Thụy Sĩ và thăm đại học Công giáo nhưng không được sự giúp đỡ nào đáng kể.

Như thế chuyến thăm Đức của tôi có thể coi như thành công. Tôi đi Ba-Lê với ý định tìm một bác sĩ giáo sư người Việt Nam có tiếng, có tài để về làm khoa trưởng Y khoa đầu tiên của đại học Y khoa Huế. Tôi có biết bác sĩ Lê Tấn Vĩnh, một giáo sư thạc sĩ nổi tiếng hiện làm trong phòng nghiên cứu của giáo sư Lelong tại đại học Y khoa Ba-Lê. Tôi trình bày với ông mọi dự tính của tôi và cố gắng thuyết phục ông. Ông Vĩnh đồng ý nhưng cho biết rằng ông bận những công việc nghiên cứu quan trọng ở Pháp và không thể mất cơ hội hiện có này, nên chỉ có thể về Việt Nam mỗi năm 6 tháng mà thôi.

Ông Vĩnh nói rằng muốn cho ông có thể về nước được thì tôi phải gặp và thuyết phục giáo sư Lelong.

Tôi đến gặp giáo sư Lelong, trình bày mọi việc khẩn khoản mời giáo sư Vĩnh, ông Lelong tỏ ra hết sức quý mến ông Vĩnh, và cho

tôi biết rằng Việt Nam có một người như ông Vĩnh, nhưng nếu ông Vĩnh từ bỏ những công cuộc nghiên cứu hiện ông đang theo đuổi thì chẳng những thiệt hại cho Việt Nam mà thiệt hại cả cho thế giới. Tuy nhiên ông cũng đồng ý để cho ông Vĩnh về Việt Nam mỗi năm sáu tháng.

Tôi về Việt Nam, và vẫn tiếp tục liên lạc thường xuyên với đại học Freiburg và bác sĩ Lê Tấn Vĩnh. Vài tháng sau bác sĩ Vĩnh về Huế và giữ chức khoa trưởng Y khoa đầu tiên. Ngày nay sở dĩ ít ai nhớ đến ông Vĩnh là vì ông làm khoa trưởng Y khoa được vài tháng thì bị bệnh, phải trở sang Pháp để chữa trị. Thực ra bên trong còn nhiều uẩn khúc, mà tôi ngần ngại không muốn nói ra, sợ làm mất lòng một số người. Nhưng tôi thiết nghĩ cần phải nói lên, để lưu ý những người có trách nhiệm về sau. Quả thực ông Vĩnh bị bệnh, nhưng đó không phải là nguyên nhân chính buộc ông từ bỏ đại học Y khoa Huế vĩnh viễn.

Sau mấy tháng làm khoa trưởng, ông Vĩnh cố gắng hết sức, nhưng gặp phải sự đổ kỵ của giới Y khoa Sài Gòn, làm cho ông buồn bực, chán nản. Ông tưởng rằng về nước với tất cả thiện chí, ông có thể giúp ích cho nước nhà, và ít nhất cũng được các đồng nghiệp hiểu cho điều đó, không ngờ chỉ gặp sự đổ kỵ, ghen ghét, tị hiềm. Tính ông không muốn rơi vào những mưu mô, những vận động đen tối, nên nhân có bệnh, ông rời Huế và về sau báo tin cho tôi biết ông quyết định từ chức, yêu cầu tôi chọn người thay thế.

Niên khóa 1959 lớp dự bị Y khoa đầu tiên của đại học Y khoa Huế khai giảng. Các giáo sư đã tạm đủ để phụ trách lớp này nhưng trường sở còn thiếu nhiều lắm. 6 triệu tiền lời xổ số kiến thiết chưa đủ vào đâu. Tôi vào Sài Gòn trình bày cho ông Diệm, và được cấp thêm 10 triệu, nhưng khi tính vào các khoản vẫn thấy thiếu.

Tôi đến gặp ông Seabern, đại sứ trưởng phái bộ Gia Nã Đại trong Ủy hội kiểm soát đình chiến. Ông Seabern mừng rỡ cho tôi biết rằng tôi đến thật đúng dịp may, Gia Nã Đại vừa cấp 30 triệu đồng Việt Nam trong khoản thặng dư tiền bán lúa mỳ năm nay nhưng chưa sử dụng

vào việc gì. Ông cho biết thêm rằng Đức cha Ngô Đình Thục có xin được cấp ngân khoản đó để dùng vào đại học Đà Lạt, nhưng chính phủ Gia Nã Đại cho rằng đại học Đà Lạt là một đại học tư thực Công giáo, nước ông lại là nước vừa Công giáo, vừa Tin lành, cho nên chính phủ không muốn mắc tiếng là thiên vị tôn giáo nào. Ông sẵn sàng cấp 25 triệu cho đại học Y khoa Huế và 6 triệu cho đại học Khoa học để xây một giảng đường lớn. Tôi cũng muốn nhắc lại là mặc dù từ lúc đầu phái bộ viện trợ Mỹ hứa giúp đỡ, nhưng trên thực tế mãi hai năm sau khi đại học Y khoa hoạt động, Mỹ mới bắt đầu giúp đỡ, trang bị các phòng thí nghiệm và cấp 60 triệu xây cất thêm trường đại học Sư phạm và trường trung học kiểu mẫu.

Kết thúc phần trình bày sự thành lập đại học Huế tôi nhận định rằng trong những năm 1957-1962, đại học Huế đã phát triển mạnh và ổn định chính trị ở Việt Nam làm cho các nước Đồng minh tin tưởng vào tương lai Việt Nam, nên sẵn sàng giúp đỡ cho Việt Nam mà không sợ phí.

Yếu tố thứ hai, là ông Diệm đặc biệt chú ý đến việc thành lập củng cố và phát triển đại học Huế. Trong phạm vi phương tiện và khả năng của ông, tôi nhận thấy ông Diệm đã không ngần ngại một việc gì để giúp cho đại học Huế lớn mạnh. Ông có thể sai lầm về chính trị, nhưng những nỗ lực phát triển văn hóa, điển hình là thành lập và mở mang đại học Huế, thì tôi thấy cần phải công tâm và nhận định rằng ông Diệm đã có công đáng kể. Biết bao nhiêu người quyền hành trong tay đã không làm được như ông Diệm.

Những năm 1956-1961 là những năm cực thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Lúc bấy giờ Việt cộng chỉ bắt đầu khuấy phá một vài nơi, và phần lớn chỉ là những sự phá hoại, giết mìn, đánh lén những đồn bót hẻo lánh. Tuy nhiên lúc này ông Diệm đã chú ý đến mối đe dọa của cộng sản, cho nên một mặt ông tung ra phong trào tổ cộng, mặt khác bắt đầu thực hiện kế hoạch áp chiến lược.. /

Trích “Bên Dòng Lịch Sử” hồi kỳ của Linh Mục Cao Văn Luận.

NHỮNG CÔNG LAO CỦA CỐ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM



1. Đón nhận, phân bố và ổn định 2 triệu người Bắc di cư vào Nam.

2. Thực hiện Cải cách Điền địa, mua ruộng của các điền chủ để phân phối cho nông dân.

3. Giáo dục, Y tế miễn phí, khuyến khích giúp con em được ăn học đầy đủ.

4. Tái thiết đường sắt xe lửa từ Đông Hà vào Sài Gòn năm 1959.

5. Cho xây dựng Đại Học Huế. Ngoài ra Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã phải dùng khoảng 6 triệu đồng tiền lời xổ số 8 kỳ liên tiếp để thành lập Đại Học Y Khoa Huế.

6. Ra lệnh bán đất xây chùa Vĩnh Nghiêm với giá 1 đồng, ngoài ra ông còn giúp trùng tu 1 số chùa như Từ Đàm, Diệu Đế, và một số chùa ở các tỉnh.

7. Khai thông xa lộ Biên Hòa và tái thiết Quốc lộ 19 nối liền duyên hải Miền Trung và Cao nguyên Trung phần.

8. Giảm quyền lợi và ảnh hưởng của người Hoa, giúp người Việt có vai trò mạnh hơn.

9. Chính thức phát hành tiền tệ riêng, một biểu tượng của quốc gia độc lập. Giá trị đồng tiền Việt Nam Cộng hòa sau đó gắn liền với đồng Mỹ kim với tỷ giá chính thức 35:1, tức là một đồng có giá trị USD 0,02857.

10. Thành lập khu kỹ nghệ: Thủ Đức, An Hòa, Nông Sơn, nhà máy xi măng Hà Tiên, nhà máy thủy điện Đa Nhim, nhà máy sản xuất vải sợi Vinatexco Đà Nẵng, Vimytex Sài Gòn, Nhà máy thủy tinh, mỏ than Nông Sơn...

11. Lập nhiều cô nhi viện, yểm trợ các trại cùi, các trung tâm y tế công cộng, các trung tâm sinh hoạt và giáo dục người tật nguyền.

12. Lập các quán cơm xã hội giúp cho người lao động và học sinh có chỗ ăn uống vừa túi tiền.

13. Đưa Việt Nam tiến lên tầm cao mới (Việt Nam được 80 quốc gia trên thế giới công nhận, là Hội viên Quý Tiền tệ Quốc tế...).

14. Đề ra một số đạo luật khá đặc biệt, trong đó đáng ghi nhận nhất là Luật Bảo vệ Gia đình và Luật Bảo vệ Luân lý.

(Theo VIỆT NAM SỬ LIỆU),

1/11/1963: VIỆT NAM SẼ RA SAO NẾU ÔNG ĐIỆM CÒN ?



THIỆN Ý

Thấm thoát mà đã 54 năm kể từ biến cố ngày 1-11-1963, một số Tướng Tá quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã làm cuộc đảo chánh quân sự và sát hại Tổng thống Ngô Đình Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu, trong cương vị cố vấn chính trị. Mặc dầu lịch sử đã sang trang, song những di hại khởi đi từ biến cố này đã là một trong những nguyên nhân đưa đến thực tế tội tệ hôm nay: Miền Nam tự do mất vào tay Việt cộng, nhân dân Việt Nam trên cả nước đã phải sống dưới ách một chế độ độc tài toàn trị cộng sản đã 42 năm qua (1975-2017) và vẫn đang phải tiếp tục sống dưới chế độ tàn hại này chưa biết đến bao giờ.

Chính vì vậy mà nhiều người, trong đó có chúng tôi tự hỏi: Nếu như ngày ấy Tổng thống Diệm không bị lật đổ và sát hại, Việt Nam có tránh được thực tế ngày càng tội tệ như hôm nay không?

Bài viết lần lượt trình bày:

I - TỪ MỘT BIẾN CỐ LỊCH SỬ

Lịch sử ghi nhận rằng, ngày 1-11-1963, với sự gợi ý, cho phép và ngầm hỗ trợ, cam kết của chính phủ Hoa Kỳ, một nhóm Tướng Tá Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã thành công trong việc đảo chánh lật đổ và sát hại Tổng



Tổng Thống Ngô Đình Diệm

thống Ngô Đình Diệm, đưa đến sự cáo chung nền Đệ Nhất chế độ Việt Nam Cộng Hòa (1956-1963), khai sinh nền Đệ Nhị VNCH (1963-1975) tại Miền Nam Việt Nam. Cuộc đảo chánh quân sự này đã đưa đến cái chết bi thảm cho vị Tổng thống tiên khởi của chế độ VNCH, vốn có tiếng là thanh liêm chính trực, có đạo đức và tác phong lãnh đạo. Cùng bị sát hại với Tổng thống là bào đệ Ngô Đình Nhu, cố vấn chính trị của Tổng thống, một nhà chính trị uyên thâm, mưu lược và có viễn kiến.

Lý do mà các Tướng Tá làm đảo chánh đưa ra là vì chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ độc tài gia đình trị, chủ trương tiêu diệt đối lập chính trị, kỳ thị và đàn áp tôn giáo; lại có âm mưu trực tiếp thương lượng với chế độ Cộng sản Bắc Việt về một giải pháp chính trị cho Việt Nam (1), làm cho công cuộc chống cộng sản ở Miền Nam có thể bị lâm nguy. Vì vậy cần phải lật đổ chế độ Diệm để có điều kiện củng cố phát triển một chế độ dân chủ đích thực tại Miền Nam; để công cuộc chống cộng ở Miền Nam hữu hiệu và bảo đảm cho chiến thắng cuối cùng của chính nghĩa quốc gia ở Miền Nam đối với nguy nghĩa cộng sản Bắc Việt.

Thế nhưng, thực tế những tháng năm sau đó đã cho thấy nhiều lý do nguy tạo hay xuyên tạc (2) và các mục tiêu cuộc đảo chánh đưa ra đã không thực hiện được: Chế độ dân

chủ đích thực ở Miền Nam đã không củng cố và phát triển được sau đảo chánh mà đôi lúc còn tệ hại hơn nhiều so với chế độ “*Độc tài gia đình trị*” trước đó; công cuộc chống cộng bảo vệ Miền Nam đã không hữu hiệu và bảo đảm hơn cho chiến thắng cuối cùng; mà đảo chánh đã mở đầu cho một giai đoạn suy thoái chính trị, suy yếu quân sự và suy đồi toàn diện ở Miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho đối phương CSBV thôn tính Miền Nam.

II - ĐẾN MỘT GIẢ ĐỊNH LỊCH SỬ

Đứng trước một thực trạng đất nước ngày một suy đồi toàn diện, kể từ sau ngày đảo chánh lật đổ, sát hại Tổng thống Diệm; nhất là thảm trạng ngày nay khoảng hơn 90 triệu nhân dân Việt Nam đã và đang phải sống dưới ách chế độ độc tài toàn trị Việt cộng, nhiều người đã tỏ ra nuối tiếc rằng: Nếu như ngày ấy Tổng thống Diệm không bị lật đổ và sát hại, tình hình Miền Nam Việt Nam phải khác, không thể có ngày 30-4-1975 và lịch sử Việt Nam đã biến chuyển theo một chiều hướng khác, tốt đẹp hơn cho Đất nước và Dân Tộc Việt. Vì sao?

1 - Chế độ Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam sẽ được cải thiện từng bước, ngày một vững mạnh và tồn tại cho đến hôm nay.

- Vì cái tội “*Độc tài gia đình trị*” nếu có thì không thể lớn hơn sự sống còn của Miền Nam VN trước hiểm họa cộng sản và hoàn toàn có thể cải sửa được bằng phương cách khác hơn. Chẳng hạn, dưới áp lực gia tăng vừa đủ của Hoa Kỳ, đồng minh, đòi hỏi chính đáng của các chính đảng quốc gia và quần chúng sẽ buộc được Tổng thống Diệm phải thay đổi, sửa chữa các nhược điểm. Người ta tin rằng, một nhà lãnh đạo tài đức với tâm địa “*Tiết-Trực-Tâm-Hu*”, hết lòng lo cho dân cho nước như T.T. Diệm; bên cạnh lại có một cố vấn mưu lược là bào đệ Ngô Đình Nhu, và nhiều người tài đức khác trong chính quyền, sớm muộn gì các nhược điểm của cá nhân và chính quyền của TT Diệm sẽ được điều chỉnh, sửa sai.

2 - Chính trường Miền Nam sẽ dần dần ổn

định, đối lập chính trị có tiếng nói, chế độ được dân chủ hóa theo một tiến trình phù hợp với tình trạng đang có chiến tranh với VC, niềm tin của dân với chính quyền và sức mạnh đoàn kết quân dân ngày một củng cố tạo thế và lực đương đầu thắng lợi với quân CSBV xâm lăng.

- Với phương thức cải sửa “*Độc tài gia đình trị*” ôn hòa, có thời gian và hữu hiệu, Miền Nam Việt Nam sẽ tránh được bất ổn, xáo trộn nghiêm trọng như đã xảy ra sau đảo chánh. Các Tướng Tá quân đội thì mãi mê tranh giành quyền lực, bỏ ngỏ chiến trường, nếu lúc đó quân đội Hoa Kỳ không nhảy vào thì Miền Nam đã lâm nguy. Thêm nhiều đảng phái được thành lập không phải để tạo thế và lực mới cho mục tiêu chống cộng mà chỉ cốt để có bằng hiệu, kết bè phái tranh thầu chống cộng hoặc chia chác quyền hành với phe nhóm được Hoa Kỳ chấp nhận cho “*Trúng thầu chống cộng*”.

- Thượng tầng kiến trúc chế độ Miền Nam sau đảo chánh thì băng hoại như vậy, hạ tầng cơ sở chống cộng thì bị phá đổ nhiều mảng, ví như quốc sách “*Áp Chiến Lược*” dù có cố gắng đổi tên thành “*Áp Tân Sinh*” vẫn không tránh khỏi tan rã. Quần chúng nhân dân thì bị phân hóa bởi óc kỳ thị địa phương, tôn giáo chống phá lẫn nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần đoàn kết và sức mạnh chiến đấu của quân dân Miền Nam; nhất là lực lượng chủ lực là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH). Tự chung Miền Nam Việt Nam sau đảo chánh đã suy đồi toàn diện, rơi vào tình trạng tự do vô tổ chức, vô chính phủ...

3 - Chính nghĩa đấu tranh của nhân dân Việt Nam sẽ ngày một sáng ngời trong nhân dân và trên trường quốc tế.

- Vì đảo chánh rồi, quân Mỹ ồ ạt kéo vào trực tiếp tham chiến chống cộng. Hoa Kỳ trực tiếp chỉ đạo chiến tranh, cuộc chiến đấu cho chính nghĩa Dân Chủ, Tự Do và độc lập Dân tộc của chính quyền và quân dân Miền Nam bị đối phương xuyên tạc trong nhân dân hai miền để kích động lòng ái quốc chống ngoại xâm; tuyên truyền trên trường quốc tế để cô lập chính quyền VNCH. Đây là điều Tổng thống

Diệm cầm ky từ lâu và đã có hành động cản ngăn ngay cả việc Hoa Kỳ muốn mở rộng lực lượng “Cố vấn Mỹ” trong các cấp chính quyền và quân đội VNCH. Điều này sẽ không xảy ra nếu còn T.T. Diệm. Và cũng vì muốn bảo vệ chủ quyền của một quốc gia độc lập mà T.T. Diệm đã bị lật đổ và sát hại thảm thương như thế đó.

Nói cách khác, nếu không thì chính nghĩa đấu tranh của chính quyền và quân dân VNCH sẽ bảo đảm cho thắng lợi sau cùng. Vì đó là chính nghĩa quốc gia dân tộc dân chủ tất thắng nguy nghĩa cộng sản quốc tế phi dân tộc, phản dân chủ. Cuộc chiến tranh phi nghĩa của công cụ CSBV nhằm nhuộm đỏ Miền Nam chắc chắn bị tàn lụi, ý chí xâm lăng của tập đoàn tay sai cộng sản quốc tế là Cộng đảng Việt Nam sẽ bị đập tan, một khi chính nghĩa quốc gia dân tộc dân chủ sẽ cho nhân dân hai miền thấy rõ đâu là chính (*Việt quốc*) đâu là tà (*Việt cộng*). Thực chất của cái gọi là “*Cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước trong Độc Lập-Tự Do- Hạnh Phúc*” mà CSBV lúc bấy giờ tuyên truyền lừa mị sẽ bị vạch trần trước nhân dân và công luận thế giới. Một khi nhân dân biết rõ mặt thật, Việt cộng sẽ không còn huy động được “*sức người, sức của*” để làm “*Chiến tranh giải phóng Miền Nam*”; lại bị cô lập trên trường quốc tế, bị quân dân Miền Nam đánh trả quyết liệt, với sự hỗ trợ tích cực, hữu hiệu của nước bạn đồng minh Hoa Kỳ (*theo đúng nghĩa*) và hậu thuẫn quốc tế, cộng sản Hà Nội sẽ không còn con đường nào khác là phải rút về cố thủ Miền Bắc, như cộng sản Bắc Hàn đã làm sau khi cuộc xâm lăng Nam Hàn năm 1950-1953 bị liên minh Hoa Kỳ và đồng minh dưới ngọn cờ Liên Hiệp Quốc đánh bại.

4 - Sau cùng, nếu Miền Nam không muốn “Bắc tiến” để giải phóng Miền Bắc như chủ trương của các chính quyền quốc gia để tránh đổ máu, thì ít ra cũng duy trì được tình trạng tạm thời qua phân như Bắc Hàn và Nam Hàn hiện nay, để chờ cơ may thống nhất Đất nước một cách hòa bình, bằng sự ưu thắng của chế độ dân chủ pháp trị VNCH

giàu mạnh ở Miền Nam, trên chế độ độc tài đảng trị CS nghèo yếu ở Miền Bắc.

Đó chính là cơ may đã đến với dân tộc Đức quốc năm 1989, đã thống nhất đất nước một cách hòa bình, với phần ưu thắng của Tây Đức dân chủ giàu mạnh trên Đông Đức độc tài cộng sản nghèo yếu, để có một Nước Đức thống nhất trong một chế độ dân chủ ngày nay. Việt Nam nhất định đã có được tình trạng song song tồn tại hai chế độ đối nghịch trên hai Miền Đất nước như Nam-Bắc Triều Tiên ngày nay, nếu Tổng thống Diệm không bị lật đổ và sát hại. Điều này không có nghĩa là chỉ có Tổng thống Diệm mới tạo cho Đất nước có được tình trạng và chiều hướng phát triển tốt đẹp như thế. Và cũng không có nghĩa là Tổng thống Diệm sẽ tồn tại lâu dài trong ngôi vị lãnh đạo chính quyền VNCH cho đến hôm nay. Đến một lúc nào đó, Tổng thống Diệm phải được thay thế và cần thiết phải thay thế cho phù hợp với thể chế dân chủ, nhưng không phải và chưa phải vào thời điểm năm 1963. Càng không phải và không cần thay thế T.T. Diệm bằng bạo lực và sát hại tàn bạo một nhà ái quốc như thế, mà xét ra trong chín năm cầm quyền đã làm được nhiều điều tốt đẹp cho dân, cho nước, dù cũng có những sai lầm, khiếm khuyết về lãnh đạo. Tuy nhiên vẫn có thể cải sửa bằng phương pháp dân chủ và phải để cho ông có đủ thời gian cải sửa, đặt nền móng cho chế độ VNCH vững mạnh về chính trị, kinh tế, ổn định xã hội, tiến tới tự túc tự cường vừa chiến đấu, vừa phát triển, như chủ trương tự túc tự cường (*tam túc, tam giác*) mà Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu dự hoạch thực hiện nhằm chống lại áp lực ngày một gia tăng của Hoa Kỳ, tạo thể lực bảo vệ chủ quyền quốc gia.

III - KẾT LUẬN

Tựu chung, nếu không có cuộc đảo chánh quân sự lật đổ và sát hại T.T. Diệm vào ngày 1-11-1963, chắc chắn Cộng sản Bắc Việt đã không cưỡng đoạt được Miền Nam vào ngày 30-4-1975, xô đẩy nhân dân Việt Nam trên cả hai miền đất nước vào một thảm trạng trong hòa bình: Cả nước trong một thời gian dài đã phải sống đói nghèo cơm áo, đói nghèo tự do

dưới chế độ độc tài toàn trị CSVN; nhiều người dân đã phải trốn chạy bỏ nước ra đi tìm tự do bằng mọi cách và bằng mọi giá, kể cả mạng sống, nhiều người đã chết trong lòng biển cả hay rừng già biên giới trên đường tìm tự do.

Nếu không có đảo chánh lật đổ và sát hại cố Tổng thống Diệm, chế độ tự do dân chủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn tồn tại ở Miền Nam Việt Nam cho đến hôm nay, và triển vọng thống nhất đất nước bằng sự tất thắng chế độ độc tài phản dân chủ Cộng sản Bắc Việt, đã phải là một tất yếu, sớm muộn chỉ còn là vấn đề thời gian.

THIỆN Ý

Houston, Ngày 1-11-2017

CHÚ THÍCH:

(1) và (2): Sự thật về việc cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu bí mật tiếp xúc với Phạm Hùng của CSBV, theo nhận định của chúng tôi có thể chỉ là “động tác giả”, để gián tiếp cảnh cáo Hoa Kỳ đừng xâm phạm chủ quyền VNCH quá sâu và áp lực ngày càng nặng nề trên chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu không họ sẽ nói chuyện thẳng với CSBV về một giải pháp giữa người Việt Nam cho vấn đề Việt Nam.

Thực tế những tài liệu khả tín từ nhiều phía sau này cho thấy nội dung cuộc tiếp xúc bí mật mà không bí mật này (CIA có biết) không có gì làm mất Miền Nam vào tay CSBV sớm hơn như nhiều người lầm tưởng đưa ra như là lý do cần phải loại trừ Diệm-Nhu.

Sau đây là lời của Ông Cao Xuân Vỹ, một người thân cận của Ông Nhu đã tháp tùng chuyến đi gặp Phạm Hùng của Ông Nhu, trước khi chết đã trả lời câu hỏi thứ 19 trong một cuộc phỏng vấn của Phong Trần, tác giả bài viết “Cao Xuân Vỹ - “LỜI NÓI CỦA NGƯỜI TRÍ THỨC TRƯỚC KHI CHẾT” như sau (Xin trích nguyên văn):

“19. **Hỏi:** Khi ông cùng ông Nhu đi gặp Phạm Hùng ở Bình Tuy, ông Nhu có cho ông biết hai người họ bàn chuyện gì không?

Đáp: Lúc ấy thì không. Chỉ biết chúng tôi cùng đến Quận Tánh Linh ở đây có một vùng do Cộng quân kiểm soát. Ban đầu cứ tưởng đi sẵn cộp như mọi khi. Nhưng đến nơi ông Nhu bảo chúng tôi ở ngoài, còn ông đi về phía trước

độ vài trăm mét. Có Phạm Hùng chờ ở đó. Sau này về nhà tôi cũng không tiện hỏi ông Nhu. Nhưng qua những gì ông tự ý nói ra vào một lúc nào đó thì, nội dung câu chuyện trên một tiếng đồng hồ, gồm nhiều điều cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. Có một điều mà phía họ rất quan ngại, nếu không bảo là sợ, rất sợ chương trình Ấp Chiến Lược. Họ yêu cầu cho biết ai là người chủ trương và mục đích để làm gì? Ông Nhu trả lời: đó chỉ là chủ trương của chính phủ nhằm bảo vệ sinh mạng và tài sản của người dân, ngăn ngừa sự xâm nhập, phá phách của du kích các ông... Các ông bảo cán bộ đừng tìm cách đánh phá làng xã, thì chúng tôi sẽ bỏ luật 10/59. Cán bộ các ông có thể về sống với dân lành tại các ấp...

Về các điều kiện để hiệp thương thì nhiều lần Tổng thống Diệm đã nói, phải có 6 giai đoạn:

- *Bắt đầu bằng việc cho dân hai miền trao đổi thư tín tự do.*

- *Rời cho dân qua lại tự do.*

- *Thứ 3 là cho dân hai bên được tự do chọn định cư sang bên kia nếu muốn.*

- *Thứ 4 mới đến giai đoạn trao đổi kinh tế. Ví dụ miền Nam đổi gạo lấy than đá của miền Bắc chẳng hạn.*

- *Qua được các giai đoạn đó rồi mới tiến tới hiệp thương.*

- *Và sau cùng là tổng tuyển cử.*

Có lần ông Nhu tính với chúng tôi: Ông dự đoán rằng, nếu cho dân tự do chọn nơi định cư, thì căn cứ theo tình trạng về tự do dân chủ tột tệ và kinh tế kiệt quệ của miền Bắc lúc ấy, sẽ có khoảng 3 triệu người dân sẽ dần dần vào định cư ở miền Nam. Vì vậy “mình” phải chuẩn bị đất cho dân. Ông cũng tính rằng hiện dân số miền Bắc có tới 23 triệu, trong khi dân số miền Nam chỉ có 17 triệu. Nếu có được 3 triệu dân Bắc vào định cư ở miền Nam thì dân số 2 bên sẽ cân bằng. Bầu cử tự do, với sự giám sát của Quốc Tế thì chắc mình sẽ thắng...”

(Trích Tuyển Tập những bài viết trên VOA trong 10 năm (2013-2023)- Tập II: THỰC CHẤT CHIẾN TRANH VIỆT NAM mới phát hành Tháng 4-2024.

I HAVE BEEN BLESSED



ĐỖ HỮU PHƯƠNG

Mùa Thu 1999, vợ chồng tôi nghỉ mười ngày để đưa con gái vào nhập học năm thứ nhất tại University of Southern California, Los Angeles. Cháu là một cô bé hiền hậu, dễ thương, sinh trưởng và lớn lên tại Hoa Kỳ và cũng là thế hệ thứ hai trong cộng đồng người Việt hiện đang bị nạn chính trị trên nước Mỹ.

Trở lại Houston, chúng tôi tiếp tục sinh hoạt hằng ngày và cùng nhau cai quản hai tiệm ăn chuyên về “Chinese Food”. Tiệm đầu tiên ở El Campo vào năm 1985, đây là một thành phố nhỏ về hướng Nam của Houston. Tiệm thứ hai tại Katy vào năm 1989, thành phố này thuộc hướng Tây của Houston. Mỗi tiệm, chúng tôi có nhiều người giúp việc, tuy làm chủ nhưng chúng tôi đều phải làm việc rất nhiều giờ và vất vả lắm. Bù lại thì cũng rất vui vì nhờ vậy mà chúng tôi có thu nhập khá, đủ sinh sống và nuôi dưỡng 3 cháu nhỏ ăn học đến thành tài.

Khi nhà hàng ở El Campo khai trương được vài tháng, một hôm có người khách đến bán bảo hiểm sức khỏe cho gia đình chúng tôi. Ông ta nói “Bảo hiểm này rất tốt, nhưng phải là hội viên của The Texas Farmer Insurance thì mới mua được”. Chúng tôi bèn ghi danh trở thành hội viên và đã mua được bảo hiểm sức khỏe của công ty này. Cứ thế hàng năm, vợ chồng tôi đều thường xuyên đi khám sức khỏe. Tháng 10/1999, khi đi khám sức khỏe và thử máu tổng quát với bác sĩ Chu Bá Bằng, một Bác sĩ người Việt tại thành phố Houston. Như

thường lệ thì Bác sĩ gọi cho bà xã tôi để thông báo về kết quả thử máu, nhưng lần này, đã hơn 10 ngày mà vẫn chưa thấy Ông gọi lại?.

Tôi vì bận bịu lên xuống trông coi hai nhà hàng, bà xã tôi thì lo phần tiệm ăn ở Katy. Một hôm, đang trong giờ bận rộn nhất của buổi ăn trưa tại nhà hàng đột nhiên tôi chợt bắt gặp ánh mắt khác lạ của bà xã tôi đang hướng về tôi, bà xã nhìn tôi rất khó hiểu, vừa dăm chiêu vừa lo âu chứ không vui như mọi ngày. Vì quá bận rộn nên tôi không để tâm đến sự lạ thường này ở vợ tôi. Ngày hôm sau thì thấy gương mặt bà xã tôi trầm ngâm, ít nói hơn, đôi khi bà xã còn nhìn tôi rất lâu khiến tôi khó chịu. Tôi phải lên tiếng:

–“Làm gì mấy ngày nay em nhìn anh lạ lùng vậy? Bộ mặt của anh có gì lạ lắm phải không?”.

Bà xã tôi không trả lời và quay lên phía trước. Sau giờ ăn trưa, khoảng 3 giờ chiều, khi hết khách, tôi lên phía trước thì thấy bà xã tôi đang nói chuyện với người Mỹ, tôi vẫn thờ ơ, không quan tâm. Nửa giờ sau, bà xã gọi tôi vào văn phòng kể hết chuyện mà Bác sĩ Bằng đã nói với bà xã tôi hai hôm trước:

–Bà xã tôi nói: Bác sĩ Bằng gọi cho em biết về kết quả thử máu tổng quát của anh. Tất cả mọi thứ đều tốt, ngoại trừ số White Blood Cell quá cao mà máy không đọc được. Em lo sợ quá, em hỏi Bác sĩ cho em biết, em phải làm gì?.

Bác sĩ Bằng khuyên:

–Cháu cần đưa Phương đến gặp một Bác sĩ chuyên khoa về máu “Doctor of Oncology”. Nhớ xin hẹn gấp.

Tôi bần khoản hỏi lại bà xã:

–Bác sĩ có nói là bệnh của anh có nguy hiểm lắm không?.

–Bà xã tôi trả lời: Có!. Bác sĩ bảo bệnh này rất nguy hiểm

-Trong Niên Giám điện thoại, em vừa chọn được một Bác sĩ Oncology, văn phòng của ông ở Downtown Houston. Ông này là người Mỹ, có hơn 10 năm kinh nghiệm, em nghĩ Bác Sĩ này được lắm vì có nhiều "Reviews" tốt. Em đã gọi điện thoại xin cho anh gặp Ông, họ trả lời là phải 3 tháng sau mới có thể hẹn được.

-Bà xã tôi nói tiếp: Nóng ruột quá, một lúc sau, em lại gọi điện thoại đến năn nỉ cô Y tá. Em trình bày tự sự là: Bác sĩ gia đình cho biết là chồng tôi có số White Blood Cell quá cao, cần gặp Bác sĩ gấp. Nếu để 3 tháng sau thì có thể nguy hiểm đến tính mạng, vậy xin Bà làm ơn cho chồng tôi một cái hẹn càng sớm càng tốt. Người Y tá cho biết cần phải có giấy giới thiệu của Bác sĩ gia đình mới được. Em xin Bà cứ cho lấy hẹn trước rồi sẽ nhờ Bác sĩ gia đình Fax giấy giới thiệu đến văn phòng Bác Sĩ ngay. Vài phút sau thì Y tá đã cho anh giờ hẹn đến gặp Bác Sĩ vào tuần sau. Em mừng quá. Em xin tạ ơn Trời Phật.

- Tôi bàng hoàng ngồi lặng người, đầu óc thật mông lung. Trong tâm tôi quay cuồng với những câu: "Bệnh nặng, nguy hiểm...chết sớm, các con tôi rồi sẽ ra sao...?" Tôi vô cùng lo sợ. Rồi vì bận rộn cho cuộc sống hàng ngày nên tôi cũng không còn thì giờ để nghĩ đến chuyện bệnh đau của mình nữa. Tuy nhiên, sự lo âu và buồn bã vẫn luôn hiện rõ trên gương mặt của tôi. Bà xã tôi an ủi và động viên tôi:

- "Anh đừng lo, xứ Mỹ văn minh, thuốc thang đầy đủ, y tế rất tốt, chắc chắn sẽ có thuốc chữa trị mà. Anh cứ an tâm giữ vững tinh thần, sống vui với gia đình và sinh hoạt bình thường, mọi chuyện sẽ yên ổn thôi".

Với những lời trấn an của vợ hiền, tôi vui vẻ sống hạnh phúc trong gia đình và mong đến ngày gặp Bác Sĩ.

-Hôm ấy, 8.30 sáng tôi đến văn phòng sớm để điền thủ tục giấy tờ và 9:00 giờ thì vào gặp Bác Sĩ. Sau khi y tá đến lấy máu để thử nghiệm thì nửa giờ sau Bác sĩ vào gặp tôi. Ông cho tôi biết là số lượng White Blood Cell của tôi quá cao, máy tại văn phòng của ông không đọc được. Bác Sĩ cho tôi thuốc uống, hẹn tuần sau trở lại.

Bà xã tôi lo lắng hỏi về bệnh tình của tôi thì Bác sĩ bảo là không sao. Ông sẽ tận tình chữa trị cho tôi. Y tá đem toa thuốc và nhắc tôi nhớ uống thuốc theo đúng lời ghi của Bác sĩ. Cô lấy hẹn cho tôi trở lại tuần sau.

- Tuần sau đến gặp Bác sĩ thì cũng giống như lần thứ nhất: Số lượng White Blood Cell vẫn không đọc được. Sau đó, Y tá đưa tôi đến ngồi trên một ghế và nói là Bác sĩ sẽ làm Chemotherapy (Hoá trị) cho tôi. Sau nửa giờ ngồi trên ghế, người Y tá cho tôi về và hẹn tôi trở lại tuần sau mà tôi không được nghe giải thích lý do tại sao không làm Chemotherapy cho tôi.

-Tuần thứ ba cũng đến thử máu thì số lượng White Blood Cell đã xuống ở mức mà máy tại văn phòng Bác sĩ đọc được, dưới số hàng triệu.

Hai ngày sau, trong lúc rửa mặt, tự nhiên tôi thấy có một cục hạch nổi trên cổ, to khoảng gần 1 inch. Tôi sờ chung quanh cổ thì tìm ra 4 hạch tròn nhỏ nữa. Bà xã tôi gọi điện thoại thông báo Bác sĩ ngay. Bác sĩ hẹn cho tôi ba ngày sau phải vào nhà thương cắt lấy hạch lớn gửi đi thử nghiệm. Vài ngày sau thì mấy hạch nhỏ trên cổ của tôi biến mất, tôi rất ngạc nhiên nhưng dấu sao cũng mừng vì đây là dấu hiệu tốt.

-Đến tuần thứ 4, Bác sĩ cho biết là không tìm được gì trong Lympho được cắt bỏ thử nghiệm tuần trước. Rồi bác sĩ cho thử máu nữa và, lần này số lượng White Blood Cell tiếp tục giảm xuống.

-Sang tuần thứ 5. Bác Sĩ lấy Bone Marrow của tôi đi thử nghiệm xem tế bào ung thư có xâm nhập vào trong xương tủy của tôi không?. Ông cho tôi nằm sấp và chích thuốc tê phía sau xương sống của tôi ngay tại thất lưng. Ông dùng một lưỡi khoan đặc biệt khoan vào xương sống phía bên phải để lấy ra ít tủy sống đem đi thử nghiệm.

-Tuần thứ 6 thì Bác Sĩ cho biết là không thấy tế bào ung thư trong xương tủy của tôi. Tôi thật là vui khi biết được là vi trùng chưa lan vào xương tủy. Bác sĩ bèn chích cho tôi

một loại thuốc tốt, mạnh và duy nhất chuyên trị các bệnh về Cancer thời bấy giờ (1990): Đó là INTERFERON.

Interferon được dùng để trị tổng quát những bệnh như: Blood cell cancer, Lung cancer, HIV/AIDS, Lymphoma, Kidney cancer, Hepatitis B & C,... Mỗi một ống thuốc được chia làm 7 phần, mỗi sáng chích một phần theo gach đồ được chỉ dẫn, trong 7 ngày. Ngày hôm sau tôi đến văn phòng Bác sĩ tiếp tục chích mũi thứ 2. Rồi cô Y tá hướng dẫn bà xã tôi cách chích thuốc để mỗi ngày bà xã tôi có thể chích cho tôi ở nhà mà không cần phải đến văn phòng Bác Sĩ nữa. Thế là bà xã tôi trở thành y tá riêng cho tôi trong vòng 15 phút “training” mà không được lãnh bằng tốt nghiệp.

Thuốc Interferon mua tại Walmart Pharmacy. Ngay sáng hôm sau, bà xã tôi bắt đầu chích thuốc trị bệnh cho tôi. Chích xong, bà xã Y tá của tôi, hỏi tôi:

-Anh có sao không?.

- Anh thấy bình thường.

-Em vui mừng quá.

-Anh thấy em có vẻ lo và anh nhắm mắt chịu đựng...

Những phản ứng phụ trong thời gian chích thuốc thật là mạnh: Mười lăm phút sau khi chích, tôi lạnh lấm, lạnh run lên, nửa giờ sau cơn lạnh mới hết. Tôi ăn không biết ngon nên không ăn được nhiều. Đôi khi tôi ói, mửa, buồn nôn, thỉnh thoảng đầu choáng váng. Cả ngày tôi cảm thấy rất mệt mỏi và luôn buồn ngủ. Khi ấy tôi mới 53 tuổi, sức khỏe của tôi còn khá tốt nên tôi cố gắng chịu đựng. Rất may là ở mỗi một nhà hàng tôi đều có dành một văn phòng làm việc. Đứng ra là phòng để các con tôi sau khi tan học đến nhà hàng có chỗ ăn, bàn ngồi học, và giường để ngủ. Bây giờ thì có sẵn giường cho tôi nằm dưỡng trong lúc chữa bệnh.

Suốt thời gian dài chích thuốc Interferon, tôi cần phải ăn nhiều để có sức chống lại bệnh, nhưng miệng thì lại không ăn nổi dù đầu bếp tại nhà hàng luôn thay đổi các món ăn hàng ngày

cho tôi, nhưng vì mùi vị đã quen nên tôi không ăn được. Tôi phải mua những thức ăn tại nhà hàng Mỹ, Mễ, hay những món ăn của các dân tộc khác với mùi vị khác nhau. Tuy vậy tôi cũng chỉ ăn được chút ít. Tôi cố gắng ăn nhiều lần trong ngày, món gì tôi cũng ăn, tất cả các món ăn tôi đều cố nuốt, cốt là làm cho tôi no để tôi có sức khỏe chịu đựng. Tôi sụt ký và ốm đi rất nhiều, tóc tôi rụng hơn phân nửa.

- Tuần thứ 10. Sau khi chích hết 3 ống thuốc, trở lại văn phòng Bác sĩ để thử máu. Lần này Bác sĩ cho biết là chỉ số White Blood Cell của tôi xuống quá nhiều, bây giờ chỉ số chỉ còn hàng ngàn mà thôi. Bác sĩ rất vui khi thông báo kết quả tốt cho chúng tôi. Ông còn vui đùa, nói thêm:

-"Tôi muốn bệnh nhân của tôi sống đến 100 tuổi, chứ không phải là thêm vài năm nữa".

Vợ chồng chúng tôi quá vui mừng, nước mắt rơi... và cùng nhau cảm ơn Bác sĩ. Ông tiếp tục cho toa mua thuốc chích Interferon.

-Tuần thứ 14. Bác sĩ muốn thử nghiệm Bone Marrow của tôi lần thứ 2. Ông cũng khoan xương sống của tôi phía sau ngay thắt lưng để lấy mẫu tủy xương sống chuyển đến phòng thí nghiệm.

Hai ngày sau, bác sĩ gọi cho bà xã tôi cho biết là việc thử nghiệm Bone Marrow lần 2 của tôi kết quả tốt. Tế bào ung thư không có trong xương tủy của tôi.

-Tuần thứ 18. Tôi trở lại gặp Bác sĩ. Số lượng tế bào bạch cầu của tôi được kiểm tra ngày hôm nay ở mức trung bình so với người bình thường, tức là con số từ 5000 đến 10000. Bác sĩ giảm thuốc, mỗi tuần chỉ chích Interferon có một lần thôi. Ba tháng sau thì tình trạng sức khỏe của tôi rất tốt, số lượng White Blood Cell luôn luôn ở mức trung bình. Bắt đầu từ nay, mỗi tháng tôi chỉ đến gặp bác sĩ 1 lần.

Tôi thấy trong hồ sơ, Bác sĩ ghi bệnh của tôi là: **CHRONIC MYELOID LEUKEMIA (CML)** tức là Ung Thư máu.

Một hôm, vào đầu tháng 5-2001, bà xã

tôi nghe tin trên đài ABC, băng tầng 13 của Houston, là FDA vừa chuẩn nhận một loại thuốc viên có tên là GLEEVEC (Imatinib mesylate) chuyên trị bệnh CML, do công ty dược phẩm Novartis sản xuất, một công ty bào chế thuốc lớn nhất trên thế giới tại Thụy Sĩ. Đây là một loại thuốc đầu tiên trên thế giới được FDA xác nhận là một Miracle Medicine. Tiếng Việt gọi là “Thần Dược” trị bệnh ung thư Máu.

Mấy ngày sau đến gặp Bác sĩ, bà xã tôi hỏi ngay:

-Thưa Bác sĩ, hai hôm trước, trong bản tin vào buổi sáng, đài truyền hình ABC Houston có nói là FDA vừa chấp nhận cho bán một loại thuốc có tên là Gleevec, chuyên trị bệnh CML (căn bệnh của chồng tôi), bác sĩ biết tin đó chưa?

-Tôi chưa được biết tin đó, để tôi xem lại.

Khoảng 15 phút sau, Bác sĩ đến nói với chúng tôi:

- “Tôi vừa gọi điện thoại đến MD Anderson Cancer Center, người Thầy của tôi đã xác nhận có loại thuốc đó. Những năm đầu tiên hành nghề, tôi làm việc tại MD Anderson Hospital”.

Thành phố Houston rất may mắn có MD Anderson Hospital, là một nhà thương chuyên trị những bệnh Ung thư rất hay và văn minh nhất trên Thế giới. Bác sĩ quyết định ngưng chích Interferon cho tôi và cho toa tôi mua thuốc Gleevec, 100mg, một lọ thuốc có 90 viên, uống 3 viên một ngày.

Tôi đến CVS Pharmacy thuộc thành phố Katy mua thuốc nhưng họ cũng chưa biết gì về loại thuốc này. Phải một tuần sau mới có thuốc. Lọ thuốc đầu tiên tôi mua với giá hai ngàn ba trăm US Dollars (\$2,300.). Như tôi đã trình bày ở trên, nhờ năm 1985, tôi đã mua bảo hiểm sức khỏe rất tốt với giá quá cao, nên đã được bảo hiểm trả 100% tiền nhà thương, tiền Bác sĩ và tiền thuốc cho tôi.

Thật may mắn, Tôi không bị bất cứ phản ứng phụ nào về loại thuốc viên Gleevec này. Cứ mỗi 3 tháng tôi gặp Bác sĩ một lần để ông thử máu và thăm sức khỏe cho tôi. Sau khi ngưng chích thuốc thì tôi ăn nhiều hơn, ăn biết ngon miệng và tôi lên cân trở lại. Sức khỏe tôi ngày thêm ngày được phục hồi.

Tôi nhớ lại, những tháng đầu trong thời gian bệnh nặng, thỉnh thoảng bạn bè tôi

từ Florida hay California du lịch đến Houston, ghé đến nhà hàng tại Katy thăm tôi. Tôi vui mừng tiếp đón bạn bè, tôi cố gắng sinh hoạt bình thường như một người có sức khỏe tốt. Vẫn vui cười cùng các bạn, nhắc nhở chuyện xưa, chuyện của những ngày tháng lang thang trên đường Duy Tân với cây cao dài bóng mát. Hay những buổi sáng với tách cà phê nóng cùng vài người bạn thân tại quán Bà Chi trong khuôn viên trường Luật. Nhắc nhau về những buổi chiều an bình trong một thành phố đẹp và thơ mộng của Sài Gòn thân yêu, và cùng nhau nâng ly “dô, dô, dô đi mây...”. Có những khi bà xã tôi thấy tôi buồn nên thường mời bạn bè gần nhà đến ăn cơm chiều cùng chuyện trò với tôi. Với lòng hiếu khách và tính năng động, vui vẻ của tôi nên tất cả bạn bè không ai biết tôi vừa trải qua những tháng ngày chịu đựng đau đớn và chữa trị căn bệnh hiểm nghèo mà vợ chồng tôi chưa dám tâm sự hay chia sẻ với bất cứ ai ngay cả người thân.

Một loại thử máu đặc biệt là BCR/ABL International STD, được gọi là nhiễm sắc thể Philadelphia vì đó là thành phố nơi các nhà nghiên cứu lần đầu tiên phát hiện ra, phải chuyển đến phòng thí nghiệm tại Philadelphia mới xét nghiệm được. Kết quả cuối cùng số phần trăm nhiễm sắc thể Genes trong máu của tôi lên xuống vào khoảng 0.015% đến 0,040%. Bác sĩ nói kết quả rất tốt.

Tiền thuốc càng ngày càng đắt. Năm 2005, tôi đã phải trả gần 10,000 đô la cho 1 lọ 90 viên. Một thần dược duy nhất trên Thế giới mà Viện bào chế Novartis độc quyền sản xuất nên giá thành rất cao. Cùng thời gian này, tiền bảo hiểm sức khỏe hàng tháng cho gia đình tôi lên \$2,300/một tháng thật là quá cao. Tôi không dám thay đổi bảo hiểm, và công ty bảo hiểm cũng không hủy bỏ bảo hiểm sức khỏe cho tôi.

Đến năm 2007, chỉ số thử nghiệm BCR/ABL từ lên cao, lên đến 0.865%. Bác sĩ gia tăng thuốc từ 3 viên đến 5 viên thuốc một ngày. Tôi uống một ngày 5 viên, 30 ngày là 150 viên. Uống một ngày 5 viên làm tôi thấy khó chịu hơn, buồn nôn, đôi khi tôi thấy choáng váng. Bác sĩ hỏi tôi có muốn thay đổi thuốc khác không, tôi còn đang phân vân thì bà xã tôi không đồng ý, và quay sang nói với tôi:

- “Thuốc Gleevec là ‘Thần dược’ rồi, em nghĩ không thuốc nào tốt hơn đâu. Nếu uống nhiều thuốc mà anh thấy mệt thì anh cứ ở nhà nằm nghỉ, khi nào cần ăn uống thì anh ra tiệm. Nhà hàng có nhiều người làm và đã có em

trông coi, anh yên tâm”.

Năm 2008, 150 viên thuốc hàng tháng của tôi, bảo hiểm phải trả là \$17,000 đô la. Đến năm 2010, 150 viên thuốc lên đến \$23,000. Năm đó hãng bảo hiểm phải trả tiền thuốc Gleevec là \$276,000 (Hai trăm bảy mươi sáu ngàn đô la một năm). Chắc chắn không ai tin là sự thật. Cũng năm 2010, tiền bảo hiểm sức khỏe tôi phải trả là \$3,400. một tháng tức \$40,800. một năm. (Bốn chục ngàn tám trăm đô la một năm tiền bảo hiểm sức khỏe). Cũng may nhờ thấu nhập của hai nhà hàng đủ trang trải mọi chi phí cho cuộc sống gia đình, vợ chồng tôi yên tâm.

-Đầu năm 2012 tôi đã có Medicare. Tại Houston, tôi tìm được một chương trình bảo hiểm sức khỏe tại Kelsey-Seybold Clinic. Kelsey- Seybold Clinic được thành lập vào năm 1949, hiện là một trong ba chương trình Medicare Advantage duy nhất tại Hoa Kỳ đạt được xếp hạng 5 sao của CMS trong ít nhất 8 năm liên tiếp. Được là hội viên, tôi may mắn chọn được bác sĩ Oncology là một bác sĩ người Mỹ gốc Việt Nam, đó là Bác sĩ Tr V. Ông là một bác sĩ trẻ, vui vẻ và rất tận tâm lo lắng cho bệnh nhân. Mỗi 6 tháng bác sĩ V cho tôi thử máu chuyên về Blood, Lung, Kidney, Liver, Stomach, Pancreas, Prostate, v.v. để Bác sĩ xem hiệu quả của thuốc Gleevec, kiểm soát tổng quát sức khỏe của tôi và đồng thời tìm xem những phản ứng phụ của thuốc có ảnh hưởng gì đến những bộ phận khác trong cơ thể của tôi không?.

- Đến năm 2018 thì chỉ số thử nghiệm BCR/ABL đã xuống thấp 0.002%, và xuống đến số không (Zero). Bác sĩ V quyết định cho tôi uống 3 viên một ngày cho đến hôm nay. Lần thử máu mới nhất vào ngày 12 tháng 8-2024, chỉ số White Blood Cell của tôi luôn luôn giữ mức trung bình là 7.4 và những bộ phận khác trong cơ thể vẫn hoạt động rất khả quan đối với một người đang ở lứa tuổi 78 như tôi bây giờ. Bác sĩ V khen là: Tình trạng sức khỏe của tôi bây giờ rất tốt. Thỉnh thoảng Bác sĩ V còn dặn:

“Nếu cần gì, anh cứ nói thẳng với tôi, tôi sẽ giúp đỡ anh”.

Tiện đây, tôi xin thành thật cảm ơn Bác sĩ Tr V rất nhiều.

-Đúng 25 năm sau. Tự đáy lòng, tôi luôn luôn tạ ơn Nước Mỹ, Dân tộc Mỹ, nhà thương, Bác sĩ, Y tá, đã cứu mạng và tận tâm chữa trị cho tôi thoát qua cơn bệnh hiểm nghèo.

Năm nay tôi đã 78 tuổi rồi chứ không còn trẻ nữa. Nhờ ơn Trời Phật, tôi hiện đang sống khỏe, sống vui, ăn uống thoải mái, đi du lịch thường xuyên ... Thật là Phước Đức cho tôi,

Hôm nay, bắt chợt ngồi suy tư, một thoáng nghĩ về cuộc đời mình, tuy không có gì đặc biệt, nhưng có nhiều điều và nhiều người mà tôi cần ghi nhận, tôn vinh và cảm ơn:

*Thành kính cảm ơn Ba Má tôi, Người đã tạo ra tôi, nuôi dưỡng, dạy dỗ, cho tôi đèn sách đến tốt nghiệp bằng đại học Luật Khoa năm 1971 tại Sài Gòn.

*Cảm ơn người Bạn thân đã hướng dẫn tôi xin việc làm trong Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa năm 1971, và được làm việc tại thủ đô Sài Gòn.

*Cảm ơn đảng Trên cao đã giúp tôi rời khỏi Sài Gòn vào sáng ngày 30/4/1975.

*Cám ơn nước Hoa Kỳ đã cứu sống tôi trong căn bệnh Ung Thư máu hiểm nghèo.

*Tôi luôn luôn nhớ ơn và xin kính tạ Ông Bà Ngoại các cháu. Ông Bà thương tôi, chấp nhận tôi gia nhập vào trong gia đình và giúp đỡ tôi rất nhiều trong những ngày đầu của cuộc sống sau khi lập gia đình.

*Cảm ơn 3 con tôi. Nhờ Trời, thời thơ ấu các cháu rất ngoan, chăm lo học hành, không làm phiền Cha Mẹ. Và nay khi trưởng thành, các cháu đều thành công, tạo dựng một gia đình riêng, đầy đủ con cái và sống hạnh phúc bên nhau.

*Và cuối cùng, tôi cảm ơn bà xã KimLoan đã chấp nhận lời cầu hôn của tôi vào năm 1977, cho tôi 3 người con và giờ này có thêm 7 cháu nội và ngoại. Không có bà xã KimLoan thì tôi không được như ngày hôm nay. Cuộc đời của tôi nhận được quá nhiều điều may mắn.

Và gần 50 năm sau sống trên nước Mỹ, qua những năm tháng sống vui vẻ và hạnh phúc của cuối đời, tôi thăm tự hỏi chính tôi, tôi có được những gì?.

Tôi rất hãnh diện trả lời, Tôi được hai thứ rất quý: **“Một Tổ ấm và Nhà tôi”**

ĐỖ HỮU PHƯƠNG

Houston, mùa Thu năm 2024.

HÀNH TRÌNH TỰ NẠN ĐẾN HOA KỲ



Ls PHAN THỊ HIỆP THÀNH

Đây là phần viết trong chuyến Hành trình đến Hoa Kỳ đi tự nạn vào năm 1975.

Sau khi sống qua “Mùa Xuân Ly Loạn 1968 (Tết Offensive), và Bát Cơm Mậu Thân “ ở Huế, đã đăng vào Facebook, chúng tôi nghe tin Thời Sự nhiều hơn.

Năm 1972 nghe tin Mỹ sẽ bỏ Vietnam. Tháng 2/1975 các người bạn quen với em gái út, đã chuẩn bị mua một chiếc tàu buôn nhỏ từ Đà Nẵng sẽ vào Vũng Tàu tháng 4/1975 để vượt biển đi Singapore.

1-VŨNG TÀU

Anh trưởng đoàn có máy bay nên lia khỏi tổ chức rồi. Chỉ còn lại anh Đoàn phó, anh ta là một Thẩm Phán kế vị. Chúng tôi phải theo lệnh của anh lên xe, mặc dù chồng tôi chưa về. Anh S cho biết vì chồng tôi chưa về nên phải đi chuyến xe sau. Tôi chậm lại một chút để đưa hành lý với hy vọng cho chồng về. Nhìn ngã tư đường, thấy chồng tôi đang khấp khểnh chống gậy trở về, tôi mừng quá báo tin anh S. biết, anh bảo tôi lên ngồi xe và ra lệnh chạy. Tôi ngồi xe đầu, nhìn lui thấy chồng đang lên xe cuối, xe thứ tư của đoàn. Tôi hoàn hồn, thế

là khỏi lo cảnh lạc chồng.

Đoàn xe lam chạy thật nhanh để đến Bến Đá trước giờ giới nghiêm. Chúng tôi nhìn chừng từng chiếc xe để ra hiệu cho tài xế chạy chậm lại, khi thấy xe mình vượt quá xa các xe khác. Một chiếc trong đoàn gây tai nạn, chúng



tôi gấp rút sang một chiếc xe khác. Chúng tôi đến địa điểm con tàu vừa đúng giờ giới nghiêm bắt đầu có hiệu lực.

Trên thân tôi ẵm con nhỏ 12 tháng trước ngực. Trên lưng là một bi đồ thật lớn áo quần, trên thắt lưng là ít tiền bạc đem theo. Người tôi cứng nặng không nhúc nhích nổi, mà sao tôi thật nhẹ nhàng bò lên chiếc Cano. Chúng tôi sắp đặt 2 tốp. Tôi đi trước theo sau là chồng tôi, kế đó là em trai H 17 tuổi, vì có sức khỏe tốt hơn. Tốp sau kể liền là bạn chị tôi, chị NM, em trai út R, 14 tuổi, rồi chị V. Phải chia ra 2 tốp để tiện kiểm soát và giúp đỡ nhau. Gia đình vào được trong lòng cano, tôi thấy yên tâm phần nào, nhưng bước đường còn nhiều cam go quá.

Chỉ không đầy 10 phút, khoảng 100 người đã lên chuyến Cano nhỏ này, để chạy ra vịnh, nơi con tàu thật đang đậu chờ đợi. Ra đến nơi, thì trên tàu đã đầy áp người. Chuyến Cano chúng tôi ra là chuyến chót. Người ta cho ca tử lạnh, bếp nấu đi theo. Chúng tôi tìm một chỗ

bên mạn tàu để ngồi. Xung quanh nước biển bao la, thấy con tàu mình nhỏ bé làm sao, và than phần mình mong manh làm sao.

Tàu còn neo, ít lâu sau được tin Bến Đá chúng tôi vừa rời không bao lâu đang bị đánh nặng và áp lực đối phương vô cùng mạnh. Hôm đó là 28/4/1975.

Ngày 28/4/1975

3 giờ chiều tàu nhỏ neo. Trên tàu có cả gia đình ông Thị Trường thành phố và ông hàng xóm ở khách sạn. Hướng đi là Singapore, nhưng tàu đi cận duyên vì rất sợ gặp tàu Hải Quân Việt nam chặn bắt thì tất cả phải vào tù. Có thấy tàu Hải Quân ở xa, nhưng họ không thấy chúng tôi, nghe nói như vậy.

5 giờ chúng tôi ăn cơm tối bằng cơm bới với cá hộp. Đó là bữa cơm đầu tiên của chuyến đi vô định. Đêm bao la vô tận. Thân phận mình nhỏ bé, mong manh làm sao, chúng tôi ngồi hỏi thăm nhau, vì có rất nhiều gia đình mình không biết.

9 giờ tối có lệnh của viên Thuyền Trưởng, ông là một Thiếu Tá Hải Quân là nước vào trong tàu, vì cái bơm nước bị hư. Tất cả đàn ông, thanh niên phải xuống boong tàu tát nước. Tắt nước cả mấy tiếng đồng hồ, phần vì ngọt, đói, con trai ít, mọi người đã đuối sức lắm rồi. Chồng tôi cũng xuống hầm tàu tát. Có lệnh mọi người phải ở trong tư thế sẵn sàng báo động, lo giữ những cái phao để cứu mạng.

Tôi đã buộc con tôi trên lưng. Chị tôi bàn để buộc cháu trên lưng chị vì chị biết bơi. Có gì tôi chết, con tôi sống thì cũng đỡ hơn vì tương lai dành cho nó. Mấy em tôi đi tát nước vừa mới lên. Các em đang ướt lạnh và mệt đuối, cho biết chồng tôi cũng gần xỉu, nhưng chưa chịu rời hầm tàu. Tôi lo nhưng không quan tâm lắm, lo con nhiều hơn. Trên tàu đã bắt đầu chộn rộn lắm.

Có tiếng kêu gọi cầu nguyện. Tiếng bà vợ ông Thị Trường cậu Quán Thế Âm Bồ Tát và chúng tôi cầu nguyện theo. Tôi giao ai nấy cầu, thật to, với tất cả lòng thành tất cả lo sợ. Dưới hầm báo cáo nước đã ngập, không thể đứng để tát nữa

Viên Thuyền Trưởng cho biết tàu đang

quay lại chỗ khởi hành để mua bơm nước. Đàn bà vẫn tiếp tục cầu nguyện. Thành niên, nam giới lên boong và nam nhòai ra đó, như xát chết. Đây là một con tàu buôn nhỏ cho hàng, chẳng có đèn đuốc gì trên boong, rất tối, không thấy được gì. Tôi kêu chồng, nghe có tiếng trả lời bình an, tôi về chỗ cũ có cái phao và cho chồng biết mình ngồi ở đó.

29/4/1975

Con tàu lắc lư lắm rồi. Mọi người đã nôn mửa. Tôi mửa ướt cả tóc. Con tôi đã thay mấy cái áo đang còn ướt đó, không còn áo nữa. Tôi không ngồi nổi nữa, nằm nhoài xuống với con, cháu khóc quá sá. Tiếng cầu nguyện mỗi lúc mỗi to, rồi lại dừng, rồi lại tiếp. Hai em tôi nằm nhoài dưới chân tôi, riêng chị tôi đang còn đủ sức ngồi.

Viên thuyền trưởng cho biết có thấy ánh sáng của một chiếc tàu khác và anh còn đang phân vân không biết đó là ánh sáng của tàu Hải quân VN, hay tàu cướp, hay tàu buôn. Nếu ra tín hiệu mà gặp hai tàu đầu thì kể như đời tàn. Anh đang bàn với anh phó tổ có nên liên lạc, đồng thời tàu chúng tôi đang hướng về phía đó. Với tất cả thận trọng, các anh chưa liên lạc. Càng đến gần, anh cho biết tàu này có đèn trang bị rất lớn, chắc chắn không phải tàu hải quân fbvtVN, nên quyết định bắt liên lạc. Tàu bên kia đã trả lời. Cám ơn Trời Phật, lại là tàu Mỹ, thế là bớt lo phần nào. Anh đánh tín hiệu tàu chúng tôi lâm nguy cần giúp đỡ.

Họ trả lời: “Chờ

Tàu chúng tôi vẫn lái đến gần. Chiếc tàu lớn kia bỏ chạy. Chúng tôi lo quá, không thấy đèn đuốc gì trên biển cả nữa. Gần bờ, sóng lớn, tàu dòi quá. Không biết nước đâu trong dạ dày mà mửa ra nhiều quá vậy.

Anh thuyền trưởng đánh tín hiệu SOS, bên kia không trả lời. Chết, tàu bị mất liên lạc rồi, làm sao đây. Cố gắng trong tuyệt vọng, anh bắt liên lạc được với một tàu khác.

Tàu này cho biết có được báo cáo về chiếc tàu của chúng tôi và họ đang theo dõi. Chúng tôi mừng lắm. Lúc đó là 2 giờ sáng ngày 29 tháng tư năm 1975. Tàu kia lại chạy nhưng chỉ trong một chu vi nào đó mà thôi. Mỗi lần tàu

kia chạy gần, chúng tôi mừng, nhưng có khổ nổi, sóng lại lớn hơn, tàu nhỏ của mình nhồi lên, nhồi xuống, lại nồm mưa nhiều hơn, người ta nằm nhoài, nằm lẩn trên sàn tàu như những xác chết trên tàu ma.

Chúng tôi cố đến gần tàu này. Đây là tia hy vọng sống của chúng tôi. Chúng tôi đã đến gần được, để tàu kia có thể thấy tàu chúng tôi đầy đàn bà, trẻ con, không có gì nguy hiểm, đúng là một tàu tỵ nạn. Chúng tôi bắt đầu nói tiếng Anh và họ trả lời. Đây chỉ là một anh lính thủy thủ trên tàu, họ không có quyền gì, nhưng làm chúng tôi tin tưởng phần nào. Tàu kia vẫn đi theo chu vi của họ, lúc gần, lúc xa. Thế là mọi người thức suốt đêm. Trời đã mờ sáng, chúng tôi có thể thấy mờ mờ bọt nước biển. Một đêm dài đã qua, mừng như thoát được sự tăm tối vô cùng của cuộc đời.

Sáng 29 -4-1975.

Đang còn nước sôi trong bình thủy, lấy một ít mì sợi ngâm cho con ăn. Tội nghiệp cháu đói quá, ăn ngon vô cùng. Lo dọn dẹp áo quần nhớp vì mưa hồi hôm, một mùi hôi kinh sợ vô cùng. Thức ăn dưới bong tàu bị nước ngập hết rồi. Tin tưởng sẽ được cứu vớt, làm tôi giảm bớt lo lắng, loay quay đã gần 12 giờ trưa chưa có gì ăn. Được lệnh cho lên tàu, mừng quá. Mọi người lại cầu nguyện cảm ơn.

Theo lệnh, tất cả đồ đạc phải vắt lại, trừ áo quần, chỉ được đem theo tối thiểu trong một xách rất nhỏ cho mỗi cá nhân. Mừng quá, chẳng thiết gì nữa. Tôi lo mang theo mấy bình sữa cho con, mấy gói mì khô chị V đem theo và mấy bidông trống đựng nước. Tiểu gia đình tôi chỉ thu tóm trong một xách tay nhỏ, vừa chồng tôi xách mà thôi. Chúng tôi thay áo quần dơ vắt bỏ, để thấy sạch sẽ hơn khi lên tàu khác. Dĩ nhiên người, tóc vẫn còn hôi mùi mưa, vì chưa tắm gội. Lương thực gồm mấy bao gạo và thức ăn dự trữ phải bỏ lại với con tàu, tiếc lắm.

2- TÀU LỚN KIMBALL

30/4/1975

Lên tàu lớn chúng tôi được soát xét lại rất kỹ lưỡng. Áo quần, được tháo tung từng cái

một. Thuốc men đem theo phải vắt bỏ hết. Đó là điều làm tôi lo sợ nhất vì con tôi đang bệnh. Lên tàu cũng không phải dễ. Từ chiếc tàu chở hàng đến chiếc tàu lớn (Kimball) người ta chỉ có 2 thanh gỗ để làm cầu. Đi phải rất chậm và cẩn thận, vì chòng chành trên sóng nên 2 thanh gỗ cứ lúc lắc hoài rất dễ bị té xuống biển. May thay chòng tôi đi qua được bình an.

Thuốc đau đầu, trụ sinh, đau bụng bị vắt bỏ hết. Cuối cùng quá nài nỉ và khi đi mua thuốc có toa bác sĩ, anh lính Mỹ để cho tôi giữ lại thuốc đó, thật cảm ơn anh ta không biết mấy. Lên được tàu này rồi, chúng tôi được lệnh ngồi xếp hàng trên boong chờ kiểm soát. May mắn thay có nước uống. Chúng tôi uống và dự trữ trong bidông nhựa.

Lên và kiểm soát mọi sự đâu vào đấy đã khoảng 3 giờ chiều. Buổi cơm chiều họ cho ăn sớm. Ăn ngon quá, đói đã gần 24 giờ rồi. Cơm nấu thật mềm. Họ cho cơm nhiều lắm. Kinh nghiệm của lần trước chúng tôi cất cơm và cá, để dành cho ngày sau. Mỗi gia đình đều để dành lại phần cơm của mình.

Tối lại, gió biển mát, an tâm vì mình đang ở tàu lớn, không sợ đắm, tôi tắm, giặt gựa áo quần cho con và mọi người. Nhìn mây nước mỗi người có một tâm sự. Trước khi đi ngủ, tôi thấy ở xa có những ánh đèn của các tàu khác. Biển về đêm lập lòe với những ánh đèn đẹp vô cùng. Các anh bạn chỉ cho chúng tôi hướng Vũng Tàu, thành phố vẫn còn lập lòe ánh điện. Đi ngủ sớm vì mệt quá rồi. Giấc ngủ dài, không mộng mị.

Thật ra chẳng ai nói cho biết tên của tàu lớn là gì. Về sau nghe nói là Kimball. Tàu này khi đi ngang biển Đông, chỉ cứu trợ vì lòng nhân ái, chứ không có phận sự gì trong việc cứu trợ người tỵ nạn ở biển Đông cả.

30-4-1975

Sáng nay các anh lính lại cho uống sữa tươi. Tôi không dám cho con uống, vì con còn đau bụng và thay sữa hay làm trẻ con đau bụng, nhất hạn là con chỉ mới 12 tháng.

6 giờ sáng có lệnh bắt chúng tôi phải tụ lại một góc chiếc tàu, không được ở toàn boong và được lựa chọn ở trên boong hay

dưới hầm. Chúng tôi lựa ở trên boong cho thoáng, tuy mưa sẽ bị ướt. Trưa được ăn cơm tử tế. Nhưng chiều nay, khoảng 3 giờ, được tin Sài Gòn mất và tàu có lệnh cho cứu trợ người tỵ nạn. Hèn gì hồi sáng chúng tôi phải dọn lại. Chúng tôi được lệnh di chuyển sang một tàu khác, mỗi lần di chuyển giữa 2 chiếc tàu thì rất dễ sợ. Cuối cùng chúng tôi lên một chiếc tàu lớn hơn. Họ ra lệnh chúng tôi ở một chỗ.

3- TRÊN HẠM ĐỘI THỨ 7

5/2/1975-5/5/1975



Đã mấy ngày trên tàu. Hôm nay sinh nhật thứ 28 của tôi. Chẳng có quà cáp gì, nhưng tinh thần rất an ổn, yên tâm, vì biết mình khỏi chết và sẽ đến được bến bờ tự do. Đó là món quà vô cùng quý giá, để đến nỗi, mình bỏ lại tất cả đằng sau mà ra đi. Con tôi vẫn còn đau. Thuốc đem theo uống đã hết rồi. Tôi đi xuống bệnh xá xin thuốc và rất tin tưởng con tôi sẽ lành vì thuốc Kaopectin rất công hiệu.

Trên đường về lại chỗ, tôi gặp lại thầy Diên, giáo sư Toán của tôi thời ở trường Trung Học Đồng Khánh. Ông cho biết đi một mình đến bến Nguyễn Huệ Sài Gòn thấy tàu Hải Quân VN ông lên, bỏ lại vợ và 4 con ở Sài Gòn. Ông nói ở lại chết tất cả, nên ông đi mong tìm cách giúp đỡ gia đình về sau. Tôi gặp lại một người bạn cũ ngồi cùng bàn thời trung học là Trần thị Dung. Dung đi cùng với chồng làm tại USAID Sài Gòn, chưa có con. Dung cho biết có mẹ Thanh Duyên ở Canada cũng đi trên tàu này. Tôi không thấy bà. Duyên cũng là bạn thân

của tôi thời trung học. Ngoài ra trên chiếc tàu to lớn ấy, tôi chẳng thấy quen ai nữa cả. Tôi về cho con uống thuốc. Đúng như tôi tin tưởng, thuốc này làm con tôi giảm đi cầu và bắt đầu thèm ăn.

Cơm tối được ăn sớm. Mỗi người chỉ được nắm cơm với cá tuna mà thôi. Đói quá đã mấy ngày rồi mà sóng người vẫn tiếp tục lên, tuy không còn ồ ạt lắm, cho thấy đói sẽ còn kéo dài. Chúng tôi không biết sẽ ở trong tình trạng đói và nằm chờ tại chỗ bao lâu.

Áo quần giặt hằng ngày được xếp cất vào gói gọn gàng. Người tôi bắt đầu yếu đi vì đói. Giấc ngủ đến ngon vô cùng.

Tàu vẫn nằm chờ tại chỗ để vớt người tỵ nạn. Tôi để ý thấy người ta không có con nhỏ như tôi, hoặc là con lớn hơn hoặc đang có thai, thế là đỡ lắm. Đồ ăn dự trữ cho baby của tôi chỉ còn 3 hộp sữa SMA. Tội nghiệp con tôi đau bụng không dám cho uống sữa.

Tối nay có cảnh hỗn độn. Nghe đâu phía cuối tàu có người tổng tiền một người mới lên lấy được 6 lượng vàng. Có người phát giác vì người bị tổng tiền ngồi khóc quá sá. Dường như người đàn ông kia nói phải đưa cho ông ta 6 lượng vàng mới cho đi tàu này, người kia tin lời, đưa vàng. Nội vụ đổ bể, nghe đồn ông ta bị quăng xuống biển để cảnh cáo những người khác lợi dụng thời cơ.

Hôm nay người ta cho biết có thể đổi tiền lấy dollar. Giá đổi rất cao, 5000 đồng VN đổi được 1 đồng US. Cũng nghe đồn rằng, vì những người làm cho cơ quan Mỹ khi đến Hoa Kỳ sẽ được đổi tiền, vì thế họ lợi dụng cơ hội này để kiếm thật nhiều tiền VN.

Hôm nay vẫn như mọi hôm chỉ được ăn một nắm cơm thôi với nước cá tuna. Tôi cảm thấy đuối sức lắm rồi, em trai tôi nhường phần cho tôi, cảm động quá. Tôi từ chối vì em cũng đói như tôi.

6/5/1975 và về sau.

Bây giờ tôi đã lẫn lộn ngày tháng không còn nhớ rõ nữa. Chỉ nghe nói rằng tàu sẽ nằm chờ thêm vài hôm để vớt người tỵ nạn. Có điều mừng nhất là con tôi đã lành bệnh phần nào.

4- SUBIC BAY, PHI LUẬT TÂN

Buổi chiều có lệnh hạm đội khởi hành đi Philippines...Chúng tôi ra đứng ở bờ tàu nhìn về quê hương. Có người chỉ cho tôi hướng Vũng Tàu. Tôi nhìn kỹ, thôi thế là hết, từ đây quê hương thật sự xa vời, quê hương chỉ còn trong ký ức mà thôi, bỏ lại đằng sau một đau đớn thương nhớ quê hương khôn nguôi. Đau lòng nhưng không khóc. Tàu chạy rất nhanh, nước bể chảy cuộn cuộn.... như tâm trạng tôi đang giao động vô cùng.

Tàu ngày nghỉ thả neo một chỗ,đem đi. Tàu đi nhanh lắm. Biển cả bao la,mới thấy an tâm vì mình được đi trên tàu lớn.

Nghe đâu chiếc tàu của tôi là một chiếc trong đoàn chiến hạm thứ 7. Có khoảng 7000 người tỵ nạn trên chiến hạm này.

Gần bờ biển Phi Luật Tân, về đêm ngư phủ đi đánh mực và lưới tôm, tàu họ thả đèn điện sáng trung rất đẹp.

Chen chúc 7000 người trên một chiếc tàu, cảnh ngủ buổi tối vẫn là khó.Chân tôi luôn luôn tê cứng vì không nhúc nhích được, không duỗi thẳng được vì hai em trai đang nằm dưới chân tôi, 17 tuổi và 14 tuổi.

Đi mất 2 ngày 3 đêm, chúng tôi cập bến Subic Bay tại Phi, một sáng đẹp trời có nắng. Bây giờ chờ xuống tàu.Chúng tôi kiểm điểm hành lý không vất bỏ một cái gì.Cẩn thận gói chặt hai chiếc chiếu lại, đây là những vật rất cần cho giấc ngủ.Tôi đeo một bị vải tự may lấy trên lưng, trong đựng những thứ cần thiết như bình thủy, sữa bột, bình sữa, thức ăn khô, chén, áo quần con, cũng đủ nặng. Trước ngực ôm con.

Sợ lạc nhau khi xuống tàu chúng tôi chia ra hai tốp như khi lên tàu, để dễ kiểm soát.Chị V, chị NM,em trai R đứng một dãy. Tôi, chồng tôi, em trai H. mộtt dãy khác, song song nhau. Chồng tôi tay xách bị nhỏ đựng đôi dép, cái võng, cái poncho, một ít đồ lót, tay kia chống gậy. Chồng tôi đã nằm liệt trong bệnh viện 10 tháng, tuy đã 5 năm rồi, anh vẫn chưa lành, đi không vững, luôn luôn khập khễnh trên cái gậy. Em trai lớn, một tay xách cái echolac đựng áo quần của cậu, tay kia xách một valise nhỏ đựng

áo quần tốt của chúng tôi và chiếc chiếuu cột cẩn thận trên valise này.Em tuy 17 tuổi nhưng trông rất nhỏ như 14, 15 thôi. Chị tôi xách valise áo quần chị, trên vai mang xách vải đựng đồ cần thiết khác.Em út R xách một chiếc chiếu khác và bị vải đựng áo quần và những thứ cần thiết khác trên vai. Chị NM thì hoàn toàn không có gì hết, ngoại trừ cái bót đầm của chị, vì khi đi thăm chị V, chị V rủ đi thì chị NM cũng đi luôn.

Chúng tôi đứng cạnh thang xuống tàu chỉ khoảng 7 thước tây thôi, nhưng phải đợi gần 4 tiếng đồng hồ mới lọt qua được cửa kiểm soát để xuống thang.

Một người lính Mỹ tử tế bồng con tôi cho tôi xuống thang rồi mới chuyển baby cho tôi ẵm sau.

Tốp tôi đi xuống trước, tốp chị tôi xuống sau chúng tôi chờ chị 20 phút rồi mà chị chưa xuống được Có lệnh phải đi, chúng tôi theo những người khác đi về vùng đất của đảo. Đến một ngã ba, sợ lạc nhau, chúng tôi ngồi chờ dưới một gốc cây.Đến khi gia đình chúng tôi gặp nhau 7 người, thì đi bộ thêm khoảng một cây số thì gặp người cứu trợ.

Tại đây tôi gặp những người Việt đeo trên áo bảng “Tôi nói tiếng Việt”giúp.Họ mời chúng tôi ăn cam. Ngọt ngào làm sao. Quý giá làm sao. Chúng tôi nhịn đói và đi bộ suốt cả sáng nay. Tôi tỉnh người sau khi ăn mấy miếng cam.

Người hướng dẫn đưa chúng tôi ra dãy nhà để kiểm soát.Tại đây, tất cả đồ nhà binh phải bỏ lại, tôi phải vất bỏ cái poncho thân yêu đã giúp chúng tôi ấm trong những ngày di tản. Thuốc men đem theo phải vất bỏ lại tất cả. Họ cho biết từ đây trở đi sẽ được cứu trợ đừng lo lắng nữa.

Chúng tôi quyết định vất bỏ hai chiếc chiếu. Sau khi được kiểm soát cẩn thận từng xách tay một, từng áo quần một, chúng tôi được người hướng dẫn đưa đến nhà ăn. Đuôi làm quá dài, nhưng chúng tôi đợi không lâu lắm. Dĩ đồ ăn thịnh soạn quá. Sau những ngày đói, thấy một đĩa ăn đầy thức ăn, chúng tôi mừng lắm. Ngồi trên một chiếc chệ đặc biệt của Phi, dưới tàng cây, chúng tôi ăn ngon vô cùng. Con tôi cũng thêm ăn lắm, và ăn rất ngon, tôi rất

mừng..Ăn xong chúng tôi đi đến vùng trại, chị V đi với chồng tôi làm thủ tục nhập trại, tôi ngồi chờ dưới tàng cây.

Phong cảnh trong vùng này đẹp quá. Những cây keo cao cho bóng mát rượi làm tôi thấy dịu trong người.

Tôi về trại, ngoài sức tưởng tượng của cảnh chạy giặc.Những tấm nệm trải ra trắng, sắp thứ tự trong căn lều lớn. Lều tôi ngủ đủ chỗ cho khoảng 30 người.Chúng tôi dùng 3 tấm nệm, một cho hai em trai, 1 cho hai chị, một cho tiểu gia đình tôi.

Người lần lượt đổ vào trại. 3 giờ chiều tôi thấy người ta đã làm đuôi đi ăn.Tôi gọi đầu tắm rửa cho con, giặt áo quần, chồng tôi ở nhà coi đồ đạc và ngủ, hai em đi quanh quần đâu đó xem các trại khác cùng chị V. 4 giờ chiều chúng tôi làm đuôi đi ăn.Đây là cái đuôi dài nhất trong đời tôi, cong tới cong lui vẫn chưa thấy dứt. Đợi cũng mất hai tiếng mới tới phiên mình.Lấy phần cơm, chúng tôi tìm một bàn nhìn ra biển ngồi. Thức ăn ngon, phong cảnh đẹp, tôi thấy khoan khoái trong người. Tôi không thấy có gì trở ngại với đồ ăn Mỹ cả.Thế nhưng đối với vài người khác chắc họ không thích, thấy có vài đĩa cơm nằm trong sọt rác. Tôi tiếc quá. Họ chẳng nghĩ lại những ngày đói gì cả. Thời gian ở lại Subic Bay là thần tiên đối với tôi. Ngày ăn no,đêm ngủ ngon, phong cảnh đẹp, không còn gì bằng. Những giờ phút lo nghĩ được quên đi. Quân đội Mỹ và Hồng Thập Tự cứu trợ chu đáo quá.

Chúng tôi ở lại đây 2 đêm, 2 ngày. Cũng không gặp thêm người quen nào.Sáng nay tôi đi khắp vùng trại để xem phong cảnh và xem diện tích trại. Tôi gặp chị của Khanh. Chị cho biết cả gia đình chị đi được hết, nhưng vì pháo kích ở Tân Sơn Nhất quá nặng nên lạc Khanh. Chị và 2 em đến trước, gia đình còn ở trên tàu khác. Khanh làm cùng sở với tôi ở Luật sư Nguyễn Ngọc Hà và chúng tôi có thể lộ cho nhau về chuyện di tản, vì Khanh là người Bắc di cư.

5- ĐI GUAM

Vài quân nhân Mỹ cho biết chúng tôi sẽ

đi Guam sau khi đến Subic Bay ở Phi Luật Tân. Tôi hỏi Guam như thế nào? Anh cho biết rất nóng và không có cây. Chị V. sốt ruột, muốn đi cho mau đến Mỹ, nên chị tìm mọi cách để có thể rời Phi càng sớm càng tốt. Chồng tôi muốn ở lại Phi thêm vài bữa, nhưng không thành vấn đề nếu chúng tôi đến Mỹ sớm. Chị đã hỏi thủ tục giấy tờ để sang Mỹ.

Đêm thứ ba, khi đang ngủ, một giờ sáng người lính Mỹ phụ trách khu vực trại chúng tôi ở đến thức dậy để đi Guam.Tuy được thông báo từ chiều sẽ đi tối nay, nhưng không biết mấy giờ. Vô cùng sung sướng vì biết chắc chắn được đi Mỹ. Người nào muốn đi các nước khác phải khai báo. Chúng tôi đi theo người quân nhân, đến nơi, làm giấy tờ thật lâu và ngồi chờ. Bà nhân viên Hồng Thập Tự thấy tôi có con nhỏ bà cho cháu một bình sữa đầy đem theo đi đường. Tôi cảm động vô cùng.5 giờ sáng có máy bay. Tất cả mọi người được đi trên chuyến bay được lệnh đi hàng một ra biển.Tại đây có Cano đưa chúng tôi ra phi trường.

Khoảng 6 giờ sáng xuống Cano, sau đó được xe đưa đến phi trường. Chúng tôi được phát thẻ ghi số 41J, thẻ giấy lên máy bay. Khoảng chừng 7 giờ, được phép lên phi cơ C130 ngồi sắp hàng 5 giữa sàng. Tôi phải giữ con, máy bay lắc lư làm tôi chóng mặt quá, ôm cháu muốn rớt ra. Ngồi hai vợ chồng dựa lưng vào nhau cho đỡ mệt, tôi nhắm mắt, ôm chặt con cho nó bớt sợ.Cũng không quá tệ, chỉ một hồi máy bay bay và hết nôn mửa. Chuyến đi tốt, ăn sáng trên máy bay.Đó là chuyến bay 41J. Khoảng trưa không biết mấy giờ, chúng tôi đến Guam. Được tiếp đón ở phi trường và ăn trưa tại đó.

Làm giấy tờ nhập nội và ở lại đây chờ xe bus đưa về trại. Lần đầu tiên tôi đi tiểu trong một phòng vệ sinh của Mỹ.Quá sạch làm tôi không ngờ.Tôi có ấn tượng tốt về đời sống Mỹ.

Đến chiều, khoảng 2, 3 giờ xe bus đưa chúng tôi về trại. Đường đi rất xa. Hai bên đường có nhiều loại cây tương tự ở Vietnam, còn nhà ở thì hoàn toàn khác hẳn, nhà rất thấp. Có chạy ngang phố, nhưng phố không rộng rập như Sài Gòn. Vài người đã đi Mỹ cho biết phố Mỹ cũng tương tự phố ở Guam. Đến khoảng

6 giờ chiều chúng tôi đến trại. Trời bắt đầu tắt nắng. Có lệnh phải chích ngừa cho trẻ con. Phương pháp chích rất lạ và rất nhanh, không thấy ống kim đâu hết.

Đường đi toàn đất bụi đỏ, nhộp lấm. Đến mờ tối, chúng tôi đến lều. Chán nản lấm vì ở đây rất nhộp, so với Subic Bay, Phi Luật Tân. Ghé bó đầy bụi trong lều ghé bó để ngổn ngang trên đất đỏ. Chúng tôi phải đi làm đuôi ăn vì nhà bếp sẽ đóng cửa. Đuôi dài lấm.

Cơm cũng không ngon như ở Phi, được Navy bảo trợ tốt hơn nhiều. Cơm nước xong chúng tôi đi tắm. Tắm tập thể, rất mắc cỡ vì chưa bao giờ trần truồng như thế trước người lạ. Rất nhiều người chờ buồng tắm. Đây là một hòn đảo trơ trụi, đất đỏ, chẳng thấy cây nhiều, thỉnh thoảng có thấy vài cây dương liễu, nhưng không có bóng mát bao nhiêu. Trong lều sức nóng còn hực ra, chúng tôi phải vén lên cho thoáng. Có vài người ở cùng lều đang sửa soạn dọn đi. Chúng tôi chùi rửa ghé bó để chuẩn bị ngủ, một ngày đi đường mệt nhọc, nằm xuống ngủ liền.

Sáng hôm sau dậy sớm đi ăn sáng, thế mà cái đuôi đã quá dài rồi. Sau lưng thì dài vô kể. Người vẫn tiếp tục đổ đến Guam. Cứ nhìn cái đuôi chờ ăn thì biết.

Hôm nay có một số thanh niên đến ở cạnh lều, có giọng đều cọt, sợ họ làm ầu, chúng tôi sợ lấm. Tìm một lều mới chúng tôi dọn đi. Lều này sạch sẽ hơn nhiều, vì dưới lều là một con đường nhựa, chứ không phải đất bụi đỏ. Ở đây chờ bao giờ loa trung ương kêu mới được đi sang lục địa Hoa Kỳ. Ngày nào cũng ngóng mà chẳng nghe kêu. Buổi tối ngủ trong lều lạnh lấm, ban ngày thoáng hơn vì có luồng gió nóng thổi vào.

Ở đây mát thì giờ nhất là việc đi ăn. Đuôi dài quá mà đứng dưới nắng lâu quá, cơm cho ba bữa, chỉ lấy hai bữa thôi. Buổi chiều 4 giờ phải đi sớm làm đuôi mà chờ cả mấy tiếng mới đến phiên mình. Đi hoài quen mặt nhau, về sau một số người thấy tôi có con nhỏ nên nhường cho đứng trước. Đứng chờ tôi có thấy anh Bác sĩ Sang, ở Mang Cá Huế, nhưng không nói chuyện được vì đứng quá xa.

6- BÁN VÀNG TẠI GUAM

May 9-1975.

Hôm nay có công ty đến mua vàng. Giá 170 dollars một lượng Việt Nam. Giá vàng cao hơn hôm qua 10 dollars. Tôi bàn với chồng bán một lượng cho có tiền tiêu và mua hai vali nhỏ \$40, một cái dù \$10 che cho con khỏi nắng và đóng thuế, thành ra 100 đô chẳng còn bao nhiêu.

May 11-1975.

Giá vàng hôm nay lên 190 dollars một lượng. Chị NM bán một lần 10 lượng vì sợ qua đến Mỹ không ai mua vàng. Người ta nói những người làm cho sở Mỹ sẽ được đổi tiền thành ra rất nhiều người có gắng mua lại tiền Việt Nam càng nhiều càng tốt.

May 12-1975

Tôi ở lại Guam 3 đêm 3 ngày thì nghe loa gọi số chuyến bay 41J. Bây giờ trở đi mỗi con số rất là quan trọng. Chúng tôi đi trình Immigration. Tại đây phải đứng chờ bên ngoài thật lâu, và bây giờ mới có dịp quan sát khu tạm cư, thật rộng lớn quá, như một thành phố. Rất nhiều đường thẳng góc nhau, rất nhiều trại của Hồng Thập Tự lo việc thuốc men. Tôi xin thuốc đau đầu, đau bụng và sữa cho con tôi, làm đuôi ở đây cũng lâu lấm. Cuối cùng cũng đến phiên tôi. Rất mừng đã có sữa bú cho cháu.

Mẹ con tôi trở về gốc cây dương liễu chờ vào làm thủ tục Immigration. Chờ từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa vẫn chưa vào được. Khoảng 1 giờ trưa thì cái đuôi đến phiên tôi. Và từ ngày hôm nay, gia đình chúng tôi được nhập cảnh Hoa Kỳ. May 12, 1975 thật là một ngày trọng đại. Chúng tôi lựa đi Florida. Sau khi xong thủ tục chúng tôi được đi ra sau lưng lều IMS để chờ máy bay. Tại đây có 4 trung tâm ty nạn để mình lựa: Trại Pendleton, California. Trại Fort Chaffee, Arkansas. Trại Fort Indiantown Gap, Pennsylvania. Trại Eglin Air Force Base, Florida

Chúng tôi lựa Florida vì trung tâm này chỉ nhận 5000 người ty nạn mà thôi và được

bảo trợ bởi Không Quân, một binh chủng mà tôi hằng mến mộ.

Dưới sức nóng thiêu đốt của vùng xích đạo, chúng tôi chen chúc dưới một căn lều toả sức nóng hực xuống vì vùng trại không có cây. Một số nhắm mắt ngủ vật vờ chờ đi. Một số đi. Một số từ lều IMS vừa đến đây.

Bây giờ chúng tôi được lệnh ra khỏi vùng lười, đi hàng một đến chờ xe bus, chưa biết đi đâu. Đi bộ khoảng 1 mile chúng tôi đến một căn nhà khang trang hơn, ngồi chờ xe bus tại đó. Lần này chúng tôi được đưa về trại tạm cư ở vài hôm, được ở trong nhà chứ không phải trong lều vải nóng. Đến nơi khi trời hoàng hôn.

Sau khi được chỉ chỗ ở, tôi đi tắm thay áo quần và giặt phơi ngoài trời, tôi đi lấy đồ ăn. Cho con ngồi trong swing, nó thích lắm, trên đầu tôi, những bóng dừa cao làm tôi nhớ quê hương vô cùng. Đặc biệt ở đây, tắm tập thể, đó là lần đầu tiên trong đời tôi tắm như vậy, một ít e then khi mới bước vào.

Tối đến có một số người được gọi đi máy bay. Chúng tôi dò về những chiếc giường của họ để được gần trung tâm hơn. Tối nay chồng tôi chỉ cho tôi ông Trần Văn Lắm cựu Đại Sứ ở Úc Đại Lợi mà chồng tôi có quen với con gái của ông. Giường nệm trắng sạch sẽ, êm ái lắm, tôi muốn nhào xuống ngủ nhưng không được, số người tới người đi quá rộn ràng. Có một gia đình trẻ đến ở bên cạnh giường tôi, họ ăn mặc sang trọng lắm, tôi hỏi được biết họ đi máy bay thẳng từ Saigon sang đến Guam. Có một số được chờ thẳng từ Saigòn sang đây và được ở trong khách sạn dưới phố. Nhưng muốn sang lục địa Hoa Kỳ thì phải vào ở lại đây chờ máy bay.

Khoảng 9 giờ tối chúng tôi được loa gọi đi máy bay. Sắp đồ đạc, thay áo quần tử tế nhất mà tôi có vì đoạn đường gian nan cũng hết rồi, chúng tôi đi về trung tâm. Sau khi được dặn dò, kiểm soát kỹ lưỡng, chúng tôi được hướng dẫn đến một trại khác để chờ máy bay. Đi bộ khoảng nửa giờ, tôi tay bồng con, tay xách đồ, chồng tôi khập khễnh với cái gậy, chúng tôi đến sau cùng.

Đây là một căn nhà rộng, có nhiều tấm

nệm để sát nhau sẵn sàng cho người tỵ nạn. Chúng tôi được ngủ tại đây cho đến khi nào có người thức dậy đi thì sẽ đi. Tôi ngủ chợp đi một hồi thì nghe có tiếng nói lao xao, vùng tỉnh dậy thì thấy mọi người đang lần lượt dậy để đi máy bay. Bây giờ khoảng 12 giờ đêm. Hành lý sẵn sàng, chúng tôi được hướng dẫn đi căn. Tại đây tôi chú ý đến một gia đình có những vali rất lớn, họ có đến 4 vali như vậy, tôi tự hỏi làm sao họ có thể mang đi như thế được. Trong số những người của gia đình ấy tôi nhận ra một ông thẩm phán của tòa án quân sự. Đồ đạc của chúng tôi chẳng có gì quý giá và chỉ một xách đồ nhỏ nên chẳng nóng lòng đi căn, tôi đề nghị với chồng tôi gởi đi cho khỏi xách.

7- ĐI ĐẢO WAKE

Ngồi chờ ở đây một hồi thì chúng tôi được lệnh đi hàng một ra máy bay. Phi đạo thấp đèn sáng cho máy bay đáp xuống. Chúng tôi được lên một máy bay C130. Rất tốt, lần này có chỗ ngồi hai bên thân tàu. Có 4 dãy tất cả cứ mỗi bên hai dãy, đối diện nhau, ở giữa chất hành lý. Bây giờ chắc khoảng 3-4 giờ sáng. Khác mọi lần đi máy bay quân sự trong nước, phải chờ rất lâu, chúng tôi vào đủ, cửa máy bay đóng lại và nghe tiếng động cơ nổ. Mọi người lắc lư, nhắm mắt gật gà ngủ. Máy bay đã cất cánh. Anh quân nhân đi phân phát thức ăn sáng cho mọi người. Buổi điểm tâm ngon lắm, đầy đủ. Ăn xong người ta lăn ra ngủ. Tôi ôm chặt con vào lòng, dỗ cháu ngủ. Cháu đã ngủ rồi, hai em trai đã ngủ rồi. Mọi sự xem có vẻ tốt đẹp.

Bay được một hồi khoảng 1 giờ, tôi nghe như có tiếng mưa rào, máy bay chao lảo. Nói với chồng về nhận xét của mình chồng tôi cũng công nhận máy bay chao, nhìn ra bên ngoài trời bắt đầu hừng sáng, không có mưa, chúng tôi đang bay trên bờ biển. Tôi lo quá. Chuyến bay chờ 200 cô nhi đã bị chết cháy. Số phận chuyến bay này ra sao đây? Tôi nói chồng tôi hỏi người phụ phi công đang đi tới và được biết một động cơ bị chết. Tôi nghĩ sống đến đây rồi, không lẽ máy bay bị rớt chết thì phí quá. Bay thêm một hồi máy bay nghiêng lảo lảo làm một số

thức dậy. Có tiếng nói bằng English, yêu cầu thắt dây an toàn và ngồi yên tại chỗ. Máy bay bay trở về để đổi máy bay khác.

Chúng tôi được lệnh xách hành lý xuống. Đây là một hòn đảo nhỏ có một phi trường khá lớn. Ra khỏi máy bay tôi thấy nhẹ người. Không khí bên ngoài làm tôi dễ chịu hơn ngồi trong máy bay.

Tôi thấy có một chiếc C130 nằm sẵn ở đây. Chờ khoảng một giờ đồng hồ tại phi đạo, chúng tôi được lên chiếc C130 này. Chiếc này không có ghế ngồi. Chúng tôi được lệnh lên cửa sau đuôi. Xếp hành lý ở đuôi tàu và ngồi trên sàn tàu, cứ mỗi dãy 7 người. Sau một hồi lắc lư máy bay nhẹ nhàng rời khỏi phi đạo êm ru lướt gió. Không một lo lắng còn xâm chiếm tâm hồn tôi.

8- ĐẾN HAWAII

Chúng tôi đến Hawaii vào khoảng 2 giờ chiều. Có xe bus đưa từ phi đạo về nhà ga. Hành lý được chuyển riêng, sẽ nhận lãnh sau. Đến phi trường trên sàn nhà đầy những tấm nệm cho người tỵ nạn nghỉ. Ngồi uống nước và sau đó chúng tôi được báo cho biết sắp hàng đi ăn. Mẹ con tôi quá mệt, nằm trên nệm nghỉ lưng thấy êm ả quá. Vì không ai nằm nên tôi cũng mắc cỡ không dám nằm. Một số trẻ con 7, 8 tuổi nằm thôi. Chồng tôi mang về cho tôi một đĩa cơm, hai mẹ con ăn. Chưa biết bao giờ mới tiếp tục đi nữa, thôi cũng được vì đây mát mẻ đủ tiện nghi.

Tại đây mấy bà Hồng Thập Tự đem áo quần ra cho. Tôi mừng quá vì con tôi chỉ có 3 bộ áo quần thôi, mà cứ tình trạng này tôi không giặt được. Cháu là hành khách nhỏ nhất trên chuyến bay nên được mấy bà để ý. Tuy 12 tháng nhưng ốm nhỏ như con nít Mỹ 6, hoặc 7 tháng thôi, chỉ 7 kg.

Một bà mang cho con tôi một bộ áo quần màu đỏ, có nút gài ở chân để tiện cởi đi tiểu. Bộ áo quần rất đẹp, tôi ưng ý và mừng lắm, tuy có hơi dài. Bà tìm cho tôi một cái áo đầm, nhưng cái nào cũng quá to. Cuối cùng bà tìm được một cái áo màu tím trông rất vừa vặn. Sau đó bà đem cho con tôi một bộ đồ len màu vàng rất

đẹp, bên trong lót nỉ, bà bảo để giữ cháu được ấm khi đến Mỹ. Tôi cảm động vô cùng. Lòng nhân đạo chắc (có lẽ) phát sinh khi người ta no đủ.

Đã 6 giờ chiều rồi, vẫn ngồi chờ tại Hawaii. Một bà cho biết tôi có thể đem con ra phía sau có nôi cho bé ngủ, yên tĩnh hơn và có nurse giúp đỡ. Tại đây có 2 trẻ con lứa tuổi con tôi. Bé lạ chỗ không ngủ được và vì sợ, nên muốn mẹ đứng bên cạnh. Tôi rất thông cảm. Đứng với con khoảng 15 phút thì chồng gọi sửa soạn đi. Chúng tôi ra ngồi trước. Tại đây điểm danh từng người một. Có vài trục trặc nhỏ là nhân số hiện diện không phù hợp với danh sách. Cuối cùng mọi việc đâu vào đấy và những người đi Florida được sắp ngồi với nhau.

Ở phi trường người ta dán những chú ý: " Gia đình Nguyễn Văn Minh đã đến Guam bình yên", chị tôi cũng ghi " P.T.H.V. và các em đã đến Hawaii". Chúng tôi liếc khắp các chú ý chẳng thấy ai quen cả.

Chúng tôi ngồi chờ sau khi điểm danh xong thì được hướng dẫn ra ngoài. Trời Hawaii về đêm bắt đầu lạnh. Ở xa nhìn thấy thành phố thấp đèn lóng lánh rất đẹp. Tôi thăm nghĩ mới Hawaii mà đã đẹp như vậy chắc ở Mỹ còn đẹp hơn nữa.

Đứng ngoài phi đạo quá lạnh chờ không lâu chúng tôi được lên máy bay. Đây là chiếc C130 cửa mở đầu và đuôi cho chúng tôi lên. Có 4 dãy ghế, cứ hai dãy ngồi đối diện nhau trên thân tàu. Cũng không lâu tàu rời phi đạo và chúng tôi được ăn sáng trên tàu.

Trong mắt tôi dưới vũng đen sâu của đêm tối, muôn ngàn ánh sáng lập loè một vùng trời của Hawaii xa hoa, lộng lẫy, mờ lờn không còn thấy nữa. Có lẽ đã 9 giờ tối. Mọi người gật gù ngủ. Một ngày dài trôi qua. Tôi để con tôi nằm ngủ giữa tôi và chồng tôi.

Máy bay lên cao lạnh quá. Tôi chẳng có mền, chỉ có một khăn lông rộng đắp cho cháu rồi nằm kế bên con, hai mẹ con ngủ say vô cùng trong hơi ấm của chiếc khăn lông.

Tôi mở mắt tỉnh dậy, chồng tôi vẫn ngồi trên ghế, cho biết trời sáng rồi. Nhìn qua cửa sổ, thấy mặt trời chưa mọc, phương đông đã

bắt đầu sáng. Xung quanh là màu xanh bao la của trời và biển. Tôi thăm cầu nguyện cho chuyến đi an toàn.

Người phụ hoa tiêu đi phân phát thức ăn sáng. Cũng mất mấy giờ bay. Tôi không biết bây giờ là mấy giờ. Tôi muốn đi tiểu, nhưng vừa đứng dậy thì tiếng loa rao lên ai đâu ngồi yên đó cột giầy an toàn, máy bay sắp đáp xuống. Vừa được lệnh ra khỏi thân tàu, không còn xấu hổ, tôi núp sau một thùng rác để giải quyết cái bụng, tôi không thể chờ nữa.

9- SAN DIEGO, CALIFORNIA

Chúng tôi đặt chân xuống lục địa Hoa Kỳ lúc ấy khoảng 1 giờ trưa. Trời mù. Tôi cảm thấy lạnh. Được hướng dẫn vào phi trường quân sự. Trên đường đi, tôi thấy xa xa rừng cây trụi lá và phía khác một dãy cây thốt nốt.

Phi trường sang trọng quá, vào bên trong ấm hẳn. Điều làm tôi chú ý nhất là thảm trải trên sàn nhà rất sạch. Ở xứ tôi, nhà không trải thảm. Chúng tôi được biết ở lại đây đến 4 giờ chiều sẽ có máy bay đi Florida. Tôi thấy có vài người cho con họ nằm giữa sàn. Tôi trải khăn lông cho con tôi nằm. Cháu ngủ ngon lắm. Tại đây người ta cho áo quần nhưng không cái nào vừa. 5 giờ chiều đi máy bay về Florida.

10- EGLIN AIR FORCE BASE, FLORIDA

Tôi không biết đã mất bao nhiêu tiếng đồng hồ, nhưng chúng tôi được ăn tối trên máy bay và ăn sáng mà vẫn chưa tới. Nhờ bay đêm nên đỡ sốt ruột, chúng tôi ngủ được trên máy bay. Khi đó nếu có chuyện gì xảy ra, thì cũng là một cái chết rất nhẹ nhàng mà thôi.

Đến Florida khoảng 1 giờ chiều. Tại phi trường có một linh mục Việt Nam ra đón. Chúng tôi ngồi uống nước ngọt và chờ xe bus đưa đi. Chờ khá lâu thì được lệnh điểm danh, kiểm kê lại nhân số. Có vài quân nhân hướng dẫn đi làm giấy tờ. Từ đây hai tấm giấy quan trọng đó là tấm giấy ghi số chuyến bay và tấm giấy có ghi số Y-524. Chúng tôi phải làm thêm giấy tờ để được kiểm soát lại. Tại đây họ cho tôi một con số với những chữ EN-5510. ..., số này được

gọi là E number. Làm xong giấy tờ có người hướng dẫn ra phía sau căn nhà ngồi chờ xe bus. Được chích ngừa y tế tại đây và được cấp giấy chứng nhận chích ngừa. Xe bus đã đến và đưa chúng tôi về trại.

Trên đường về trời đã xế chiều. Tôi muốn xem thành phố nhưng chỉ thấy rừng bát ngát, xanh ngắt. Có vài người chỉ cho thấy phố, tôi hơi thất vọng vì quá nhỏ so với Sài Gòn. Chạy rất lâu thì đến trại, có một số nhân viên ra đón tiếp. Họ cho biết có thể ở trong bất cứ trại nào, miễn rằng tối đa không quá 20 người một lều là được. Chúng tôi chọn dãy lều đầu căn thứ nhì. Địa chỉ A-7 Sect 12. Người đến trước chúng tôi không có bao nhiêu. Chúng tôi được hướng dẫn ăn tối và nghe 11 giờ đêm sẽ có chuyến bay khác tới. Đến kiểm soát tại trại một lần nữa, có người chất đầy echolac tiền dollars, được MP của Mỹ chở đi cất. Về sau tôi gặp anh Bác sĩ Sang tại trại này, anh chỉ đi được có một mình, vợ con ở lại. Tôi có gặp anh Luật sư Trí, là bậc Thầy làm việc cùng văn phòng, đang anh của tôi tại trại này, anh độc thân, cũng đi một mình không có gia đình cha mẹ hay chị em đi cùng.

Chị V. và em R đi New York với người bảo lãnh là Bác sĩ Kohn. Có một số đòi về lại Việt Nam trên tàu Thương Tín, để sau này bị bắt đi tù cải tạo, nghe kể vậy.

Cuộc sống ở Eglin tốt, cho đến một ngày June 4, 1975 chúng tôi đi làm giấy I-94 và được phê 'Cleared' và được phép đi làm việc. Từ đây chúng tôi được chính thức nhập nội Hoa Kỳ, đoạn đường chạy giặc của chúng tôi đã hết, nhưng trước mặt còn nhiều cam go khác sẽ phải đương đầu.

Ở trong trại khoảng 4 tuần, chúng tôi được người bảo trợ lãnh ra ở nhà họ đi kiếm việc làm. Họ ở trong rừng. Chị NM trở vào lại trong trại chờ người bảo lãnh khác. Ở nhà này khoảng một tuần hơn thì chồng tôi có việc làm tại một đài truyền hình ở Tupelo, chúng tôi bắt đầu lại cuộc đời ở Mississippi. /.

LS PHAN THỊ HIỆP THÀNH

NHỮNG MẪU CHUYỆN VUI CÓ THẬT TRONG THỜI GIAN LÀM LUẬT SƯ



Ls ĐOÀN TƯỜNG MỸ

Trong thời gian tập sự luật sư, tôi là nhân chứng trong các mẫu chuyện vui có thật đã xảy ra tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, tọa lạc trên đường Công Lý.

Sau đây là những mẫu chuyện vui này:

1/ Tại Phòng Họp, Nghi Ngời cho Các Luật Sư tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.



Vào tháng 10 năm 1971, tôi bắt đầu tập sự luật sư tại văn phòng Ls N.N.H (văn phòng nằm đối diện tiệm Phở 79) trên đường Võ Tánh, Sài Gòn.

Một buổi sáng đẹp trời, tôi được Ls N.N.H. nhờ một luật sư đồng nghiệp cùng văn phòng đưa tôi đi chào các vị Chánh Án và các vị Dự Thẩm của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn (đó là Ls H.T.C.). Khi bước vào văn phòng dành cho các Ls Thực Thụ và Ls Tập Sự, Ls H.T.C bảo tôi hãy mặc áo Luật Sư rồi đi chào.

. Trong khi khoát áo và cài khuy, tôi nghe được cuộc đối thoại của Ls H.T.C. và một nam Luật Sư (sau này tôi được biết tên là Ls K.)

Ls H.T.C. nói: “Anh K. , anh có thể đỡ đầu cho cô cháu tôi vừa mới tốt nghiệp đại học Luật Khoa Sài Gòn. ?”

Ls K. trả lời: “ Chị ơi! Bây giờ tôi không có đỡ đầu, mà chỉ có đỡ đích thôi”

Tôi nghe mà bủn rủn chân tay, vì tôi là fresh Luật Sư Tập Sự , lần đầu tiên vào phòng này. Vì tôi cứ nghĩ các Luật Sư là những người rất đạo mạo, chững chạc, đứng đắn trong lời ăn tiếng nói. Nhưng hỡi ơi !!! và tôi bắt đầu hiểu TA này.

2/ Tại Tòa Án Quân Sự ở Bến Bạch Đằng, Sài Gòn

Vào một buổi sáng mùa đông năm 1971, có những luồng gió lạnh đang thổi từ dòng sông Sài Gòn lên Bến Bạch Đằng. Nhưng tôi lúc ấy lại không có cảm giác lạnh hay nóng gì cả, mà trong lòng lại thấy lo lắng vì đây là lần đầu tiên, tôi được đi cải chỉ định tại tòa án này.

Tôi đang ngô ngô ngáo ngáo, tìm pháp đình Quân Sự thì bỗng dung một viên sĩ quan Hải Quân cất tiếng hỏi tôi :

- Dạ thưa Cô tìm ai ?
- Tôi đi tìm Tòa Án Quân Sự.
- Dạ Tòa Án Quân Sự ngay sau phía lưng của Cô.

Tôi bước vào Pháp Đình Quân Sự, trong cảm giác run sợ và bị toát mồ hôi, vì tôi tự hỏi: “Sao chỉ có một mình tôi là đàn bà và hầu hết là các người lính với quân phục trắng. Tôi tự cố tìm cách trấn an mình và đi tìm một chỗ ngồi. May quá, tôi gặp được một đồng nghiệp đang ngồi hàng ghế đầu tiên và tôi gật đầu chào người đồng nghiệp mà tôi không hề quen biết.

Anh ta cất tiếng hỏi tôi :

- Chị cải mấy vụ ở đây?
- Dạ 3 vụ.
- Ủa, sao tôi cải gấp 3 lần chị .

Tôi chưa kịp trả lời thì phiên tòa bắt đầu.

Tôi may mắn được gọi lên đầu tiên và cả 3 vụ kiện của tôi đều được xong nhanh chóng vì các bị can đều nhận tội: “ Cố ý làm thành phế tật.”

Sau vụ kiện, khi ra về, tôi mới cảm thấy người mát mát vì những luồng gió thổi từ sông Sài Gòn.

3/ Đồng nghiệp “cheating” láo cá:

Một buổi sáng nóng bức của mùa hè năm 1972 tại phòng xử án A của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Phiên tòa sắp bắt đầu, một luật sư đến bên cạnh tôi và nói:

-Chào quý đồng nghiệp, xin quý đồng nghiệp cho tôi ra phiên trước (vì theo thứ tự của “roll”, vị luật sư này phải ra phiên sau vụ kiện của văn phòng tôi) vì tôi chỉ xin đình lại vụ kiện của văn phòng chứ không có tranh luận.

- Dạ không sao.

Thế là hai chúng tôi đến gặp ông lục sự và đồng ý để số thứ tự sau đi trước.

Hời ôi ! Hời ôi! Người bạn đồng nghiệp này đã “cheating” tôi. Vì vụ kiện của luật sư này đã tranh cãi với đối phương gần 45 phút. Thế là tôi có bài học vô giá. Bài học này thường dành cho các new luật sư tập sự và tôi cũng nằm trong số này. Vì tôi chỉ mới tập sự năm đầu tiên. Nhờ bài học này mà tôi đã giúp được nhiều bạn đồng nghiệp mới vào nghề như tôi trước đây !

Nếu bạn luật sư “cheating” láo cá này đọc được bài này của tôi thì chắc luật sư này sẽ thâm nghĩ : “Khờ thì ráng chịu”

Vâng xin cảm ơn bạn đồng nghiệp. Hy vọng kiếp sau được gặp lại anh nhé.

Nay, tôi “Khôn lắm rồi anh ạ ! “

4- Phòng xử án Thiếu Nhi:

Vào một buổi sáng mát mẻ của mùa Thu năm 1972, tại phòng xử án Thiếu Nhi rất đông nghẹt người vì có thiếu nhi nguyên đơn cùng thiếu nhi bị đơn cùng phải có cha mẹ hay người lớn đi kèm và các luật sư đại diện cho các thân chủ của mình.

Phiên tòa bắt đầu và mỗi vụ kiện xảy ra rất nhanh chóng. Riêng vụ kiện của thân chủ tôi (bị đơn) hơi lợm thợm và kéo dài, vì cậu bé thân chủ tôi hơi láo cá và khôn lanh: cậu bé này giật sợi dây chuyền đeo cổ của một cô

bé.

Chánh án hỏi:

-Làm sao con lấy được sợi dây chuyền đeo trên cổ của nguyên cáo?

Cậu bé nhìn tôi và nói:

-Luật sư trả lời dùm con đi.

Tôi đáp:

-Luật sư không có quyền trả lời câu hỏi này vì chánh án hỏi con.

Cậu bé láo cá này nói:

-Xin chánh án cho luật sư của con trả lời dùm con

Chánh án nói:

-Không được. Con phải trả lời

Cậu bé sợ quá, trả lời ngay:

-Dạ, con dùng cái kéo để cắt sợi dây chuyền.

Chánh án hỏi:

-Bây giờ cái kéo đó đâu? Và sợi dây chuyền đâu?

Cậu bé trả lời:

-Cái kéo con trả lại cho bạn con. Còn sợi dây chuyền con bán rồi.

Chánh án hỏi:

-Sợi dây chuyền con bán được bao nhiêu?

-Dạ! Con không nhớ.

Chánh án hỏi người mẹ của cậu bé :

-Bà có bằng lòng bồi thường số tiền của sợi dây chuyền mà nguyên đơn đã mua trước đây không?

Mẹ của cậu bé trả lời:

-Dạ thưa chánh án, sợi dây chuyền này cũ rồi. Xin chánh án cho tôi đền phân nửa giá

Ông chánh án nói:

-Không được. Phải đền đúng như trong receipt của nguyên đơn.

Người mẹ chưa kịp trả lời và bà bù lu khóc thì cậu bé lên tiếng:

-Mẹ! đừng khóc, con giấu sợi dây chuyền này ở nhà để con lấy ra trả lại cho người ta.

Phiên tòa đồng loạt vỗ tay. Vì nước mắt của người Mẹ đã làm rung động trái tim biết ăn năn của cậu bé thơ dại./.

LS ĐOÀN TƯỜNG MỸ.

ĐÒN LỬA CUỐI CÙNG

CỦA BẮC VIỆT TRONG CHIẾN TRANH: CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP 3 THÀNH PHẦN

NGUYỄN TƯỜNG TÂM

Lời tòa soạn: Đòn lửa của Bắc Việt chỉ bị tiết lộ khi cuốn hồi ký “Saigon et Moi” của Đại sứ Pháp Mérillon được ra mắt ngày 23/5/1985 tại Paris. Nhưng sau đó, Bộ Ngoại Giao Pháp đã ra lệnh thu hồi nên độc giả khó tìm kiếm để mua. May thay, ông Vũ Hải Hồ ở Paris đã có quyển sách này và đã tóm lược những điểm chính, và được ông Đặng Kim Thu K19, Võ Bị Đà Lạt dịch và giới thiệu. Nhờ đó tác giả Nguyễn Tường Tâm mới có thể tham khảo, đối chiếu với nhiều tài liệu khác để có được bài báo duy nhất giới thiệu đầy đủ và cụ thể cái gọi là tin đồn về “CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP 3 THÀNH PHẦN” vào tháng 4-1975.

xxx

Binh pháp Tôn Tử, thiên 3 (Mưu Công), “thượng sách trong việc dùng binh là lấy mưu lược để thắng địch... hạ sách là tấn công thành trì.” Trong mưu kế này, sau khi ký Hiệp định Hòa bình 1973, Bắc Việt đã dùng tuyên truyền xám (là tuyên truyền không rõ nguồn gốc) để làm lung lay thượng tầng lãnh đạo của Miền Nam. Trong khi vẫn đánh mạnh, Bắc quân tung ra tuyên truyền xám là “Vĩ tuyến 17 sẽ di chuyển vào một tỉnh nào đó phía nam, để vùng đất giữa cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN)”, khiến dân chúng hoang hốt tìm cách di chuyển sâu về phương Nam để tránh cộng sản.

Một người dân tác giả đã viết “Mọi người đồn đoán: có thể vĩ tuyến 17 sẽ dời đến Đà Nẵng vì vậy ông quyết định cho gia đình về lánh nạn ở Nha Trang với cậu T., em ruột mẹ tôi.” (1) Dần dần vào cuối 1974, Bắc Việt tung ra đề nghị một cuộc điều đình với chính quyền miền Nam không có Tổng thống Thiệu. Đây chỉ là hư chiêu đồn đại của Bắc Việt chứ chẳng có văn bản chính thức nào. Nhưng Hoa Kỳ, hoặc thực sự bị mắc lừa hoặc giả vờ bị mắc lừa, đã mượn ngay hư chiêu này của Bắc Việt để

rút chân ra khỏi miền Nam sông sê, nên ngày đã mượn ngay hư chiêu này của Bắc Việt để rút chân ra khỏi miền Nam sông sê, nên ngày 18-4-75 ĐS Martin trao đổi điện thoại với Đại sứ Pháp muốn giao cục xương khó nuốt, miền Nam, cho Pháp.

Hồi ký của Đại sứ Pháp (2) viết, “ĐS Mỹ Martin cho Chính phủ Pháp biết việc Hoa Kỳ sẽ bỏ rơi VN sau khi Phan Rang thất thủ. Nếu nước Pháp có muốn cố giữ miền Nam, qua một Chính phủ trung lập tạm thời...” Hồi ký cũng viết tiếp “ĐS Martin chỉ nói miệng vì không muốn lưu lại bằng chứng nào trong việc trao đổi điện thoại tối ngày 18-4-75... Trong tâm tình riêng giữa hai vị Đại sứ, Martin nói với Mérillon rằng nước Mỹ đã quá chán ngấy những cuộc đảo chánh trước kia nên đã khuyên cáo Tổng Thống Thiệu từ chức ra đi, tốt hơn là bị đảo chánh.”

Sau đó, ngày 20/4/75, phục tùng theo hư chiêu của Bắc Việt, Hoa Kỳ đã áp lực Tổng thống Thiệu từ chức. Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, Bộ trưởng thân cận của TT Thiệu tới phút cuối đã tiết lộ, “Ngày 20/04/1975, ĐS Mỹ Graham Martin gặp TT Thiệu để thuyết phục ông từ chức, với lý do ông Thiệu đã thành một trở ngại cho hòa bình. Bắc Việt không điều đình với ông và Quốc Hội Mỹ cũng không ủng hộ ông.” (3)

Sau khi được Hoa Kỳ “bàn giao” miền Nam, Đại sứ Pháp Mérillon tưởng rằng “sứ mệnh lịch sử quốc tế” đã rơi vào tay mình nên bắt đầu hoạt động tích cực. Khởi đầu ĐS Pháp liên lạc với Bắc Việt để có thông tin cụ thể, đồng thời liên lạc với Trung Cộng để tìm hậu thuẫn. Đại sứ Pháp nghĩ rằng Trung Cộng vừa là đồng minh của Bắc Việt can dự mạnh mẽ vào chiến tranh Việt Nam, vừa là quốc gia lân bang với Bắc Việt nên có thể có ảnh hưởng và hành động trực tiếp một cách mau chóng. Hồi ký của ĐS Mérillon viết tiếp, “Trung Cộng

đồng ý hợp tác với Pháp để hình thành một Chính phủ Trung Lập tại miền Nam VN, nếu có sự tham dự của MTGPMN.”.Nhưng trong hồi ký của ĐS Pháp có đoạn sau đây không thấy tài liệu nào ghi, “Điều trớ trêu là quyết định này lại thuộc năm tướng lĩnh của Nga, đang có mặt trong Bộ tư lệnh của quân CSBV tại mặt trận Long Khánh.” Đồng thời đoạn sau đây cũng không thể kiểm chứng, “Mao Trạch Đông ‘ghét cay ghét đắng’ Lê Duẩn vì y thân Nga, vì thế điều kiện mà Bắc Kinh đặt ra là phải làm sao triệt hạ nhóm Đảng viên thân Nga, cũng như tìm cách cầm chân quân BV, để tạo cơ hội cho MTGPMN vào SG.Bắc Kinh còn muốn tìm cách không cho BV chiếm trọn miền Nam.” Tất cả những đoạn tiếp theo của cuốn hồi ký cho thấy Trung Cộng đã đồng ý với Pháp để can thiệp vào giải pháp chính phủ 3 thành phần tại miền Nam. Nhưng theo ý tôi, với tình hình thắng lợi như vũ bão của Bắc quân lúc đó, thì sự ngăn chặn của Trung Cộng là điều không thể tin được. Nhưng không hiểu sao Đại sứ Mérillon lại nhiệt tình với giải pháp này bất kể thời gian không còn nhiều.

Ngày 21-4-75, trước áp lực của Hoa Kỳ, TT Thiệu từ chức, trao quyền lại cho Phó TT Trần Văn Hương (theo đúng Hiến Pháp).

ĐS Pháp viết tiếp “Pháp đang hoạt động cho giải pháp Chính Phủ ba thành phần: quốc gia, đối lập, và MTGPMN. Thủ Tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng đưa ra một danh sách, gồm có: Trương Như Tảng, Nguyễn Thị Bình, Đinh Bá Thi, các Tướng VC Lê Quang Ba, và Trần Văn Trà.” Sau khi thoả thuận với Trung Cộng, sáng ngày 22/4/75 ĐS Pháp Mérillon mời Phái đoàn của Tướng Dương Văn Minh tới Toà ĐS Pháp thảo luận. Sau khi lịch sự mời đoàn người tháp tùng Tướng Minh ra về để ĐS Mérillon mời một mình ông Minh dùng cơm trưa “bàn luận” kế hoạch. Ông Mérillon đưa ra hai cách thực hiện và đề nghị ông Minh phải tận lực hoàn thành giải pháp Trung Lập, như được trình bày chi tiết trong Hồi ký của ĐS Pháp. (4)

Cách thứ nhất: Thành phần Chính Phủ Hoà Hợp Hoà Giải Dân Tộc gồm có hai Đồng Chủ Tịch: Dương Văn Minh và Tướng VC Trần Văn Trà.

Ba Phó chủ tịch: Vũ Văn Mẫu, Trịnh Đình Thảo, và Cao Văn Bông.

Trong 5 vị Tổng trưởng, nếu Tổng Trưởng là người của Quốc Gia thì Thứ Trưởng là người của “Mặt Trận” và ngược lại.

Hội đồng Cố Vấn Chính Phủ gồm có: Luật Sư VC Nguyễn Hữu Thọ, Kiến Trúc Sư VC Huỳnh Tấn Phát, Thích Trí Quang, Lương Trọng Tường, Hồ Tấn Khoa, Linh Mục Chân Tín.

Hai mươi bốn giờ sau khi công bố thành phần Chính Phủ, Pháp sẽ vận động các nước Âu Châu, Á Châu, và các nước thuộc “Khối Không Liên Kết” công nhận tân chính phủ để chặn bước tiến của CSBV... Ông Dương Văn Minh hứa sẽ làm được.

Hồi ký của ĐS Mérillon viết tiếp đại ý: sau khi Chính phủ 3 thành phần thành hình thì những bước kế tiếp sẽ là bang giao với quốc tế để nhận sự ủng hộ và viện trợ cụ thể \$690 triệu đô la và 200 triệu Quan Pháp. Đồng thời Trung Cộng sẽ ép Bắc Việt ngưng bắn để thảo luận. Trong hồi ký của ĐS Mérillon có thêm một điều không ai, nhất là người Việt Nam ở cả 2 miền, có thể tin được, là bà Nguyễn Thị Bình (Ngoại trưởng của MTGPMN) đã nói với ông Merillon là MTGPMN cũng đồng ý với giải pháp này để thoát ly khỏi quỹ đạo của Bắc Việt (sic).

Cách thứ hai: Sau khi thành lập Chính phủ 3 thành phần (có cả MTGP và lực lượng thứ 3) tất cả rút xuống Vùng 4 với Tướng Nguyễn Khoa Nam (Tư lệnh Vùng 4) tiếp tục chiến đấu (tuyên bố Saigon bỏ ngõ) chống lại Bắc Việt.

Khi đọc kế hoạch thành lập chính phủ 3 thành phần như ĐS Mérillon trình bày trong hồi ký của ông, tôi không nghĩ đa số người Việt có thể tin đó là “kế hoạch thực sự được sự đồng ý của Bắc Việt và MTGPMN (vốn dĩ là con đẻ của Bắc Việt)”. Nhưng vì thời điểm đó không có thông tin chi tiết như hồi ký của Đại sứ Pháp sau này công bố, cho nên không ít thành phần ở thượng tầng chính trị miền Nam tin đó là sự thật, kể cả Tướng Dương Văn Minh. Ông Trần Quốc Bửu, Chủ tịch Tổng Công Đoàn Việt Nam, một nhân vật chính trị có uy tín, liên lạc mật thiết với tòa Đại sứ Hoa Kỳ, cũng như đủ quyền năng tiến cử đàn em vào chức Thủ tướng, và

các chức vụ bộ trưởng, khác cũng tin tưởng kế hoạch Chính phủ liên hiệp ba thành phần. Ngay từ thứ Sáu, 25/4/75 (Bắc quân đã tiến tới Long Khánh chỉ cách Saigon có 80 Km), Ông Trần Quốc Bửu đã nói với một đàn em, cũng là bác sĩ riêng của ông, “Chắc phải liên hiệp. Em nên đi ra nước ngoài. Nếu chưa có đường đi thì nên liên lạc thường xuyên với gia đình anh, chừng nào anh đi thì đi cùng.”(5)

Đặc biệt là Tướng Minh hết sức tin tưởng ở kế hoạch lập chính phủ 3 thành phần để thương thuyết hòa bình, trong khi đối phương đang tiến như vũ bão áp sát thành trì cuối cùng là Dinh Độc Lập. Chính vì tin tưởng mình là con cò đang được quốc tế và đối phương (Bắc Việt) ủng hộ nên Tướng Minh nhất định không chịu nhận chức Thủ Tướng như Tổng Thống Trần Văn Hương đề nghị, mà ông nhất quyết đòi TT Hương nhường cho ông chức Tổng Thống để ông thương thuyết với Bắc Việt (6)

Chiều 27/4/1975, ĐS Mérillon được Tướng VC Trần Văn Trà nhắn tin nhờ cấp tốc thành lập Chính Phủ liên hiệp trung lập, đồng thời gửi gắm hai người thân tín là Nguyễn Thị Bình và Đinh Bá Thi vào chính phủ này. Trà còn cho biết hai sư đoàn của ông ta sẽ tiếp thu Saigon, phồng tay trên quân Bắc Việt của Văn Tiến Dũng (hồi ký của ĐS Mérillon ‘7’). Đại đa số người Việt Nam khi đọc tin này đều không ai tin được tự ý Tướng Trà dám phát biểu ý tưởng này, mà nghĩ ngay đây là Tướng Trà phát biểu theo lệnh của Bắc Việt. Chi tiết này cho thấy rõ Bắc Việt chủ động tung ra đòn lừa (hư chiêu) chính phủ 3 thành phần.

Trong khi đó, ĐS Mérillon vẫn không biết mình đang bị lừa. Sáng ngày 28/4, Mérillon chuyển kế hoạch này cho Tướng Dương Văn Minh và định tối hôm đó thì bắt đầu thực hiện kế hoạch sau khi Tướng Minh nhận bàn giao từ Tổng thống Hương.

Đồng thời ĐS Mérillon lại còn cho Tướng Pazzi xuống Cần Thơ chiều 28/4 gặp Tướng Nguyễn Khoa Nam. Khiến cho càng nhiều người tin là đang có kế hoạch thành lập chính phủ 3 thành phần thật. “Chiều 28/4, Tướng Pazzi của Pháp xuống Cần Thơ gặp Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV và

QK 4...Tướng Nam hai lần yêu cầu ông Minh cho ông đem quân về phản công, nhưng ông Minh dặn đi dặn lại đừng phản công mạnh để tìm giải pháp chính trị.” (Tác giả Bác sĩ Hoàng Như Tùng –Chỉ huy trưởng Quân y viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ.) Tác giả Hoàng Như Tùng viết tiếp “Ông (Tướng Nam) bình tĩnh trả lời: “Đừng lo, mình vừa đi họp với Phái Bộ Tòa Đại Sứ Pháp. Sẽ có giải pháp ngoại giao, miền Tây không mất đâu, còn đầy đủ quân số tác chiến.” (8)

Tòa Đại sứ Pháp còn chính thức tung tin về Chính phủ 3 Thành phần cho Bộ Tổng Tham Mưu VNCH và can thiệp trực tiếp vào hoạt động quân sự của Quân lực VNCH như tường thuật của Trương đình Huân, K 19 Võ Bị Đà Lạt, sĩ quan trực của Trung Tâm Hành Quân Bộ Tổng Tham Mưu “Khoảng 10 giờ đêm (28/4), Đại Tá Công, Trưởng Phòng 2/Quân Đoàn III trình bày những tin tức đặc biệt thu thập được qua những liên lạc với Phòng Nhì (Deuxième Bureau) của Tòa Lãnh Sự Pháp. Tòa Lãnh Sự Pháp đang đứng trung gian dàn xếp cuộc chiến giữa Chính Quyền Miền Nam và CS. Ông nói: ‘Phía cs đòi hỏi chúng ta phải hủy bỏ các cơ sở chiến tranh tại Biên Hòa thì họ sẽ ngưng pháo kích và đồng ý đi vào hội nghị để tránh đổ máu cho dân chúng khi họ tấn công vào Thủ đô’. Thời điểm ngưng pháo kích bắt đầu từ 12 giờ khuya đêm 28/4.” (9)

Thời gian Bắc Việt ngưng pháo kích này chính là thời gian 24 tiếng để Hoa Kỳ rút khỏi miền Nam toàn bộ lực lượng Mỹ cùng với thành phần người Việt cần thiết. Thời gian này cũng đã được Pháp thỏa thuận với Bắc Việt. Theo hồi ký của ĐS Merillon, thời hạn Mỹ rút quân khỏi VN đã do ĐS Mérillon liên lạc với Phan Hiền, đại diện “Chính Phủ Miền Nam VN” của Huỳnh Tấn Phát ấn định.

Chẳng những vậy, thời gian này cũng đã được Bắc Việt thỏa thuận với Hoa Kỳ. Hồi ký của ĐS Hoa Kỳ viết, “Khi đọc tám điện văn của các Tướng Bắc Việt; họ nghĩ việc đưa mấy chiếc phi cơ sang Thái là chúng ta đã nuốt lời hứa với họ. Chúng ta đã nói chúng ta sẽ không mang các chiến cụ đi. Chúng ta chỉ muốn họ để chúng ta yên ổn ra đi trong trật tự. Vì họ

ngĩ chúng ta nuốt lời, hôm sau họ pháo kích phi trường, làm thiệt mạng mấy Thủy quân Lục chiến của chúng ta.” (10)

Tướng Dương Văn Minh nhậm chức Tổng thống chiều 28/4. TS Hưng viết “Chiều thứ Hai, 28/04, lễ tuyên thệ của TT Dương Văn Minh được cử hành trang trọng tại Dinh Độc Lập, trước mặt đầy đủ đại diện các định chế dân chủ.” (11) Ngay sau khi nhậm chức, TT Dương Văn Minh đã gửi ĐS Mỹ bức thư yêu cầu Mỹ rút toàn bộ lực lượng trong vòng 24 tiếng kể từ ngày 29/4 (phù hợp với thỏa thuận ngừng pháo kích của Bắc Việt). TS Nguyễn Tiến Hưng viết, “Sáng sớm ngày 29/4, một Sĩ quan trẻ tuổi phóng xe máy tới Tòa Đại Sứ Mỹ để trao bức thư. ĐS Martin liền trả lời ngay: “Tôi xin thông báo để Ngài hay là tôi đã ra chỉ thị như Ngài yêu cầu. Tôi tin rằng Ngài sẽ ra lệnh cho Quân Đội của Chính Phủ Ngài cộng tác bằng mọi cách để làm dễ dàng cho việc di chuyển các nhân viên DAO...”(12). Ngày đó, khi nghe lá thư của TT Minh “đuổi Mỹ” phát trên đài phát thanh, mọi người tưởng đó là ý riêng của TT Dương Văn Minh, nhưng khi hồi ký của ĐS Pháp được công bố, mọi người mới vỡ lẽ TT Dương Văn Minh chỉ là quân cờ thi hành thỏa thuận của Bắc Việt với Pháp và Mỹ.

Trong bài diễn văn nhậm chức (chiều 28/4), ông Minh kêu gọi: “Cùng các anh em bên kia: tôi thực sự muốn hòa giải, các anh em cũng biết thế. Tôi yêu cầu mọi tầng lớp đồng bào hãy tôn trọng sinh mạng của nhau. Đó là tinh thần của Hiệp Định Paris...Chúng ta hãy ngồi vào bàn hội nghị để tìm những giải pháp hữu ích nhất cho Quốc Gia Dân Tộc. Để sớm chấm dứt những đau khổ của dân chúng và anh em binh sĩ, tôi đề nghị chúng ta ngưng ngay lập tức những cuộc tấn công lẫn nhau.”

8 giờ sáng ngày 29/4 (Hồi ký của Đại tá Dương Hiếu Nghĩa, Trưởng Khối Ngoại Vụ của Ủy Ban Liên Hiệp Bốn Bên viết làm là 8 giờ sáng ngày 28/4, lúc đó Tướng Minh chưa nhận chức Tổng thống): Đại Tá Nguyễn Hồng Đài từ Tư Dinh của Đại Tướng Dương Văn Minh điện thoại cho tôi, nhờ đưa một phái đoàn đại diện của Tổng Thống đến gặp phái đoàn CSBV và VC (MTGPMN) ở trại Davis. Phái Đoàn gồm có

Luật Sư Nguyễn Văn Huyền, Phó Tổng Thống, Luật Sư Vũ Văn Mẫu Thủ Tướng, và Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH. Khối Ngoại Vụ chúng tôi cho biết là CSBV và VC không tiếp Phái đoàn (13). Sau khi Đại tá Nghĩa năn nỉ, cuối cùng, Phái đoàn đại diện Tổng thống Minh được đồng ý cho vào trại Davis, gọi là để viếng thăm hai Phái đoàn CSBV và CP Lâm Thời Miền Nam (Nguyên văn lời Đại Tá Sĩ của MTGPMN trực tiếp nói với tôi qua điện thoại) (14). “Phái đoàn của Luật Sư Huyền vào trại Davis lúc 9 giờ ngày 30-4 năm 1975, và rời khỏi trại hồi 10 giờ hơn... Theo Trung Tá Trương Minh Đầu, Chánh Văn Phòng của Tổng thống Minh, “thì sau khi Phái Đoàn của ông Nguyễn Văn Huyền về đến Dinh Hoa Lan, ông Minh họp Hội đồng Chính Phủ và cho biết là MTGPMN đã bác bỏ đề nghị của ông nhằm tìm một giải pháp chánh trị cho Miền Nam Việt Nam. Vì vậy ông đã quyết định là: chỉ còn một cách duy nhất là “đầu hàng vô điều kiện” mà thôi!”

Sau này, trên đài Á Châu Tự Do (RFA) tại Hoa Kỳ, phóng viên Nam Nguyên đã cho chạy lại Tuyên bố của Tổng thống Dương Văn Minh được phát đi trên Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia (Saigon) vào lúc 10 giờ sáng ngày 30/4/1975 như sau:

“Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hoà giải giữa người VN để khỏi phí phạm xương máu người VN...vì lẽ đó tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ VNCH hãy bình tĩnh ngưng nổ súng và ở đâu ở đó.

Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam VN ngưng nổ súng, vì chúng tôi ở đây chờ gặp chính phủ CMLTCHMNVN để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự...tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào...”

“Sau khi Đài Phát Thanh Saigon lập lại nhiều lần lệnh buông súng của Tổng thống Dương Văn Minh, cũng như nhật lệnh tương tự của Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Phụ Tá cho Trung Tướng Vĩnh Lộc, Tổng Tham Mưu Trưởng sau cùng của Quân lực VNCH. Quân đội đã thi hành lệnh giao nạp vũ khí cho

những người chủ mới của đất nước “(15).

Như vậy Bắc Việt đã hoàn thành mưu kế của Tôn Tử “dùng mưu thắng địch” để giảm thương vong. Đòn lừa của Bắc Việt đã đánh lừa được giới thượng tầng chính trị của miền Nam. Nhiều nhân vật cấp cao đã gửi vợ con sang Mỹ trước, còn họ ở lại với hy vọng sẽ “có một ghế” khi giải pháp Chính phủ liên hiệp 3 thành phần thành hình. Vì vậy, vào phút chót, nhiều người trong số họ không kịp bỏ chạy, kẹt lại đi tù nhiều năm. Một số may mắn thoát được vào phút chót trong đường tơ kẽ tóc như hai Tướng Vĩnh Lộc, Tổng tham mưu trưởng sau cùng do Tổng thống Minh chỉ định, và Tướng Trần Văn Trung, Phụ tá Tổng tham mưu trưởng kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Chiến Tranh Chính Trị, đến Bến Bạch Đằng vào sáng 30/4 và dùng một LCM nhỏ của Giang Cảnh để tìm đường ra biển. Rất may, LCM này được Tuần Duyên Hạm Tây Sa HQ 615 cứu vớt vào tối 30/4 (16).

Trong đòn lừa cuối cùng này, thành phần dân chúng tự mệnh danh là “Thành Phần thứ 3” đã bị Bắc Việt loại bỏ ngay sau khi chiếm được Saigon mà không cần công bố. Vào giây phút chiến thắng của Bắc Việt, Thành phần thứ Ba biết rằng đã đến lúc họ phải tự âm thầm giải thể. Terziani, người phóng viên Đức duy nhất hiện diện và giúp đỡ trong buổi phát thanh đầu hàng của Tướng Minh, đã hỏi Thủ Tướng Mẫu, người được coi là đồng sáng lập Lực Lượng Thứ Ba, Lực Lượng cách đây một tuần được coi là điều kiện không thể loại trừ trong một Chính Phủ Liên Hiệp, “Còn những cơ hội tương lai nào sẽ trao cho Lực Lượng Thứ Ba với hiện tình chính trị đã thay đổi như hiện tại?” ông Mẫu đáp “Hiện nay không còn lực lượng thứ nhất, chúng tôi không còn cần lực lượng thứ ba,” (17)

Có một điều đau xót là do sự hỗn loạn trong giới lãnh đạo của chính quyền Miền Nam cho nên lệnh ngừng bắn của Tổng thống Dương Văn Minh không được thuộc cấp thi hành một cách thống nhất và đều khắp nên có một số đơn vị đã dừng cầm tiếp tục hăng say chiến đấu một cách vô vọng bảo vệ Saigon, khiến không ít thành viên lực lượng vũ trang hai bên đã đau đớn ngã xuống vĩnh viễn vào giờ thứ 25 của cuộc chiến.

Tham Khảo:

-(1) Bạc Tóc Tuổi Hai Mươi (*Phạm Mai Hương* (Trích Tập San Đa Hiệu số 93, trang 263)

-(2); (4); (7) Hồi Ký của ĐS Pháp— Những Ngày Cuối Cùng của VNCH Vũ Hải Hồ dịch

Đăng Kim Thu K19, Võ Bị Đà Lạt (Tập San Đa Hiệu 110, trang 223)

-(10) Đại sứ Martin nói về những ngày cuối tại Việt Nam” Trang 97, “Tears Before the Rain” (Nước Mắt Trước cơn Mưa) của Larry Engelmann, Nguyễn Bá Trạc phỏng dịch) nguồn: (pham-v-thanh.blogspot.com)

-(3); (6); (11); (12) 30/04: Tổng Thống Minh và văn thư yêu cầu Mỹ rút khỏi VN

T.S Nguyễn Tiến Hưng, BT Kế hoạch/CP Nguyễn Văn Thiệu

Nguồn: 30/04: Tổng thống Minh và văn thư yêu cầu Mỹ rút khỏi Việt Nam - BBC News Tiếng Việt

-(5) Những ngày này năm ấy, Trang Châu, Bác Sĩ Nháy Dù VNCH. (Nguyên tác:) (Nguồn: Văn Việt <https://vanviet.info/van/nhung-ngy-ny-nam-ay/>)

-(8) Lễ An Táng Tướng Nguyễn Khoa Nam (1/5/1975)

Hoàng Như Tùng –CHT QYV Phan Thanh Giản, Cần Thơ.

(https://hon-viet.co.uk/HoangNhuTung_TuongNhoTuongNguyenKhoaNam.htm)

-(9) Những Ngày Cuối Cùng của Cuộc Chiến tại Vùng 3 Chiến Thuật

Trương đình Huấn, K 19 Võ Bị Đà Lạt (Đa Hiệu số 42, trang 141)

-(13); (14) Hồi Ký của Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa

(Trưởng Khối Ngoại Vụ của Ủy Ban Liên Hiệp Bốn Bên VNCH) (<https://tienglongta.com/2019/04/25/duong-hieu-nghia-hoi-ky-dang-do/>)

-(15) Tuần lễ kết thúc chiến tranh ở Saigon, 30/4/1975

Nam Nguyễn, phóng viên đài RFA © 2005 Radio Free Asia

-(16) Những Ngày Cuối Cùng của Hạm Đội Hải Quân VNCH

Nguyễn Đức Thu, K16 Võ Bị Đà Lạt (Tập San Đa Hiệu 118, trang 167)

-(17) Phóng sự của Bőrries Gallasch và Terzani tại Sài Gòn tháng Tư 1975 (Spielgel số 21/1975)

Phạm Cao Phong, trích dịch (BBC Tiếng Việt) (trg. 38-42)

TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN MỸ: TIN VÀO THIÊN CHÚA (IN GOD WE TRUST) VÀ NGŨƠNG MỘ CÁC ANH HÙNG



NGUYỄN VĂN BÌNH

Hoa Kỳ được thành lập vào ngày 4/7/1776, sau khi quân dân Hoa Kỳ dưới sự lãnh đạo của tướng George Washington đánh bại quân Anh giành được nền độc lập. Hoa Kỳ có dân số là gần 343 triệu người, đứng hàng quốc gia thứ 3 đông dân trên thế giới sau Trung Cộng và Ấn Độ.

Truyền thống văn hóa của dân Mỹ từ xưa đến nay là: **Tin Vào Thiên Chúa và Ngũơng Mộ Các Anh Hùng**. Chính điều này Hoa Kỳ dù là quốc gia còn non trẻ chỉ mới 248 năm, nhưng lại là quốc gia hùng cường, giàu mạnh, tân tiến nhất trên thế giới mà nhiều người mọi nơi mong được nhập cư sinh sống.

Trong bài viết này, tôi xin nêu lên những bằng chứng về Truyền Thống Văn Hóa Dân Mỹ như sau:

I-TIN VÀO THIÊN CHÚA:

Giáo điều của Thiên Chúa giáo đặc biệt đã ảnh hưởng mạnh mẽ trên nhiều sinh hoạt của người dân Hoa Kỳ. Số dân Mỹ theo đạo Thiên Chúa gồm Công Giáo và Tin Lành hiện nay là 210 triệu người được xem là quốc gia có số giáo dân Thiên Chúa đông nhất trên thế giới.

Ngay khi giành được nền độc lập, Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, một văn bản chính trị của Hoa Kỳ được viết bởi ông Thomas Jefferson và tuyên bố vào ngày 4/7/1776 đã chịu ảnh



Cựu Tổng Thống Trump

hưởng tư tưởng của triết gia John Locke, người Anh, một giáo dân Thiên Chúa.

Theo lý thuyết của John Locke, ba quyền cơ bản không thể bị tước đoạt của con người là quyền được sống, được tự do và quyền sở hữu được Thomas Jefferson đề cập tới trong bản tuyên ngôn là “quyền được mưu cầu hạnh phúc”.

Qua bản Hiến Pháp Hoa Kỳ ngày 17/9/1787 đến nay được 237 năm, vẫn được xem là một kiệt tác chính trị về qui định tổ chức công quyền của một quốc gia. Hầu hết các bản hiến pháp của nhiều quốc gia trên thế giới đã lấy bản Hiến Pháp của Hoa Kỳ để tham khảo. Nội dung của bản Hiến Pháp Hoa Kỳ đã dựa nhiều vào các giáo điều của Thiên Chúa Giáo. Hiến pháp Hoa Kỳ bảo đảm quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền sở hữu của người dân mà Thiên Chúa đã trao tặng cho con người phải được hưởng.

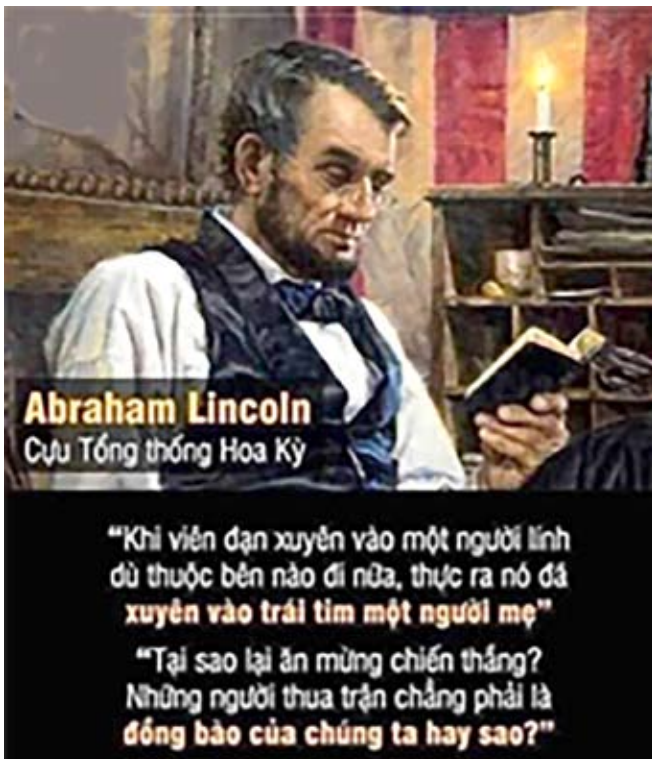
Trên tiền giấy của Hoa Kỳ luôn có hàng chữ **IN GOD WE TRUST** để nhắc nhở người dân Hoa Kỳ phải có niềm tin vào Thiên Chúa. Ngoài ra, các chính trị gia dù thuộc đảng Dân Chủ hay Cộng Hòa trước khi kết thúc bài diễn văn đều nói câu: **God Bless you và God Bless**

America.

Lịch sử Hoa Kỳ cũng đã có ghi trong cuộc chiến cam go với quân đội Anh, tướng George Washington, cha già của dân tộc Hoa Kỳ thường quỳ cầu nguyện với Thiên Chúa khi ông gặp những khó khăn trong cuộc chiến.

Vì thế, người dân Hoa Kỳ có nếp sống đạo đức, trọng danh dự và sẵn sàng giúp đỡ những người nghèo khó.

II-NGƯỜI MỘ CÁC ANH HÙNG:



Có thể nói Hoa Kỳ là nơi có rất nhiều vị anh hùng dân tộc. Họ chiến đấu với lòng dũng cảm cao độ, dám hy sinh mạng sống của mình vì chính nghĩa và quyền lợi của dân tộc, đất nước Hoa Kỳ.

Gương tướng George Washington sau khi chiến thắng quân Anh, ông đã được mọi người bầu vào chức vụ lãnh đạo đất nước. Thay vì làm vua để được sống sung sướng và cha truyền con nối dưới thời đại quân chủ bấy giờ, nhưng ông đã chọn làm Tổng Thống trong một thể chế dân chủ và qui định tối đa 2 nhiệm kỳ là 8 năm cho các vị tổng thống chỉ

vì quyền lợi của đất nước.

Trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ kéo dài 4 năm từ 12-4-1861 đến 9-4-1865 làm thương vong cho gần 1 triệu quân lính của hai miền Nam, Bắc và hàng trăm ngàn dân Hoa Kỳ bị thương vong. Nhưng sau trận chiến, cấp chỉ huy và quân lính của cả hai bên đã xử sự một cách rất anh hùng. Trưa ngày lịch sử 9-4-1865, tướng Lee và một đại tá tùy tùng cưỡi ngựa vượt qua phòng tuyến đến nơi hẹn ước. Tướng Grant ra lệnh nghiêm cấm các sĩ quan và binh sĩ không được tỏ ra bất cứ hành động nào vô lễ với tướng Lee của miền Nam. Hình ảnh ghi lại hai người đi qua đoàn quân nhạc của lính miền Bắc thổi kèn chào đón. Quả thật, tướng Grant bên phe thắng trận và tướng Lee của phe thua trận đã bày tỏ bản tính anh hùng của dân Hoa Kỳ, dù ở bất cứ cương vị nào là thắng không kiêu và bại không để bị nhục.

Tướng Grant, chỉ huy quân đội miền Bắc ra lệnh cho các binh sĩ không được ăn mừng. Ông nói với các sĩ quan dưới quyền: *“Chiến tranh đã kết thúc. Giờ đây họ là đồng bào của chúng ta”*. Ông cho rằng hai bên không còn là kẻ thù và cách tốt đẹp nhất để bày tỏ niềm vui của miền Bắc là không vui mừng trước thất bại của quân miền Nam.

Riêng tổng thống Abraham Lincoln, đứng trước sự thương vong của quân dân của cả hai bên Nam Bắc, ông đã tuyên bố: *“Khi viên đạn xuyên vào người lính dù thuộc phe nào đi nữa, thực ra nó đã xuyên vào trái tim của một người Mẹ. Tại sao lại ăn mừng chiến thắng? Những người thua trận chẳng phải là đồng bào của chúng ta hay sao?”*. TT Lincoln cũng nói rằng: *“Nội chiến không có người thắng”*.

Chính quyền Hoa Kỳ luôn ghi ơn các bậc anh hùng. Hoa Kỳ đã có ngày Chiến Sĩ Trận Vong nhằm ghi ơn các tử sĩ và lập nên các nghĩa trang to lớn được chăm sóc chu đáo để chôn cất họ một cách trang trọng.

Hoa Kỳ yêu mến sức mạnh và sự dũng cảm. Vì thế, huy hiệu của Hoa Kỳ là Chim

Đại Bàng là con vật dũng mãnh, chúa tể của muôn vật trên bầu trời. Trong lãnh vực thể thao, môn Foot Ball được dân Mỹ yêu chuộng vì nó biểu lộ tinh thần đồng đội và sức mạnh của các cầu thủ.

Nhìn lại thời cuộc hiện nay, cuộc bầu cử chọn tổng thống thứ 47 của Hoa Kỳ sẽ xảy ra vào ngày 5-11-2024 giữa cựu tổng thống Donald Trump và phó tổng thống Kamala Harris đang là điểm quan tâm của nhân dân Hoa Kỳ. Giữa hai ứng cử viên, ai là người đã và sẽ giữ được truyền thống văn hóa của Hoa Kỳ hầu đem lại sự thịnh vượng cho đất nước và sự hạnh phúc cho nhân dân Hoa Kỳ ?

Cựu tổng thống Donald Trump trong biến cố xảy ra vào ngày 13-7-2024, khi ông thoát chết trong đường tơ kẽ tóc qua cuộc ám sát trong cuộc vận động tranh cử tại Butler, Pennsylvania từ Thomas Matthew Crooks, ông đã bày tỏ rõ rệt bản tính của người dân Hoa Kỳ.

Cựu TT Trump trong ngày bế mạc đại hội đảng Cộng Hòa tại Wisconsin ngày 18-7-2024, đã mạnh dạn và công khai nói về Niềm Tin vào Thiên Chúa của người dân Hoa Kỳ và Tình Yêu của Chúa dành cho dân tộc Hoa Kỳ. Mở đầu, bài diễn văn, ông Trump đã cho biết chính Thiên Chúa đã cứu mạng sống của ông.

Nhắc lại, khi ông Trump tham dự buổi “Điểm Tâm Cầu Nguyện Quốc Gia” lần thứ 66 tại khách sạn Hilton ở thủ đô Washington DC hôm thứ Năm ngày 8 tháng 2 năm 2024. Cựu TT Trump đã nói Hoa Kỳ là một quốc gia của các tín hữu và cùng nhau chúng ta được củng cố bởi quyền năng của lời cầu nguyện. Sự kiện này nhắc nhở chúng ta rằng Đức Tin là trung tâm của cuộc sống và nền tự do của Hoa Kỳ; Những người sáng lập quốc gia này đã nhắc đến Đấng Tạo Hóa bốn lần trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập, Đồng Tiền (giấy bạc) của chúng ta cũng khẳng định “Chúng tôi tin tưởng nơi Thiên Chúa - In God We Trust” và chúng ta đặt

tay lên trái tim của chúng ta khi chúng ta đọc lời tuyên thệ Trung Thành và tuyên bố chúng ta là một “Dân Tộc Dưới Quyền Của Thiên Chúa - Nation of God”.

Quyền của chúng ta không phải do con người trao ban, quyền của chúng ta đến từ Đấng Tạo Hóa, không có thế lực trần thế nào có thể tước mất những quyền ấy của chúng ta. Đó là lý do tại sao những lời Khen ngợi Thiên Chúa được ghi khắc trên đỉnh đài tưởng niệm Washington và những lời tương tự được khắc sâu trong tâm khảm của người dân chúng ta.

Vì vậy, hôm nay chúng ta ngợi khen Thiên Chúa vì chúng ta thật sự quá may mắn khi được là Công Dân Hoa Kỳ. Trên khắp đất nước chúng ta, khi nhìn thấy những kỳ công sáng tạo huy hoàng của Thiên Chúa trong suốt lịch sử của chúng ta, chúng ta thấy biết bao nhiêu những câu chuyện về ơn Quan Phòng của Thiên Chúa.

Cựu tổng thống cũng đã biểu lộ bản tính anh hùng của dân tộc Mỹ. Sau khi bị thương vào lỗ tai bên phải máu chảy ra lan trên má, nhưng sau đó ông vẫn đứng lên mạnh dạn giơ cánh tay phải bằng quả đấm và hô to: “Fight! Fight! Fight!” không một chút sợ hãi. Chúng ta hãy thử nghĩ ông Trump là một tỷ phú có gia đình tốt đẹp với vợ đẹp, con cái thành danh mà tại sao ông cứ tiếp tục dấn thân vào con đường chính trị đầy gian nguy mà không một chút sợ hãi. Đó chính do lòng yêu nước và thương dân Hoa Kỳ đã thúc đẩy ông Trump bước vào con đường gian nan này.

Cựu tổng thống Trump thời gian qua đã gặp phải nhiều tai ương trước các cuộc tấn công của đảng Dân Chủ chỉ với mục đích ngăn cản ông bước trở lại Tòa Bạch Ốc. Nhưng chúng ta phải ngưỡng mộ ông. Vì ông vẫn tỏ ra không lùi bước trước những khó khăn, thử thách và nhất là niềm tin mạnh mẽ của ông vào Thiên Chúa và sẵn sàng hy sinh đóng góp công sức của ông cho tương lai của Hoa Kỳ..!

NGUYỄN VĂN BÌNH
ngày 27-8-2024

CON ĐƯỜNG DUY TÂN, SÀI GÒN

PHẠM THANH CHƯƠNG



Trần Quý Cáp là hồ Con Rùa và Viện Đại học Sài Gòn, phía trước là Vương Cung Thánh Đường mà người Saigon thường gọi là Nhà

thờ Đức Bà. Bên hông nhà thờ là Bưu điện Trung tâm Saigon.

Theo khảo sát của tạp chí Architectural Digest của Mỹ thì Bưu Điện Trung Tâm Saigon đứng thứ 2 trong danh sách 11 Bưu Điện đẹp nhất thế giới.

“Trường bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao...”
(Nguyễn Du)

Sài Gòn có một con đường nổi tiếng và được nhắc nhở với tất cả lòng thương yêu của những người sống xa Saigon, cũng như những người còn ở lại thành phố này, các bạn có biết là con đường nào không?

Đó là con đường “Duy Tân cây dài bóng mát”...mà Phạm Duy đã viết trong ca khúc: “Trả Lại Em Yêu” một ca khúc đầy ấn tượng và dạt dào kỷ niệm của biết bao thế hệ sinh viên từ một Saigon đã xa mờ trong ký ức:

“..Trả lại em yêu, khung trời Đại học
Con đường Duy Tân cây dài bóng mát
Buổi chiều khuôn viên mây trời xanh ngắt
Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt ...
Trả lại em yêu, khung trời mùa hạ
Ngọn đèn hiu hiu nỗi buồn cư xá
Vài giọt mưa sa hôn mềm trên má
Tóc em thơm nồng, dáng em hiền hòa...”

Đường Duy Tân nằm ở trung tâm thành phố, giữa ngã tư Duy Tân và Trần Cao Vân-

Công trình này do Kiến Trúc sư lừng danh người Pháp Gustave Eiffel thiết kế và xây dựng từ năm 1886 đến năm 1891.

Ông cũng là người xây dựng ngôi tháp biểu tượng của nước Pháp mang tên ông tại Paris: tháp Eiffel và tượng đài Nữ Thần Tự Do tại New York, Hoa Kỳ.

Bưu Điện Trung Tâm Saigon là một dãy nhà màu vàng như màu nắng úa, đẹp lung linh dưới những tàng cây, không lúc nào vắng bóng du khách, đa số là người phương Tây, họ đến tham quan, chụp hình và mua đồ lưu niệm.

Từ bên kia bờ đại dương, nhạc sĩ Song Ngọc cứ thắc mắc cùng những câu hỏi xoắn xang nhưng nào có ai trả lời được cho ông

“Saigon bây giờ buồn không em!
Đường Duy Tân còn lá đổ muôn chiều?
Em còn đợi chờ ngoài hiên vắng
Em còn gọi nắng trong sân trường?”

Cũng như ông Phạm Duy và ông Song Ngọc, nhạc sĩ Ngô Thụy Miên cứ đòi trả lại cho người tình con đường Duy Tân cùng với biết bao kỷ niệm đẹp để thuở đầu đời.

“..Trả lại cho em con đường kỷ niệm



Trường Luật Sài Gòn

Tay nắm trong tay diu nhau bước say
Trả lại cho em con đường Duy Tân
Những chiều chủ nhật... hẹn hò xôn xao”

Không biết tại sao mà các ông nhạc sĩ này cứ đòi “trả lại” con đường Duy Tân cho những người quen cũ ? Đã gắn bó với mình cả một quãng đời thơ mộng.

Một Saigon xinh đẹp, phồn hoa, một Saigon dịu dàng như buổi chiều còn vương vương nắng, và.. một Saigon lộng lẫy khi phố lên đèn mà ông nhạc sĩ Văn Phụng gọi là “..đèn đêm tung ánh sáng như hào quang”.

Nhưng tiếc thay, con đường Duy Tân bây giờ không còn nữa, hai hàng cây vẫn còn đó, rủ bóng như một nỗi buồn, con đường đã đổi sang một tên khác, không còn tên của nhà vua vì lòng yêu nước mà bị người Pháp đày sang Réunion, một hòn đảo thuộc Pháp tại châu Phi khi tuổi đời còn rất trẻ.

Một buổi chiều ngập nắng, tôi ra quán cà phê bên cạnh hồ Con Rùa gặp người bạn cũ, từ xa xa tôi thấy bạn tôi đi dưới bóng mát của con đường... Duy Tân.

Tôi bồi hồi nhớ lại ngày ông Trịnh Công Sơn mất, những lăng hoa viếng ông tràn ngập một quãng đường này và tiếng kèn trumpet vọng ra từ con hẻm ngôi nhà ông ở... Ông cũng bước vào “một cõi đi về” rồi sao?

“...Saigon bây giờ buồn không em?
Đường Duy Tân còn lá đổ muôn chiều...?”

Tôi muốn trả lời cho ông Song Ngọc. Ông xa cách muôn trùng nên mới hỏi, còn tôi, tôi đang ở nơi này, nhưng không biết phải trả lời với ông như thế nào đây?

Ngày xưa, những buổi chiều mùa đông quạnh quẽ, tôi thường ra ga xe lửa chờ nghe tiếng còi tàu khô khốc, buồn bã vọng về từ xa trên đường thiên lý.

Có những chuyến tàu về muộn màng như chuyến cuối cùng trong chiều 30 Tết, trời se lạnh, tàu chạy qua cánh đồng cỏ úa khi nắng chiều vừa tắt:

“Trời lạnh buốt chuyến tàu ba mươi Tết
Mãng nắng chiều sót lại cũng vừa tan
Nghe thoang thoảng mùi khói đồng ai đốt
Đường tàu qua lấm tấm những hoa vàng...”
“Lấm tấm, rời rạc, buồn bã, hiu hắt” như một phận đời.

Biết trả lời ông nhạc sĩ thế nào?

“Saigon bây giờ buồn không em? Đường Duy Tân còn lá đổ muôn chiều?...”
Thưa ông, lá vẫn đổ cả trong buổi sáng khi tôi đi ngang qua đó.

Có lẽ từ nỗi buồn này...nên ông Phạm Duy mới viết:

“Ngọn đèn hiu hiu nỗi buồn cư xá
Vài giọt mưa sa hôn mềm trên má”

Đường Duy Tân không còn trên bản đồ thành phố Saigon, nhưng còn mãi trong lòng những người đã sống và từng gắn bó với Saigon.

Một Saigon tình nghĩa, hào hiệp, độ lượng.

Một Saigon mà tôi luôn luôn thương yêu kính ngưỡng..như bậc trượng phu./.

Saigon cuối năm 2023
gởi những người bạn của tôi.

Phạm Thanh Chương

NHÌN LẠI HAI CUỘC ÁM SÁT

ĐGH JOHN PAUL II VÀ CỰU TỔNG THỐNG TRUMP



NGUYỄN VĂN BÌNH

Sở dĩ, chúng tôi viết bài này là vì có một sự kiện xảy ra khá trùng hợp là việc Thánh Giáo Hoàng John Paul II và cựu Tổng Thống Donald Trump đã bị ám sát rơi vào những ngày kỷ niệm Đức Mẹ hiện ra với ba trẻ mục đồng là Francisco, Jacinta và Lucia tại Fatima thuộc Bồ Đào Nha. Đức Mẹ đã hiện ra 6 lần vào các ngày 13 của các tháng 5,6,7,8,9, 10 của năm 1917. Điều đáng nói là cả hai vị đã thoát chết trong gang tấc và cả hai đều nói lên ý nghĩ là phải có Thiên Chúa và Mẹ Maria đã ra tay cứu giúp.



Đức Mẹ Fatima

1/ Đức Giáo Hoàng John Paul II bị ám sát vào ngày 13-5-1981:



Ngày 13-5-1981, khi Đức Giáo Hoàng John Paul II đang đứng trên xe hơi đi thăm hàng ngàn giáo dân khắp nơi đang tề tụ tại quảng trường thánh Phêrô của tòa thánh Vatican thì ngài đã bị sát thủ người Thổ Nhĩ Kỳ tên là Mehmet Ali Agca đứng cách ngài 3 mét dùng súng ngắn nhắm vào ngài bắn ra 3 phát. Khi đó, Đức Giáo Hoàng 61 tuổi đã ngã gục trong vòng tay của Đức ông Stanislaw Dziwisz, thư ký riêng của ngài trước khi được đưa vào bệnh viện.

Đức Giáo Hoàng đã bị thương ở bụng, ở khuỷu tay phải và ngón trở bàn tay trái, sau nhiều tháng tĩnh dưỡng, Đức Giáo Hoàng John Paul II được bình phục. Ngày 17 tháng 5 năm 1982 ngài công khai tha thứ cho người tấn công mình và hai năm sau ngài vào tù thăm hấn ta.

Sau này các bác sĩ phẫu thuật và săn sóc ngài cho biết, khi mổ họ không nghĩ ngài sẽ sống sót vì mức độ tổn thương trầm trọng của ba viên đạn. Nhưng sự việc không có một cơ quan trọng yếu nào bị thương là dấu hiệu quan phòng kỳ lạ của Thiên Chúa.

Tay súng chuyên nghiệp Mehmet Ali Ağca đã dự trù dứt khoát là phải bắn trúng mục tiêu để giết Đức Giáo Hoàng John Paul II. Nhưng cả kinh nghiệm lẫn quyết tâm của ông đã không đụng đến các cơ quan trọng yếu của ngài



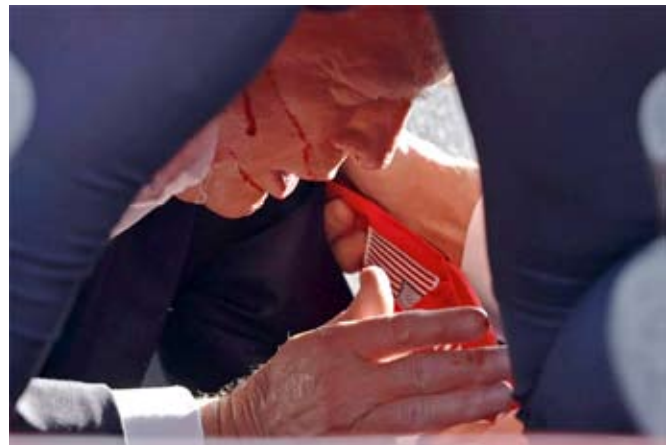
Đức Giáo Hoàng vào thăm tên sát thủ

Thật vậy, các bác sĩ tuyên bố viên đạn đã trệch đường. Sau khi bình phục, sự kiện quan trọng này được Đức Gioan-Phaolô II xem như phép lạ. ĐGH John Paul II tin chắc mình được Đức Mẹ Fatima can thiệp, Mẹ đã hành động đúng vào giây phút định mệnh để ngăn cái chết thấy rõ. Và chính ngài, ngài cho sự sống sót của mình là nhờ Đức Mẹ (dĩ nhiên ngài cảm ơn công việc đáng kể của đội ngũ y tế tại bệnh viện Gemelli). Vài tháng sau ngài tâm sự ngài cảm nhận được sự bảo vệ của Mẹ Maria: “Ngay lúc ngã xuống ở quảng trường Thánh Phêrô, tôi có cảm giác rằng tôi sẽ được cứu vì một tay kéo tôi và tay kia làm trệch đường đạn”. Và viên đạn không trúng đích.

Xác quyết này của Đức Gioan-Phaolô II càng mạnh hơn vì ngày 13 tháng 5 là ngày kỷ niệm lần đầu tiên Đức Mẹ hiện ra cho ba trẻ mục đồng ở Fatima, Bồ Đào Nha năm 1917. Để tỏ lòng biết ơn Đức Mẹ che chở, đúng một năm sau, ngài đến viếng Đức Mẹ Fatima và gắn viên đạn đã bắn ngài vào vương miện bằng vàng khối ở tượng Đức Mẹ nơi đền thánh.

2-Cựu Tổng Thống Donald Trump bị ám sát vào ngày 13-7-2024:

Cựu tổng thống Donald Trump vừa thoát chết trong cuộc ám sát vào 6 giờ 15 phút chiều ngày thứ bảy 13-7-2024 trong buổi đi vận động tranh cử tại Butler, Pennsylvania. Ông đã bị thanh niên trẻ tên là Thomas Matthew



Cựu TT Trump nói Chúa 'đã ngăn chặn điều không thể tưởng tượng nổi' trong vụ ám sát

Crooks, 20 tuổi cư dân tại Pennsylvania, núp trên mái của một tòa nhà cách xa nơi tổng thống Trump đang nói chuyện khoảng 150 mét đã dùng khẩu súng bán tự động AR15 bắn ra 8 viên đạn nhắm vào ông. Được biết khẩu súng bán tự động AR15 bắn ra 8 viên đạn nhắm vào ông. Được biết khẩu súng AR-15 này có tầm bắn rất chính xác ở độ xa trong vòng 400 mét. Cựu TT Trump thật may mắn, nhờ ông quay đầu sang phía tay mặt khi chỉ tay về tấm bảng nói về thành tích của ông lúc làm tổng thống trước đây mà thoát chết. Viên đạn đầu tiên đã bay sượt qua lỗ tai bên mặt của ông làm máu chảy lan ra má và ông đã nhanh chóng nằm xuống tránh những viên đạn tiếp sau.

Sát thủ đã bị nhân viên mật vụ đứng trên tòa nhà khác bắn hạ. Vụ ám sát đã làm cho một người nhân viên cứu hỏa tham dự buổi vận động tranh cử chết và hai người khác bị trọng thương. Đây là một biến cố đau thương cho các nạn nhân và ngay cả thủ phạm đã phải

chết lúc tuổi còn thanh xuân. Trong lúc được các nhân viên đưa ra khỏi hiện trường, cựu Tổng thống Trump cũng vẫn điềm tĩnh và đưa năm tay mặt lên cao hô to: “ Fight! Fight! Fight! - Chiến đấu! Chiến đấu! Chiến



Cựu TT Trump đưa năm tay hô to: *Fight!Fight!*

đấu!”. Quả thật, bạo lực đã không làm ông nản lòng theo đuổi con đường cứu nước mà ông đã chọn.

Sau vụ bị ám sát hụt, ông Trump cũng cho rằng là Chúa đã ngăn chặn “điều không thể tưởng tượng được ấy”. Trong một bài viết đăng trên *Truth Social* vào tối ngày 14/7, ông Trump đã gửi lời cảm ơn tất cả mọi người và nói: “Chỉ có Chúa mới ngăn cản được điều không thể tưởng tượng được việc ấy xảy ra. Chúng ta sẽ không sợ hãi, mà thay vào đó vẫn kiên cường với đức tin của chúng ta và mạnh mẽ khi đối mặt với sự tà ác”.

Sau vụ ám sát này, các lãnh tụ của hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đã nhận thức ra rằng cần phải hạ cường độ chỉ trích lẫn nhau.

Tổng Thống Joe Biden đã nhanh chóng phát biểu: “ Tại Mỹ quốc không có chỗ cho loại bạo lực này. Thật bệnh hoạn, thật bệnh hoạn”. TT Biden đã ra lệnh rút bỏ những mẫu quảng cáo của ông có nội dung công kích cựu TT Trump.

Cựu tổng thống Trump cho biết ông đã hủy bỏ bài diễn văn có nội dung lên án ông Biden cùng chính sách của đảng Dân Chủ mạnh mẽ để thay bằng một bài diễn văn ôn hòa nhằm kêu gọi mọi người dân Hoa Kỳ cần đoàn kết để xây dựng đất nước trong ngày 18-7



C ậ u
Thomas
Matthew
Crooks,
người ám
sát cựu TT
Trump

7 - 2 0 2 4
tại đại hội
đảng Cộng
Hòa đề cử
ông ra ứng
cử tổng
thống năm
nay.

Tóm lại, cuộc ám sát nhắm vào Đức Giáo Hoàng John Paul II, người lãnh đạo giáo hội Công Giáo toàn cầu vào ngày 13-5-1981 và cuộc ám sát cựu tổng thống Donald Trump, lãnh đạo Hoa Kỳ vào ngày 13-7-2024 đã có những điểm trùng hợp đáng kể. Hai vụ này đều thoát chết trong đường tơ kẽ tóc nếu không nói là nhờ ơn Đức Mẹ Fatima và Thiên Chúa che chở.

Sau cuộc ám sát đã không làm Đức Giáo Hoàng nản chí theo đuổi con đường phục vụ Thiên Chúa và giáo dân, Riêng tổng thống Trump vẫn không đầu hàng trước bạo lực và cương quyết vẫn tiếp tục đấu tranh cho đường lối chính trị mà ông đã nêu ra là làm cho Hoa Kỳ được hùng mạnh trở lại “Make American Great Again”. Cả hai Đức Giáo Hoàng và cựu Tổng Thống Trump không tìm cách trả thù mà đã chọn cho mình một giải pháp tốt đẹp hơn. Đức Giáo Hoàng đã tha thứ cho kẻ đã bắn mình và cựu tổng thống Trump thay vì lên án những kẻ âm mưu sát hại ông thì ông lên tiếng kêu gọi sự đoàn kết của mọi người dân Hoa Kỳ.

Hành động và cách xử sự của Đức Giáo Hoàng John Paul II và của cựu tổng thống Donald Trump thật đáng cho mọi người chúng ta phải ngưỡng mộ ./.

NGUYỄN VĂN BÌNH

KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

PHẠM QUANG TRÌNH

Xã Tam Bình thuộc huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày Miền Nam được giải phóng tới nay dưới sự lãnh đạo của Chi Bộ Đảng tại xã, trong đó có các đồng chí Lê Văn Cu tự Út Cu, đồng chí Nguyễn Văn Tươi tự Ba Bồi, đồng chí Bảy Quới, đồng chí Sáu Mua, đồng chí Nguyễn Văn Đề... đã gặt hái được những thành tích đáng kể trong chiến dịch vận động đưa đồng bào đi vùng Kinh Tế Mới. Công tác hô hào đồng bào đi làm Thủy Lợi ở miệt Cát Lái, qua ngã xã Phú Hữu cũng đã đạt được thành công. Trong buổi họp tổng kết thành tích hai tháng đầu của kế hoạch Đông Xuân, đồng chí Một Chuẩn, một đảng viên kỳ cựu đã có trên hai mươi tuổi đảng, với tư cách là đại diện Huyện Ủy Thủ Đức đã đánh giá cao thành tích của xã Tam Bình là vượt chỉ tiêu. Thế nhưng mồm mép của mấy thằng phản động lại cứ hay xuyên tạc và bóp méo việc làm của nhà nước cách mạng. Chương trình thủy lợi, bọn chúng lại bảo là “thủy hại” bởi xảy ra vụ thác Trị An chảy mạnh quá, làm bể đập, khiến bốn mươi người chết đuối mất tích... Ngay cái tên đáng kính của đồng chí Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Lê Văn Cu tự Út Cu, chúng nó cũng không trừ. Đồng chí là con út trong một gia đình nông dân tại ấp Bình Phú, chuyên trốn quân dịch, ở nhà chăn bò rồi mãi mới tham gia cách mạng, đến khi thành công được Huyện Ủy đề cử làm Chủ Tịch, chúng lại gọi xỏ xiên là đồng chí Mút Cu.

Song song với kế hoạch giải quyết nạn mù chữ, mà mục tiêu chính yếu là làm sao cho đồng bào đều có thể đọc được thông cáo của nhà nước thì lệnh đưa xuống cho hay rằng các Chi Bộ Đảng, Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng và Mặt Trận Tổ Quốc phải lo tuyên truyền giáo dục làm cách nào cho đồng bào ý thức được tầm quan trọng của vấn đề sinh đẻ có kế hoạch. Lý do: công cuộc tăng gia sản xuất dù thành công nhưng dân số cứ gia tăng theo cấp số nhân (nghĩa là tăng gấp bội lên) thì sự tiến bộ của cả nước cũng gặp trở ngại. Ý thức được

tầm quan trọng đó, ngay ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Đảng cũng đã áp dụng chính sách “Ba Khoan” là khoan yêu, khoan cưới và khoan đẻ. Nội dung của “Ba Khoan” được cán bộ thông tin Đảng giải thích rất rành rọt như sau:

“Còn là thanh niên nam nữ trai trẻ thì ráng lo học hành, lo công tác lao động, hãy khoan yêu. Nhưng khi đã lỡ yêu rồi thì thông thả hãy cưới, tức là khoan cưới; đừng có cưới vội gây tốn phí tiền của lồi thối. Nhưng kẹt chẳng đã, lỡ cưới rồi thì phải khoan đẻ. Đẻ thêm thì lấy gì mà nuôi, mà chiến đấu. Mà nếu cả “Ba Khoan” đều thất bại, nghĩa là lỡ có bầu, có bí, vợ chồng cứ việc đưa đến nhà thương tức là Xưởng Đẻ đẻ nạo thai, lấy thai nhi làm thực phẩm cho heo ăn lại càng tốt.”

Cái dân Miền Nam này, theo nhận xét của Đảng, còn chịu ảnh hưởng của bọn Thực Dân Đế Quốc, nặng tình cảm gia đình, lằng mằng, yêu bừa bãi, dễ tùm lum chẳng có kế hoạch gì cả làm tăng gia dân số gấp bội, ảnh hưởng tai hại đến kế hoạch ngũ niên của nhà nước. Trong một buổi họp, đồng chí Một Chuẩn đã giải thích rành rọt vấn đề ấy. Rồi đồng chí nhấn mạnh:

“Cái xã Tam Bình này, đa số là bọn Bắc Kỳ di cư, là thành phần rất ngoan cố và lì lợm, các đồng chí thấy không? Trong đợt hô hào đi Kinh Tế Mới vừa qua, bọn chúng đã lần lữa ở lì. Một số gia đình ra đi là vì quá nghèo. Còn những tên nào có thể bám sống ở đây là chúng cứ đánh nước lì. Mặt khác, Trung Ương Đảng cảnh cáo là đã có nhiều hiện tượng tiêu cực, quan liêu, móc ngoặc, tham ô cửa quyền ở Miền Nam; thế nên thành phố Hồ Chí Minh trước ngày phát động phong trào đi Kinh Tế Mới, dân số có khoảng hai triệu rưỡi. Phát động phong trào xong, dân số gia tăng thành hai triệu bảy. Vậy mục tiêu của vấn đề sinh đẻ có kế hoạch là ngăn chặn mức gia tăng dân số để cho việc sản xuất thực phẩm được dồi dào.

Cả hội trường vỗ tay nhất trí tán thưởng nhận xét của đồng chí Một Chuẩn, người đảng viên kỳ cựu của xã Tam Bình. Đồng chí nhìn

mọi người xem ra thỏa mãn, đoạn ngồi xuống ghế. Đồng chí Lê Văn Cu tự Út Cu đứng lên tiếp lời:

- Với nhiều năm kinh nghiệm đấu tranh, đồng chí Một Chuẩn, đại diện Huyện Ủy đã cho chúng tôi những nhận xét thật đúng đắn và quý hóa. Riêng đối với vấn đề sinh đẻ có kế hoạch, đây là vấn đề quá mới mẻ. Ngày trước, chế độ Mỹ Ngụy không hề giáo dục cho quần chúng biết nên dân chúng sinh đẻ bừa bãi, tùm lum...

Mọi người trong hội trường cười rồ. Sáu Mua lấy tay hích nhẹ vào cạnh sườn Bảy Quới rồi ghé miệng vào tai nói nhỏ:

- Mè, hỏi đó nó dư cơm dư gạo, đẻ đâu có ngàn...

Bảy Quới gật gù cái đầu xem ra tán đồng ý kiến của Sáu Mua.

Chờ hội trường hết cười, đồng chí Út Cu lại tiếp:

- Giờ đây, Miền Nam đã được giải phóng, người phụ nữ cũng phải được giải phóng để họ có cơ hội góp phần vào việc xây dựng đất nước với nam giới chúng ta. Một trong những vấn đề cấp bách là làm sao cho họ được rảnh rang việc gia đình, con cái để việc đóng góp được tích cực, đạt kết quả hơn. Sinh đẻ có kế hoạch nhằm hạn chế sinh đẻ cũng là cách giải phóng phụ nữ.

Hội trường vỗ tay tán thưởng. Nhưng người vỗ tay mạnh nhất là đồng chí Ba Vui, Chủ Tịch Hội Phụ Nữ. Đồng chí Ba Vui, hồi trước ngày giải phóng chuyên đi mua bán chè chai khắp các xóm làng để làm công tác do thám địch. Hồi đó chẳng ai ngờ cái mụ đàn bà người lùn tịt mập ú đó lại là tên Việt Cộng! Mụ có chồng tập kết ra Bắc rồi chết ở mặt trận luôn, để lại cho mụ mấy đứa con nhỏ, giờ này đã thành du kích xã. Sau ngày "giải phóng", mụ được Đảng tuyên dương công trạng là vợ của liệt sĩ, nhưng nghe đâu mụ đang lẹo tẹo với lão Ba Khoan, trưởng Nông Hội xã.

Út Cu lại tiếp:

- Để đi vào hiện thực, Ủy Ban chúng tôi xin đồng chí giải thích thêm về kế hoạch thi hành.

Út Cu vừa nói vừa nhìn về phía đồng chí Một Chuẩn. Nhưng đồng chí Một Chuẩn đã lẹ tay, chỉ về phía đồng chí cán bộ từ Thành phố

Hồ Chí Minh gửi xuống:

- Đây là hai đồng chí đặc trách về công tác đặt kế hoạch giáo dục sinh lý quần chúng từ Sở Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh gửi xuống giúp địa phương chúng ta. Như tôi đã giới thiệu với các đồng chí lúc nãy là đồng chí Nguyễn Khanh và đồng chí Lê Thị Ngoan.

Út Cu nhanh nhẩu:

- Vậy xin mời đồng chí Nguyễn Khanh phát biểu.

Đồng chí Nguyễn Khanh đứng lên với dáng điệu của một cán bộ thông tin giáo dục, rất thành thạo về việc sinh hoạt quần chúng. Người đồng chí xương xương nhanh nhẹ. Đồng chí mặc một cái áo sơ mi trắng cụt tay với cái quần kaki bộ đội, chân mang dép râu. Đồng chí từ Bắc vào Nam công tác được sáu tháng, đặc trách giáo dục sinh lý quần chúng. Đồng chí Nguyễn Khanh mạnh dạn phát biểu:

- Thừa các đồng chí và các bạn. Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch là vấn đề khẩn trương cấp bách mà Đảng đã đề ra từ bao năm nay. Điều quan trọng là cán bộ địa phương làm sao cho quần chúng địa phương ý thức được tầm quan trọng của vấn đề tăng dân số. Sau chiến tranh, với những di hại do Đế quốc Mỹ Ngụy để lại, việc tăng gia sản xuất là việc khó khăn, chưa kể sự xuất hiện những tệ đoan xã hội trong khi tình hình chưa ổn định. Nhờ nỗ lực của Đảng và toàn dân, chúng ta đã khắc phục được mọi khó khăn. Riêng vấn đề sinh đẻ có kế hoạch thì cần có sự hợp tác chặt chẽ của dân chúng mới thành công. Nhà nước đã ra nhiều biện pháp chữa trị ở các nhà thương và các trạm y tế rồi. Tại địa phương xã ấp, chỉ cần dân chúng chấp hành nghiêm chỉnh là xong. Nhiệm vụ của chúng ta là tổ chức các buổi họp và phổ biến cho họ về các phương pháp ngừa thai. Cụ thể như xã Tam Bình đây, thì các đồng chí đã áp dụng như thế nào rồi?

Đồng chí Sáu Mua, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng đỡ lời:

- Theo chỉ thị ở trên thì chúng tôi sẽ chấp hành nghiêm chỉnh và sau phiên họp này thì chúng tôi sẽ đích thân xuống tận xóm, ấp, khu để tổ chức các buổi họp nhân dân. Thí điểm đầu tiên là Ấp Tam Hà để đồng chí xuống sinh hoạt cùng nhân dân ấp đó.

- Vậy thì hay đấy. Chúng tôi mong được các đồng chí tổ chức tốt các buổi học tập càng sớm càng tốt.

Phiên họp bế mạc. Út Cu đứng lên cảm ơn sự hiện diện của đồng chí Một Chuẩn, đại diện Huyện Ủy Thủ Đức và hai đồng chí cán bộ từ Sơ Y Tế thành phố Hồ Chí Minh đồng thời quay sang phía Ba Bồi:

- Anh Ba về lo tổ chức họp nhân dân ở ấp Tam Hà của anh nghe.

- Dạ, đồng ý.

- Còn anh Bầy có ý kiến gì không?

Bầy Quới từ nãy đến giờ ngồi yên, không hề nhếch mép, trừ ra cái lúc hấn bị Sáu Mua lấy cùi chỏ hích nhẹ vào cạnh sườn nói về cái vụ để đá ở trong Nam và hấn đã cười. Giờ này, bất ngờ bị Út Cu hỏi, hấn chỉ lắc đầu:

- Dạ không.

Thật ra Bầy Quới mới có nhiều ý kiến. Là cán bộ tập kết ra Bắc từ năm 1954 theo hiệp định Genève, hấn làm cán bộ nông nghiệp ở ngoài đó, sau đó được đổi về Bộ Xây Dựng. Tưởng rằng đi tập kết hai năm rồi chờ Tổng Tuyển Cử thống nhất trở về Miền Nam, không ngờ “Mỹ Diệm” không chịu tổng tuyển cử nên Đảng và Bác Hồ phải phát động chiến tranh giải phóng Miền Nam. Hấn bất mãn muốn bỏ cuộc. Máy người bạn Miền Nam biểu tình yêu sách bị Đảng cho đi cải tạo hết ráo. Còn hấn biết thân biết phận nằm im, buồn quá lấy ngay một cô vợ miền Bắc, rồi sinh một tràng mấy đứa con. Hồi trước mới ra Bắc, hấn cứ nghĩ rằng Hồ Chủ Tịch và các đồng chí Trung Ương là những người mẫu mực cách mạng rất đáng kính. Thế nên có lần trong lúc nhậu nhẹt với mấy anh cán bộ Bắc Kỳ, mấy anh hỏi sao Quới chưa lấy vợ. Bầy Quới thật tình phát biểu:

- Mình từ Miền Nam ra Bắc tập kết, ráng phấn đấu, chừng nào trở về Nam lấy vợ cũng chưa muộn. Hồ Chủ Tịch một đời không vợ không con có sao đâu? Mình ráng noi gương Bác Hồ xem sao...

Mấy anh cán bộ Bắc Kỳ trong lúc ngà ngà say, đã chẳng ngần ngại nói toạc móng heo:

- Mấy thằng Nam Kỳ các anh sao mà dễ tin thế. Anh bảo Hồ Chủ Tịch không có vợ hả? Bác cũng là người như chúng ta, cũng có đủ bộ phận sinh lý, cũng phải có cán bộ hộ lý

cho Bác chứ. Bác đi đâu, Đảng Cộng Sản phải lo cho Bác ở nơi đó để tâm trí Bác được thoải mái, thông minh sáng suốt mà làm việc phục vụ nhân dân. Ngay cái hồi ở bên Nga, Bác cũng có cô vợ Nga. Qua Hồng Kông, Bác lại có vợ ở Hồng Kông... thế mà các anh điu biết!

Bầy Quới trở mắt ngạc nhiên:

- Chuyện của Bác sao mà tui tui biết được.

- Chúng tao ngoài này là biết hết. Ngay lúc này, tuổi Bác tuy cao, nhưng sức lực Bác còn dồi dào khỏe mạnh, Đảng phải lo giải quyết vấn đề sinh lý cho Bác để Bác đủ trí óc thông minh sáng suốt mà làm việc phục vụ nhân dân. Các nữ đồng chí ở trong Nam ra Bắc được phục vụ Bác là một vinh hạnh lớn. Có điều việc Bác làm thì mình phải giấu kín...

Bầy Quới nghe thế cứ há hốc miệng, mở to mắt mà nhìn và chỉ sợ lời chúng nói bay tới tai Công an thì nguy hiểm đến thân. Nhưng đám cán bộ miền Bắc đã ôn tồn dịu giọng lại:

- Tụi tớ nói cho cậu nghe biết tí thôi nghe. Đừng có bép xép nói lại cho thằng khác. Trung Ương mà nghe thấy thì đi tù cả lũ cho mà coi!

Đám cán bộ miền Bắc còn kể rằng hồi những năm chiến tranh chống Pháp, có hội nghị ở Khu Tư, cán bộ quân sự đặt thẳng vấn đề với Đại Tướng Võ Nguyên Giáp là Tổng Tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân:

- Xin Trung Ương giải quyết vấn đề sinh lý cho các anh em bộ đội.

Giáp đã trả lời thẳng thừng:

- Chúng ta làm cách mạng, tuyệt đối không có vấn đề trai gái bê bối. Tuy nhiên có luật trừ “Ăn vụng thì phải biết chùi mép”. Anh nào làm mất uy tín Quân Đội Nhân Dân thì bị chém.

Từ đó, bộ đội Việt Minh tha hồ ăn vụng và ăn vụng rất tài tình. Chỉ khổ cho những cô cán bộ hộ lý đi theo bộ đội phục vụ ở rừng sâu, lấm cô tanh bành xí quách, rạc cả gáo dừa!

Nghe xong và từ đấy, Bầy Quới thấy thần tượng Hồ Chí Minh sụp đổ một cách thê thảm. Hai mươi năm công tác ngoài Bắc, hấn còn thấy nhiều sự thật hơn. Đồng chí trung ương nào cũng có nhiều vợ, nhiều mèo. Có điều họ giấu rất hay và anh nào cũng ăn vụng khéo chùi mép. Mà xét cho cùng, họ cũng chẳng cần phải lo. Đứa nào bép xép thì cứ cho lên mạn

ngược hay đi học tập cải tạo là xong. Nhưng từ đấy, Bầy Quới sinh ra bất mãn và cưới vợ. Khi Miền Nam được giải phóng, hấn vội vã mang vợ con vô Nam, tìm được bà mẹ già từ miền Vĩnh Long đưa về Thủ Đức nuôi. Là đảng viên lâu năm, hấn được quyền chiếm ngụ một căn nhà của một người đã bỏ đi Mỹ, cạnh xưởng dệt nhà ông Oanh để ở. Ngày ngày lên xã làm việc. Chi bộ xã tuy đa số là đảng viên người miền Nam, nhưng Đảng Cộng sản đã khôn lanh gài một tay đảng viên Bắc Kỳ để giám sát. Đó là Thiếu Úy Nguyễn Văn Đề. Hấn biết vậy nên chẳng thềm có ý kiến gì rắc rối mà mắc họa vào thân, cứ để mặc cho bọn Một Chuẩn, Út Cu tha hồ mà ca tụng Đảng, ca tụng Bác, tin theo vào cách mạng. Ở xã hấn không nắm một chức vụ gì nổi, nhưng nếu có công tác nào quan trọng thì Đề lại giao cho Bầy Quới. Nhiều người đã tinh mắt nhận ra rằng con người làm lì ít nói ấy lại có nét mặt đanh ác lạ thường, có thể làm những việc mà không ai dám làm, điển hình như vụ hạ sát Linh mục Lý Văn Hào ở ấp Tam Hà.

Sau khi dự phiên họp ở xã về, Nguyễn Văn Tư tức Ba Bồi cho một tên du kích đạp xe gọi ngay mấy tên Trưởng Khu đến nhà hấn để nghe chỉ thị vấn tắt. Hấn bảo với mấy tên Trưởng Khu:

- Tôi vừa đi họp trên xã về một kế hoạch mới...

Nghe đến kế hoạch mới, mấy tên Trưởng Khu xem ra anh nào cũng ngại ngại vì dân chúng ở mấy cái ấp này rất khó vận động. Mỗi lần hô hào đi kinh tế mới hay đi thủy lợi là cả một vấn đề khó khăn. Nhà nào cũng đưa lý do để từ chối, như nào là đông con, con còn nhỏ, chồng đau, vợ ốm... Thôi thì đủ lý do, không sao kể hết. Mà xét ra họ lì cũng có lý do của họ. Mấy người bà con từ ngoài Bắc vô đã cho họ biết rằng “đừng có đi đâu hết, cứ bám lấy thành phố mà sống, cứ từ chối bằng cách hoãn binh khéo khéo một tí là xong...” Mấy anh Trưởng Khu thì toàn là những người lính Quốc Gia cũ và ở mấy cái ấp này chẳng có một tên Việt Cộng nằm vùng nào cả, thế nên mấy anh bị bắt buộc phải làm. Làm miễn cán, chăm chỉ thì dân chúng chửi xéo cho cũng rát mặt; còn

lè phè thì bị cấp trên Chi Bộ và Ủy Ban phê bình cảnh cáo. Trừ có mỗi lão Vũ bán báo, đã đi lính Pháp ngày xưa bị thương què tay, có vẻ hăng hái một chút. Nhưng hành động tích cực của lão lúc đầu cũng bị nhân dân trong khu viết truyền đơn rải chửi thậm tệ nên giờ này lão cũng ngán quá rồi. Con gái lão lấy một thằng công an, sanh được một đứa con, rồi bị nó bỏ rơi nên lão còn hận hơn.

Thấy thái độ ngần ngừ của mấy anh Trưởng Khu, Ba Bồi hiểu ý nên đã nói ngay:

- Các đồng chí lại ngại phải không? Kế hoạch này dễ ợt à. Mà ai cũng khoái, cũng nghe, cũng làm được hết trời...

Mấy anh Trưởng Khu ngờ ngợ cười cười có vẻ thắc mắc. Ba Bồi tiếp luôn:

- Làm cho các đồng chí ngạc nhiên chút chơi, chớ chẳng có gì khó khăn cả. Tôi ra lệnh cho các đồng chí, theo chỉ thị trên, mình tổ chức các buổi họp nhân dân để cán bộ Sở Y Tế Thành Phố nói chuyện về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch, điều hoà sinh sản gì đó...

- Ngừa đẻ hả?

- Ừa, ngừa đẻ đó. Họp để bà con biết đường lối chính sách của nhà nước là làm sao cho đồng bào bớt đẻ đi đó thôi...

- Tưởng gì chớ, chứ cái này, hô hào đồng bào đi họp chắc cũng không khó khăn bằng họp đi thủy lợi.

Ba Bồi nhìn lại Vũ, Trưởng Khu I:

- Buổi họp bắt đầu tối mai ở Khu của anh, lấy địa điểm ở nhà máy dệt nghe.

- Dạ, nhất trí.

- Ráng lo cho tốt nghe anh Vũ. Còn kế tiếp là Khu II, Khu III, Khu IV thì sau đó...

Các Trưởng Khu cũng đồng ý:

- Nhất trí.

Các Trưởng Khu ra về. Còn Ba Bồi đi lo đề nghị cho mấy đồng chí trong Chi Bộ và hai cán bộ của Sở Y Tế Thành Phố. Sáng nay, hấn đã sai vợ ra chợ Tam Hà mua được một đùi thịt chó của bà trùm Lịch để dọn đãi các đồng chí. Hấn tự nhủ, thời nào cũng thế, khéo chèo khéo chống thì sống lâu thế thôi. Thời quốc gia, hấn trốn quân dịch bằng cách chạy tiền đút lót cho xã ấp. Thời cách mạng, hấn nhanh chân bắt thân với thằng cha Minh cạnh chùa Vạn Đức Tự lên in truyền đơn thả cho Việt Cộng. Thế là hấn trở thành đảng viên của cách mạng và

được cử làm Trưởng Ấp. Giờ hán có làm bậy kiếm chút cơm thì cũng phải khéo khéo chia cho bọn mới này chút cháo. Há miệng mắc quai. Ăn xong bọn chúng có nói cũng hơi ngượng. Và hán tự nhủ, “thủ trước là xong.”

Lão Vũ đạp xe về tới nhà thì trời cũng đã nhá nhem tối. Lão muốn tranh thủ thời gian để mai còn thì giờ coi đũa cháu ngoại cho vợ lão đi chợ trời, thế nên lão ghé đại vô nhà mấy ông Tổ Trưởng. Đầu tiên, hán vào nhà ông chủ tiệm phở Rạng Đông, Tổ Trưởng Tổ I, ngay đầu ngõ chợ Tam Hà. Lão chủ tiệm đóng cửa bán từ lâu, nhưng vẫn để hé cánh cửa chờ vợ con lão đi nhà thờ về. Lão đang ngồi lai rai ở bàn bằng một xi rọu với mấy con khô mực. Thấy tiếng động ở cửa, lão lên tiếng:

- Mời vô.

Lão Vũ đẩy cửa, dựng xe đạp để thò ra cái bánh trước, phòng hờ có kẻ gian lấy cắp. Chủ tiệm hỏi:

- Có gì đấy ông Trưởng Khu?

Lão Vũ trả lời nhát gừng:

- Họp. Mời dân đi họp.

- Lại họp với họp. Mà họp cái gì chứ?

- Họp ngửa thai, ngửa đẻ.

- Tôi già rồi. Vợ tôi cũng già rồi. Còn làm ăn gì được nữa đâu mà ngửa đẻ với chẳng ngửa. - Chủ tiệm vừa cười vừa nói.

- Lệnh trên bắt thế. Ông không ngửa thì người khác ngửa. Con cái ông ngửa – Vũ trả lời thẳng thừng.

- Rõ rắc rối, - Chủ nhà giải thích thêm: - Nó đẻ thì mặc xác nó chứ. Có con thì ráng mà nuôi.

- Thôi ông ời. Việc mình hô hào thì cứ việc hô hào. Còn bà con sao kệ người ta...

Nói xong, lão Vũ tiếp tục vào các Tổ khác báo cho Tổ Trưởng biết nội dung như vậy. Hội trường của Khu vẫn là nhà dẹt của ông Oanh, ai cũng biết.

Nhâm nhi xi rọu và mấy con khô mực vừa xong thì vợ con lão chủ tiệm phở Rạng Đông cũng vừa đi nhà thờ về. Lão bảo vợ:

- Mẹ mày vô ăn cơm trước đi. Tao đi gọi bà con trong Tổ mai đi họp.

Lão đi đến từng nhà một, đứng ngoài ngõ, chỗ mồm nói to làm chó sủa um lên. Người nhà ra mở cổng, hỏi lão có chuyện gì, mời lão vào thì lão nói:

- Bảo nhà tôi mai bầy giờ họp ở nhà máy dẹt. Có cán bộ về nói chuyện ngửa đẻ, ngửa đái gì đó, nghe không. Vắng mặt không có được.

- Dạ.

* *

Cái vụ họp đêm ở cái ấp, cái khu này xem ra đã có mòi quen thuộc. Mới đầu ai cũng ngại, nhưng sợ bị buộc tội phản động ngoan cố, nên mọi người ai cũng cố gắng đi cho xong chuyện. Đi cho xong nghĩa là họ đi để nghe cán bộ nói, muốn nói gì thì nói, hay dở mặc kệ, họ không có ý kiến. Mà có ý kiến sao được khi nghe những tên cán bộ nói ngang như cua bò, nói dai như đĩa đói, cũng rập khuôn một giọng điệu từ trên xuống dưới. Minh chê, nó bảo mình phản động, chống cách mạng. Minh khen nó thì lấy cái gì mà khen. Thế nên im lặng là tốt hơn cả. Im lặng cho nó xong, rồi về ngủ sớm để lấy sức mai đi làm lao động.

Sau bao lần họp về kinh tế mới, về thủy lợi, đồng bào khu này vẫn thế, nhờ mấy lão Tổ Trưởng hô hào âm lên về cái chuyện ngửa đẻ, ngửa đái, bà con vừa bực, vừa tò mò lại vừa buồn cười. Có mấy bà nêu ý kiến:

- Lo ăn chưa xong đã lo đẻ.

Mấy ông phản ứng liền:

- Ăn thì nhịn được, chứ đẻ thì sức mấy mà nhịn được!

Bà con lại kháo nhau cười. Tò mò nhất là đám thanh niên thiếu nữ. Tuần trước có mấy thầy cô đi dạy học ở trường Thái Văn Lung, đã phải học qua một khóa về huấn luyện về phương pháp ngửa thai. Họ khoe rằng cán bộ ngoài Bắc vô Nam ăn nói nghe rất là “hiện thực”, thế nên lần này bà con kéo nhau đi đông.

Bấy giờ, hội trường ở nhà dẹt đã đông, chật ních người. Không có ghế ngồi, bà con tham dự họp phải ngồi bệt xuống đất, lấy guốc lấy dép kê đít làm ghế. Phía trong có một cái bàn gỗ nhỏ làm bàn chủ tọa cho các cán bộ. Lá cờ đỏ sao vàng được căng treo trên tường và tám ảnh Bác Hồ đầu râu tóc bạc với cặp mắt ác ôn như nhìn thấu suốt tâm can mọi người ở hội trường, vẫn nghênh ngang ngự trị ở giữa lá cờ. Lần này, ban tổ chức kê thêm một cái băng lớn làm giá để cán bộ treo các hình ảnh khi thuyết trình. Trên bàn chủ tọa, người ta nhìn thấy, ngoài đồng chí Nguyễn Văn Tư ở Ba

Bồi, còn có các đồng chí trên Chi Bộ Xã như các đồng chí Út Cu, Sáu Mua, Bảy Quới, và nhất là đồng chí Một Chuần, hai cán bộ của Sở Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

Về phía nhân dân thì có mặt đủ thành phần, trẻ già, trai gái. Đám trẻ thanh niên thì nói chuyện cười um lên. Còn đám bà già thì xem ra mệt mỏi, chán ngán, ngồi ủ rũ chỉ muốn về ngủ. Có bà than thở:

- Hạp cái này mà cũng bắt mình đi
- Thôi bà ơi, nói nhỏ tí, nó nghe thấy thì phiền to...

Giờ Việt Nam vẫn là giờ cao su. Chương trình bảy giờ khai mạc nhưng vẫn dằng dai mất 30 phút nữa rồi mới bắt đầu. Đồng chí Ba Bồi làm thủ tục khai mạc phiên họp rồi giới thiệu các đồng chí trên bàn chủ tọa. Các đồng chí lần lượt đứng lên và bà con cùng vỗ tay ran cả hội trường. Sau đó, đồng chí giới thiệu đồng chí Út Cu, Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng nói về ý nghĩa của phiên họp cùng tầm quan trọng của vấn đề. Đồng chí nhắc lại bài học mà đồng chí đã phát biểu trong buổi họp ở trên xã. Sau đó, đồng chí nói vấn đề:

“Thưa các đồng chí

Thưa bà con cô bác,

Tôi xin giới thiệu với bà con cô bác hai đồng chí cán bộ từ Sở Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh thuyết trình giúp bà con về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch. Trong hoàn cảnh của một nước sau chiến tranh, kinh tế còn nhiều khó khăn, nạn dân số bộc phát, Đảng và chính phủ ta đã ra biện pháp để ngăn ngừa. Hy vọng rằng với kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực y tế gia đình, các đồng chí trên Sở Y Tế sẽ giúp chúng ta khắc phục mọi khó khăn bằng những lời chỉ dẫn quý báu. Xin cảm ơn.

Tiếng vỗ tay vang dội.

Hai cán bộ của Sở Y Tế bắt đầu thuyết trình. Đồng chí Nguyễn Khanh cầm một thanh gỗ dài đứng một bên giá thuyết trình vừa nói vừa chỉ. Còn nữ cán bộ Lê Thị Ngoan thì đứng ở phía bên kia có nhiệm vụ lật qua các tờ giấy vẽ các hình ảnh và họa đồ. Nguyễn Khanh bắt đầu nói phớt qua về lý do phải đặt vấn đề ngừa thai trong đó Khanh kết án gay gắt “Mỹ Ngụy” đã ru ngủ người dân bằng những tình cảm lãng mạn, ủy mị, không tôn trọng quyền lợi và nhân phẩm của người phụ nữ. Ngược lại, Đảng

Cộng Sản và Chính Phủ Cách Mạng luôn luôn chú trọng đến cuộc sống của nhân dân, nhất là muốn thực hiện công cuộc giải phóng phụ nữ cũng như giải phóng đất nước. Sau đó, đồng chí đi thẳng vào vấn đề ngừa thai tức là vấn đề sinh đẻ có kế hoạch.

Dưới ánh sáng của một ngọn đèn điện chỉ vừa đủ sáng cho cả hội trường, nữ cán bộ Ngoan vẫn điềm nhiên lật tờ giấy bìa đầu tiên trên giá thuyết trình có vẽ ghi chữ đậm lớn “Sinh Đẻ Có Kế Hoạch” qua phía sau. Cả Hội Trường đều trở mắt nhìn vào tờ thứ hai: Hình ảnh hai người nam, nữ không quần áo đang đứng cạnh nhau. Và tiếng cười của hội trường vang lên, nhất là đám đàn ông thanh niên. Phía đàn bà hay thiếu nữ thì như có vẻ bẽn lẽn, như mắc cỡ, nửa muốn nhìn, nửa e thẹn. Có bà buột miệng nói to:

- Rõ đồ quý!

Bà con lại cười to hơn.

Cán bộ Khanh giải thích:

- Đây là hình ảnh của hai người nam, nữ...

Có tiếng nói to ở phía dưới:

- Biết rồi, khổ lắm nói mãi...

Cô nữ cán bộ tủm tỉm cười, và với vẻ mặt điềm nhiên xem ra đã quá quen thuộc, cô lật trang thứ hai: hình ảnh bộ sinh dục của nam giới được vẽ trông rất đồ sộ, hiên ngang! Cả hội trường lại phá ra cười. Nhưng rồi lại có tiếng của một bà gia nào lúc này:

- Rõ đồ ma, đồ quý!

Có mấy lão đàn ông ở phía góc dưới hội trường ghé tai nhau thì thầm:

- Ủa “Bác Hồ” sao bự quá ta!

- Im cái mồm, muốn đi tù cả lũ hay sao?

Cán bộ Khanh lại giải thích:

- Đây là bộ phận sinh dục của người đàn ông, cũng gọi là “con kẹ”

Một giọng nói to của thanh niên ầm lên:

- Biết rồi...

Có tiếng phản đối:

- Ấy mà có người chưa biết!

Và tiếng cười lại vang lên.

Nữ cán bộ lại lật trang thứ hai: hình ảnh bộ sinh dục của người phụ nữ xem ra có vẻ rắc rối hơn. Tiếng cười lại vang lên. Nhưng các bà, các cô hình như không muốn nhìn cái của

mình. Có người then đổ cả mặt. Còn bà nào lúc này rửa thì lần này cũng không quên rửa thêm:

- Thật là đồ ma, đồ quỷ!

Cán bộ Khanh lại giải thích:

- Đây là bộ sinh dục của người phụ nữ cũng gọi là “con cua”.

Hội trường vẫn không ngớt tiếng cười. Cái đám đàn ông ở phía góc vẫn ghé tai nhau to nhỏ rồi cười hớ hớ với nhau:

- Ô là là, hang Pắc Pó của Bác!

- Im cái mồm mày lại!

Cán bộ vẫn tiếp tục giảng giải và những trận cười nghiêng ngửa lại vang lên. Nhưng cái gì cũng thời cũng có hạn của nó kể cả thời gian. Trong suốt hơn hai giờ thuyết trình về chi tiết của các bộ phận sinh dục nam nữ, cách ăn ở làm tình với nhau, sinh con đẻ cái và làm sao tìm cách ngừa thai, tránh thai Rồi nhớ khi có thai rồi thì làm sao... Bao nhiêu phương pháp đều được cán bộ trình bày một cách cặn kẽ, chẳng còn thiếu phương pháp nào như Ogino-Knaus, Billings, uống thuốc ngừa, dùng bao hay bọc cao su, bắn sê nửa chừng, vân vân.

Thời gian càng về đêm, mọi người như cảm thấy mệt mỏi và buồn ngủ, sau một ngày lao động quá vất vả. Đám trẻ thanh niên thiếu nữ thời sức khỏe còn dồi dào không nói chi, chớ đám già cả thì ai cũng muốn về ngủ cho sớm. Các đồng chí từ trên xã về, cách riêng đồng chí Ba Bồi thấy hội trường ồn ào nhộn nhịp thì có vẻ phấn khởi cho rằng buổi học tập đã thành công. Nhưng Ba Bồi muốn lấy điểm với chi bộ, cách riêng với đồng chí Một Chuẩn và hai cán bộ của Sở Y Tế nên tìm cách biểu dương. Hắn nhớ lại Một Chuẩn vẫn cho rằng cái đám Bắc Kỳ di cư này ù lì, khó trị. Bọn này không thèm nói gì hết, chỉ hay cười giễu. Vậy nên nhân buổi họp, Ba Bồi yêu cầu đồng bào phát biểu ý kiến. Hắn nói:

- Cán bộ đã giảng giải cặn kẽ. Vậy yêu cầu đồng bào phát biểu ý kiến về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà Nước trong kế hoạch điều hòa sinh sản.

Nói đến phát biểu ý kiến, hội trường im phăng phắc như muốn nghẹt thở. Họ thầm nghĩ: đại gì mà phát biểu. Nhưng Ba Bồi, cách riêng Một Chuẩn vẫn có thành kiến với cái đám

Bắc Kỳ di cư bất trị này. Hắn lên tiếng yêu cầu mãi chẳng ai thềm trả lời. Cuối cùng hắn kết án:

- Như vậy là đồng bào không thông hiểu đường lối và chính sách của Đảng và Nhà Nước Cách Mạng...

Hắn nói chưa hết câu thì có tiếng:

- Tôi xin có ý kiến.

- Xin mời ông.

Mọi người nhìn lại phía sau xem là ai? Đó là ông giáo Đồng, một người cao niên, đứng đắn, ăn nói đàng hoàng. Ông phát biểu:

- Thưa quý ông, tôi nhận thấy cán bộ và quý ông trình bày rất hay và đầy đủ. Nhân dân khu ấp chúng tôi rất cảm phục. Nhưng quý ông cho rằng chúng tôi không hiểu đường lối chính sách của nhà nước thì e rằng oan cho chúng tôi quá. Còn sở dĩ nhân dân chúng tôi không có ý kiến là vì chúng tôi đã hiểu rõ đường lối chính sách của của Đảng và Nhà Nước rồi... phải không bà con?

Ông vừa nói vừa quơ tay làm hiệu hỏi mọi người trong hội trường. Và từng loạt người hô lớn đáp lại:

- Đúng! Đúng! Đúng! Ông giáo nói đúng.

Nhìn đoàn người phản ứng như thế, Ba Bồi xem ra chưa hài lòng. Hắn muốn đồng bào phải nói một cái gì hay nữa kia để hắn có điểm. Cái thái độ muốn lập công đó làm cho nhiều người khinh ghét nên đã từng gọi xéch mé hắn là thằng “Ba Buồi”. Nhưng tiếng cười ngậm thỏa thuận với lời phát biểu của ông giáo Đồng chưa được bao lâu thì hội trường đã trở lại cái không khí nặng nề chán nản. Nữ cán bộ Ngoan cố làm cho hội trường nhộn nhịp trở lại bằng cách giở đi giở lại mấy cái hình vẽ bộ phận sinh dục của phái nam và phái nữ, nhưng vì mệt mỏi, buồn ngủ, bà con ngó lên chẳng ai thềm cười. Nhưng hình như khó chịu nhất là mấy bà già. Ở cái tuổi gần đất xa trời này mà còn bị buộc đi học tập về cách ngừa thai, ngừa đẻ thì thật là quái ác!

Giữa cái không khí căng thẳng buồn tẻ ấy, thì có một giọng nói ồm ồm như đang nhai trầu của một bà già nào vang lên. Mọi người quay lại trở mắt nhìn. À thì ra bà cụ Năm. Bà

nói:

- Xin cúng bô cho tui có ý kiếng.
- Xin mời bà cụ.

Bà cụ Năm là người miền Nam, mẹ của liệt sĩ Thái Văn Lung, trẻ con trong ấp gọi xách mé là là liệt sĩ Đái Lung Tung. Bà có mấy thằng con trai, thằng thì theo Việt Cộng chết làm liệt sĩ, thằng thì tu chùa rồi vô Quân Đội Quốc Gia làm Tuyên Úy Phật Giáo và đang đi học tập cải tạo vẫn chưa về. Giờ bà phải ở chung với mấy cô con gái, nhà ở ngay sau hội trường. Tuy là mẹ liệt sĩ, bây mười tư tuổi rồi, nhưng hằng ngày bà vẫn phải lợm khộm mò ra mấy sào ruộng muống để cắt rau và bón phân hữu cơ tức là phân chuồng. Thân già, cỡ tuổi này mà chúng cũng không tha cho bà khỏi họp. Cấm cảnh mẹ liệt sĩ, có tiếng mà không có miếng, bà tỏ ra buồn bực. Ngồi lâu chẳng tích sự gì, bà muốn về ngủ cho sớm nên liều có ý kiến. Hội trường thấy bà đứng lên thì chờ đợi, xem ra có vẻ hồi hộp. Bà nói tiếp:

- Thừa cán bộ. Nãy giờ tui thấy cán bộ nói nhiều cái hay góa xá! Nhưng tui vẫn không thấy kết quả tốt. Tui đề nghị cúng bô, muốn ăn chắc, cứ lấy dao chặt mẽ cái coong cặc của mấy ổng đi là hết đề...

Bà chưa nói hết câu thì cả hội trường vỗ tay lẫn ra cười ngặt nghẹo. Nhưng bà còn nói tiếp:

- Chớ bâng mãi cũng dậy thui à. Xin cúng bô cho tui dia ngủ để lấy sức mai đi lao động chớ...

- Đúng! Bà cụ Năm nói đúng! Thôi cho bà con dia ông cúng bô ời...

Thế là cả hội trường tự động kéo nhau ra về vui vẻ. Ra đến ngoài đường, trận cười vẫn chưa dứt. Nhưng có một tiếng thanh niên giọng lạnh lạnh vang lên trong đám đông:

- Bà Cụ Năm ời, cụ già rồi hông có sao. Chớ tui tui coòng chẻ mà. Chắc đi thì uống góa! Chết tui tui mất cụ ời!!!./.

Baton Rouge 06 – 1986

PHẠM QUANG TRÌNH

CÔI TẠM

Kể từ lúc mới nằm nôi ,
Đã mang tiếng khóc biết đời khổ đau :
Thế nhân nước mắt thấm sâu ,
Nhiều hơn bốn biển phép màu nào
vời !

Cuộc đời chìm nổi, ngược xuôi ,
Gian nan khổ não, thân người còn chi
Kìa trông Phật Pháp Kinh Thi :
Sắc không, không sắc còn gì nữa đâu

Phù sinh chín kiếp bể dâu ,
Cuộc đời hư ảnh, bóng câu qua mảnh
Từ khi tuổi trẻ đầu xanh ,
Đến khi tóc bạc, công danh được gì ?!
Nhục vinh, vinh nhục nhiều khi ,
Chữ rằng Sinh Ký Tử Quy Luân Hồi !!

San Jose, 15 -8 – 2024

LS. Phạm Ngọc Anh

BIỂN RỘNG

Trên đỉnh cao, nhìn trùng dương sóng
đổ

Bên kia trời là mảnh đất quê hương
Nơi cho tôi sức phấn đấu kiên cường
Nhưng đầy ải để tôi thành lữ dờ

Tôi muốn thét cho trời lồng đất lở
Hào khí cuồng say chí cả là không
Dang hai tay sao ôm nổi càn khôn,
Cùng nhật nguyệt phơi lòng nơi đất lạ

Việt Nam ơi ra đi không từ tạ
Ngày trở về đường cũ đã đổi tên
Không có ngựa xe không có trống kèn
Núi vẫn xanh biển vẫn còn vỗ sóng

Ngày xưa ấy giấc mơ đầu vô vọng
Con cá kình vẫn lặn lội trong ao
Chờ một ngày kia gió lộng mưa gào
Bơi ngàn dặm ra biển khơi vùng vẫy

Ls Đặng Tiến Đạt



GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

